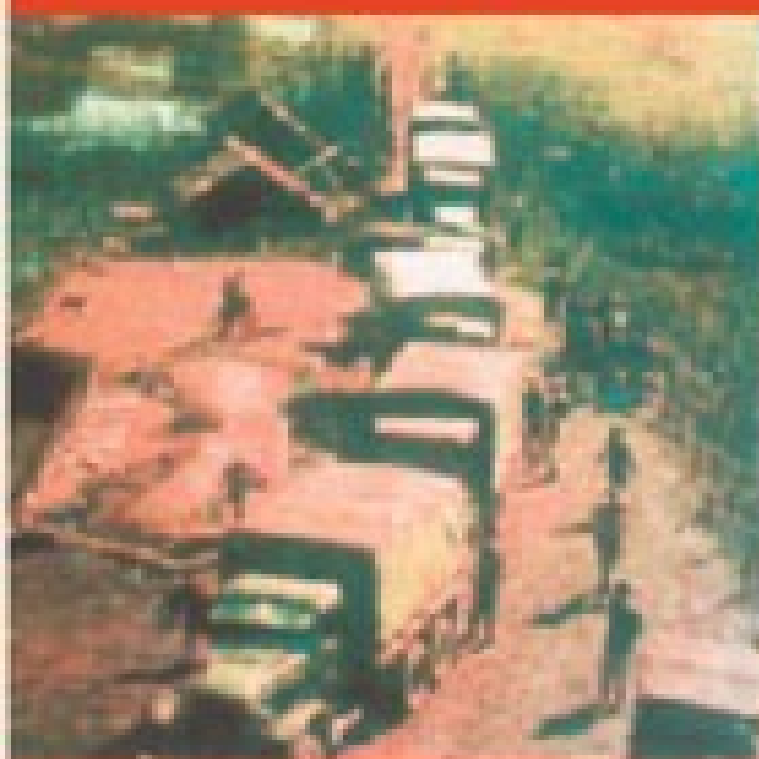


ĐẶNG VĂN VIỆT

Đường Số 4 RỤC LỬA



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

ĐẶNG VĂN VIỆT
ĐƯỜNG SỐ 4 RỰC LỬA
(Một thời chống Pháp)

HỒI KÍ

(Tái bản lần thứ 3)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1997

Chuyển sang ebook: hoi_ls

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc: PHẠM VĂN AN

Tổng biên tập: NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập:

BÙI TUYẾT HƯƠNG

Trình bày:

HOÀNG LÊ BÁCH

***Kính tặng đồng bào và
Chiến sĩ Đường số 4 anh hùng***

❖ LỜI TỰA

Đường số 4 là nơi đã diễn ra nhiều chiến công hiển hách trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Những chiến công đó đã được hình thành và phát triển theo sự lớn mạnh từng bước của các lực lượng vũ trang ta. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến (1945 - 1946), bộ đội Đường số 4 cũng như quân đội cả nước còn non trẻ, ít được huấn luyện, trang bị thô sơ đã tích cực chặn đánh đạo quân nhà nghề của thực dân Pháp được trang bị hiện đại, đã từng cùng quân Đồng minh chiến thắng phát xít Đức, giải phóng nước Pháp nay chuyển sang xâm lược và nô dịch các thuộc địa cũ.

Đến Thu Đông 1947, địch mở cuộc tiến công lên Việt Bắc với âm mưu thâm độc, đầy tham vọng: dập tắt cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, kết thúc cuộc chiến trong vòng ba tháng.

Làm theo lời kêu gọi của Bác, được nhân dân cả nước phối hợp, quân và dân vùng căn cứ địa Thần thánh đã nhất tề đứng dậy, kiên quyết kháng chiến thắng lợi bằng mọi khả năng, mọi phương tiện, đánh trả liên tiếp các mũi tiến công của giặc. Trận Bông Lau nổi tiếng (30-10-1947) trên Đường số 4 đã gây nhiều tổn thất cho cánh quân chủ yếu của địch do Bô-phrê chỉ huy. Mặt trận Đường số 4 cùng các mặt trận sông Lô và Đường số 3, làm thất bại âm mưu chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của bộ thống soái thực dân, buộc chúng phải chuyển sang thi hành chiến lược "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt".

Cuộc tấn công Thu Đông 1947 của thực dân Pháp thất bại nhục nhã, nhưng chúng vẫn không từ bỏ ý đồ nham hiểm. Chúng chiếm Đường số 4, đóng hàng trăm đồn bốt, bủa vây vùng biên giới Việt - Trung, chiếm Bắc Cạn, giữ Đường số 3, cắm mũi dao sâu vào giữa căn cứ địa Việt Bắc. Để đánh bại âm mưu của địch trong giai đoạn mới, Trung ương Đảng, Bộ Tổng chỉ huy chủ trương thực hiện phương châm "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" để đẩy mạnh chiến tranh du kích và mở chiến dịch lớn dần từng bước.

Cuộc chiến đấu một mất một còn, giành giật từng tấc đất diễn ra vô cùng ác liệt. Đường số 4 là con đường huyết mạch. Thực dân Pháp buộc phải dùng con đường này để vận chuyển và tiếp tế. Mặt trận Đường số 4 được hình thành. Đây là một trong những nơi đầu tiên áp dụng chủ trương chiến lược mới của Bộ Tổng tham mưu. Trung đoàn được bố trí thành đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung. Nhờ vậy, chiến tranh du kích được phát động và phát triển, gây cho địch nhiều thất bại, tạo điều kiện cho chủ lực đánh lớn.

Quân và dân Đường số 4 vận dụng một cách sáng tạo đường lối quân sự của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đánh nhỏ đến đánh lớn, từ dễ đến khó, tiến hành chiến tranh nhân dân rộng rãi, thực hiện mỗi người dân là một người lính, lấy vũ khí địch diệt địch, bám lấy địch mà đánh, từng bước giành chủ động, chuyển thế và lực giữa ta và địch, đánh đến đâu tổng kết, rút kinh nghiệm đến đó. Nhờ vậy mà trong khoảng thời gian ba năm (1947 - 1950), quân và dân Đường số 4 đã làm xoay chuyển gần như đảo ngược tình thế. Hình thức tác chiến phổ biến của chủ lực lúc đầu là phục kích. Trong những năm 1948 - 1950, đã diễn ra một cuộc đấu trí, đấu lực quyết

liệt về chống phục kích và phục kích. Địch tìm trăm phương nghìn kế để đề phòng ta phục kích. Nhưng vỏ quýt dày đã có móng tay nhọn, ta vẫn phục kích nhiều lần, phục kích ngày càng lớn, trên quãng đường ngày càng dài, trận sau thắng đậm hơn trận trước. Báo chí, đài phát thanh địch đã phải gọi Đường số 4 là “con đường chết chóc”. Kinh nghiệm của các trận phục kích nói trên không những rất có giá trị hồi đánh Pháp, đánh Mỹ, mà vẫn rất có giá trị sau này đối với quân đội ta.

Trên Đường số 4, còn diễn ra những trận đánh công sự vững chắc và đánh vận động lớn đầu tiên. Quân ta đã tiêu diệt gọn cụm cứ điểm Đông Khê lần thứ nhất. Trận Đông Khê lần thứ hai là trận khơi ngòi thành công để thực hiện cách đánh “công điểm, diệt viện” tiêu diệt hai binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông trong chiến dịch Biên giới lừng lẫy, một chiến dịch giành thắng lợi giòn giã, mở toang cửa ngõ biên giới, mở đầu cho một giai đoạn chiến lược mới, đánh tập trung tiêu diệt lớn, giải phóng nhiều vùng đất đai, trong kháng chiến chống Pháp, cũng như trong lịch sử quân đội ta.

Đồng chí Đặng Văn Việt, tác giả cuốn sách này, vốn là một cán bộ nghiên cứu của Bộ Tổng tham mưu hồi 1947. Sau khi được phái xuống đơn vị, đồng chí là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 28 (Lạng Sơn), sau này là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174, chủ lực của ba tỉnh Cao-Bắc-Lạng. Đồng chí đã có mặt từ những ngày đầu cho đến những chiến thắng cuối cùng trên trục Đường số 4, đã chỉ huy và đánh thắng nhiều trận phục kích và công đồn nói trên. Bè bạn và cả kẻ địch thường mệnh danh đồng chí là “Đệ tứ quốc lộ đại vương”.

Trung đoàn do đồng chí chỉ huy đã hoàn thành trọn vẹn và xuất sắc nhiệm vụ của mình, đã thực hiện đúng lời dạy của Bác “đi dân nhớ, ở dân thương”, “đã đánh là thắng”.

Cuốn sách này, bằng lời văn giản dị, mộc mạc của người lính, đã miêu tả được những trang sử hào hùng của Đường số 4 năm xưa, tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời của các lực lượng vũ trang, sự đóng góp tận tình, tận nghĩa của đồng bào Cao-Bắc-Lạng, mối tình cá nước thăm thiết quân với dân, sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của đảng bộ các cấp, sự chỉ huy tài tình của Bộ Tổng tư lệnh và các đơn vị. Một số sự kiện, tên người và địa danh, đã từng được ghi vào sử sách, nay được sống lại một cách sôi động và phong phú. Cuốn sách cũng đã nêu được một số nét đặc sắc của nền nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Tôi thành thực hoan nghênh tác giả và cho rằng đây là một cuốn sách quý, không riêng đối với quân và dân Cao-Bắc-Lạng mà cả đối với quân và dân cả nước.

Ngày 28 tháng 6 năm 1986

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

❖ **THƯ CẢM ƠN CỦA ĐẠI TƯỚNG RAOUL CASTRO**

BỘ CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÁCH MẠNG CU BA
ĐẠI TƯỚNG RAOUL CASTRO

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG CU BA

Ngài đại tá kính mến,

Cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn về cử chỉ cao quý của ngài đã gửi cho tôi cuốn sách “Đường số 4, con đường lửa” - tác phẩm của ngài.

Đây là một hồi ức lớn lao về cuộc sống chiến đấu, cuốn sách đã nêu lên được vấn đề làm thế nào một lực lượng vũ trang nhỏ bé, không được qua huấn luyện quân ở mức sơ đẳng và cũng không có đủ những bảo đảm và điều kiện cần thiết tối thiểu, lại có thể đánh bại những thế lực xâm lược hung hãn đã từng chống lại nhân dân Việt Nam.

Thưa Ngài Đại tá rất kính mến, nhân dịp đặc biệt này, tôi xin gửi tới Ngài và gia đình lời chào thẳng lợi.

Thân thiết, La Habana, ngày 8-7-1991

RAOUL CASTRO RUZ

Đại tướng Quân đội

❖ Cùng bạn đọc

Trong những năm dài chống Pháp, trên các mặt trận, quân và dân ta đã lập nên nhiều chiến công hiển hách.

Mặt trận Cao Bắc Lạng, đặc biệt là trên Đường số 4, các lực lượng vũ trang ta cùng với nhân dân địa phương, đã chiến đấu với một tinh thần anh dũng và sáng tạo tuyệt vời, lập nên chiến công xuất sắc.

Nhiều đồng chí và bè bạn đến nói với tôi: “Anh là người gắn bó với Đường số 4, có nhiều kỷ niệm sâu sắc với con đường ấy, nên cố gắng viết lại những hồi ức về sự kiện và con người của Con đường lửa này”.

Công việc viết hồi ký đối với tôi quả thực là khó khăn. Nhưng vì những người đã khuất và những người còn sống, tôi đã cố gắng thu thập tư liệu, suy ngẫm lại và đã viết tập sách nhỏ này.

Trong quá trình viết, tôi may mắn được sự giúp đỡ nhiệt tình của Bộ Tổng tham mưu Tổng cục chính trị, Viện lịch sử quân sự Việt Nam, Tạp chí Lịch sử quân sự, Viện Bào tàng quân đội, các Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, các cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 174, các bè bạn thân quen, và sự cộng tác của nhà văn Hải Hồ. Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và cổ vũ tận tình của các đồng chí.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947 (10-1947 - 10-1987), cuốn sách ra mắt bạn đọc. Tôi xin kính tặng các đồng chí - những người còn sống và những người đã hy sinh, cuốn Đường số 4 - con đường lửa.

Tôi chờ đợi và biết ơn mọi ý kiến phê bình, nhận xét của các bạn đọc.

Từ 1987 đến nay, **Đường số 4 con đường lửa** đã qua 10 năm ra mắt bạn đọc trong và ngoài nước, đã tiếp xúc được với hàng ngàn, vạn độc giả. Sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng (Anh, Pháp, Tây Ban Nha), được tái bản lần thứ 2 in ra trên 8 vạn cuốn.

Nhiều hồi âm vang vọng từ mọi miền của đất nước, từ 5 châu 4 biển đã đến với tác giả, nói lên những nhận xét, những đánh giá, những cảm xúc của độc giả đối với cuốn **Đường số 4 con đường lửa**.

Cầm bút ở tuổi 65, chưa một lần dám tự cho là nhà văn, lại càng không phải là nhà quân sự, tác giả đã nhận được những cổ vũ, những tình cảm ngoài sự mong muốn của mình.

Nay để đáp ứng nhu cầu của đông đảo bạn đọc trong và ngoài nước, tác giả xin phép được tái bản lần thứ 3. Sách được sửa chữa một phần, được bổ sung một số chi tiết. Để đáp lại sự gợi ý của một số bạn bè thân thiết, sách sẽ lấy tên là **Đường số 4 rực lửa**.

Tác giả xin được nhân dịp này tỏ lòng biết ơn sâu sắc về những nhận xét, những bổ sung, những tình cảm chân thành sâu đậm mà các độc giả đã dành cho tác giả.

Tác giả



CUỘC CHIẾN ĐẤU QUYẾT LIỆT TRÊN ĐƯỜNG SỐ 4

❖ NHỮNG NGÀY MỞ ĐẦU

Ngày mồng 7 tháng 10 năm 1947, giặc Pháp bắt đầu mở cuộc tiến công lớn lên vùng căn cứ Việt Bắc. Để đạt phần thắng, tướng Xa-lăng được cử sang thay tướng Đép-bơ làm tư lệnh quân viễn chinh Pháp toàn Bắc Bộ. Nhờ có thêm mấy ngàn viện binh từ Pháp mới sang, y huy động cả thảy 12000 quân vào cuộc tiến công này. Cuộc hành binh được mệnh danh “Kế hoạch Lê-a” nhằm 3 mục đích :

- Tiêu diệt đầu não chỉ huy, bắt gọn Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh.
- Tiêu diệt lực lượng chủ lực đối phương.
- Đánh phá các kho tàng, cơ sở kinh tế, quốc phòng, làm tê liệt tiềm lực chiến tranh của đối phương.

Nếu kế hoạch Lê-a thắng lợi địch coi như đã loại trừ về cơ bản công cuộc kháng chiến của Việt Minh. Còn lại có chăng chỉ mang tính chất kháng cự nhỏ, phá rối của các nhóm du kích ở từng địa phương riêng lẻ. Nó sẽ tan dần sau các cuộc hành binh càn quét.

Để thực hiện cái kế hoạch đầy kiêu ngạo, hợm hĩnh, sắc mùi chủ quan của kẻ chuyên ý vào sức mạnh, ít chịu tính tới khả năng giáng trả của đối phương, tướng Xa-lăng tung hai gọng kìm lớn, đồng thời sử dụng quân dù như một mũi thứ ba hùng khếp chặt vùng Việt Bắc.

Gọng kìm phía Tây do tên đại tá Com-muy-nan chỉ huy một binh đoàn hỗn hợp theo đường thủy, ngược sông Lô tiến chiếm Tuyên Giang, Chiêm Hoá. Còn tên đại tá Bô-phrê chỉ huy một binh đoàn bộ

binh thuộc địa, từ phía Lạng Sơn ngược theo Đường số 4 đánh lên Thất Khê, Cao Bằng rồi vòng xuống Bắc Cạn khuỷp chặt hướng Đông và Bắc. Chúng dự tính hai gọng kìm sẽ hợp điểm ở Đại Thi, Tuyên Quang.

Cùng lúc, từ trên trời, binh đoàn đổ bộ hàng không của tên đại tá Xô-va-nhắc nhảy dù ở vùng Bắc Cạn, ụp xuống Chợ Đồn, Chợ Mới. Một khi vòng vây đã khép chặt, một số tiểu đoàn dự bị chiến dịch sẽ được thả tiếp xuống bất cứ địa điểm nào thuộc vùng chiến khu Việt Bắc nếu phát hiện ra cơ quan đầu não chỉ huy hoặc lực lượng chủ lực của tướng Giáp.

Hồi ấy tôi đang công tác ở Phòng tác chiến, tiền thân của Cục tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu ngày nay. Tôi phụ trách Ban nghiên cứu. Cơ quan chúng tôi đóng tại vùng Yên Thông, ở xen kẽ trong nhà đồng bào dân tộc Tày, Nùng. Nơi đây thuộc vùng chiến khu Việt Bắc. Đồng bào đã theo cách mạng từ thời tiền khởi nghĩa tháng Tám, nên càng hết lòng, hết sức gắn bó với công cuộc kháng chiến, cứu nước. Tính tình chất phác, nói ít làm nhiều, hầu như từ mế già tới em nhỏ đều rất có ý thức bảo vệ cách mạng, có tinh thần cảnh giác giữ bí mật rất cao. Một người xa lạ dù đến sát bản làng cũng không thể hỏi ra nơi chúng tôi ở nếu không có liên lạc đưa đường hoặc giấy tờ đầy đủ. Người đó chỉ như chim chích lạc rừng, vì bà con triệt để thực hiện khẩu hiệu “Không nghe, không biết, không thấy”, cứ “Bò mi, bò chắt” và lắc đầu hoài.

Sớm tinh mơ ngày 7 tháng 10 vừa nghe tiếng keng, chúng tôi đều bật dậy, chạy ra sân tập thể dục như thường lệ. Bây giờ đã cuối thu, núi rừng Việt Bắc còn giăng mù sương sớm, phảng phất làn gió

lạnh chớm đông. Bỗng nhiên keng báo động dồn dập, đồng thời cả vùng trời Yên Thông rền vang tiếng máy bay địch. Lúc đầu chúng tôi tưởng chỉ là một vài chiếc khu trục Xpít-phai (cổ rụt) lùnh sục dọc ngoài tuyến Đường số 3 như mọi lần thường đã xảy ra. Nhưng tiếng động cơ vang dội mạnh mẽ hơn, số lượng máy bay nhiều hơn. Ngồi dưới hầm và hào giao thông, chúng tôi đều chung một ý nghĩ: “Bọn Pháp bắt đầu giở trò đây”.

Từ lâu, toàn cơ quan Bộ Tổng tham mưu đã được phổ biến tình hình chung. Trung ương Đảng từng nhận định: Một khi giặc Pháp chiếm được Hà Nội và một số tỉnh thành vùng đồng bằng, lập ra được chính phủ bù nhìn tay sai, chúng sẽ tính chuyện giải quyết nhanh cuộc chiến tranh xâm lược. Nhất định chúng sẽ tập trung binh lực lớn, với âm mưu đánh chớp nhoáng, ồ ạt, tiến công chiếm khu Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và chủ lực của ta. Chúng cũng có thể tiến mở rộng địa bàn chiếm đóng vào đất Thanh, Nghệ, vùng tự do khu Tư nữa. Nhận định xác đáng trên được quán triệt đến toàn thể quân và dân ta, nên chiến khu Việt Bắc đã sẵn sàng đối phó. Khắp mọi nơi đều thực hiện tiêu thổ kháng chiến, vườn không, nhà trống. Các phố phường, thị xã thị trấn đều bị phá hủy, chỉ tro gạch ngói hoang tàn. Đường xá đào xẻ, cầu cống đánh sập, ngăn chặn bước tiến của cơ giới giặc. Các vùng trảng địa đều cắm cọc tre, chống quân nhảy dù. Do đó, bấy giờ cuộc tiến công lên Việt Bắc của giặc xảy ra không hoàn toàn bất ngờ với ta. Có chăng, cánh cán bộ nghiên cứu tham mưu chúng tôi chỉ không nắm được cụ thể ngày N giờ G và một số điểm chúng sẽ nhảy dù, cung cách sử dụng binh lực của địch mà thôi.

Chỉ sáu hôm sau (12-10) cuộc tiến công này, toàn bộ bản kế hoạch mang mật danh Lê-a và Clô-clô của giặc đã bị phơi bày với mọi chi tiết ngày giờ, cũng như đường đi nước bước cụ thể. Số là chiếc máy bay chở tên đại tá Lăm-be Tham mưu trưởng quân đội viễn chinh Pháp trên chiến trường Bắc Bộ, bị cao xạ của Trung đoàn 74 Cao Bằng bắn rơi. Lập tức, chiếc cặp đựng toàn bộ bản "Kế hoạch Lê-a" được hoả tốc mang về Bộ Tổng tư lệnh ngay. Liên lạc viên Nguyễn Danh Lộc đã chạy liên tục 4 ngày 3 đêm từ Cao Bằng về Yên Thông (9-10 đến 12-10). Tài liệu đó cùng với sự tổng hợp tình hình từ nhiều nguồn của Ban 2, đã giúp trên điều hành cuộc chiến hiệu nghiệm "quyết phá tan cuộc tiến công của giặc Pháp".

Đây cũng là những ngày dồn dập sôi động của Bộ Tổng tham mưu nói chung, của Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến chúng tôi nói riêng. Việc đầu tiên là cả cơ quan được lệnh chuyển quân gấp. Thay vào chiếc cặp da thường dùng, giờ mỗi người được phát một cái thùng sắt tây để đựng tài liệu, vừa không sợ mưa, vừa không lo cháy. Nom thật ngộ ngộ, vui vui. Anh nào anh nấy đeo kè kè bên người, như những anh bán lạc rang. Dọc đường hành quân có cậu cao hứng đã rao đùa :

- Ai phá xa nóng ròn dê !
- Lạc rang húng lịu nào !

Ngày ấy, chúng tôi độ tuổi 20, hầu hết là học sinh, sinh viên, nhập cuộc trường kỳ kháng chiến với tất cả nhiệt tình và tâm hồn tươi trẻ. Cả phòng tác chiến chỉ có mỗi đồng chí Ba Đang người Nam Bộ là ngoài 30 tuổi nên anh đạo mạo chứng chắc hơn cả. Cơ quan

tác chiến chúng tôi vừa hành quân vừa vẫn phải theo dõi tình hình và nghiên cứu đề xuất ý kiến kịp thời lên Bộ Tổng tham mưu. Vì vậy, vừa đến địa điểm mới, chúng tôi bắt tay vào việc ngay. Lúc này các mũi tiến quân của địch đã rõ rệt. Thi hành Nhật Lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, bộ đội và dân quân các địa phương chặn đánh địch khắp nơi. Gọng kìm nào của chúng cũng bị chia cắt.

Tối 25 tháng 10, anh Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng triệu tập các cán bộ từ trưởng ban trở lên tập trung tại một hang đá ven rừng Vũ Nhai. Giữa hang kê một chiếc bàn nhỏ, trên để chiếc đèn con, anh Thái tóm tắt tình hình diễn biến chiến sự mấy ngày qua, sau đó anh Văn^[1] bắt đầu nói chuyện. Bằng giọng miền Trung đầm ấm đầy sức thuyết phục, anh Văn nêu rõ quyết tâm của Bộ thực hiện tốt chỉ thị của Trung ương và Bác Hồ: “Quyết phá tan cuộc tiến công của giặc Pháp”.

Anh mỉm cười nói vui :

- Ba mục đích của giặc trong kế hoạch Lê-a thì rõ ràng có thể kết luận ngay về mục đích thứ nhất. Mục đích này là toan tính tiêu diệt bộ máy đầu não chỉ huy, bắt gọn Chính phủ ta. Vậy hiển nhiên bị thất bại rồi, thất bại hoàn toàn, còn mục đích thứ hai đang bị đảo ngược. Không phải chúng tiêu diệt được lực lượng chủ lực ta, mà chính chúng đang bị ta kìm chân, căng mỏng giữa núi rừng. Chúng đang hứng đòn phục kích, tập kích, bị đánh trả ở mọi nơi, mọi lúc. Có chăng ở mục đích thứ ba, chúng chỉ phá phách được một vài kho lán ta chưa kịp phân tán mà thôi.

Sau đó anh chỉ thị :

- Mọi người trong Bộ Tổng tham mưu phải nắm bắt tình hình địch, nghiên cứu đề xuất những ý kiến, biện pháp tác chiến xác đáng. Đây cũng là dịp để cơ quan tham mưu phát huy năng lực, trưởng thành lên một bước trong cuộc đọ sức quyết liệt Thu Đông này.

Kết thúc cuộc họp, tôi đang cùng các đồng chí khác sắp sửa ra về, bỗng anh Thái gọi :

- Viết ! Viết lại đây !

Tôi đi tới thì anh Văn cũng đứng dậy, nhìn tôi với cặp mắt nheo cười, anh nói rất gọn, rất thân :

- Cậu bàn giao công việc lại cho Ban, năm giờ sáng mai có mặt ở đình làng, đi theo tôi và Trường^[2] lên mặt trận.

Tôi rập chân, tuân lệnh. Vì hiểu rằng lời nói tuy thân tình nhẹ nhàng, nhưng rõ ràng là mệnh lệnh do chính đồng chí chỉ huy tối cao trực tiếp giao.

Tôi chưa kịp quay đi, anh Văn lại hỏi :

- Này, cười ngựa tốt chứ ?

Tôi đáp :

- Báo cáo: Tốt ạ !

- Tốt ! thế về chuẩn bị ba lô, còn ngựa, Tham mưu sẽ lo.

Về đến lán, kể lại tin này với anh em trong Ban, ai cũng phát ghen với tôi. Người này bảo :

- Ông được ra mặt trận, mãn nguyện quá rồi !

Người kia đùa :

- Thoát cảnh ôm thùng “phá xa nóng ròn” nghiền ngẫm giấy tờ nhé !

Riêng tôi, đêm đó thao thức hoài. Cứ tự nhủ thầm: “Mặt trận nào đây ? Ở vùng nào nhỉ ?”.

Quả tình anh em nói đúng tâm tư mình. Tôi vốn ưa năng động hơn làm công việc nghiên cứu. Hồi cướp chính quyền ở Huế, chính tôi và các đồng chí Võ Quang Hồ, Nguyễn Thế Lương^[3] tức Cao Pha đã giật bỏ lá cờ quẻ ly của Bảo Đại xuống, và lần đầu tiên treo cao lá Cờ đỏ sao vàng lên cột cờ Huế (23-8-1945), trước mũi súng của quân cận vệ Hoàng Cung tại cửa Ngọ Môn. Sau đó tôi chỉ huy chiến đấu ở Đường số 9, ngăn chặn bọn Pháp từ phía Lào đánh sang miền Trung của ta ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công. Sau đó, tôi chuyển lên Mường Xén, chỉ huy mặt trận Đường số 7, vật lộn với quân Mèo, do hai tên phản động Tu Bi, Từ Rơ cầm đầu.

Bấy lâu ở Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến, tôi vẫn thầm mong sẽ có ngày được điều xuống đơn vị. Nay rõ ràng ước mơ ôm ấp từ lâu đã thành hiện thực. Lòng tự nhủ lòng: “Chắc cấp trên hiểu được tâm tư nguyện vọng của mình, hiểu được sở trường, sở đoản của mình chẳng ?”.

Tôi thầm cảm ơn anh Hoàng Văn Thái, anh Đào Văn Trường vì nghĩ rằng thế nào cũng có ý kiến của hai anh khi bàn bạc lấy người theo anh Văn ra mặt trận.

Sáng hôm sau, tôi có mặt trước 15 phút ở điểm hẹn. Ba lô nai nịt gọn gàng, khẩu Brô-ninh Ca-na-đa đeo ở hông với tác phong quen

thuộc thời chỉ huy chiến đấu ở Đường số 9, Đường số 7. Đây là khẩu súng chiến lợi phẩm khi tôi và một số bạn chiến đấu do anh Thế Lâm chỉ huy đánh bọn Pháp nhảy dù xuống Hiền Sĩ gần Huế, mưu toan bắt liên lạc với Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi, hòng lập lại bộ máy thống trị cũ.

Đúng 5 giờ, anh Văn cùng anh Trường xuất hiện từ góc rừng tối, theo sau là anh chiến sĩ cận vệ. Thấy tôi, anh Văn hỏi :

- Sẵn sàng chưa ?

Tôi đáp :

- Rất sẵn sàng ạ !

- Thì lên ngựa thôi !

Cả đoàn cho ngựa đi nước kiệu dong dả, nhằm hướng Đình Cả - Bắc Sơn đi miết. Người, ngựa, lúc xuyên trong rừng già, lúc men theo sườn núi cheo leo. Vẻ trùng điệp của núi rừng xiết bao hùng vĩ, xen giữa điệp trùng của rừng xanh, đèo núi, là những mảnh ruộng, nương ngô hình bậc thang. Đây đó, ló hiện bản làng của đồng bào với bóng áo chàm thấp thoáng ven nương. Lòng tôi đầy bàng khuâng xao xuyến. Mối ngày nào nơi cố đô Huế, trong không khí sôi sục Cách mạng tháng Tám, tôi từng hát bài Bắc Sơn với câu mở đầu đầy luyến tiếc: "Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió", những tưởng con người và cảnh sắc một vùng chiến khu sống động chỉ còn là dĩ vãng một thời không trở lại, chỉ là niềm ước ao, mộng tưởng của người thanh niên trí thức nơi cố đô mà thôi, ấy vậy mà giờ đây, chính mình đang được rong ruổi giữa núi rừng chiến khu Bắc Sơn để nhập vào cuộc chiến rộng lớn: Cuộc kháng chiến trường kỳ quyết liệt

với bọn xâm lược Pháp đang mưu toan cướp lại giang sơn đất nước ta lần nữa.

*

* *

Chuyến đi này, anh Văn làm việc với Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lạng Sơn về những việc cấp thiết để đẩy mạnh cuộc chiến đấu trên Đường số 4. Lúc này, cánh quân của Bô-phrê đánh lên Cao Bằng đang cố vòng nổi xuống Bắc Cạn. Ta cần tổ chức tốt để có lực lượng mạnh chia cắt, tập kích địch. Do đó phải thành lập các tiểu đoàn tập trung, phải có các đại đội độc lập ở các châu huyện sát kề mặt trận như Thất Khê - Na Sầm - Ôn Châu. Vừa có lực lượng cơ động đánh địch, vừa có lực lượng bám đất, bám dân, phát triển chiến tranh du kích.

Các anh Hoàng Văn Kiêu - Bí thư Tỉnh ủy, Trần Minh Tước - Chủ tịch Lạng Sơn đều hứa tiến hành nhanh công việc, huy động sức người, sức của vào công cuộc kháng chiến, biến chỉ thị của trên thành hiện thực. Anh Văn chỉ thị thành lập ngay Ban chỉ huy mặt trận Đường số 4, vì con đường này sẽ trở thành huyết mạch trong việc vận chuyển của địch giữa các cứ điểm đồn bốt trên trục Cao Bằng - Lạng Sơn. Anh giao anh Đào Văn Trường thay mặt Bộ đốc chiến ở Lạng Sơn. Anh cũng giao cho tôi ở lại làm đặc phái viên của Bộ ở mặt trận. Tôi có nhiệm vụ đi sát Tiểu đoàn 249, vốn là tiểu đoàn độc lập của Trung đoàn 11 Lạng Sơn, sau này là Trung đoàn 28. Tôi còn phải bám sát cả Tiểu đoàn 23 của Bộ vừa tăng cường cho mặt trận Đường số 4.

Tôi nhận lệnh với niềm say mê hăm hở, khoác ba lô cùng đồng chí Giã, cán bộ địa phương đến Bình Gia, vùng trú quân của Trung đoàn 11.

Chợ Bình Gia vẫn sầm uất đông đúc, nhóm họp dọc kề dưới chân dãy núi đá. Gọi là chợ “tản cư” mà vẫn đủ các loại hàng phở chua, giải khát, đồng bào từ các bản mang tới bán đủ thứ sản phẩm, ngũ cốc, hoa quả, cả những tấm thổ cẩm sặc sỡ, nhiều màu. Vừa tới chợ, tôi bỗng thấy ba người phi ngựa từ phía Văn Mịch tới. Người đi đầu dáng to khỏe, mặc áo bờ-lu-dông Mỹ, khẩu Côn bịt đeo trễ hông. Sau anh là một cán bộ khoác mặc quần áo chiến lợi phẩm, trừ chiếc mũ nan đội đầu. Cậu chiến sĩ bảo vệ, cưỡi ngựa phía sau khoác khẩu các-bin mới toanh. Thì ra đây là đồng chí Thế Hùng, Tham mưu trưởng Trung đoàn 11 cùng một cán bộ tác chiến vừa chiến thắng trận Bông Lau từ Tiểu đoàn 374 về (sau này là D249/E28). Các anh Liên Đoàn, Long Xuyên, Trung đoàn trưởng và phó trung đoàn niềm nở, hồ hởi, đón tiếp tôi. Anh Liên Đoàn vừa bắt tay vừa hỏi luôn :

- Hầy i à ! Có phái viên của Bộ xuống thì tốt quá mà. Bọn tôi vừa đánh một trận phục kích ở đèo Bông Lau. Đánh sướng lắm ! Thắng to à !.

Anh chỉ Long Xuyên và Thế Hùng :

- Thắng to nên mấy “tướng” diện toàn áo Mỹ, súng Mỹ, thắt lưng Mỹ lố !

Long Xuyên nói vui :

- Thắng Tây nó xin thắng Mỹ viện trợ, rồi đem lên Đường số 4 nộp ta mà.

Tôi vui lây niềm vui chiến thắng của các anh. Cảm thấy gần gũi dễ mến những con người khoáng đạt, tâm tình cởi mở này. Tâm trí tôi háo hức lạ lùng, được đến cùng một đơn vị khoẻ, đánh giỏi, thắng lớn trận đầu, ai mà chẳng vững lòng hởi dạ. Các anh kể lại :

- Địch đi 32 xe bị diệt mất 27 chiếc. Hơn trăm tên bỏ xác.

Trận đánh 30 tháng 10 năm 1947 này đã là một đòn giũa xương sống cái gọng kìm Bô-phrê.

Thế Hùng, người trực tiếp cùng Tiểu đoàn 374 vào trận, phát tay :

- Hầy i à ! Không ngờ nó đi nhiều xe quá ! Khuỷp chặt tý nữa thì 5 xe kia không thoát đâu !

Nhìn con Đường số 4 trên tấm bản đồ tỷ lệ 1/100.000 có chấm bút chì đỏ chói nơi điểm Bông Lau, tôi bảo :

- Nó còn bị nhiều trận kiểu này nữa. Trên tuyến Đường số 4 hiểm trở này, chọn điểm phục kích lợi lắm.

Thế Hùng vỗ tay lên trán :

- Lú quá, tí nữa thì quên thông báo tin vui: bắt được một tù binh ...

Trận đầu ra quân thắng lớn, lấy nhiều vũ khí, lại bắt được cả tù binh ; ai cũng hồ hởi, tò mò hỏi kỹ: Tây hay ngụy, trắng hay đen, lính hay quan. Trong khói bụi của trận đánh có tiếng trẻ khóc, nhìn ra là một chú bé Tây con đang ôm xác bố, bên cạnh hàng chục xác

Tây khác. Anh Sáu Nhật được phân công đưa ngay chú ra khỏi trận địa.

Các anh ở Trung đoàn 11 đều là người dân tộc Tày, Nùng, giống nhau một điểm: năng động, hoạt bát, thẳng thắn và rất say mê chiến đấu. Chỉ vài ba câu chuyện là gần gũi thân thiết như trong một nhà ngay. Quen thân rồi một thời gian sau có hôm, Thế Hùng cười cười với tôi, anh nhắc chuyện cũ :

- Hầy, hôm gặp ông ở Bình Gia đó, tôi nghĩ riêng trong bụng: Húi ! Phái viên gì mà trẻ quá à ! Non choẹt thế này đánh đấm gì. Ôi ! Phải là con cưng của Bộ đấy thôi.

Tôi cười :

- Nhưng mình làm ăn ở đất này được chứ !

- Ôi tốt rồi ! Hiểu rồi - Anh cười vang - vì thế mới nói lại điều nghĩ cũ cho vui mà. Qua đường dài mới biết ngựa hay chứ !

Hôm tôi xuống bám sát Tiểu đoàn 29 và Tiểu đoàn 374, anh Trần Sơn^[4] chính trị phái viên Trung đoàn 11 tặng tôi chiếc áo rét và đôi gày đinh Lê dương, đôi tất len dài đến gối. Anh Trần Sơn thân mật bảo :

- Đất rừng Lạng Sơn rét dữ ả. Tặng ông bạn trước khi ra mặt trận. Trên Bộ "cao hơn" nhưng nghèo hơn bọn này.

Long Xuyên thì nói đùa :

- Đầu gà vẫn hơn đuôi trâu mà ... hà hà ...

Ngày ấy, Tiểu đoàn 23 đóng ở Hội Hoan, huyện Thoát Lãng đang áp sát Đường số 4 và chuẩn bị đánh một trận phục kích. Tôi muốn

xuống ngay để tham gia bàn bạc chung. Vào cuộc chiến, ai mà chẳng sốt ruột khi biết được tình hình chiến sự chung ở mọi nơi đang tiến triển mạnh tới tấp tin vui thắng lợi. Nào là, bọn Com-muy-nan ở phía tây bị đánh chìm ca-nô, tàu chiến dọc sông Lô, bị đánh co lại tại vùng Bản Thi, Đầm Hồng, Chiêm Hoá. Thế là phá sản cái kế hoạch hội quân của hai binh đoàn Com-muy-nan và Bô-phrê, Bọn Com-muy-nan đang cố sống cố chết rút về cố thủ ở Tuyên Quang. Nào là binh đoàn Bô-phrê.

Quân dù Xô-va-nhắc bị tập kích liên tục tại vùng Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã, Phủ Thông, Đèo Cả, Đèo Giàng. Đường tiếp viện Cao Bằng, Bắc Cạn hầu như bị cắt đứt.

Vậy thì, ở Đường số 4 này, chúng tôi nhất định phải quất tới tả gọng kìm Bô-phrê và tiến tới làm khốn đốn bọn đồn trú tại các cứ điểm trên đất Lạng Sơn đẹp người đẹp cảnh, giàu nhiệt huyết cách mạng.

Cuộc đời chiến đấu gắn bó với Đường số 4, với Cao - Lạng của tôi bắt đầu từ hôm rời Trung đoàn bộ 11 một mình một ngựa đến với Tiểu đoàn 23 ở Hội Hoan. Người xưa biểu hiện niềm yêu xứ sở Cao - Lạng bằng câu ca dao :

Ai lên xứ Lạng cùng anh,

Bổ công bác mẹ sinh thành ra em.

Còn tôi ngày đó, đến với Cao - Lạng, với con Đường số 4 lịch sử, bằng tấm lòng cháy bỏng niềm khát khao: "chiến đấu", cùng nhân dân Cao-Lạng đánh quỵ bọn giặc Pháp xâm lược trên mảnh đất thơ mộng và hào hùng này.

❖ TỪ BỐ CÙNG - LŨNG VÀI ĐẾN BẢN NĂM

Đường quốc lộ số 4 chạy dọc theo biên giới Việt - Trung, suốt từ Đông Bắc, xuyên lên miền Tây Bắc. Khởi đầu ở mũi Ngọc vùng Móng Cái, Tiên Yên qua Đình Lập - Lộc Bình đến thị xã Lạng Sơn. Từ đây con đường nối Lạng Sơn với Cao Bằng dọc theo các điểm Đồng Đăng - Na Sầm - Thất Khê - Đông Khê đến tỉnh lỵ và tiếp tới nút cuối của nó ở Nguyên Bình. Toàn bộ con đường dài 340 km vượt qua 3 tỉnh. Đường số 4 toả ra những điểm nối ngang vào nhiều ngã đường quan trọng, ở Tiên Yên nó nối vào Đường số 18 để xuôi về Hòn Gai - Hải Phòng, từ Đình Lập có Đường số 13 xuôi về Chũ, Lục Nam, Bắc Giang. Ngang Lạng Sơn, nó gặp Đường số 1 dễ dàng xuôi Hà Nội. Ngược lên Đồng Đăng là Mục Nam Quan giáp với Bằng Tường - Long Châu bên Trung Quốc. Cũng từ Đồng Đăng rẽ vào đường huyện lỵ đi được tới chiến khu Việt Bắc qua các điểm Bình Gia - Bắc Sơn, - Vũ Nhai - Đình Cả - Thái Nguyên. Ở Cao Bằng, Đường số 4 gặp Quốc lộ 3 xuôi xuống Bắc Cạn, ngược lên những điểm như Mã Phục - Trà Lĩnh, Phục Hoà, tiếp giáp với rất nhiều nơi thuộc vùng Quảng Tây - Trung Quốc.

Kẻ địch nhìn rõ tầm quan trọng của con đường chiến lược này, nên bằng mọi giá sau khi chiếm cứ Cao Bằng, chúng tổ chức án ngữ dày đặc, chặt chẽ suốt dọc Đường số 4. Vòng đai thép hình thành gồm trên 40 đồn bốt. Bên kia là bọn Tàu Tưởng bố trí chặt chẽ hai vòng vây như hai gọng kìm khoá chặt lấy vùng biên giới. Chúng ngăn chặn mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc, đặc biệt chúng chặn các cửa ngõ để không thể có sự vận chuyển tiếp tế cho nhau bằng cơ giới. Phía ta quyết tâm cắt đứt

đoạn yết hầu nuôi sống bọn chiếm đóng Cao Bằng mà từ hạt gạo, viên đạn đều phải do ngả Hà Nội - Lạng Sơn tiếp vận tới.

Tôi đã từng chiến đấu ở Đường số 9, số 7 và sau này trên vùng Tây Bắc. Cũng là những đường xuyên rừng núi hiểm trở, nhưng riêng Đường số 4 vẫn gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ về cái thế tuyệt địa khi giặc bị phục kích. Cứ như là thiên nhiên xếp đặt, giăng bẫy sẵn, tạo sẵn cửa tử, giắt ta dẫn dụ mai phục, buộc địch lâm cảnh bất lợi, tiến thoái lưỡng nan.

Ngày đó, tôi đến Tiểu đoàn 25 khi anh em đang gấp rút sắp đánh trận phục kích Bố Củng - Lũng Vài. Đơn vị này từ Tiểu đoàn trưởng Quyền đến chiến sĩ, đa số là người vùng Quảng Ninh, phần đông cán bộ đã từng là những chàng trai hoạt động từ thời kháng Nhật ở chiến khu Đông Triều. Cả Tiểu đoàn trưởng Quyền và Chính trị viên Ái đều vui vẻ nói :

- Anh đến thật đúng lúc. Chúng tôi vừa tổ chức trinh sát thực địa xong. Anh tham gia bài binh bố trận luôn.

Sau đó, tiểu đoàn tập trung cán bộ đại đội, thảo luận kế hoạch tác chiến. Tôi nghĩ thầm khi ngó nhìn sơ đồ: "Họ chọn Bố Củng - Lũng Vài rất đúng !". Vì lẽ đoạn đèo Bông Lau - Lũng Phầy, Tiểu đoàn 374 của Trung đoàn 11 vừa đánh xong. Nay chọn đoạn gần Lạng Sơn, ắt càng tạo thế bất ngờ với địch. Hơn nữa, địa hình Bố Củng - Lũng Vài vô cùng hiểm trở. Con Đường số 4 vốn hẹp, tới đây lại bị gấp khúc theo sườn núi, một bên vách đứng, một phía khe sâu. Ở đoạn này, hai xe ngược chiều né tránh nhau rất khó. Vô phúc cho chúng, chỉ một chiếc xẹt lố, buộc cả đoàn công-voa ì ra đó, xếp hàng chờ chết nếu bị chặn đánh.

Trong cuộc bàn luận cách đánh, tôi bổ sung một ý kiến, dựa vào sự hiểu biết về thực lực giữa ta và địch hồi đó qua những ngày ở Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến trên Bộ. Tôi nói :

- Các đồng chí nên lưu ý điểm này: Hiện tình giặc đang ở thế tiến công. Nhiều quan lính nhà nghề, từng đánh nhau qua cuộc Đại chiến thứ hai tới nay. Chúng biết ta phần nhiều chỉ là công dân vào Vệ quốc đoàn với tấm lòng yêu nước. Ta đâu được học hành cặn kẽ về quân sự, hiểu sâu, nắm vững thuật dụng binh. Vũ khí ư ? Đến khẩu súng trường, quả lựu đạn còn thiếu nói chi tới loại hoả lực mạnh như trung liên, súng cối v.v... Vì vậy, bọn chúng, nhất là tụi Lê dương rất ngổ ngáo, kiêu ngạo, rất coi thường khả năng tác chiến của ta. Hễ nghe tiếng súng là chúng ào ạt phản công ngay bằng cách áp đảo ta cả về hoả lực lẫn xung lực. Không nhận rõ điều này để bố trí trận địa, phân chia các mũi thích hợp, ta dễ bị lúng túng khi tình huống diễn biến bất ngờ.

Tiểu đoàn tán thành ý kiến đó và chúng tôi bố trí đội hình thành 3 tuyến từ chân lên đến đỉnh núi. Nếu địch táo tợn ào lên phản xung phong, vừa thọc sâu vào đội hình, vừa vu hồi đánh vòng sau lưng ở tuyến đầu thì đã có tuyến hai đối phó. Cho dù chúng có xuyên được qua tuyến hai thì từ trên đỉnh núi, tuyến ba của ta đánh hất chúng xuống.

Chúng tôi dàn trận có chiều sâu như vậy vì ngày đó súng đạn của ta vừa cổ lỗ, vừa thiếu. Đã thế, lúc bắn, đạn bị xẹt, lựu đạn không nổ là thường. Những ai đã từng qua thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đều phải nếm cảnh súng đạn ầm ường như chúng tôi cả. Có điều ngày ấy chẳng ai bức bối, thoái chí. Vừa thoát khỏi

đời nô lệ, xưa kia đến con dao găm, lưỡi kiếm nhỏ có trong nhà còn phải vạ tù đầy, nói chi tới súng đạn. Giờ chính mình được sử dụng khẩu súng để đánh Tây là khoái rồi, dù chỉ là khẩu Mút-cơ -tông ngắn ngắn, hay khẩu súng Nga dài lêu nghêu. Mãi đến bây giờ tuổi đã cao, nhưng mỗi lần nhớ lại những năm tháng vào đầu cuộc kháng chiến trường kỳ của đất nước, tâm hồn tôi vẫn bùng lên niềm rạo rực, bồi hồi. Âm hưởng của lời ca Đoàn Vệ quốc quân một lần ra đi ... cứ vương vấn dạt dào hoài trong tâm tưởng.

Chúng tôi chiếm lĩnh được trận địa từ đêm. Đông chưa tàn hẳn nên giá lạnh vẫn ôm ấp núi rừng Việt Bắc. Các chiến sĩ Tiểu đoàn 23 chỉ mang trên mình bộ quần áo vải. Áo trấn thủ chưa có đủ cho mọi người. Anh em phần đông là thanh niên vùng xuôi, nom họ bé nhỏ chứ không to đậm như các chàng trai đất Cao - Bắc - Lạng. Nhưng họ tháo vát nhanh nhẹn, tính tình vui nhộn, lém lỉnh lạ. Buổi chiều hôm hành quân tiến ra trận địa, cổ cậu cứ đánh trống mõm, hát nhại câu ca xưa rất tếu :

- Mình về nuôi cái cùng con, để anh “đánh giặc” ở nước non từ Lạng Sơn tới Cao Bằng. Ngày về anh tặng khẩu “Mút-cơ-teeng”.

Trời lạnh, lúc hành quân vận động còn đỡ nổi căm căm. Đến khi chờ địch ở trận địa mới buốt da, buốt thịt. Vậy mà các cậu lính trẻ vẫn vừa xuyết xoa, vừa tán cười lách rích :

- Ối ! Pì-noọng ơi ! Rét quá lố ! Rét thấy ông bà ông vải thẳng Tây mũi lố vớ.

May mắn sao các anh ở Trung đoàn 11 lại tặng tôi chiếc áo trấn thủ. Vậy mà tôi vẫn thấy tái tê vì hơi lạnh của núi đá, giá buốt của

sương muối, rét cóng qua từng cơn gió rừng xào xạc.

Sau trận bị phục kích ở Bông Lau, mỗi lần vận chuyển trên Đường số 4, địch thận trọng hơn.

Lần này, chúng cho một xe Háp-trác đi đầu chở hơn trung đội Pháp. Qua đồn Bối Củng, số đông nhảy xuống khỏi xe xục xạo hai bên đường tiến lên Lũng Vài ... Chốc chốc chúng lia bừa Tôm-sơn vào rừng thị uy. Xem chừng yên ổn, chúng báo hiệu. Phía sau các xe hành tiến, cự ly cách xa. Đội hình địch đã lọt vào trận địa đại đội I, chúng đi thưa và dùng máy dò mìn. Tôi và Quyến liếc nhìn nhau. "Có thể bị lộ lắm chú" ! Quả nhiên, một phút sau dưới đường tên cầm máy dò mìn kêu to :

- Attention mine !^[5]

Lúc này, đoạn cuối của chúng chưa lọt hẳn vào trận địa. Nhưng chớp thời cơ địch đang hoang mang, rạt xuống bên đường, Quyến hạ lệnh nổ súng. Thế là mìn đồng loạt nổ tung, súng trường lựu đạn từ sườn núi sả xuống mặt đường. Khẩu trung liên "đầu bạc" duy nhất của tiểu đoàn quét dài.

Quả đúng như chúng tôi dự đoán, bọn Lê dương thiện chiến, qua giây lát bàng hoàng ban đầu, chúng không thấy tiếng đại liên, súng cối liền hét :

- Mousqueton, pas peur.^[6]

Chúng lia tiểu liên Tôm-xơn lao ào lên chiếm đồi.

Nhưng rừng núi và thế mạnh đánh giáp lá cà bằng đao kiếm, lưỡi lê, bằng ý chí diệt thù cứu nước, là của chúng tôi. Sau tiếng còi lệnh rút dài, cả tuyến trận địa bật thốc dậy hét vang tiếng xung phong.

Với tinh thần “quyết tử” của các chiến sĩ Thủ đô tháng 12 năm 1946, Tiểu đoàn 23 đã đánh gục địch giữa núi rừng Đường số 4. Trận Bối Củng - Lũng Vài thắng đẹp. Đây là trận đầu tiên trên Đường số 4, ta bắt được tù binh. Chúng tôi cho giải ngay 6 tên Lê dương bị bắt sống lên trên để Ban dịch vận khai thác tài liệu. Điều vui mừng nhất là thu được nhiều vũ khí, loại súng cối 601y, đui-xét (12-7) đang là của hiếm. Nay tiểu đoàn trở nên giàu có, lại có cả đài phô-ni nữa.

Nếu trận Bông Lau của Tiểu đoàn 374 là trận đầu tiên như tiếng chim báo bão, báo hiệu sự nguy kịch của bọn viễn chinh trên Đường số 4, thì trận Bối Củng - Lũng Vài (2 - 48) của Tiểu đoàn 23 sáng tỏ niềm tin lớn. Phương châm “Lấy súng giặc giết giặc” và lời dạy của Bác Hồ đã trở thành hiện thực khi giặc tiến công lên Việt Bắc. Bác Hồ đã nói những lời xác đáng. Tôi nhớ đại ý như sau: Giặc hùng hổ tiến công lớn lần này cũng là một dịp chúng dẫn thân, phơi bày giữa vùng rừng núi. Ta có điều kiện đánh địch ngoài công sự, đồn bốt, ta dễ tiêu diệt chúng hơn.

Trận thắng gọn một đoàn 16 xe ở Bối Củng - Lũng Vài đã chứng minh thật xác đáng lời Bác Hồ dạy. Dù còn non yếu cả về lực lượng, vũ khí, nhưng với lòng căm thù giặc sâu sắc, được sự chỉ đạo sáng suốt của Bác, của Trung ương, ta có thể đánh tan quân đội viễn chinh xâm lược Pháp.

Thiếu súng đạn ư ? Thiếu khí tài ư ? Rét lạnh vì thiếu quân trang ư ? Thiếu thốn quân dụng ư ? Con Đường số 4 này sẽ là nguồn bổ sung lớn nếu ta làm chủ được nó với những trận phục kích giỏi và những trận tập kích tốt vào đồn bốt giặc.

Ý nghĩa đó vang dội trong trí tôi khi nhìn thấy anh em Tiểu đoàn 23 sau chiến thắng ồn ào mang vác súng đạn, quân trang quân dụng, khí tài chiến lợi phẩm, kéo về Hội Hoan, vùng hậu cứ của Tiểu đoàn 23. Ở đây, bà con dân bản và đồng bào ở thị xã Lạng Sơn tán cư đến, tưng bừng đón chờ những người chiến thắng.

*

* *

Cuộc tiến côngồ ạt của địch lên chiến khu Việt Bắc hoàn toàn bị thất bại. Gọng kìm của Com-muy-nan bị đánh tơi tả, cố thủ ở Tuyên Quang không xong, đành rút chạy theo ngả Sơn Dương và dọc sông Lô xuống Việt Trì về Hà Nội. Gọng kìm phía Đông của Bô-phrê chùn lại ở Cao Bằng. Địch cố gắng duy trì con Đường số 4 bằng một hệ thống đồn bốt để nối thông xuống Lạng Sơn ngoặt về Móng Cái. Chúng đặt chỉ huy sở quân khu biên thuỳ ở Lạng Sơn do tên quan năm Công-xtăng chỉ huy. Công-xtăng chia quân khu thành 2 phân khu Bắc và Nam. Lực lượng của chúng có một trung đoàn Lê dương số 3 (3e REI), một tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri số 23 (23e BTA) và một tiểu đoàn ngự. Chỉ huy sở trung đoàn Lê dương số 3 ở Cao Bằng. Tiểu đoàn 1 của nó chốt giữ từ Bắc Cạn đến Cao Bằng với 7 đồn rải dọc tuyến mà đồn Phủ Thông là điểm án ngữ quan trọng. Tiểu đoàn 3 giữ từ Cao Bằng đến Đông Khê rải 4 đồn dọc Đường số 4 và một số đồn nhỏ theo đường nhánh áp sát biên giới Trung Quốc. Tiểu đoàn 2 đóng ở Thất Khê rải 6 đồn án ngữ dọc Đường số 4, tiếp thêm một nhánh vươn kề biên giới Trung Quốc.

Phân khu phía Nam chia thành 2 tiểu khu: Na Sầm - Đồng Đăng được coi là tiểu khu 1 ; tiểu khu 2 canh giữ hướng Lộc Bình tới Móng Cái.

Tuy cuộc tiến công vào chiến khu Việt Bắc thất bại, song giặc Pháp chiếm đóng Đường số 4 và Đường số 3 tới Bắc Cạn, mong tạo thế chĩa một mũi dao nhọn vào chiến khu Việt Bắc, lăm le chờ cơ hội thọc sâu vào chiến khu. Do đó, con Đường số 4 trở nên rất quan trọng. Ai làm chủ được ắt nắm thế chủ động chiến lược, chẳng những ở riêng chiến trường Việt Bắc mà còn chung cả chiến cuộc toàn Bắc Bộ. Giặc cố tạo thành một tuyến đồn bốt vững chắc dày đặc công sự dọc Đường số 4 vừa khống chế ta, vừa bảo đảm sự tồn tại của chúng ở Cao - Bắc - Lạng. Ta quyết chặt đứt con đường huyết mạch này. Mất nó, quân khu biên thuỳ Cao - Bắc - Lạng của Công -xtăng không đứng vững nổi, đồng thời thế uy hiếp của giặc bị đẩy lùi, buộc sẽ co cụm dần xuống miền Trung du, cửa ngõ của đồng bằng Bắc Bộ.

Sau trận chiến thắng Bõ Củng - Lũng Vài, tôi rời Tiểu đoàn 23 sang Tiểu đoàn 374 bàn cách đánh, tiếp tục uy hiếp mạnh Đường số 4. Tiểu đoàn trưởng Bắc Quân người dưới xuôi, dáng tầm thước, tính tình năng nổ. Vừa đánh thắng Bông Lau, được tin Tiểu đoàn 23 ra đòn Bõ Củng - Lũng Vài, Bắc Quân càng hăng, muốn đơn vị mình có thêm chiến thắng mới.

Bị hai lần thua đau liên tiếp trên Đường số 4, địch đối phó bằng cách tăng thêm đồn bốt, tung bọn Lê dương - Bắc Phi tuần tiểu nghiêm ngặt. Mỗi lần vận chuyển, chúng tổ chức phòng bị kỹ hơn, tăng cường sức hộ tống, phân bố đội hình vận chuyển thận trọng dè

dặt hơn. Muốn đánh địch lúc này, phải sử dụng lực lượng mạnh mới đủ sức áp đảo, tạo thế bất ngờ mới chắc thắng. Phần đông cán bộ chiến sĩ của Tiểu đoàn 374 là người Lạng Sơn, Cao Bằng ; anh em rất thông thạo địa hình dọc hai bên Đường số 4.

Con đường này có hai điểm hiểm yếu nhất, hai cửa tử của thế trận phục kích là đoạn Bông Lau - Lũng Phầy và Bố Cung - Lũng Vài, ta đã đánh rồi. Không thể để địch rảnh rang vận chuyển, có thời gian củng cố các vị trí án ngữ dọc tuyến. Mỗi lần ngó vào bản đồ, cái vết ngoằn nghèo uốn khúc gập ghềnh của con Đường số 4 như có chất nam châm hút tâm trí tôi. Anh em trong đội trinh sát thường xuyên bám sát đường để nắm qui luật đi lại của địch. Một hôm, trinh sát Lâm kể :

- Qua các đoạn nguy hiểm, sợ bị đánh như Bông Lau - Lũng Phầy, Bố Cung - Lũng Vài, Tây nó đi thận trọng lắm, có xe bọc thép, có tụi hộ tống chiếm các điểm cao trước lối.

Tôi để ý đến lời bàn tán của các chiến sĩ. Đồng chí Sài nói :

- Hầy, nó chỉ thích nghỉ lại ăn uống ở chỗ Bản Năm thôi. Lần nào cũng vậy à !

Lập tức tôi hỏi chuyện, tìm hiểu thêm. Con Đường số 4 đang quanh co gập khúc, tới đây như trải dài giữa một khoảng trống rộng. Hai bên thoải thoải ruộng bậc thang. Từ ngày giặc chiếm, chúng đốt trụi làng bản, bà con bỏ chạy, làm lán trong rừng, hoặc về những bản xa. Giữa nơi trảng địa, bọn giặc cho ta không dám chọn điểm phục kích ở đây. Vì từ bìa rừng, chân núi ta khó vận động băng qua ruộng trống để xung phong tiếp cận đường. Chỉ cần vài khẩu trung

liên, chúng có thể lia không thương tiếc, nếu ta ló ra khỏi rừng rậm. Có giỏi lắm cũng chỉ giật được một quả mìn, nhưng dây mìn chôn giấu sao nổi ở khoảng trống rộng như vậy. Do đó, cứ mỗi cuộc vận chuyển, sau khi qua khỏi cửa tử, địch đều nghỉ lại rất lâu ở Bản Năm, ung dung ăn uống, xả hơi đùa cợt với bọn con buôn và lũ gái điếm vẫn bám theo các đoàn vận chuyển.

Ờ, điểm bất ngờ là đây rồi ! Thế bất ngờ thường chiếm quá nửa phần thắng trong các trận đánh phục kích. Còn gì tốt bằng đánh địch trong lúc chúng không phòng bị, đang phởn phơ ăn uống, nghỉ ngơi. Chỉ cần khắc phục quãng trống trải mà thôi. Thiên thời, địa lợi, nhân hoà là ba yếu tố lớn giúp người dùng binh chiến thắng, chúng tôi có cả, duy phần địa lợi bị giảm một nửa. Điểm cao trên núi, rừng rậm bao quanh đã ổn, chỉ còn cái khoảng trống địa kia mà chịu bó tay sao ? Phải có gan thôi. Gan chứ đâu phải liều lĩnh. Đây chính là táo bạo. Đánh giặc không có gan, táo bạo, chỉ dựa vào mọi điều thuận lợi, còn đâu giành được bất ngờ, chớp được thời cơ.

Bắc Quân và Tiểu đoàn phó Khiếu ưng ý lắm. Tôi thầm nghĩ: Muốn ăn chắc, tránh thế uy hiếp của giặc, phải sử dụng binh hoả lực mạnh. Một tiểu đoàn vào trận e bị mỏng.

Với tư cách là đặc phái của Bộ, tôi kéo Bắc Quân sang Hội Hoan, bàn luận với tiểu đoàn trưởng Quyển. Cả hai tiểu đoàn đánh, sẽ có hoả lực mạnh áp ngay vào đội hình địch từ phút đầu tiên. Nhiều quân, bố trí thế trận sâu rộng mới khắc phục được nhược điểm của địa hình trống rộng ở Bản Năm.

Cả Bắc Quân và Trần Quyển nhất trí liền. Sau trận thắng, ai cũng muốn đánh thêm để có nhiều vũ khí chiến lợi phẩm trang bị cho đơn

vị. Ai cũng muốn loại dần những khẩu súng ọc ạch, cũ kỹ năm cha, ba mẹ “kiểu Mút-cơ-tông” của Pháp, “Thất cửu” của Tưởng hay loại súng “Nga hoàng” cổ lỗ sĩ. Thế là chúng tôi tổ chức đi trinh sát thực địa. Một đoàn cán bộ gồm đại biểu ban chỉ huy tiểu đoàn, đại đội, và tôi cùng một tiểu đội trinh sát. Từ Hội Hoan qua Văn Mịch, chúng tôi tìm đến Kéo Lâm. Đây là một bản nhỏ trên đỉnh đèo, nhìn xuống cánh đồng Thất Khê, vừa lúa của đất Lạng Sơn, mà cũng là vùng nổi tiếng trai hùng gái lịch. Nghỉ lại ở Kéo Lâm, chúng tôi cho trinh sát tìm bắt liên lạc với Ban chỉ huy đại đội địa phương huyện Tràng Định. Hôm sau, đồng chí Đình Giang chỉ huy đại đội của huyện tới. Túm được ông “Thổ công” này quả là tuyệt diệu. Đình Giang, người dong cao, đẹp trai, người bản Nà Nọng đất Tràng Định. Vốn là một chàng trai đã từng tham gia hoạt động từ lúc cách mạng chưa cướp được chính quyền, rồi lại có mặt trong những trận đánh quân Quốc dân đảng theo Tàu Tưởng về cướp đất Lạng Sơn.

Đêm ấy, Đình Giang lấy hai du kích dẫn đường đưa chúng tôi rời Kéo Lâm đến Quyền A vượt sông Kỳ Cùng qua phía Đông Bắc Đường số 4, trú quân ở Bản Bon. Từ Bản Bon đến Bản Năm phải men dọc sông Kỳ Cùng uốn lượn quanh rừng rậm. Chúng tôi đi ban ngày len lỏi qua rất nhiều ghềnh dốc hiểm trở. Con sông Kỳ Cùng bắt nguồn từ khe núi phía Bắc Đình Lập chảy qua Lộc Bình - thị xã Lạng Sơn vươn tới Na Sầm, Thất Khê rồi vòng đến Bình Nghi sang vùng Long Châu - Trung Quốc. Nó len qua núi rừng, tiếp nhận hàng trăm con suối nhỏ đổ vào. Mùa khô, khe suối cạn, con sông Kỳ Cùng nước chảy lờ đờ, uốn lượn mềm mại. Khi mùa mưa tới, nó vật mình phình rộng ra, hung dữ lạ. Dòng sông ào ạt, cuồn cuộn kéo theo

dòng nước lũ đỏ ngầu, những khúc gỗ lớn, cây cành ngả đổ. Hôm chúng tôi đi trinh sát, con sông đang mùa lạnh dịu, làn nước trong veo như dải lụa mềm mại trải quanh co, lẩn quất trong lòng rừng già.

Đang men dọc sông gặp một lối mòn, Đình Giang dẫn chúng tôi rẽ vào một thung lũng. Từ đây đến Bản Năm còn độ 3 km nữa. Đình Giang và hai du kích bàn bạc với nhau bằng tiếng Tày, rồi anh bảo tôi :

- Phải nghỉ lại đây chờ tối mới vào gần Bản Năm được. Ban ngày không nên đi. Gặp địch lộ mất à.

Rừng chiều êm ả. Những mảng nắng lọt qua khe lá, thả những đốm vàng nhiều hình thù xuống nền đất. Thỉnh thoảng tiếng chim rúc, loại gõ kiến màu xanh, rúc một hồi khắc khoải. Đôi khi, giọng hát của con khiêu bách thanh, lảnh lót ở bụi cây rậm rịt la đà phía xa. Chúng tôi ăn ngon lành nắm cơm chấm muối vừng trộn lạc do đồng bào ở Bản Bon đùm gói cho. Sau đấy tản ra từng gốc cây, gò đá nghỉ chờ tối. Vào lúc hoàng hôn, tiểu đội trinh sát lên đường trước, xục dò tìm dấu vết địch. Sau đó cả đoàn lặng lẽ đi theo. Đến một mỏm núi đất phía Đông Bắc Đường số 4, chúng tôi nhìn rõ toàn bộ địa hình khu vực Bản Năm. Toàn cảnh nom hết lòng chào. Vết Đường số 4 vạch qua giữa trảng đồng ruộng bậc thang rộng dài trên một ki-lô-mét. Đồi núi lúp xúp nhô quanh xen kẽ từng vạt rừng nhỏ. Bọn địch vẫn nghỉ ngơi ở đây trước khi qua cầu Bản Trại để kéo vào cánh đồng Thất Khê.

Ôi ! Nếu quả địch còn nghỉ giữa lòng chảo thì có khác nào bày hươu nai khờ dại, nó rồn dưới thung sâu mà chúng tôi là những tay

thợ săn bao bủa trên những ngọn đồi có mảng rừng nhỏ vây quanh. Cái thế bủa vây đã rõ. Chỉ cần bí mật khi chiếm lĩnh trận địa, bèn gan mai phục và hành tiến mau lẹ qua khoảng trống, từ điểm xuất phát xung phong tới chỗ cận chiến giáp địch là cầm chắc phần thắng.

Chúng tôi bàn tính cách bố trí binh hoả lực, phân công rõ từng điểm của từng đơn vị.

Tôi bảo với cả đoàn :

- Giờ ta chia tay, từng đơn vị đi khảo sát cụ thể điểm phục của mình trong đêm nay. Mai về tập kết ở Bản Bon. Sau đó ta lên phương án tác chiến, kế hoạch triển khai và ấn định ngày giờ nổ súng.

- Tốt rồi !

- Đi mau về sớm vớ !

- Ai đi việc nấy à.

Cả đoàn ồn ào tán thành, rồi hồ hởi từng tốp nhỏ tạm biệt nhau lẫn vào rừng đêm mờ đục ánh trăng non. Địch lọt vào giữa cánh đồng. Lúc đầu còn ra vẻ cảnh giác, chia nhau canh giới hai bên đường. Không thấy động tĩnh, chúng xuống xe, phè phỡn xả hơi sau một chặng đường dài nguy hiểm.

Vào lúc địch sơ hở, bất ngờ nhất, ta phát lệnh nổ súng. Từ bốn phía, hoả lực áp đảo, tiếp theo tiếng kèn xung trận, quân ta lao thẳng vào địch. Tây trắng, tây đen, cả bọn gái điếm, bọn con buôn đi theo xe đều vứt bỏ vũ khí, hàng hoá, chui rúc tìm nơi tránh đạn hoặc quỳ gối giơ tay hàng.

Gần hai trăm tên địch bỏ mạng, ba chục tên bị bắt làm tù binh. Ta thương vong không đáng kể. Chúng tôi thắng trận Bản Năm. Giặc đến và giặc bị tiêu diệt tan tác hoàn toàn đúng như dự kiến của chúng tôi khi tổ chức trận đánh. Mọi hình huống diễn biến xảy ra cứ như chính chúng tôi xếp đặt, qui định cho số phận chúng vậy. Địch đã phải trả giá đắt về sự khinh khi, ngạo mạn đầy chủ quan, mất cảnh giác. Còn chúng tôi, vững tin hơn, có thêm kinh nghiệm: “Đánh địch mạnh cần phải mưu trí, táo bạo, ít súng đạn vẫn thắng được địch nếu tạo nên thế bất ngờ, vào thời điểm bất ngờ, ở một không gian bất ngờ nhất”. Cái mà kẻ địch nghĩ: “Không có thể, không bao giờ”, thì chúng tôi lại nghĩ: “Có thể làm nên chuyện”.

Sau trận thắng, nhân dân vùng Tràng Định hồ hởi, nô nức thăm nom uỷ lạo bộ đội. Bà con khao nhau :

- Vệ quốc đoàn giỏi lắm mà ! Sắp đánh vào cả đồn Tây nữa.

Tôi còn nhớ, hôm đánh xong, rút về vùng Bản Tồn tôi ở nhà Cụ Sâm. Cụ già cứ hỏi tôi :

- Chỉ huy à ? Bao giờ đánh trận nữa đấy, đánh cho hết Tây để dân bản sướng bụng chớ.

Cụ pha một ấm trà ngon mời tôi uống. Sau đó cụ lễ mễ bưng ra một vò mật ong, cười rung cả bộ râu :

- Cái nè bổ lắm vớ ! Uống khoẻ người, mạnh sức lắm vớ !

Vừa nói cụ vừa rót cho tôi một chén đặc quánh, gật gù :

- Mật ong để lâu uống say như uống rượu à. Uống mừng chỉ huy đánh thắng Tây vớ !

Sau này, mỗi lần đi nghiên cứu trận địa trên Đường số 4 hoặc đánh thẳng về qua Bản Tồn, tôi vào thăm cụ là y như rằng cụ lại mời tôi chén mật ong để dành lâu năm nhất.

❖ **LIÊN TỤC TIẾN CÔNG, NHIỀU VẾT CHIẾN THẮNG**

Sau trận Bản Năm, Bộ quyết định tôi ở luôn lại đất Lạng Sơn làm Trung đoàn phó Trung đoàn 28 của tỉnh. Ít lâu sau, do anh Liên Đoàn chuyển công tác khác, tôi làm Trung đoàn trưởng. Trên cử anh Hà Kế Tấn làm Chính ủy.

Cuộc đời chiến đấu của tôi cứ mỗi ngày một gắn bó sâu nặng hơn, thân thiết hơn với mảnh đất Lạng Sơn kiên cường, bất khuất. Tỉnh Lạng Sơn từ xa xưa vẫn nổi tiếng là vùng đất đẹp đẽ, hào hùng, miền địa đầu Tổ quốc. Một tỉnh có bề dày lịch sử về kì tích chiến thắng quân xâm lược phương Bắc qua bao thế kỷ. Lê Đại Hành diệt quân Tống, giết tại trận tướng Hầu Nhân Bảo ở Chi Lăng năm 981. Năm thế kỷ sau, năm 1428 cũng tại nơi này, thời Lê Lợi, Nguyễn Trãi, quân ta diệt Liễu Thăng, đánh tan tác bọn viện binh hòng cứu vãn cơ đồ cai trị của nhà Minh khi Vương Thông đang bị vây chặt trong thành Đông Quan.

Vẻ vang nhất là chiến công thời Lý, thế kỷ 11 với lời thơ hào hùng: Nam quốc sơn hà Nam đế cư của võ tướng tài ba Lý Thường Kiệt, người thực hiện hiệu nghiệm chủ thuyết tiến công để phòng ngự, thủ hoà trên thế mạnh.

Tới Lạng Sơn, mỗi khi nhớ đến anh Hoàng Văn Thụ, lòng tôi cảm kích vô cùng. Người trai xứ Lạng ra pháp trường với khí tiết, khẩu khí hùng hồn của người Cộng sản, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng thời 1943.

Việc nước xưa nay có bại thành

Miễn sao giữ trọn được thanh danh

Lời thơ, lời vĩnh biệt tâm huyết ấy của anh vẫn vang vọng đời đời với núi rừng, sông sâu, vực thẳm mà cũng là xứ sở của những danh lam thắng cảnh tuyệt vời. Người Việt Nam nào mà chẳng thuộc lòng câu hát :

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Cái dáng Vọng Phu trên núi, giữa một thành phố miền núi, soi bóng xuống dòng sông Kỳ Cùng nhấp nhóang nắng vàng buổi sớm, tím biếc sắc lam buổi chiều gợi ta bao cảm xúc dạt dào về cái hùng tráng vĩ đại, vừa thơ mộng, vừa sôi động lao lung của người và cảnh quê hương xứ Lạng.

Hồi mới đến đây tôi còn ngỡ vô cùng. Dần dà qua những tháng ngày chiến đấu, qua cuộc sống gắn bó với cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 28 (từ 6-1948, Trung đoàn 11 đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 28 ; Tiểu đoàn 374 thành Tiểu đoàn 249), gần gũi với bà con thôn bản, tôi đã thông thuộc thủy thổ, địa thế suốt dọc hai bên Đường số 4 như biết rõ từng vệt chỉ tay của chính lòng bàn tay mình.

Thuộc cả câu hát sli, hát lượn tình tứ ý vị, mà các chàng trai, cô gái Tày, Nùng hay hát vào phiên chợ hoặc vui hội hè chiến thắng :

Bi cóc noọng đây lai chắp khi vại

Mí cần ngồi chinh vại pây dai

Nghĩa là

Hoa em đẹp cắm ở vũng trâu vầy

Không người săn sóc héo hon thay ...

Qua những lần làm việc với các anh ở Tỉnh ủy Lạng Sơn và các cán bộ ở các huyện, tôi càng hiểu thêm về phong trào cách mạng của tỉnh. Lạng Sơn nằm chung trong địa thế vùng căn cứ địa Việt Bắc nên rất giống các tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn - Thái Nguyên, sớm có phong trào cách mạng, tinh thần yêu nước của nhân dân rất cao. Ở đây sau ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám là nơi đụng đầu gay gắt quyết liệt giữa Mặt trận Việt Minh và bọn Quốc dân đảng, cả lũ Phục Quốc, Việt Cách của Nguyễn Hải Thần nữa. Trước đây, tôi vẫn tưởng chỉ có Nam Bộ là nơi khởi đầu tiếng súng chống xâm lược Pháp trở lại, sớm nhất sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, ngày Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Các anh ở Tỉnh ủy Lạng Sơn, là những người kỳ cựu của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Những người kế cận nhất của anh Hoàng Văn Thụ đã kể cho tôi biết: "Chính Lạng Sơn cũng là nơi phải chiến đấu chống chọi với thù trong giặc ngoài ngay từ sau ngày Độc lập 2 - 9 - 1945"

Nhân dân Lạng Sơn mới hưởng niềm vui Độc lập được ít ngày thì quân Tưởng kéo sang, theo danh nghĩa Đồng minh giải pháp quân đội Nhật. Chúng sang kéo thêm cái đuôi là bọn Quốc dân đảng theo đóm ăn tàn, hòng dựng nên một chính phủ tay sai của Tàu Tưởng. Bọn Tàu Tưởng sang đến Lạng Sơn đòi thủ tiêu Mặt trận Việt Minh, lập chính quyền do Quốc dân đảng chấp chính. Được sự chỉ đạo sáng suốt, mềm dẻo của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời lúc bấy giờ, Tỉnh ủy Lạng Sơn đã rút ra ngoài thành để giữ bí mật, chỉ đạo phong trào. Bọn Tàu Tưởng và lũ Quốc dân đảng

chiếm cứ các công sở ở thị xã, rất hùng hổ nhăng nhít. Nhưng vòng ngoài thị xã vẫn do ta kiểm soát. Ngay trong thị xã, hầu hết mọi người không kể Kinh hay Tày, Nùng đều một lòng một dạ theo Chính phủ Cụ Hồ, ủng hộ Việt Minh, ủng hộ bộ đội, dân quân, tự vệ, bảo vệ chính quyền. Tỉnh ủy đã chỉ đạo cuộc chiến đấu không khoan nhượng với bọn Quốc dân đảng. Với bọn Tàu Tưởng, nhân dân tìm trăm phương nghìn kế vừa mua bán đổi chác vừa tìm cách đánh chặn và cướp súng đạn của chúng. Súng đạn và các loại vũ khí ngày ấy là của quý đối với chính quyền và quân đội non trẻ chúng ta.

Rồi Hiệp ước mong 6 tháng 3 năm 1946 như một nhát chổi quét sạch bọn Tàu Tưởng về bên kia biên giới, quét luôn đám rác rưởi Quốc dân đảng cùng lũ Phục Quốc, Việt Cách khỏi đất Lạng Sơn. Thị xã Lạng Sơn lại từng bừng cờ đỏ sao vàng. Chính quyền và nhân dân cùng anh bộ đội Vệ quốc đoàn khăng khít hồ hởi xây dựng cuộc sống mới, cuộc sống của người dân sau 80 năm dài nô lệ nay đứng lên mưu cầu Độc lập, Tự do, Hạnh phúc cho quê hương xứ sở. Xứ Lạng hoà nhịp cùng cả nước vang lời vị cha già dân tộc hăng hái diệt giặc đói, giặc dốt, sẵn sàng đối phó với bọn xâm lược.

Thế rồi theo qui chế của Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946), bọn thực dân Pháp được đến đóng quân ở Lạng Sơn. Ngày kéo vào Lạng Sơn, chúng diễn võ dương oai phô trương xe tăng, thiết giáp, pháo binh diễu qua đường phố. Ngày ấy, anh bộ đội Vệ quốc quân và các chàng trai tự vệ của thị xã, chỉ toòng teng trên vai khẩu súng trường hoặc thanh đại đao, lưng đeo thây lầy vài quả lựu đạn. Nhưng sức mạnh lớn lao của họ là toàn thể nhân dân Lạng Sơn không chỉ ở phía sau, mà ở bên cạnh. Người chiến sĩ Vệ quốc quân thuộc Tiểu

đoàn 374 Trung đoàn 11 (tiền thân của Trung đoàn 28) đưa con đầu lòng của xứ Lạng nom đơn sơ, áo vải, súng trường mà lại rất hùng dũng trong tư thế của người chiến sĩ một đất nước Độc lập, Tự do.

Nhưng rồi giặc Pháp đã phản bội hiệp ước, gây hấn, nổ súng ở Lạng Sơn vào tháng 11 năm 1946 cùng ngày với Hải Phòng. Cũng từ đây, cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp của quân và dân xứ Lạng bắt đầu. Tiếng súng chống giặc Pháp xâm lược đã nổ trước ngày toàn quốc kháng chiến một tháng.

*

* *

Ngày ấy, gọi là một trung đoàn nhưng chỉ có một tiểu đoàn tập trung: Tiểu đoàn 249 cùng với các đại đội trực thuộc như trinh sát, thông tin, trợ chiến. Còn lại là các đại đội độc lập ở các huyện.

Anh Hà Kế Tấn^[7] quê ở Hà Tây, tính tình điềm đạm, nom anh có dáng của một người thợ từng trải. Anh nhiều tuổi hơn tôi, tham gia cách mạng từ 1936, hoạt động, lăn lộn, gây dựng phong trào, cơ sở miền Hà Tây và vùng nội thành Hà Nội. Khi anh được Quân khu I cử về làm chính ủy trung đoàn, tôi đã được anh cáng đáng những việc chủ chốt trong đời sống của cán bộ, chiến sĩ. Nào công tác Đảng, quan hệ quân - dân, vấn đề hậu cần, những mối liên quan giữa quân đội với chính quyền, đoàn thể, Mặt trận Liên Việt v.v. nhờ đó mà tôi chỉ toòng teng cái ba lô cùng với cậu chiến sĩ bảo vệ Ma Văn Thành lao vào các trận đánh. Đánh xong trận này lại đi nghiên cứu thực địa, tìm cách đánh trận khác. Lúc thì tôi ở với Tiểu đoàn 249, lúc ở với đại đội trinh sát. Hàng tháng về hậu cứ của trung đoàn ở

Bình Gia, vùng Bản Riềng, Kéo Coong để cùng anh Hà Kế Tấn bàn bạc, rút kinh nghiệm việc đã làm và vạch phương hướng, kế hoạch mới dựa vào chỉ thị, chủ trương của Quân khu.

Ngày ấy, địch đang ở thế mạnh. Bộ ra lệnh "Bằng mọi giá quyết chặt đứt Đường số 4, yết hầu quan trọng nối liền Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái của địch".

Để thực hiện ý đồ chiến lược đó, Quân khu đã tính tới khả năng địch, để đề ra một phương châm thích hợp, rất có hiệu quả, như đánh từ nhỏ đến lớn, từ dễ đến khó, tránh chỗ rắn đánh chỗ mềm. Với phương châm như vậy, chúng tôi đảm nhiệm những trận đánh tập trung như Bông Lau - Lũng Phầy, Bản Nặm, Bố Cung - Lũng Vài, Ngườn Kim, Chọc Ngà, Nà Pá v.v... Sau này là các trận công đồn từ nhỏ tới lớn. Còn các đại đội độc lập, du kích địa phương hoạt động nhiều vẻ hơn, đa dạng hơn ; từ quấy rối, tiêu hao đến phục kích nhỏ và làm công tác địch vận kêu gọi anh em ngụy binh, giác ngộ họ, tạo nhân mỗi, tổ chức lấy đồn bằng nội công ngoại kích. Đồn nhỏ họ tự lấy, đồn lớn có chúng tôi tham gia.

Tôi nhớ hồi đó đồng chí Ngọc Trình, cán bộ trung đội, rất giỏi công tác địch vận. Trình vốn người Cao Bằng có tài bắt nhân mỗi rất khéo. Anh đã tổ chức được một số lính ngụy làm nhân mỗi, sẵn sàng nội ứng ở một số đồn như Chè Cáy, Na Sầm, Lũng Vài. Hồi ấy tôi chuyên đi đôi giày đinh cao cổ, anh em vẫn gọi là "Cộp săng đá". Với đôi giày bền, chắc đó tôi lội nước, đi rừng rất tiện, không ngại gì gai góc, đường trơn.

Một hôm nom thấy đôi giày của tôi đã mòn vẹt, Ngọc Trình nghĩ ngay tới việc gặp nhân mỗi trong đồn Na Sầm để kiếm đôi giày mới.

Anh sai tên lính nậu bếp tên là Đoòng :

- Nay, ăn cắp trong kho cho mình một đôi "săng đá" cỡ 40.

Đoòng cười :

- Không được đâu. Ăn cắp thì không được nhưng lấy đôi cũ xin đổi đôi mới thì được vợ. Xếp Tây quy định thế mà.

Ngọc Trình gật đầu :

- Giầy há mõm thì có ngay thôi. Đêm nay ra hàng rào mình đưa cho.

Trở về, Ngọc Trình bảo ngay với tôi :

- Trung đoàn trưởng tụt giầy ra để tôi đem đổi lấy đôi mới.

Không hiểu gì cả, tôi bảo :

- Cậu đổi cho ai ? Thôi, để chờ đánh một trận kiếm đôi khác. Mình đi đôi mới thì người khác lại phải đi đôi há mõm này. Không nên vợ.

- Anh cứ tụt luôn ra. Tôi đổi ở trong kho "anh-tăng-đăng"^[8] đồn Na Sầm hẳn hoi. Nó quy định quân trang phải đổi cũ lấy mới, không phát không. Bố thằng Tây, nguyên tắc cứng nhắc "oách xì xăng" ghê.

Anh toét miệng cười, còn tôi vui vẻ tụt giầy luôn. Hôm sau tôi có ngay đôi giầy mới toanh (do đồn Na Sầm cấp phát).

Giặc Pháp nghĩ chúng đang có thế mạnh về binh lực, vũ khí cùng với một hệ thống đồn bốt của toàn quân khu biên thuỳ suốt cả vùng Cao - Bắc - Lạng đến Tiên Yên - Móng Cái. Chúng tưởng thừa sức uy hiếp Việt Bắc nhưng dần dà hoá ra chính chúng lại bị bao vây trong

các thế thiên la địa võng của chiến tranh nhân dân chúng ta. Thụ động, co rút trong hàng rào đồn bốt, chúng buộc phải luôn luôn căng thẳng đầu óc đối phó với sự tiến công liên tục của ta. Với thế chủ động, chúng tôi hoàn toàn giữ quyền chọn thời gian, chọn địa điểm, chọn địa hình và chọn cách đánh thuận tiện nhất để giành phần thắng trên Đường số 4. Có thể nói Đường số 4 không bao giờ ngớt tiếng súng của quân và dân Cao - Bắc - Lạng. Bộ đội chủ lực nghỉ ngơi, chuẩn bị cho đánh lớn thì dân quân, du kích thay thế đánh địch liên tục trên Đường số 4. Nào phá đường, phá cầu, cắt dây điện thoại. Tiếng súng của du kích lúc nghi binh, lúc quấy rối, lúc tiêu hao bắn tỉa, bao bủa liên tục quanh các đồn bốt địch. Tiếp theo là những trận phục kích ngày một lớn của Trung đoàn 28 chúng tôi: Bông Lau lần thứ nhất rồi Bông Lau lần thứ hai. Rồi Bố Củng - Lũng Vài lần nữa, tiếp tới trận Bản Năm lần thứ ba. Trận nào cũng thắng, trận sau to hơn trận trước và thắng đậm hơn. Có khi ở ngay một địa điểm đã bị đánh đi đánh lại, mà kẻ địch không sao chế ngự, tránh thoát nổi. Từ Đông Khê ngược lên Cao Bằng suốt trục Đường số 4, địch cũng bị các lực lượng dân quân, du kích và chủ lực tỉnh Cao Bằng nện những đòn chí tử. Trung đoàn 74 của các anh Chu Huy Mân, Trung đoàn trưởng, Lê Quang Ấn, Chính trị viên liên tục nổ súng tiến công địch. Tiểu đoàn 73, tiền thân của Tiểu đoàn 251, lực lượng chủ yếu của trung đoàn do quyền Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chỉ huy, diệt Tài Hồ Sìn, tiếp đến phục kích chặn Nà Tồn diệt 7 xe trên Đường số 4. Phía Suối Hai, Đại đội 398 diệt 3 xe ở đoạn Khau Máng. Đại đội 670 tập kích Phục Hoà, Trà Lĩnh. Cùng lúc đại đội 660 hoạt động ở Quảng Uyên, phục kích đèo Cao Nầu, tập kích đồn Cốc Bó, Đoàn Ngườn Bái của Đường số 4, Tiểu đoàn 73

diệt 12 xe. Sau đó đánh tiếp, luôn trận lớn vừa phá hủy vừa tiêu diệt 28 xe phía Bắc Đông Khê. Vào dịp gần Nộn, tiểu đoàn đánh thắng trận phục kích ở Lũng Mười, tiêu diệt 2 đại đội Lê dương, phá hủy 27 xe. Một khi các trung đoàn chủ lực như 74 Cao Bằng, 28 Lạng Sơn thắng lớn, càng tạo thế cho các đại đội độc lập ở các huyện vững mạnh bao vây, đánh phá các đồn bốt, nới bung thế kìm kẹp của giặc. Hễ nơi nào gây được nhân mối và anh em trong đồn giục ta lấy đồn nhanh để họ mau trở về với bà con dân bản.

Đồn Chè Cáy nằm sát đường ở đoạn gần Na Sầm thuộc huyện Thoát Lãng, có một trung đội ngự do tên Vít-cốt chỉ huy, có nhiệm vụ án ngữ phong tỏa vùng Na Sầm để bảo vệ đoạn Na Sầm đi Đồng Đăng trên Đường số 4.

Đại đội của Đình Giang và Hùng Quốc nắm rất vững tình hình địch của một loạt đồn bốt trong huyện như Chè Cáy, Lũng Vài, Bó Củng, Kéo Thổ, Na Sầm. Nhân mối trong các đồn thường xuyên báo cáo cho Ngọc Trình những thay đổi, biến động cả về nhân lực và hỏa lực cũng như cung cách bố trí của địch. Riêng ở Chè Cáy, hai phần ba quân số ngự đã thuộc về ta. Một hôm, lính Sảy nhân mối tin cậy nhất trong đồn Chè Cáy báo ra: Quan đồn Vít-cốt phải đổi về Lạng Sơn, quan mới về thay nó. Đồn sẽ tổ chức tiễn quan cũ đón quan mới vào ngày 12 tháng 9.

Thời cơ tốt đã đến. Đánh vào lúc địch liên hoan chè chén say sưa, hân hả thắng hơn. Đồn Chè Cáy ở trên đỉnh một ngọn đồi, xung quanh cây cỏ rậm rạp. Ngay tối hôm trước, ta bố trí một trung đội ém phục ở lưng chừng đồi. Đây là một hành động rất cảm tử, táo bạo. Chỉ cần một nhân mối phản bội hay một tên ngự ác ôn bắt

ngờ phát hiện, ta sẽ bị tiêu diệt. Ngọc Trình rất tin vào nhân mối. Anh trực tiếp chỉ huy trung đội đó. Đã ước hẹn trước, đúng lúc tại phòng ăn, hai quan Tây nâng cốc chúc tụng theo lễ nghi "tổng cự nghênh tân", người lính gác cổng mở cổng cho trung đội của Ngọc Trình ập vào. Những nhân mối khác giữ lô cốt đóng chặt cửa vào lô cốt. Mọi việc diễn ra rất nhanh. Cả hai tên đồn trưởng bị bắn chết tại chỗ cùng với mấy tên cai, đội ngoan cố, số ngụy còn lại quy hàng. Bộ đội và nhân dân bắt tay nhau. Sảy đại diện anh em ngụy binh giác ngộ nói :

- Hôm nay, Tây đồn bảo mổ thịt hai con lợn để làm tiệc, chúng tôi đã có ý để nguyên nửa con ở trong bếp dành cho bộ đội. Bây giờ ta liên hoan thôi.

Đại đội trưởng Đinh Giang vội can :

- Không nên liên hoan trong đồn. Địch đến tiếp cứu thì hỏng hết. Được mà hoá thua đấy.

Anh ra lệnh thu vũ khí và vác cả nửa con lợn rút nhanh. Về đến hậu cứ, làng Pắc Lạng, quê anh Hoàng Văn Thụ, bà con dân bản tặng thêm con lợn nữa, quân và dân liên hoan chiến thắng bằng một bữa tiệc vui. Nhiều người say rượu ngã quay ngay tại chỗ. Uống rượu mà say mới tốt, mới thật lòng với nhau mà. Phong tục ở đây là như vậy.

Gần một tháng sau, chúng tôi lấy luôn đồn Lũng Vài cũng theo lối nội công ngoại kích như vậy. Đồn này có cai Cẩm ngoặt trước với Việt Cường, nhưng khi vào sát đồn ta vô ý dẫm phải cái thùng làm chó béc-giê ở trên nhà tên đồn trưởng Tây sủa ầm ỉ. Cai Cẩm liền

bảo anh em ta rút, rồi làm như dẫn tiểu đội đi tuần tiểu cho khỏi lộ ; hôm sau tổ chức lại và diệt gọn đồn. Bọn Pháp nghi ngờ nên thuyền chuyển ngụy binh lung tung, đồn nọ sang đồn kia, xé lẻ từng tiểu đội và tăng cường thêm bọn Âu Phi. Nhưng dần dà, các mắt xích nhân mỗi chẳng những được nối lại mà còn phát triển rộng, loang dần ra. Bởi vì đại đa số anh em thanh niên trong vùng giặc chiếm chỉ vì bị cưỡng bức, thúc bách mà phải vào lính ngụy. Trong thâm tâm, họ vẫn hướng về Cách mạng, về Chính phủ Cụ Hồ, chỉ mong chờ có dịp là trở về với Tổ quốc, vì vậy mà công tác địch vận phát triển mạnh, nhiều kết quả. Chẳng những ngụy binh mà cả bọn chính quyền ngụy như trưởng bản, lý trưởng cũng biến thành tề hai mang, vừa làm cho địch vừa phục tùng sự điều khiển của ta.

Trận Đồng Nọi đã diễn biến theo một dạng khá lý thú. Đây là một đồn án ngữ trên đoạn đường Lạng Sơn đi Bản Sầm. Địch cho xây dựng lô cốt và bắt dân phu nộp tre củng cỡ hàng rào, công sự cho vững chắc. Hàng ngày có 3 tên Pháp gồm 1 thiếu úy và 2 cai đội trực tiếp đôn đốc dân phu làm lụng. Dân phu một phần là thanh niên vùng xuôi chúng bắt qua các vụ càn quét dưới đồng bằng và gán cho cái tên PMT^[9] đưa lên Lạng Sơn bắt xây đồn bốt hoặc mang, vác đạn dược, khi chúng hành binh. Một phần nữa chúng bắt bọn tề ngụy từng địa phương cắt phiên thay nhau lên đồn lao công.

Lợi dụng tình hình này, ta bàn với lý trưởng ngụy là Lý Khăng vốn là tề hai mang, dùng bộ đội giả dạng dân phu tuần vào đồn. Sau vài ngày nắm được hết tình hình, bộ đội ta trong vai dân phu nhân lúc ba tên Pháp tùm tùm lại hút thuốc trò chuyện, liền nổ súng giết luôn ba tên Pháp. Lính ngụy như rắn không đầu xin hàng. Mọi

người phá nát đồn Đồng Nội kéo nhau hả hê ra về. Riêng hơn chục người PMT xin được gặp chỉ huy, anh em dẫn họ đến gặp tôi. Tôi nghĩ số anh em này bị bắt đã lâu, đưa đi hết đồn này đến bớt khác, chắc họ biết được tình hình địch ở nhiều nơi. Sau khi cho anh em ăn uống no nê, tôi hỏi :

- Bây giờ các anh muốn về quê quán hay sinh sống ở vùng tự do ?

Họ đều nói rõ nguyện vọng :

- Chúng em bị Tây nó càn quét rồi vu cho là du kích, bộ đội. Nó coi như tù binh, hành hạ khổ lắm. Quê chúng em giặc chiếm bây giờ mà về thì cũng đến lại đi lính, đi phu cho giặc thôi.

Có người mạnh dạn đề nghị :

- Nếu chỉ huy tin chúng em cho chúng em đi theo bộ đội. Chúng em mang vác, nấu nướng cho anh em đánh giặc.

Tôi cười :

- Vệ quốc đoàn là bộ đội của nhân dân. Không bắt dân làm phu cho bộ đội đâu.

Sau đó tôi trao đổi ý kiến với anh Hà Kế Tấn. Anh với tôi nhất trí sử dụng anh em. Ai tình nguyện tham gia bộ đội, chúng tôi thu nhận luôn. Mấy anh nhiều tuổi làm cấp dưỡng, còn anh em trẻ phiên chế vào các tiểu đội. Nói chung anh em là dân vùng Thái Bình, Hải Dương, Quảng Ninh, nhanh nhẹn, tháo vát, rất am hiểu cung cách hành quân, đóng đồn của địch. Một số trở thành lính trinh sát của trung đoàn rất gan dạ, mưu trí như chiến sĩ Lung, Vĩnh, Xuyên,

Tuấn, Hoài, Đức, Ngọc ... Họ bám địch và lần quất ở vùng hậu địch rất giỏi.

Qua việc này tôi cứ suy nghĩ mãi. Dân ta ai cũng có lòng yêu nước, ai cũng ngưỡng mộ Bác Hồ, mong mỗi cuộc kháng chiến thành công. Sau 80 năm dài nô lệ bị bọn thực dân Pháp áp bức bóc lột thậm tệ, ai ai cũng thêm khát độc lập, tự do. Vì vậy, ai ai cũng kiên quyết kháng chiến để giữ vững độc lập, tự do.

*

* *

Anh Hà Kế Tấn hồi đó như con dao pha của Khu ủy Khu I. Hễ nơi nào yếu, anh được cử đến củng cố. Anh vừa là Khu ủy viên, vừa là Thường vụ Quân khu ủy. Tháng 4 năm 1948, anh được cử làm Chính trị viên Trung đoàn Bắc Bắc do anh Đỗ Tấn làm Trung đoàn trưởng. Sang tháng 6, thấy Trung đoàn 28 cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trên lại điều anh về với chúng tôi. Vừa là Chính ủy trung đoàn, anh vừa là Tỉnh ủy viên tỉnh Lạng Sơn nên giải quyết nhiều vụ việc dễ dàng trong mọi vấn đề liên quan giữa quân đội và chính quyền, Đảng bộ tỉnh.

Ngày ấy anh nắm rất chắc tình hình, mạng lưới cộng tác địch vận, binh vận trong tỉnh. Một người có tác phong làm việc sâu sát, tự anh hiểu biết được cụ thể tình hình, mới quyết định hành động.

Cùng với nhiệm vụ "Chặt đứt Đường số 4" ta còn chủ trương đánh sâu vào lòng địch, tạo nên khu du kích lõm, giành dân, giành đất, ép địch thu hẹp dần phạm vi chiếm đóng lại. Đồn Ba Sơn ở vùng Cao Lâu - Xuất Lễ nằm sâu trong lòng địch. Cán bộ địch hậu và

cơ sở của ta hoạt động rất khó khăn nguy hiểm. Một phía ở sát biên giới, bị bọn Tàu Tưởng khống chế, thổ phỉ cướp bóc. Phía dưới nằm trong thế kìm kẹp của giặc Pháp.

Vào lúc tôi đi chuẩn bị chiến trường để đánh trận Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ 2, có Đại đội trưởng đại đội độc lập huyện Ôn Châu là Mai Chí Long lên gặp anh Tấn đề nghị cho đánh Ba Sơn :

- Trong đồn này ta có mấy lính đồng làm nhân mỗi rồi. Anh Phan Mạnh Cự cũng đồng ý cho đánh (Phan Mạnh Cự là Phó Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn hồi bấy giờ được giao nhiệm vụ đặc trách khu Ba Sơn). Vậy anh cho ý kiến.

Anh Tấn hỏi :

- Đánh được đã đành. Nhưng có giữ được không ? Giữ được rồi phát triển thành căn cứ lõm sâu trong lòng địch mới tốt. Đánh xong rút lui chỉ khổ dân, vỡ hết cơ sở.

Đại đội trưởng Mai Chí Long trình bày tỉ mỉ tình huống, nhân mỗi, cơ sở và bảo đảm :

- Báo cáo với anh. Chúng tôi giữ được. Địch không có điều kiện lấy lại được nữa đâu.

Anh Hà Kế Tấn suy nghĩ rồi bảo :

- Thế thì để mình về với cậu ở dưới đó và gặp anh Cự bàn cụ thể đã. Rồi ta đánh !

Anh đi bám cơ sở và quả nhiên đêm 4 tháng 3 năm 1949, ta diệt Ba Sơn giải phóng cả vùng Cao Lâu - Xuất Lễ. Mười ngày sau, trung đoàn chúng tôi diệt 3 bốt Đèo Khách, Bản Trại, Bản Phiệt, khiến địch vội rút luôn Pò Ma, Bình Nghi, Bản Pản, Pò Theo sát vùng biên giới

thuộc huyện Trảng Định. Tiếp luôn, ngày 25 tháng 4, Trung đoàn chúng tôi diệt 53 xe ở Bông Lau - Lũng Phầy, tiêu diệt luôn đồn Lũng Phầy trên đồi cao. Địch hoảng sợ, liền rút Phương Mân và Nà Mân phía Đông Bắc Trảng Định.

Sau đợt thắng lợi liên tiếp, anh Tấn bảo tôi :

- Đợt này bọn mình làm ăn được. Trung đoàn đang có khí thế. Ta làm tới đi.

Ngắm vẻ người hơi thấp nhưng chắc nịch của anh, tôi thầm nghĩ :

- Chiến đấu bên cạnh một ông anh có quá trình cách mạng dày dạn, hăng hái thế này thật là yên tâm.

Vào thời điểm này, Trung đoàn 72 của Bắc Cạn tiêu diệt đồn Phủ Thông, phục kích địch ở Đèo Gió. Trung đoàn của anh Mân đánh địch trên Đường số 3 ở Bằng Khẩu, Ngân Sơn và diệt đồn Tài Hồ lần thứ 2 ; cho một đội biệt động tập kích pháo đài ở chi khu, phá nhà máy điện, đánh vào các đồn dọc bãi sông Hiến, Sông Bằng.

Địch đành co lại trên trục Đường số 4 từ Cao Bằng qua Đông Khê tới Lạng Sơn. Chúng vội vã rút bỏ Bắc Cạn, Nước Hai, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Phục Hoà, Nguyên Bình.

Toàn mặt trận Cao - Bắc - Lạng bừng bừng một cao trào đánh Pháp, trừ gian, diệt tề, phá kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của địch.

*

* *

Năm tháng đã qua đi: Mỗi lần ôn lại cuộc sống sôi nổi, hào hùng dọc tuyến Đường số 4, tôi nhớ nhiều đến các cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 28 và Trung đoàn 174. Đa số anh em đều là người dân tộc Tây và Nùng miền Cao Bằng - Lạng Sơn. Những con người chân thực, chất phác, với dáng vẻ lầm lì, ít nói, nhưng rất tận tụy trong mọi nhiệm vụ. Họ chiến đấu dũng cảm, gan góc tuyệt vời và cũng rất đậm đà tình cảm. Mới gặp, chưa quen ở giây phút bề ngoài ban đầu, anh dễ ngộ nhận lo lắng trước người chiến sĩ dáng dấp rụt rè, hỏi gì nói ấy với những câu đáp lại ngắn ngủi, dè sẻn từng lời, vừa đủ để anh hiểu ý. Nhưng bên trong cái vẻ ngoài lặng lẽ ấy, chứa đựng phẩm chất đẹp đẽ của người lính: gan bền, chịu đựng khắc khổ, đánh đến cùng, sẵn lòng hy sinh vì nghĩa cả, vì tự do, độc lập của Tổ quốc. Những con người thật đáng quý: có, bảo ngay là có, không, bảo rằng không. Ít người có ý nghĩa quan hệ với cách xã giao uốn éo, khách sáo, lấy lòng nhau. Là chỉ huy, khi hỏi một chiến sĩ, tôi được trả lời gọn ghẽ, trung thực :

- Có nhớ nhà không ?

- Có nhớ chứ !

- Có muốn về không ?

- Có đấy. Nhưng còn muốn đánh Tây xong vớ.

- Thế tôi cho về có về không ?

- Hí ! Chỉ huy cho mình về thì mình về. Hết phép mình lại đến ngay thôi.

Những người chiến sĩ Cao - Lạng là thế: Chiến sĩ của Trung đoàn tôi là thế. Những người chiến sĩ đáng tin cậy cả lúc thường cũng như

lúc cùng nhau trong cơn gian nan, nguy hiểm của trận đánh.

Ngày ấy có chiến sĩ Ma Văn Thành làm liên lạc và bảo vệ Trung đoàn rất lâu. Thành là người Nùng ở bản Páu vùng Diêm He - Tu Đồn. Tôi với Thành luôn cặp kè bên nhau, từ lúc nghỉ ở hậu cứ đến khi trinh sát thực địa hoặc lên Quân khu, lên Bộ báo cáo, hội họp. Thành là một chàng trai to, khoẻ, rất điển trai, cưỡi ngựa rất giỏi. Hồi tôi đánh ở Hiền Sĩ gần Huế, bắt bọn Pháp nhảy dù, bọn này do quân Anh trang bị, nên mỗi tên mang một cái ba lô lính dù Anh to đùng, ba lô ngoài bạt, trong vài cao su, có thể tổng toàn bộ chăn màn, áo quần và đủ thứ linh tinh vẫn thừa chỗ. Tôi đã được cấp chiếc ba lô đó. Suốt thời gian ở Đường số 4, tôi giao cho Thành, cậu ta đã mang gọn đủ thứ của hai người chúng tôi, chung trong cái ba lô "Đại chiến thứ 2" ấy.

Nhớ lại, có một lần tôi lên Quân khu họp. Quân khu bộ đóng trong khu rừng vùng Trại Cau, Thái Nguyên. Sau ít ngày họp xong khi sắp sửa ra về, Thành nói với tôi :

- Chỉ huy à ! Hết cả tiền ăn đường, cái ví đựng tiền để quên đâu không thấy nữa. Nguy lắm thôi.

Thấy vẻ lo ngại, áy náy của người cận vệ thực thà như đếm, tôi bảo :

- Cứ yên tâm ! Để mình đi lo vậy.

Thành dặn tôi :

- Chỉ cần tiền ăn đường đến Bắc Sơn thôi. Đây là đất Lạng Sơn, đất quê, đất bản của Trung đoàn ta rồi, không sợ đói vớ !

Tôi quay lên trên lán gặp anh Lê Hiến Mai^[10], anh là Quân khu ủy viên, Chính ủy quân khu. Tôi hỏi xin anh ít tiền và nói rõ tình cảnh của anh em chúng tôi :

- Chỉ xin anh đủ tiền đến đất Bắc Sơn. Tới đấy ném đầu tôi cũng không sợ chết đói. Lính Trung đoàn 28 với dân Lạng Sơn là một mà.

Anh Mai cười phô hàm răng nổi tiếng và dốc túi cho tôi số tiền còn lại của anh. Ngày đó là tiền Tài chính, đồng tiền đang bị xuống giá. Bộ đội chưa có chế độ cung cấp hậu cần mà phải dùng tiền mua lương thực, thực phẩm ở chợ. Đi công tác phải mang tiền ăn đường. Tôi đưa số tiền xin được cho Thành. Cậu ta cười rất hiền lành :

- Lố ! Bây giờ lại giàu rồi. Vào quán ăn bánh chưng rán, phở xá xíu cũng được lố.

Hồi đó vùng Kéo Coong (Bình Gia), Hội Hoan được coi như thủ đô kháng chiến của bộ đội và nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hầu hết đồng bào ở thị xã Lạng Sơn đi theo kháng chiến đều tản cư, sinh sống tại vùng đó. Các quán tản cư mọc lên đông vui sầm uất giống như Cầu Bó, Rừng Thông của Thanh Hoá, Nước Hai của Cao Bằng hay Nho Quan - Đầm Đa - Xích Thổ ở Ninh Bình thuộc Khu 3. Các cơ quan Dân Chính Đảng cũng đóng quanh gần đó. Còn người lính Trung đoàn 28 sau mỗi trận chiến thắng đều trở về đây nghỉ ngơi. Những chàng lính trẻ và cả cán bộ chúng tôi cũng rất trẻ trung, có khi dạo phố và nếm phở xá xíu hoặc giải khát món trứng đường, cà phê tại các phố phường tản cư quen thuộc này.

Sống ở Lạng Sơn, Trung đoàn 28 chúng tôi như con cá lội giữa dòng nước mát của lòng dân xứ Lạng. Khi đi chiến đấu có dân lo

cơm nước, phục kích địch có bà con tiếp tế cơm nắm muối vừng. Chị Đường Thị Kim công tác hội phụ nữ lặn lội vận động chị em trong bản với khẩu hiệu: “Một ngàn chiếc bánh chưng, một ngàn “ống bò” cốm để bộ đội ăn no đánh thắng”.

Thế là tiếng chày giã gạo vang rền thậm thịch khắp thôn bản cả một vùng Thoát Lãng, Tràng Định, Bình Gia. Gạo cũng của từng nhà, công sức cũng của từng người dân, chỉ một đêm đã có bánh, có cốm, có cơm vắt muối lạc, kìn kìn chuyển đến trung đoàn. Rồi mỗi lần chiến thắng trở về, người lính Trung đoàn 28 được bà con dân bản từng bừng đón mừng. Chuyện đánh Tây, câu hát lượn, hát sli, hát then rộn ràng quyện với tiếng đàn âm vang khắp làng khắp bản. Ngoài bữa cơm liên hoan là những hoa trái đặc sản của xứ Lạng, nào là mận Thất Khê, nào là đào Mẫu Sơn, mít Bình Gia, Bắc Sơn. Mùa hồng đến, vườn cây trong bản vàng rực trĩu nặng những trái hồng không hạt, nổi tiếng của đất Lạng. Năm tháng qua đi rất xa rồi nhưng trong tôi, mỗi lần nghĩ đến Trung đoàn 28, nghĩ đến xứ Lạng là cả một chuỗi hồi ức từng bừng rất đẹp đẽ, rất đầm ấm trời dậy với muôn vàn hình ảnh đầy thương, đầy nhớ, đầy ơn huệ về bản làng và tấm lòng của bà con xứ Lạng. Nhớ anh dân quân đào đường, phá cầu, ngăn giặc, nhớ người du kích quấy rối, phá bót, hỗ trợ đắc lực cho bộ đội đánh to. Nhớ cụ kẹ, bà mẹ thương người lính Trung đoàn 28 như con đẻ, nhớ các chị phụ nữ Tày, Nùng đẹp người, đẹp cả tấm lòng, những người chăm sóc tận tình anh bộ đội Cụ Hồ từ đường kim vá áo, đến bát cháo cho người chiến sĩ thương binh và tiếng hát sli uốn lượn tình tứ khi người chiến sĩ chiến thắng trở về.

*

* *

Trận đánh Bồ Củng - Lũng Vài lần thứ 3, địch bắn ca nông Bô-pho liên hồi vào khu vực đài chỉ huy. Cây cảnh đổ nghiêng ngã, tôi vừa xô dịch rời vị trí, vừa giữ liên lạc với trận địa dưới đường. Cậu Thành không rời tôi nửa bước, vừa lúc một cành cây to quật xuống chính Thành đã rất nhanh, dùng sức mạnh trai trẻ của mình đẩy bật tôi sang một bên. Chỉ chút xíu nữa là tôi không còn đến hôm nay. Tôi cười cười nhìn Thành cảm ơn, nhưng cậu ta quắc mắt đầy vẻ bức bối.

- Hầy ! Bảo phải chú ý mà chỉ huy cứ không nghe à. Ngồi sát vào cái hố này chứ !

Nếu ai bảo đấy là lính cáu với chỉ huy thì tôi vui lòng đón nhận những lời cáu kỉnh, hờn dỗi ấy. Tôi hiểu, Thành đã rất quý tôi, chăm lo cho sức khỏe và tính mệnh của tôi. Đã nhiều lần, trong nhiều trận đánh, trong nhiều cuộc hành quân, Thành không ngại nguy hiểm cứu tôi như vậy. Tôi cảm động vô cùng, mỗi lúc ở rừng, anh hái từng lá rau tàu bay, rau ngót rừng, ít đọt măng nấu cho tôi bát canh ăn đỡ xót lòng.

Sau mỗi trận đánh, tôi hay đến trạm xá của quân y để thăm các đồng chí cán bộ, chiến sĩ bị thương. Một lần thấy cậu y tá đang băng cho một chiến sĩ bị thương ở ngay chỗ khuỷu tay. Cậu y tá mới vào nghề được mấy tháng cứ luống cuống không biết cách nào buộc cho chặt. Tôi ngồi xuống băng cho cậu chiến sĩ. Thấy tôi làm rất thuần thục, cả y tá và mấy chiến sĩ đều hỏi :

- Trung đoàn trưởng học nghề y bao giờ thế ?

Tôi cười :

- Mình là y sĩ của Trạm quân y Pác Kéo của Trung đoàn hồi 46 mà.

- Hí a ! Thế mà lại làm chỉ huy đi đánh nhau.

Anh em bàn tán vậy.

Tôi nói vui :

- Khắc làm khắc biết thôi ! Khắc đi khắc đến mà.

Quả thật, cuộc chiến tranh đã xoay vần cuộc sống của tôi qua bước ngoặt bất ngờ rất mau lẹ. Trước Cách mạng tháng Tám, tôi là sinh viên y khoa năm thứ hai, rồi được giác ngộ tham gia bí mật vào Việt Minh. Nhật đảo chính Pháp, tôi cùng một số anh em được đoàn thể giao nhiệm vụ vào Huế. Toàn là những người miền Trung đã từng học ở trường Quốc học Huế. Rồi tham gia cướp chính quyền, rồi vào Vệ quốc đoàn đi đánh nhau ở Nam Bộ, ở Nha Trang, Đường số 9, Đường số 7. Khi có Hiệp định mong 6 tháng 3, ngổ tương đất nước yên ổn, ta sẽ giành độc lập qua những diễn biến bằng hoà nghị, hoà bình, tôi được ra Hà Nội để chữa bệnh sau những cơn sốt rét rừng khá nặng, chữa chạy chưa lành hẳn thì trường võ bị Trần Quốc Tuấn mở khoá đầu tiên ở Sơn Tây. Anh Tạ Quang Bửu (người thầy cũ) lúc ấy làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bảo tôi lên gặp anh Hoàng Đạo Thúy, Hiệu trưởng Trường võ bị. Túm được một chàng trai mới từ mặt trận trở về, lúc ấy là một của quý. Anh Thúy sung tôi vào làm giáo viên và cán bộ khung của trường.

Những ngày đã qua ở Trường võ bị, mãi mãi đối với tôi là những ngày đẹp. Anh Nguyễn Phước Hoàng, Hà Đống, Nguyễn Thế Thương, Phan Viên, Hoàng Xuân Tuỳ, Sanh Thí v.v... những bạn đồng học ở trường Quốc học Huế, không hẹn mà hội tụ cùng nhau dưới một mái trường. Những học sinh lớp võ bị đầu tiên của quân đội ta tuyển từ khắp cả nước, toàn là những chàng trai trẻ đẹp, khoẻ, đầy nhiệt huyết. Không nói ra lời nhưng tôi có cảm tưởng là họ không tiếc một hy sinh nào để quên mình cho Tổ quốc.

Gần đây, để kỷ niệm ngày khai giảng khóa một của lớp võ bị đầu tiên (tháng 6-1946 đến tháng 6-1947) những người bạn cũ họp lại. Đồng chí Đỗ Hạp điểm danh: gần một nửa trong số 300 học sinh lớp võ bị khoá I đã bỏ mình trên các chiến trường toàn cõi Đông Dương. Tôi xúc động bùi ngùi, tưởng nhớ đến những học viên võ bị khoá I của Trung đoàn 174 đã bỏ mình trong các trận chiến đấu: Anh Phan Văn Đắc ở trận Bình Liêu, anh Đỗ Văn Bàng ở Đồn Mỏ Thổ (Bắc Giang). Những cán bộ võ bị Trần Quốc Tuấn đầu tiên của quân đội ta quả đã không thẹn với lá cờ mà Bác Hồ hôm khai giảng khoá học đã tặng cho nhà trường với dòng chữ: "Vì nước quên thân vì dân quên mình". Sau võ bị khoá I tôi xin tiếp tục về học lớp quân y trường Đại học Y khoa. Tất cả học viên quân y lớp đầu tiên của quân đội. Chúng tôi sống tập trung thành một trung đội. Anh Nguyễn Sĩ Quốc^[11] và tôi được chỉ định làm phụ trách. Mỗi lần lên lớp, chúng tôi đến giảng đường trường Y, học chung với sinh viên bên ngoài.

Giặc Pháp trở mặt gây hấn. Trước kháng chiến toàn quốc ít ngày, cả lớp quân y chúng tôi được phân tán về các nơi. Tôi và anh

Nguyễn Sĩ Quốc lên mặt trận Lạng Sơn phục vụ ở trạm điều trị Pác Kéo, huyện Bình Gia. Hai người cứ thay nhau người giữ trạm, người ra mặt trận. Một hôm, vào khoảng ra ngoài tết năm đó, anh Vũ Văn Cẩn, Cục trưởng Quân y, đi kiểm tra vùng mặt trận Lạng Sơn thấy tôi đang lúi húi với một thương binh, anh kêu lên, vẻ ngạc nhiên :

- Ô ! Cậu còn ở đây à ? Điện gọi cậu về Bộ mấy lần mà chẳng thấy về.

Tôi cũng ngạc nhiên, lắc đầu :

- Báo cáo anh, tôi có biết gì đâu ?

- Thôi, ở đây có Sĩ Quốc và anh Mậu^[12] lo. Cậu chuẩn bị ba lô về Bộ thôi.

Thế là tôi theo anh về Bộ, nhưng lại ở Phòng tác chiến Bộ Tổng tham mưu chứ không phải ở Cục Quân y với anh Cẩn. Tôi hiểu ngay. Vào những ngày đầu kháng chiến, ta thiếu nhiều cán bộ quân sự. Vì vậy, hễ ai đã từng chiến đấu từ sau Cách mạng tháng Tám hoặc đã học trường võ bị hay các trường quân chính đều được gọi về Bộ. Bộ sẽ điều xuống các đơn vị hoặc giữ lại ở Bộ Tổng tham mưu.

Tôi vẫn hay nói đùa với anh em: "Với riêng mình thì cuộc tiến công lên Việt Bắc của thắng Pháp lại là điều may mắn. Không có sự kiện này, còn lâu mình mới được sống với các cậu ở Đường số 4. Còn ôm thùng "phá xa lạc rang" nghiên cứu hoài ..."

Giờ nghĩ lại tôi thấy thêm điều may mắn nữa. Những ngày tháng đầu tiên bước vào cuộc chiến, tôi đã được sống ở một địa bàn tuy địch mạnh, thiện chiến nhưng ta lại có nhiều thuận lợi: núi rừng, địa hình hiểm trở, dân tốt, bộ đội dũng cảm. Ở Lạng Sơn, tinh thần giết

giặc cứu nước rất sâu sắc trong mỗi người dân, mỗi người chiến sĩ. Đặc điểm chung của người dân tộc, người miền núi là không muốn xa nhà, xa bản. Phải đi xa ở lâu một nơi nào đó, anh em nhớ từng con suối, dòng khe, tiếng chim kêu, vượn hú của rừng quê, thôn bản mình, ấy thế mà ngày đó, cả Lạng Sơn bưng bưng khí thế diệt xâm lăng, cứu mường, cứu bản. Thanh niên chỉ muốn vào du kích, đi bộ đội. Được ở bộ đội huyện rồi lại muốn thoát ly đi bộ đội chủ lực để được rong ruổi đánh Tây khắp đây đó. Dạo tháng 10 năm 1984, tôi lên Thất Khê, Ủy ban huyện Tràng Định đã tổ chức một cuộc họp mặt đông đảo các cán bộ cũ của huyện đã từng tham gia chiến đấu từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp tới ngày chúng thất bại trong chiến dịch Biên giới, phải rút bỏ Lạng Sơn tháo chạy. Một cuộc hội ngộ của những con người từng vang bóng một thời, từng hiến dâng tất cả sức lực tuổi thanh xuân của mình vào công cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại.

Nay đã bạc xóa mái đầu, tuổi đã cao, ngồi ôn lại chuyện cũ 35 năm qua mà ai nấy vẫn đầy hào hứng, sôi nổi. Có cụ còn hát lại bài ca cũ, giọng điệu thật hào hùng: Bông lau, Bông lau, Rừng xanh pha máu.

Tối hôm ấy Cụ Quốc Tân, 76 tuổi, trước từng làm cán bộ Mặt trận Liên Việt và Chủ tịch Ủy ban huyện: cụ nghỉ hưu đã lâu, ở bản Chu, cầm tay tôi tâm sự :

- Việt ơi, ngày xưa mày đánh Tây ở Đường số 4 giới. Tây nó cũng khen mày vợ. Nó gọi mày là “Đệ tứ quốc lộ Đại vương”. Nó muốn giết mày lắm vợ. Nhưng bây giờ tao nói thật một điều, ngày

ấy mà là ông trung đoàn mà mà quan liêu lắm đấy ! Tao đổi lính của mà luôn mà mà không biết đâu à. Hà hà hà !

Cụ vừa ấy mạnh vai tôi vừa cười đầy sáng khoái, đầy thú vị.

- Trời ơi, đổi lính của tôi ! Tôi thốt lên, - làm sao mà bố già đổi được.

- Hí i a ! Quân của mà toàn là người của Lạng Sơn chúng tao thôi mà. Đứa ở Thoát Lãng, đứa quê Na Sầm, thằng ở Tràng Định, con em dân bản cả mà.

Tôi im lặng lắng nghe cái điều bí mật thuộc tể quan liêu của tôi 35 năm trước mà tôi không hề hay biết. Cụ rầm rì kể, hơi rượu phả vào mặt tôi.

- Việt ơi ! Ngày ấy trung đoàn chủ lực của mà đánh thắng to ở Đường số 4. Hiểu chưa ? Mà bộ đội ở huyện tao nó chỉ cùng du kích, phá rối ; đánh các bớt nhỏ thôi. Nó muốn đánh cái trận to, giết nhiều Tây mới sướng. Nó muốn được theo trung đoàn mà lắm vớ. Có một lần trung đoàn mà về vùng quê tao chuẩn bị đánh. Đánh trận nào à ? - Cụ vỗ tay vào trán rồi lắc đầu không nhớ trận gì. Lâu lắm rồi, quên lú rồi. Tao bàn với thằng Giang, nó là chỉ huy đại đội độc lập của huyện mà. Nó bàn với thằng chỉ huy trung đội của bộ đội mà. Cùng người Nùng cả vớ, quen thân nhau cả mà. Thế là đổi vài thằng ở đại đội địa phương cho nó đi theo trung đội chủ lực, nó đánh trận to cho sướng. Còn mấy thằng ở chủ lực nhân nhà gần, đổi cho nó về với vợ con cho khỏi nhớ. Đánh xong trận rồi đổi lại thôi mà. Hà ! Hà ! Hà ...

Cười xong cụ bảo :

- Úi giờ giờ ! Người dân tộc chúng tao xa vợ, thương lắm, nhớ lắm. Ngày ấy tao hai con rồi mà công lác huyện, xa nhà mấy ngày cũng đã nhớ. Nói gì lính nó là thanh niên. Nó về rồi nó lại đi đánh giặc thôi mà.

Tôi thở phào, tùm tùm cười và hỏi :

- Đổi thế nhiều lần không ?

- Lúc nào thuận lợi thì đổi. Nhiều trận đấy. Mà quên rồi.

Tôi lắc mạnh tay cụ :

- Trời đất ơi ! Đổi người thay nhau đi đánh giặc. Tốt lắm chứ việc gì phải giấu tôi. Bàn với tôi, đổi cả đại đội tôi cũng ưng luôn thôi mà.

Cụ Quốc Tân gật :

- Ngày ấy mình cũng nghĩ: đưa được đi đánh giặc, đưa đánh nhiều rồi thì về thăm bản, thăm vợ con hợp tình hợp lý quá chứ. Nhưng mình sợ, ông ở xuôi lên, ông làm chỉ huy trung đoàn, ông hiểu gì người dân tộc mà bàn cho hỏng việc. Thôi, dưới trung đội, đại đội, cùng bàn chuyện với nhau thôi. Giấu trên đi có đến chết thành ma nó cũng không biết. Nó cười ngựa hồng, đi giày đen, đeo Côn-bát mà ... Hà hà ... hà ...

Tôi cũng cười theo và mặc cụ dấm thùm thụp vào vai, tôi thầm nghĩ :

- Dân như thế, cán bộ địa phương như thế, lính trung đoàn tôi như thế. Hồi đó tôi đánh được giặc là phải !

❖ CHẶT ĐÚT HOÀN TOÀN ĐƯỜNG SỐ 4

Gần hai năm trời, sau khi địch chiếm đóng Cao Bằng - Bắc Cạn trong cuộc tiến công Thu Đông 1947, thế trận của ta mỗi ngày một vững mạnh thêm. Cho đến cuối năm 1949, quân khu biên thuỳ của ngài quan năm Công-xtăng trở nên bấp bênh, nghiêng ngả. Tuyển đồn bốt và đội Âu Phi cơ động ứng cứu không sao bảo vệ nổi con Đường số 4, ổng thực quản nuôi sống phân khu Cao Bằng - Bắc Cạn. Các trận đánh của ta dồn dập hơn: đánh đồn, bức rút, xen kẽ với những trận phục kích dữ dội. Chiến công nối tiếp chiến công. Chủ lực, địa phương đều thắng. Tên quan tư Clê-men-xơn và cả phó quan Ba-bơ-ranh chỉ huy phân khu Thất Khê phải đổi về xuôi sau những thất bại liên tiếp trên Đường số 4, vì để mất nhiều đồn bốt vùng Trảng Định - Thoát Lãng. Rồi Ba Sơn giải phóng chúng tôi mở rộng khu du kích Cao Lâu - Xuất Lễ ở ngay phía sâu trong lòng địch. Trên Cao Bằng, do sự hoạt động mạnh mẽ của Trung đoàn 74 và bộ đội huyện, du kích địa phương, địch rút bỏ Bắc Cạn, Nước Hai, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Phục Hoà, Nguyên Bình.

“Con đường chết chóc”, “con đường đẫm máu” đấy là câu nói cửa miệng của bọn binh lính và sĩ quan Pháp, kể cả Lê dương lẫn Bắc Phi hay Pháp chính cống. Trên con đường đẫm máu, chết chóc ấy, chúng kinh sợ nhất khi phải đi qua đoạn Bông Lau - Lũng Phầy, Bản Năm - Lũng Vài, Bố Củng - Lũng Mười. Mỗi lần phải nhận nhiệm vụ vận chuyển tiếp tế từ Lạng Sơn lên Cao Bằng, chúng đều khiếp đảm. Chúng phải tổ chức phòng vệ rất chặt chẽ, cẩn thận. Nào nghi binh, nào cho bộ đội tiến tiêu chiếm lĩnh các điểm cao, tuần tiểu, sục sạo, kết hợp phi pháo dọn đường, rà quét ven rừng. Nhưng vô hiệu,

càng về sau càng thua đau hơn trước. Người, xe, súng ống, đạn dược, khí tài, dụng cụ, lương thực càng bị mất nhiều hơn. Có lúc từ Cao Bằng xuôi về hàng đoàn xe không, nếu có tiếng súng, địch chỉ có một cách duy nhất: phóng liều mạng, phóng bạt tử khi qua các đoạn hiểm yếu. Thông thường chúng tôi lờ những chuyển trở về của chúng vì chỉ có những chiếc xe rỗng và lũ con buôn bám theo đưa hàng về xuôi. Nhưng bất ngờ, hồi tháng 5 năm 1949, chúng tôi giã trận Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ 2 diệt 15 xe. Từ hôm ấy địch kháo nhau :

- Đi lên chưa chết thì lúc về chưa hẳn đã thoát. Tốt nhất là thoát khỏi con Đường số 4 khủng khiếp này.

Hồi đó, mỗi lần về Quân khu họp tổng kết, tôi thường thay mặt Trung đoàn 28 báo cáo về những trận phục kích thắng lợi trên Đường số 4. Anh Văn và anh Thái hay xuống tham dự với Quân khu. Và tôi thường phải trả lời một câu hỏi :

- Tại sao chỉ quanh quẩn mấy địa điểm trên mà trung đoàn vẫn đánh thắng hoài ?

Đúng. Địch bị đánh rồi tất nhiên chúng phải phòng bị kỹ hơn. Trận sau dĩ nhiên khó đánh hơn trận trước. Nhưng rõ ràng ngày nào địch còn phải đi qua những đoạn hiểm yếu mà thiên nhiên đã tạo thành cái thế có lợi cho ta thì chúng còn bị đánh. Một bên núi dựng, một bên là khe sâu, đường vòng vèo ven chân núi, đi ngược phải lên đèo, về xuôi phải xuống dốc. Cùng với địa lợi là sự tính toán lựa chọn phương án thích hợp tối ưu của chúng tôi. Trong tính toán bố trí trận địa, tôi thường đặt mình vào tình thế địch và dự kiến nhiều tình huống, giả định giả thử địch ứng phó thế này, ta phải xử trí thế

kia. Giả định địch phản kích kiểu này, ta dùng cách nọ mà ứng phó. Có lần nghe tôi đưa ra nhiều giả định, anh Văn cười và bảo :

- Cậu này sao lắm giả định thế.

Trong hoàn cảnh địch mạnh ta yếu, địch chính quy hiện đại, ta còn thô sơ lạc hậu, lại ở một nơi rừng núi hiểm trở, kế hoạch của chúng tôi luôn phải kèm theo nhiều giả định, tình huống và biện pháp đối phó khi bất trắc xảy đến.

Trong trận Bối Cung - Lũng Vài lần 3, nhờ có nhiều dự kiến trước, nên khi đường liên lạc điện thoại giữa các tiểu đoàn và trung đoàn bị gián đoạn, các đơn vị vẫn tự động đối phó theo kế hoạch. Và khi thời cơ đến, có tín hiệu phát ra từ sở chỉ huy trên đỉnh núi, toàn thể mặt trận nhất tề nổ súng, chuyển bại thành thắng.

Bí quyết của sự thành công khi đặt kế hoạch tác chiến có nhiều giả định là như vậy.

Khi tôi trình bày đến cả những dự kiến về thời tiết, tính toán đến tuần trăng từng tháng, anh gật gù.

- Tay này thông minh.

Vì ta chưa có dự báo thời tiết hàng ngày qua đài nên tôi hay hỏi lịch thời tiết của các cụ già trong bản (loại lịch chữ Nôm tính theo ngày âm lịch) để dự kiến biết những ngày mưa nắng, cung cách trăng khuyết, trăng tròn mà tính thời điểm nổ súng có lợi. Thường đầu tuần trăng trời sáng lúc đầu, đêm về khuya trăng lụi dần. Chọn thời khắc nào bố trí trận địa dễ dàng hơn, đánh lúc nào thuận lợi hơn, là cả một sự tính toán khôn khéo giữa khoảng trời khi mờ, khi tỏ, lúc tối bùng. Nhờ khai thác cái vốn dân tộc ấy, mà ở nhiều trận,

để đánh phi pháo địch, bộ đội ta hành quân ra trận vào lúc trời có mây, có mù. Đối với tôi, các cụ kè là những chiếc hàn thử biểu, phong vũ biểu sống. Các cụ rất nhạy cảm về thời tiết. Nhưng có lẽ cái mà thắng địch luôn luôn bị thua là ở chỗ chúng luôn luôn bị bất ngờ. Chúng tôi đánh chúng vào đúng sự suy nghĩ rất chủ quan của chúng. Chủ quan vốn là thuộc tính cố hữu của địch, những kẻ nặng đầu óc vũ khí luận. Có pháo binh bắn dữ dội vào rừng, chúng nghĩ “bản thể này Việt Minh chui vào đâu mà mai phục”. Dùng máy bay rà soát ngọn cây, bắn hàng tràng đại liên xé cây, rạch đất, chúng nghĩ “Việt Minh nào mà chẳng lùì chạy”. Chiếm trước điểm cao rồi mới cho xe đi, chúng cũng nghĩ: “khống chế chặt chẽ thể này Việt Minh xung phong sao nổi xuống mặt đường”. Rồi chúng lại nghĩ: “Đánh một lần rồi, đại gì Việt Minh đánh lại chỗ đã bị lộ”. Cứ cái kiểu nghĩ “ta to, ta khoẻ, ta khôn thể này. Việt Minh lần này đụng độ sẽ chết” ! Bởi thế luôn luôn kẻ địch bị chết rất bất ngờ về những tính toán rất chủ quan như vậy. Còn chúng tôi lại rất chịu khó đúc kết nhanh sau từng trận đánh, rút kinh nghiệm nhanh và dự kiến luôn những gì kẻ địch sẽ tính tới ở những cuộc vận chuyển sau. Trong trận Bối Củng - Lũng Vài lần thứ 3, ta bắt được một tên đại úy. Hình như tên hấn là Béc-nô hay Béc-xô gì đó, tôi không nhớ cụ thể nữa. Tôi cho dẫn hấn đến để khai thác. Tôi hỏi :

- Anh đi qua đi lại trên đường này nhiều rồi chứ ?
- Thưa ông, đã một vài lần.
- Đây là lần thứ mấy ?
- Lần thứ 3 thưa ông.

Tôi mỉm cười bảo hấn :

- Đây cũng là lần thứ 3 tôi thắng trên đoạn Bồ Củng-Lũng Vài này.

Béc-nô buồn rầu :

- Vâng ! Ở đoạn này hể hôm nào có các ông phục kích chúng tôi đều bị cả.

Ngập ngừng giây lát hấn nói tiếp :

- Rất may là tôi không có mặt ở hai lần các ông phục kích trước đây.

- Vài lần không may hôm nay đã đến.

Béc-nô nhún vai :

- Vâng ! Thế là hết - Hấn ngao ngán. Từ lâu tôi và bạn bè đã tiên liệu, còn phải đi lại trên con đường số 4 chết tiệt này ắt sẽ có ngày gặp cơ sự khủng khiếp.

Tôi ngắt đứt lời than vãn của hấn và hỏi luôn :

- Lần này các anh phòng bị chu đáo do đã rút được nhiều kinh nghiệm ở mấy trận trước và ở cả đây và Bông Lau - Lũng Phầy, Bản Nặm. Anh hãy nói thật: Lúc bắt đầu ra đi anh có tin là bị phục kích không ?

Béc Nô cắn môi rồi gật đầu :

- Thưa ông ! Phục kích lúc nào là quyền của các ông. Nhưng có điều chúng tôi tưởng có thể ứng phó được nếu bị phục kích.

- Thì các anh cũng đã ứng phó đấy chứ.

Tên tù binh nhún vai, hai bàn tay xoè ra lúc lắc đầu :

- Biết làm sao được thưa ông ? Mọi diễn biến không đúng như điều chúng tôi hoạch định. Chiến tranh là sự dự liệu của cả hai bên mà.

Tôi gật đầu đồng ý và hỏi thêm :

- Nếu như anh còn phải đi vận chuyển thì lần sau anh tính toán bố trí ra sao cho tốt ?

Hắn mở to mắt nhìn tôi rồi nói:

- Với tôi thưa ông, tôi biết chắc chắn bây giờ chỉ còn một con đường đi về trại tù binh. Nhưng ông hỏi tôi xin nói: con nhà binh không ai muốn rơi vào cái bẫy cũ. Tôi chắc bạn bè tôi, cấp trên của tôi sẽ bố trí một cách đi hữu hiệu hơn. Bởi chúng tôi vẫn cứ phải tiếp tế cho Cao Bằng.

- Cứ giả tưởng như anh sẽ đi, anh sẽ định ra sao ? - Vừa nói tôi vừa đưa cho Béc-nô một tờ giấy và chiếc bút máy Pác-ke của tôi. - Nào, lại gần đây.

Béc-nô suy nghĩ rồi hắn phác họa trên giấy một cung cách xử trí cho một đoàn công-voa tiếp tế từ Lạng Sơn lên Cao Bằng khi qua điểm hiểm yếu. Hắn giảng theo từng nét sơ đồ rồi gật gù :

- Chắc chắn là hữu hiệu hơn. Các ông khó mà đánh được.

Tôi cười :

- Anh đoán chắc chứ.

Béc-nô cũng thẳng thắn :

- Chắc chứ, với tôi thì chắc chắn. Còn với ông ... chiến tranh mà !
Sự đối chọi của hai bên. Thưa ông !

Tôi thưởng cho Béc-nô cả gói thuốc lá Phi-líp.

Quả nhiên, ít hôm sau, cung cách đi trên đường, mọi hoạt động và mối quan hệ giữa các đồn bắt dọc đường với đoàn xe vận tải chuyển gần giống như điều Béc-nô đã diễn giải.

Từ sự rút kinh nghiệm, ứng phó mới của địch, tôi tìm ra thế bố trí, cách đánh mới ở trận Bông Lau lần thứ 3. Trận thắng rất đậm. Sau này, chuyển sang làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174, đơn vị của mặt trận Cao - Bắc - Lạng trực thuộc Bộ, mỗi lần lên báo cáo tình hình tôi vẫn được anh Văn nhắc nhở :

- Dù địch mạnh thế nào, bố trí ra sao, ta vẫn có thể đánh được. Đánh cả tiêu hao lẫn tiêu diệt. Nhưng hãy chú ý phải coi việc tiêu diệt sinh lực địch là chính. Tiêu diệt gọn, tiêu diệt nhiều, địch sẽ mau tan rã ý chí. Về mặt tổ chức, chúng cũng khó khăn hơn trong việc bổ sung lực lượng và củng cố đơn vị một khi đơn vị đó bị ta xóa sổ hoàn toàn, và có tiêu diệt được sinh lực thì mới giải phóng được đất đai.

Tôi nhớ điều đó và rất tâm đắc. Tôi coi đó là phương châm hành động để thực hiện quyết tâm của trung đoàn: "chặt đứt Đường số 4".

Khoảng từ tháng 8 năm 1949, thế chủ động của ta trên chiến trường Cao - Bắc - Lạng đã rõ rệt. Lực lượng bộ đội tập trung của ta đông hơn, mạnh hơn. Mỗi ngày nào, sau khi chiếm Cao Bằng, viên cao ủy Bô-la lên thị sát từng hí hửng tuyên bố :

- Không bao giờ ! Thật vậy ! Không bao giờ nước Pháp rời bỏ cái thành phố xinh đẹp này !

Quan năm Công-xtăng cũng thề thốt :

- Chúng tôi xin làm tròn sứ mệnh bảo vệ an toàn quân khu Biên thủy. Sẽ luôn ở tư thế uy hiếp cái chiến khu Việt Bắc của Việt Minh.

Ấy vậy mà con Đường số 4 vào thời điểm này đang rầy chết. Nó chỉ còn bảo đảm an toàn từ phía dưới Tiên Yên đến Lạng Sơn. Từ Lạng Sơn ngược lên nó gần như bị tê liệt. Để nuôi sống phân khu Cao Bằng - Bắc Cạn, địch phải mở những chuyến đi đẫm máu ; các nhà chiến lược Pháp đã bắt đầu có sự bàn cãi tính toán. Liệu có nên rút bỏ Cao Bằng hay mở đường tiếp tế bằng hàng không cho an toàn. Tờ báo Thế giới (Le Monde) báo hiệu nổi chua cay của bọn viễn chinh xâm lược Pháp ở Đông Dương: "Việt Minh đã giành thế chủ động hoàn toàn trên Đường số 4^[13]". Cái tí chữ to in trên trang một làm đau đầu cao ủy Bô-la vô cùng.

Trên cơ sở lực lượng vũ trang một số địa phương đã dày dạn, trưởng thành, để đáp ứng với nhiệm vụ mới, Bộ Tổng tư lệnh quyết định thành lập Trung đoàn 174, trung đoàn của Mặt trận Cao - Bắc - Lạng trực thuộc Bộ. Trung đoàn bao gồm 3 tiểu đoàn chủ công và một số đại đội thực thuộc lấy ở 3 trung đoàn 3 tỉnh hợp lại. Trung đoàn 28 của Lạng Sơn. Trung đoàn 72 của Bắc Cạn vừa tròn số cộng là 100. Thêm Trung đoàn 74 của Cao Bằng. Phiên hiệu 174 mang ý nghĩa sức mạnh đoàn kết của con em 3 tỉnh Cao - Bắc - Lạng tập hợp lại chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng quê hương miền biên giới Cao - Bắc - Lạng. Đầu tháng 8 năm ấy, tôi đang bám sát Đường số

4, bỗng có điện gọi về Trung đoàn bộ ở Kéo Coong. Về tới nơi đã thấy anh Thanh Phong, Quân khu phó đang chờ. Anh thay mặt Quân khu truyền đạt mệnh lệnh của Bộ về việc thành lập Trung đoàn 174. Anh Hà Kế Tấn lên Quân khu nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174. Anh Chu Huy Mân Trung đoàn trưởng Trung đoàn 74 của Cao Bằng sẽ là Chính ủy trung đoàn mới. Trên giao cho anh Mân và tôi chịu trách nhiệm tổ chức hình thành trung đoàn vào tháng 9. Nghĩa là chúng tôi có một tháng để tập hợp lực lượng, sắp xếp, điều động cán bộ, tổ chức nề nếp công tác với nhiệm vụ "Trung đoàn 174, trung đoàn của Cao - Bắc - Lạng hễ đánh là thắng".

Mấy hôm sau anh Mân^[14] ở trên Cao Bằng về Kéo Coong với tôi.

- Trời ! Anh Lạc. - Tôi mừng rỡ kêu lên: - Hoá ra anh à ?

Anh Mân chỉ tủm tỉm cười, tính anh vốn ít nói năng ồn ào. Vẫn là tác phong điềm đạm và giọng nói xứ Nghệ rủ rủ, nặng nề, anh bảo :

- Thế là mình chờ rằng nữa.

- Nào "tui" có biết anh đổi tên từ khi "mô".

Tôi cũng nói vui lại bằng giọng điệu quê hương xứ Nghệ chúng tôi.

Hai chúng tôi vốn có duyên nợ quen biết nhau từ lâu. Tôi quê Diễn Châu, anh ở Hưng Nguyên cũng tỉnh Nghệ An. Hồi Cách mạng tháng Tám năm 1945 cướp chính quyền ở Thuận Hoá, tôi đã gặp anh. Lúc đó, tôi là một sinh viên mới tham gia Việt Minh từ năm trước. Còn anh đã là một đảng viên kỳ cựu tham gia hoạt động cách

mạng từ thời Xô viết Nghệ Tĩnh (1930), đã từng lãnh án tù đầy đi Công -tum, từng vượt ngục để tiếp tục hoạt động cách mạng. Thực dân Pháp liệt anh vào loại nguy hiểm. Cứ hàng năm vào ngày kỷ niệm mừng 1 tháng 5 hoặc ngày “cách-to duy-dê” (14-7), ngày lễ quốc khánh của nước Pháp, là chúng lại bắt anh vào tù ít lâu. Anh thì chứng chạc, chín chắn, tôi thì bông bột sôi nổi, nguyên hình của một thanh niên thuở cách mạng mới thành công. Chúng tôi đã từng có mặt trong những ngày đầu thành lập xây dựng đoàn Vệ Quốc quân đầu tiên của Bình Trị Thiên. Ít lâu sau tôi lên mặt trận Đường số 9 ngăn chặn bọn Pháp từ sườn phía Tây toan tính chiếm lại Trung Bộ. Khi tôi chuyển sang mặt trận Đường số 7 thì anh được điều tới thay tôi chỉ huy Đường số 9. Rồi chiến tranh toàn quốc bùng nổ, hai người chung một chiến trường Đường số 4, ở hai tỉnh địa đầu Tổ quốc mà không biết. Nay lại hội ngộ, cùng chung một trung đoàn, đúng là quả đất tròn. Rất tròn vậy ! Điều vui sướng nhất lúc đó là tôi cứ thầm nghĩ mình có duyên may. Trước đây là anh Hà Kế Tấn, giờ lại anh Chu Huy Mân. Các anh vừa lớn tuổi đời hơn, vừa là chiến sĩ cách mạng từng dày dạn trong đấu tranh, từng ra tù vào tội qua nhiều thử thách gian truân, có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Với người chính ủy như vậy tôi như có chỗ dựa vững chắc, yên tâm điều quân đi đánh giặc. Anh Mân bàn với tôi :

- Việc khởi đầu là ta phải quán triệt chủ trương của trên. Tình hình chiến trường càng phát triển, trung đoàn mới của ta phải đủ sức đáp ứng nhiệm vụ mới. Xây dựng sao để trung đoàn vươn lên có khả năng đánh vận động, tiêu diệt sinh lực lớn của địch, tiến tới những trận công kiên tốt.

Tôi nói :

- Vậy ta phải tính đến sức cơ động của trung đoàn. Khác với trước, chúng ta không còn là một đơn vị quanh quẩn ở địa bàn trong một tỉnh nữa rồi.

Anh Mân đồng tình :

- Đúng ! Chẳng những có sức cơ động mạnh, mà còn phải mạnh về nhiều mặt. Một trung đoàn hoàn chỉnh là trung đoàn mạnh về tư tưởng, mạnh về trình độ kỹ thuật, chiến thuật, mạnh cả về công tác chính trị: Dân vận giỏi, sao cho đi dân nhớ, ở dân thương. Dịch vận giỏi góp phần làm tan rã đội ngũ địch ...

Chúng tôi còn bàn nhiều về tổ chức, về cán bộ, về vũ khí v.v... mọi việc dễ dàng nhưng khi bàn đến vấn đề hậu cần, lương thực thì cả hai chúng tôi đều cảm thấy đây là khó khăn lớn. Cao - Bắc - Lạng là đất miền núi, dân vẫn thường ăn ngô, sắn kèm theo thóc gạo. Toàn ruộng bậc thang một mùa cấy hái theo lối làm nương rẫy. Lạng Sơn có Thất Khê, Bình Gia. Cao Bằng có Nước Hai, Trùng Khánh là những nơi có nhiều đồng lúa, nhưng đâu phải ruộng kiểu thẳng cánh cò bay như vùng đồng bằng dưới xuôi. Với một trung đoàn tập trung gồm 5 tiểu đoàn cùng với bao nhiêu đại đội trực thuộc, quân số đến năm ngàn rưỡi. Chỉ đóng ở đâu độ một tháng là ăn nhẵn lúa gạo của dân rồi. Tập hợp quân lại cho đông vui thì dễ, nhưng nuôi số quân ấy hàng ngày đâu phải chuyện vui. Nhưng rồi chúng tôi đều nhất trí "Việc này phải có Dân, Chính, Đảng cùng lo với chúng ta mới xong".

Anh Mân cười :

- Để tôi gánh chịu việc nan giải này cho. Tôi sẽ làm việc với Quân khu, với tỉnh, với Mặt trận Liên Việt sao cho lính có ăn mới đánh giặc. Còn anh lo công tác tham mưu tác chiến. Lo liệu, tính toán sao cho có một trận thắng to trước mắt mừng lễ ra quân của E ta nghe !

Tôi nói vui :

- Tháng hay không là do hũ gạo quyết định chứ không phải người cầm quân lúc này. Vậy anh là người quyết định đó !

*

* *

Trước khi nhận quyết định của Bộ về việc thành lập Trung đoàn 174, tôi đang bám sát Đường số 4 với ý định đánh trận Bông Lau - Lũng Phầy một lần nữa. Khi có điện về Kéo Coong, tôi vẫn để trình sát bám đường theo dõi chặt chẽ tình hình địch. Người phụ trách đại đội trinh sát là anh Sáu Nhật. Gọi như vậy vì anh vốn là một sĩ quan Nhật sang hàng ngũ ta khi được biết phải giao nộp vũ khí cho quân đội Tưởng ở Bắc Việt Nam. Ta thường gọi các sĩ quan, binh lính Nhật chạy sang hàng ngũ quân đội ta là "Việt Nam mới", một cái tên thông dụng lúc bấy giờ. Sau bao nhiêu thử thách trong các trận, càng ngày anh càng tỏ ra là một cán bộ có bản lĩnh chiến đấu rất dũng cảm và trung thành. Đã có lần anh tâm sự :

- Tôi coi Việt Nam là quê hương thứ hai của tôi. Sống trong đội ngũ giải phóng quân Việt Nam, tôi đã giác ngộ nhiều lắm. Tôi đã hiểu thế nào là quân đội cách mạng. Quân cách mạng chiến đấu vì nhân dân vì sự nghiệp giải phóng của đất nước.

Điều anh tâm đắc nhất là trong quân đội cách mạng như quân đội Việt Nam, chỉ huy và chiến sĩ thực sự là anh em, là đồng chí. Sáu Nhật rất thích được mọi người gọi mình là đồng chí và luôn luôn chứng tỏ cho mọi người biết, anh sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Việt Nam.

Một lần, trong trận Người Kim - Chôc Ngà, Sáu Nhật xung phong lao xuống mặt đường. Tên quan ba Ri-vơ-ranh nấp ở cạnh đấy dùng khẩu súng ngắn bắn anh. Viên đạn sượt qua má. Cùng lúc ấy, Đại đội trưởng Lê Hoàn rút kiếm lao tới. Tên Pháp cuống quýt xin hàng. Lê Hoàn vung kiếm chém khi thấy má Sáu Nhật đầy máu, nhưng chính Sáu Nhật đã ngăn Hoàn lại :

- Tha cho nó. Không thèm giết kẻ đã hàng.

Sau này vết thương in một dấu sẹo dài trên má. Biết tôi hay chú ý tới công tác địch vận, Sáu Nhật thường chỉ chỉ vào má mình nói vui :

- Kỷ niệm biết làm địch vận của tôi đấy, Trung đoàn trưởng ạ !

Mới gần đây, sau hơn 35 năm xa cách, chúng tôi lại gặp nhau. Sáu Nhật là Tổng thư ký Hội mậu dịch Nhật - Việt. Anh đến Hà nội công tác và nhắn tìm tôi.

Một cuộc gặp gỡ đầy xúc động khi nhắc tới một thời đã từng chung sống gian nan, hào hùng dọc Đường số 4 miền đất Cao - Bắc - Lạng. Bấy giờ tôi mới biết tên thật của anh là Keochiro Iwai^[15].

Một lần, Trung đoàn tổ chức một tuyến trinh sát từ dưới Mũi Ngọc theo dọc Đường số 4 tới sở chỉ huy tiền phương. Sáu Nhật chỉ huy toàn tuyến kể từ việc báo bằng điện đài, điện thoại tới chạy bộ

kiểu Ma-ra-tông. Mỗi lần trung đoàn phục kích chờ địch, hể đoàn vận chuyển của chúng xuất phát từ Mũi Chùa là đã có điện báo về trạm Lạng Sơn. Từ đấy, từng chặng một bằng mọi cách, anh báo về sở chỉ huy từng động tĩnh, từng đường đi, nước bước của chuyển công-voa tiếp tế của địch.

Tôi có ý định sử dụng các tiểu đoàn của ba Trung đoàn Cao -Bắc - Lạng vừa mới sáp nhập thành 174 để đánh trận Bông Lau - Lũng Phầy, làm trận ra quân đầu tiên của trung đoàn. Anh Mân tán thành ngay. Chúng tôi bàn bạc, không tập trung quân về mà chỉ triệu tập khung cán bộ tiểu đoàn, đại đội thuộc ba nơi và các đơn vị trực thuộc. Anh em về, vừa để nhận quen nhau, vừa bàn bạc tổ chức đánh trận đầu giòn giã. Tôi sẽ dẫn cán bộ đi trinh sát thực địa, lên phương án kế hoạch tác chiến tại trận. Sau đó cán bộ từng nơi về dẫn quân đến nhận vị trí và bố trí trận địa, tổ chức phục kích chờ địch. Anh Mân cùng với cán bộ hậu cần lo tổ chức đường dây tiếp tế lương thực từ phía sau tới mặt trận, anh cũng lo luôn việc bàn tính với Tỉnh ủy Cao Bằng về các mặt cơ sở vật chất, tinh thần cho buổi lễ ra mắt trung đoàn, đồng thời là lễ mừng chiến thắng mới trên Đường số 4. Nhiệm vụ đề ra cho chúng tôi khá rõ rệt. Bằng mọi giá, trận đầu phải thắng, chỉ được thắng và thắng thật giòn giã, thật vang dội.

Cuộc hội ngộ của đông đảo các cán bộ quân sự chủ chốt của 3 tỉnh diễn ra đầy hào hứng, phấn chấn, toàn những con người mà tên tuổi gắn liền với chiến trường Cao - Bắc - Lạng. Biết nhau qua từng tiếng vang của các trận thắng, nay mặt nhìn mặt, tay cầm tay vui mừng khôn tả. Những Nguyễn Hữu An, Trung Ngọc, Nguyễn Chân,

đồng chí Nùng, Nông Quốc Tiến của 74 Cao Bằng ; Lê Hoàn, Bắc Quân, Bế Chu Lang, Đinh Giang, Đắc Hanh, Hùng Quốc, Bằng Khê của 28 Lạng Sơn. Trung đoàn 72 Bắc Cạn có Thanh Tâm, Lê Vũ ... Rồi đồng chí Kha, Đinh Như Thành, Tấn Phong, Ngọc Sương của pháo binh, trợ chiến, chân đồng vai sắt. Những cán bộ trinh sát, thông tin như Sáu Nhật, Tiến Hùng, Lưu Bằng lão luyện tinh thông nghiệp vụ. Một số cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần như Lê Phước, Hữu Sơn, Hữu Tố, Ngọc Sương, Tiêu Sơn. Ai cũng tin tưởng, cũng muốn đóng góp hết mình cho sự trưởng thành của Trung đoàn 174, đứa con đầu lòng kết tụ tinh hoa của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Khí thế ra quân giành thắng lợi tương bừng, náo nức vô cùng.

*

* *

Qua trinh sát, tôi đã nắm chắc quy luật đi lại của địch. Đạo này nhিপ điệu vận chuyển của chúng thưa hơn. Nhưng đã đi thì đi hẳn những chuyến lớn hàng trăm xe, bố phòng rất chu đáo, rất tinh vi, tỉ mỉ và không tiếc đạn pháo lúc cần. Thông thường, chúng xuất phát từ Tiên Yên - Khe Tù chạy đến Lạng Sơn, nghỉ lại chờ và nghe ngóng. Từ Lạng Sơn chúng chỉ đi đến Thất Khê, dừng lại một đêm. Hôm sau, hoặc có thể muộn hơn mới đi tiếp chặng lên Cao Bằng. Từng chặng có bộ binh dọn đường, bố trí quân án ngữ bảo vệ. Kiểu cách như sau :

Tờ mờ sáng, địch dùng một tiểu đoàn Âu - Phi mở đường. Tới đèo Bông Lau, chúng rẽ trái, leo lên dãy núi Phau Pia, dàn quân chiếm lĩnh mười một mỏm cao trên đỉnh núi. Chúng đào công sự dã chiến, bố trí hỏa lực nhắm về hướng Đông Bắc dãy núi đá, nơi

chúng nghi ta xuất quân từ phía đó. Tiếp theo là 3 đại đội Lê dương, cùng xe tăng, xe bọc thép, bố trí dọc đường cái như những cọc tiêu sống, có cả chó béc-giê sục sạo đánh hơi vào trong sân để tìm dấu vết quân ta. Một số leo lên chiếm thành vai ta-luy. Tăng và xe bọc thép chĩa súng ngóng về phía núi đá hướng Đông.

Ở phía trên Đông Khê, chúng cho hai đại đội bộ binh, thiết giáp, bố trí quanh làng Lũng Phầy, sẵn sàng ứng cứu. Bố trí, sục sạo xong, bọn án ngữ báo tín hiệu: "Đường đã mở, có thể cho xe lên đường", lúc này đoàn xe mới xuất phát. Một tiểu đoàn Lê dương hộ tống phía trước, ở giữa và sau đuôi. Cả đoàn thông thường trên 100 chiếc, chia thành nhiều tốp. Mỗi tốp 10 xe đi với cự ly 2 km một tốp. Xe nọ cách xe kia chừng 300 m.

Địch hy vọng, với cách này, đoàn xe được bảo đảm an toàn tuyệt đối. Và rõ ràng, khi chúng tôi chưa tổ chức đánh, đang nắm quy luật, thói quen của chúng, địch đã đi trót lọt. Chúng nghĩ, dù có bị đánh, giới lãnh ta cũng chỉ phá được 5 hoặc 10 xe là cùng. Cả đoàn lớn vẫn hoàn thành công việc vận chuyển. Một khi đã trót lọt, an toàn dăm ba lần, địch dễ chủ quan, dễ lơ là, mất cảnh giác. Điều bất ngờ đối với chúng là như vậy. Chúng tôi đánh vào lúc chúng quá tin là ta không thể đánh được.

Trận này tôi sử dụng 4 tiểu đoàn bộ binh, mở dài tuyến phục kích trên 6 km, với quyết tâm khuỷp gọn toàn bộ chuyển công-voa lớn. Ngoài 3 tiểu đoàn của 3 tỉnh, tôi dùng cả Tiểu đoàn 23, đơn vị của Bộ, đã từng đánh Bồ Củng - Lũng Vài lần thứ nhất. Sau khi nghiên cứu kỹ quy luật, tình hình địch, các cán bộ bàn bạc rất sôi nổi ? Chúng tôi dùng lối vận động phục kích, ta để địch chiếm đỉnh cao,

bổ phòng khổng chế ngay ở điểm chúng nghi bị mai phục. Ta giải quyết sao để vừa không bị lộ, vừa vô hiệu hoá ngay bọn này khi ta nổ súng vào đoàn xe. Phương châm hành động của chúng tôi là: “bí mật, táo bạo, mưu trí”. Tổ chức một bộ phận ém rất kín đáo, ngay ngang sườn, phía trước và phía sau ngọn Khâu Pia. Địch đến, bộ phận này phải dấu quân thật giỏi, để chúng lên thẳng trên các đỉnh cao, đúng như kế hoạch của chúng. Cốt sao cho địch dừng đọng phải mình, biến thành cuộc tao ngộ chiến với bọn bộ binh đi án ngữ này. Vì, nếu xảy ra như vậy sẽ không có xe nào đi nữa. Nhiệm vụ nguy hiểm này tôi giao cho Lê Hoàn là một đại đội trưởng^[16] rất dày dạn, Hoàn người Tràng Định, đa số cán bộ, chiến sĩ trong đại đội của Hoàn cũng cùng quê, nên rất thông hiểu dãy Khâu Pia. Họ biết nơi nào ẩn tốt, từ hẻm núi hốc đá nào bất thần tiến công địch và đánh gục địch vào đúng lúc cần thiết nhất. Phía dãy núi đá đối diện, chúng tôi đặt hai tầng hoả lực mạnh dọc đỉnh và sườn đối diện với địch về phía núi Khâu Pia. Các vị trí hoả lực được chuẩn bị sẵn, nhưng chưa đặt vũ khí. Khi địch đã yên trí, không tìm ra dấu vết quân ta, trung đoàn mới ra lệnh các hoả lực vào vị trí. Khi nổ súng hoả lực này sẽ kiềm chế xe tăng, xe bọc thép, cùng bọn bộ binh chúng rải trên đường và dọc sườn ta-luy. Khẩu 70 ly và khẩu 37 ly sẽ trút đạn sang đỉnh núi Khâu Pia trợ lực cho xung kích của Lê Hoàn tiến công tiêu diệt chúng. Xung lực chính là Tiểu đoàn 251 của Nguyễn Hữu An^[17] đơn vị chủ công của trung đoàn anh Mân trước đây. Tiểu đoàn này đã từng đánh những trận nổi tiếng trên trục Đường số 4, hoà nhịp chiến công với Tiểu đoàn 249 của Trung đoàn 28 Lạng Sơn. Về với Trung đoàn 174, Tiểu đoàn 251 được trang bị

khá mạnh. Toàn những trung liên đầu bạc Brenn, tiểu liên Tôm-xơn, Sten chiến lợi phẩm lấy được ở các trận Lũng Mười, phía trên Đông Khê, dịp Nôen 1947 diệt 27 xe và 2 đại đội Lê dương tinh nhuệ, trận Nà Kéo, trận Nà Danh trên đường Đông Khê - Phục Hoà diệt 4 xe tăng. Đánh xong, An cho quay nòng súng bắn luôn vào Đông Khê uy hiếp bọn ứng cứu.

Nhiệm vụ của Tiểu đoàn 251 là từ chỗ ẩn quân phía sâu trong rừng, sẽ men theo khe, xung phong nhanh lên mặt đường sau khi đại liên, trung liên và cối ở sườn núi đã rà quét vào đoàn xe.

Hướng Thất Khê có tiểu đoàn Bông Lau (249) khoá đuôi chặn viện. Tiểu đoàn 23 chặn đầu không cho chúng thoát lên Đông Khê.

Muốn đoàn xe ùn tắc, dồn lại, chúng tôi cho công binh ném loại đinh ba chạc ra mặt đường, xe bị xệt lốp sẽ vướng ùn lại. Địch có phát hiện cũng cho rằng: “mẹo phá hoại của nhóm du kích nhỏ quấy rối, ngăn chặn tốc độ vận chuyển mà thôi”.

Một trận đánh được tính toán kỹ càng từng chi tiết nhỏ, để đối phó lại kế hoạch phòng vệ khá chu đáo cho việc thông xe của địch. Hôm đi trinh sát lúc gần tiếp cận đoạn Bông Lau - Lũng Phầy, chúng tôi phải rải chặn xuống chỗ bước lên đường. Xong đó lại có bộ phận vượt từng cành cây, ngọn cỏ, để tránh lộ dấu vết, tránh cả việc đánh hơi của chó béc-giê. Tất cả đều xác định: “Giữ được bí mật là nắm chắc 80% thắng lợi”. Chỉ cần một sơ xuất nhỏ sẽ làm hỏng toàn cuộc. Con thú sẽ bỏ mồi, cá sẽ lảng khỏi câu, đàn chim phải đi không về rồi mất. Cái khó không phải chỉ giữ bí mật trong khoảng thời gian nhất định, mà phải kiên tâm cho tới lúc địch xuất hiện, có thể một ngày, cũng có thể hai ba ngày, hoặc địch có thám báo biết bị phục

kích không đi nữa. Sau này, có lần gặp lại anh Nguyễn Hữu An, nhắc đến cuộc kháng chiến xưa trên Đường số 4, anh bảo :

- Anh Việt nhỉ ! Ngày ấy ta thắng lớn trận Bông Lau - Lũng Phầy do nhiều nguyên nhân. Nhưng nhớ lại tôi vẫn tâm đắc một điều, bộ đội rất kỷ luật, ý thức tổ chức cao, tinh thần chịu đựng gian khổ rất vững. Anh nghĩ xem ! Chờ mãi thắng địch nó không đi không đến. Cứ phi pháo nó giã mấy ngày liền, vừa giữ bí mật, vừa gan dạ kiên trì, cơm vắt, muối rừng chịu đựng hoài. Chờ tới lúc được đánh mới thôi. Quý lắm ! Chả trách mà dân Cao - Bắc - Lạng cứ bảo: "Bộ đội cụ Hồ quý lắm mà. Thương lắm mà".

Quả thế thật ! Trận đó chờ tới hai ngày địch không hề động tĩnh. Sang ngày thứ ba, hai máy bay "Cổ ngỗng" mò đến, cứ nhè dọc sau dãy núi đá xẻ trọng liên "đuôi xết" đình tai nhức óc, tiếp đến pháo từ Thất Khê bắn dồn dập và cứ thế chúng nó cầm canh suốt ngày đêm. Một câu hỏi đặt ra buộc người chỉ huy phải suy tính: "Bị lộ rồi chẳng ? giặc không đi nữa chẳng ? chúng dùng phi pháo để phá cuộc phục kích hay chỉ là hành động nghi ngờ dọn đường cho một chuyển vận chuyển lớn".

Tôi bàn tính với Tham mưu trưởng Nguyễn Văn Thước: "Nếu lộ chắc địch dùng bộ binh Âu Phi mở cuộc hành binh tiến công ta ngay. Đây chỉ là vấn đề bắn phá vào vùng rừng hiểm trở chúng thường lo bị phục kích. Ta cứ kiên trì ! Con cá chờ lâu là con cá lớn".

Bộ đội được lệnh giữ vững tinh thần đợi địch: tổ chức ẩn nấp tránh phi pháo cho tốt ; tuyệt đối giữ bí mật, không vì chờ lâu mệt mỏi mà lơ là mất cảnh giác. Nhưng chờ lâu, lương ăn đã cạn, để ra vấn đề ăn uống hàng ngày khá nan giải. Tôi họp với cán bộ hậu cần

và chính trị để bàn cách giải quyết. Cần liên lạc gấp với Đảng ủy và chính quyền các xã Quốc Khánh, Tân Tiến, Chí Minh, vận động bà con tiếp tế lương thực cho bộ đội. Một mặt tôi báo cáo về căn cứ để anh Mân tổ chức đường dây tiếp tế cho mặt trận. Cán bộ dân vận và hậu cần trở về cho biết :

Nhân dân đang trong thời kỳ hết lương thực. Nhiều nhà phải vào rừng đào củ mài, nhưng các cán bộ địa phương đã huy động bà con lấy thóc giống ra giã gạo. Bà con sẽ vất cơm nắm tiếp tế ngay trong đêm nay. Dưới vùng căn cứ cũng đang tổ chức dân công tiếp vận. Tất cả mọi nơi mong mỏi sao ngoài tiền tuyến bộ đội đánh thắng. Tôi xúc động vô cùng và cho phổ biến ngay tin sốt dẻo về tinh thần nhường cơm sẻ áo của bà con dân bản đối với bộ đội. Cả trận địa vui mừng, cả trận địa quyết tâm chịu khổ, chịu đói, kiên trì chờ giặc. Chúng tôi quyết đánh và đánh thắng.

Sang đến ngày thứ tư, mới sáng sớm địch dồn dập nhiều loại đạn 105 vào trận địa. Giữa lúc đạn pháo nổ, tôi được đài quan sát phía sau báo: "Nó đã xuất hiện 1 xe tăng, 2 xe bọc thép và 3 xe đầy Lê dương tiến rất thận trọng".

Thôi đúng là bọn đi chiếm cao điểm án ngữ bảo vệ đường đây ! Thế nào chúng cũng vận chuyển hôm nay.

Địch bắt đầu hành động. Hãy tuyệt đối giữ bí mật. Cố tránh không cho địch phát hiện. Giữ vững kỷ luật chưa có lệnh chưa được nổ súng. Lệnh từ đài chỉ huy được truyền xuống từng đơn vị. Sáu Nhật rời ống nhòm, bám sát từng hành động nhỏ của địch, nhất nhất đều báo cáo cho chỉ huy mặt trận. Tôi ngồi sát điện đài theo dõi tình hình. Quả nhiên đúng như bài bản cũ. Địch cũng chiếm

điểm cao trên Khâu Pia, cũng cho chó lùng sục, cũng dùng bộ binh và tăng án ngữ dọc đường thận trọng hơn, chúng cho cả máy bay bà già vè vè trinh sát mấy vòng. Không thấy một bóng Việt Minh nào dọc theo đường cái. Lệnh từ tên quan tư chỉ huy mở đường về căn cứ Thất Khê: "An toàn tuyệt đối - Đường đã mở - Cho xuất phát"^[18] Thế là đoàn xe 126 chiếc hành tiến. Từng tốp, khối, từng tốp bụi mịt mù Đường số 4.

Tôi cũng tuân tự thực hiện bài bản của mình: lệnh cho Tiểu đoàn xung kích 251 của An và Tiểu đoàn 23 của Lê Niên từ trong rừng sâu, khe đá vận động tiến ra gần sát đường. Sau khi cho tốp đầu đi trót lọt, lệnh cho đội công binh ném đinh ba chạc. Lệnh cho 2 tăng hoả lực vào vị trí và sẵn sàng. Tầng cao, áp đảo bọn chiếm sườn ta-luy và bọn án ngữ trên đỉnh Khâu Pia. Tầng dưới úp vào bọn dưới đường và đoàn xe. Bên kia ngọn Khâu Pia, đại đội của Lê Hoàn chuẩn bị tư thế sẵn sàng, nghe súng lệnh là nhanh chóng diệt bọn địch chiếm cao điểm rồi đánh thốc xuống phía bên Bông Lau, bộ phận ở sườn phía Đông, tuột sát đường, đánh vào bọn địch trên các ta-luy ven đường, khống chế bọn tàn binh chạy ngược lên phía Khâu Pia.

Từ đài chỉ huy, tôi quan sát thấy chiếc xe thứ 12: xịt lốp, các xe khác cứ ùn lên. Từ cự ly 300 m, nay mỗi xe chỉ cách nhau 2 đến 3 mét, thế kéo dài dần mỏng trở thành thế co cụm. Tiếng gầm của xe cộng với tiếng hò hét của bọn lính, tiếng chó béc-giê, dội vào vách núi đá, nghe ầm ầm chấn động cả một góc núi rừng. Điện tới tập từ các tiểu đoàn gọi về A1: Lê Hoàn, Bắc Quân, Nguyễn Hữu An, Lê Niên đều áp sát quá gần địch, xin đánh. Một sơ hở sẽ làm lộ bí mật,

sẽ mất hết chủ động. Tôi vẫn kiên trì ... Sáu Nhật báo cáo: " Đã lọt vào trận địa hơn 90 xe. Địch đã chữa xong chiếc xe xít lốp và đang lên xe chuẩn bị hành quân tiếp". Đây là thời cơ, thời cơ tốt nhất đã đến. Tôi ra lệnh nổ súng. Sau này nghĩ lại trong một trận phục kích, chọn thời cơ nổ súng là cả một nghệ thuật.

Một trận đánh dữ dội rất khuỷp, rất đẹp. Xe địch nghiêng ngả dài suốt 6km đường. Đã hết một thời mà bọn Lê dương ngổ ngáo hò hét: Mút-cơ-tông, pa pơ^[19]. Giờ chúng chỉ dám chui tụt xuống gầm xe, rãnh cống dọc bờ đường bắn trả một cách tuyệt vọng. Cuối cùng đành chịu chết hoặc xin hàng. Có lẽ đây là trận thắng lớn nhất, diệt nhiều xe nhất, bắt tù binh nhiều nhất trên Đường số 4. Còn chiến lợi phẩm thì nhiều vô thiên lủng. Sau này tôi mới biết, nhân dân các xã Quốc Khánh - Tân Tiến, Chí Minh gần đó đã ra lấy hàng hoá dọc khe, bờ rừng đến hai ba tháng không hết.

Khi tiếng súng vừa dứt, từ trên đài chỉ huy tôi xuống mặt đường, nhìn thấy một cảnh tượng rất vui mắt. Tiểu đoàn trưởng An đang bắt bọn tù binh Lê dương lái những chiếc xe mà ta đã thu hết hoặc không thu hết chiến lợi phẩm cho lao xuống vực. Bọn chúng ngoan ngoãn lên xe gài số sẵn rồi cho từng chiếc từ từ lao xuống sau khi chúng nhảy ra khỏi buồng lái.

Tiểu đoàn trưởng An cười với tôi :

- Bọn tù binh khác thì phải khiêng chiến lợi phẩm anh ạ !
- Thế còn những chiếc xe bẹp chết máy kia ?
- Sẽ hoả táng ! Khung xe cháy rụi để bọn Thất Khê tha hồ mang cần trục lên mà dọn.

Đêm đó tôi và An cứ loay hoay bên cạnh chiếc xe tăng, bàn nhau tìm cách cho tháo lấy khẩu đại bác 75 ly mà không sao tháo nổi. Cuối cùng An bảo :

- Không lấy được thì tổng cho nó một quả lựu đạn vào nòng, tưới xăng đốt cháy, chẳng đại gì để nó dùng.

Trận ấy, khi hỏi tên quan ba Đuy-mê-ghi-ô, tôi mới rõ, có một tên Việt gian về tận Thất Khê báo với chúng là bộ đội ta hành quân về phía Đường số 4 nhiều lắm. Định nghi và tổ chức bắn pháo, Đuy-mê-ghi-ô nói :

- Cái sai lầm của chúng tôi là quá coi thường sự bền gan, vững chí của các ông. Chúng tôi nghĩ, sau ba ngày đêm máy bay và pháo bắn liên tục, chắc chắn các ông bị thương vong nhiều, khó lòng chịu đựng nổi, chắc đã rút. Ôi ! ... Không ngờ ... rất không ngờ.

Sau giây phút đắn đo, hăn khai tiếp: còn một điều nữa chúng tôi buộc phải đi hôm nay, vì lễ bốn hôm nữa là ngày hội Lê dương (7-9) ngày truyền thống của chúng tôi tổ chức ở Cao Bằng. Chúng tôi rất cần chờ mọi thứ cho ngày hội lớn.

Thảo nào ! Trận này có nhiều xe chở toàn gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu, dê. Bánh kẹo và rượu hàng két, hàng thùng. Lại thêm rất nhiều con buôn đi theo nên đủ loại thập cẩm, bách hoá từ vải vóc, tơ, chỉ, đến cả vàng mã, mũ mao con công bằng giấy.

- Súng ống đạn dược cũng nhiều. Các anh vẫn bổ sung cho Cao Bằng những phương tiện chiến tranh. Đâu chỉ vì ngày hội.

Đuy-mê-ghi-ô thở dài :

- Súng ống quân trang nguyên vẹn đủ để trang bị cho một trung đoàn Pa-ti-dăng người bản xứ, chúng tôi sắp thành lập. Bây giờ thì hết cả. Đúng vậy, bây giờ thì hết cả.

Khi tôi xuống đường, thấy nhiều xe đầy ắp vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng. Một ý nghĩ đột nhiên nảy ra, tôi liền ra lệnh cho các đơn vị: "Trừ bộ phận trực và canh giới hai đầu, các đơn vị cho xếp súng vào hang đá, đi người không xuống đường. Tất cả, lột trang phục cũ, mặc toàn bộ trang phục mới của địch, trang bị lại bằng vũ khí mới và sau đó mang vác những gì có thể lấy được ra khỏi trận địa".

Chỉ trong chốc lát, dưới ánh sáng ngọn lửa của hàng chục thùng xăng được đốt lên, các đơn vị tham chiến đều như thay da đổi thịt. Trừ cái mũ vải vành to của quân ngụy là không được đội đầu, còn chúng tôi đã mượn tạm những gì mà bọn thực dân định dùng cho trung đoàn Pa-ti-dăng. Những khẩu súng Mát kiểu mới toanh từ Pháp mới đưa sang, đang còn dính đầy dầu mỡ đủ các loại đã nằm chắc trong tay các anh Vệ quốc ...

Tôi thầm nghĩ: "quả cũng xứng với công bộ đội mình ăn chực, năm chờ chúng suốt 4 ngày gian nan vất vả. Một trận thắng đầy ý nghĩa. Tước sạch trang bị của một trung đoàn ngụy quân. Biến ngày hội Lê dương của chúng thành ngày tang thất trận với trên 100 tên bị bắt, 96 xe tan tành. Mất cả 3 chiếc tăng lẫn bọc thép. Ba đại đội Âu Phi, Lê Dương bị xóa sổ. Với lối đánh nhanh giải quyết gọn, năm chủ động từ phút đầu, số thương vong của ta rất ít: 15 người cả chết và bị thương".

Chúng tôi đã thức trắng một đêm thu dọn chiến lợi phẩm mà không xuể.

Trung đoàn 174 mới ra quân trận đầu mà đã giành được thắng lợi lớn. Ai cũng cảm thấy mình lớn mạnh lên rất nhiều.

Chiến thắng Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ tư ngày 3 tháng 9 năm 1949, cũng là lễ mừng ngày Quốc khánh (2-9-1949) của quân và dân Cao - Bắc - Lạng. Tin vui được báo cáo về Bộ, về Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Cao Bằng - Lạng Sơn, về trung đoàn bộ chỗ anh Mân. Bà con Kéo Coong, Nước Hai được một phen bàn tán, chuẩn bị chờ đón quân ta trở về.

Sau trận đánh, quân ta rút về hậu cứ phía Bối Bạch, Pò Mã ở Đông Bắc Thất Khê, lấy lại sức khỏe sau những ngày đêm căng thẳng kiên trì trên núi đá tai mèo cheo leo, sườn Khâu Pia dốc đứng, cơm nắm muối vừng, nước uống tính từng giọt, không nói gì đến chuyện rửa tay, rửa mặt.

Các mẹ già, các cụ phụ lão, các em thiếu nhi tới tập đi xem triển lãm chiến lợi phẩm, ríu rít nói cười :

- Hoan hô, hoan hô các con, các chú bộ đội đánh lớn, thắng to, sướng cái bụng mẹ lắm rồi. Cần Tây, mày chết thôi, mày chạy đằng trời. Chẳng lâu nữa, mày phải trả lại núi rừng cho dân bản thôi.

Sau vài ba ngày, trung đoàn lại cất quân, tiếp tục lên đường làm nhiệm vụ mới.

Còn nhân dân các xã hai bên Đường số 4 cũng kéo ra gần đường, dọc theo suối Bông Lau, thu chiến lợi phẩm còn lại đủ các

loại, tiếp tục đến hai ba tháng liền, những thứ này còn đầy ắp trong các xe mà quân ta đã cho lao xuống vực ...

Tôi nhớ sau trận đánh được dăm ngày, có một số cán bộ xưởng quân giới của Bộ Tổng tham mưu do đồng chí Đoàn Đà dẫn đến gặp tôi. Các đồng chí nói :

- Nghe tin trung đoàn diệt nhiều xe quá, chúng tôi đang rất cần nhiều thứ trong đầu máy ô tô và xe tăng địch.

Tôi kêu lên :

- Chết cha ! chúng tôi cho xuống khe tiết. Còn lại thì đốt. Uống quá.

Nghe vậy các đồng chí sửng người: "Ôi ! Tiếc quá đấy !" Sau đó tôi phải cử một tiểu đội dẫn đường đưa các đồng chí tới khu vực Bông Lau. Các đồng chí quân giới cùng với anh em bộ đội đã mày mò tìm kiếm và tháo gỡ được rất nhiều máy móc, khí tài có ích cho xưởng.

Chỉ độ nửa tháng sau, chúng tôi lại tổ chức đánh một trận diệt 27 xe ở Bản Năm. Một trận vận động phục kích với lối đánh rất nhanh gọn và cũng khá táo bạo.

Nhưng táo bạo và quyết liệt gay go lại là trận Bõ Củng - Lũng Vài tiếp theo đó nửa tháng sau trận này, chúng tôi hoàn toàn bị lộ. Địch chủ động ngay từ lúc đầu, mang quân đến tiến công trước. Khoảng 10 giờ sáng, hai chiếc máy bay Hen-cát đến quần đảo mấy vòng rồi bắn xối xả 12,7 ly vào đỉnh núi đá, chỗ sở chỉ huy trung đoàn. Cùng lúc đó, địch dùng một tiểu đoàn vây phía sau chặn đường quân ta rút qua sông về Hội Hoan. Còn một tiểu đoàn sục sạo vào sâu hai

bên đường, chúng cắt dây điện thoại khiến tôi không liên lạc được với Tiểu đoàn 249 của Bắc Quân có nhiệm vụ chặn đầu và Tiểu đoàn 251 của Nguyễn Hữu An bố trí khoá đuôi đề phòng có bọn Na Sầm tiếp cứu. Máy bay vừa đi khỏi, bọn tiểu đoàn Bắc Phi của giặc nã "Bô-pho" (đại bác liên thanh) liên tục lên đài chỉ huy. Đây là một trận địch đánh khá quyết liệt, dữ dội. Tôi phải lựa chiều bổ nhào của máy bay để bám vào các gò đá mà ẩn nấp, tránh né. Cối và đại liên chúng nã xối xả. Một kỷ niệm đau đớn không bao giờ tôi quên được là trong lúc tôi và mấy cán bộ chiến sĩ liên lạc là Ngọc Am, Thành, Dưỡng, Sinh loay hoay ẩn nấp, bỗng có tiếng lẹt xẹt rất gần biết là đạn cối rơi tới, tôi vừa nằm rạp xuống thì cùng lúc một tiếng hét: "Cối nổ ! chỉ huy" đồng thời chiến sĩ Dưỡng nằm đè áp lên người tôi. Bao nhiêu mảnh đạn đã găm lên lưng và đầu anh. Và anh đã hy sinh trong tư thế lấy thân mình che chở cho người chỉ huy. Còn tôi, vụn đá và mấy mảnh đạn nhỏ bắn vào đầu. Máu chảy cả xuống mặt. Phía dưới, tên chỉ huy địch đang hò hét thúc bọn Âu Phi tiến lên. Nhưng núi đá dựng đứng, tuy phía trên chúng tôi không bắn xuống mà chúng cũng không dám mò lên. Khi súng nổ, đại đội trưởng Phạm Như Lai từ chân núi phía sau đã cho bộ đội xung phong ứng cứu kịp thời cho sở chỉ huy, khiến bọn chúng phải rút chạy. Hướng tiểu đoàn 251, địch sục rất sâu, nhưng tiểu đoàn trưởng An ra lệnh cho các đại đội cố gắng tránh địch, rút sâu nữa. Anh bảo :

- Bắn cùng lắm đụng địch thì hãy đánh. Còn cố được hãy giữ bí mật đến cùng. Đây là lệnh của Trung đoàn trưởng.

Quả nhiên địch lòng mãi không chạm ta nên quay ra. Chúng quây và bắn phá tới 4 giờ chiều không thấy ta phản ứng gì. Cả quả

núi đá nơi đặt sở chỉ huy vết đạn phá nứt nẻ trắng lốp, trông như một hòn núi đá vôi. Chắc có lẽ chúng tưởng ta đã rút bỏ trận địa còn trên núi đá nhúm người ít ỏi đã bị tiêu diệt. Tên chỉ huy báo về Na Sầm: “La route est ouverte”^[20].

Còn chúng tôi ! Chúng tôi biết chắc chắn không bao giờ một đoàn công - voa vận chuyển nào ngủ đêm lại Na Sầm cả. Ở đó, đồn nhỏ, địa hình không bảo đảm. Chúng rất sợ bị tập kích ban đêm. Sống chết thế nào chúng cũng phải vượt 30 km đến Thất Khê, tiểu khu vững chãi an toàn hơn. Điểm đáng ngại nhất là khu vực Bồ Củng - Lũng Vài thì chúng đã dùng cả phi cơ lẫn binh lực quần thảo gần trọn ngày rồi Việt Minh chắc chắn đã bỏ chạy. Cái bệnh chủ quan kinh niên của bọn xâm lược viễn chinh Pháp là vậy. Nhận tín hiệu “Đường đã mở” đoàn xe rời Na Sầm vào lúc xế chiều.

Đoàn xe đầy ắp hàng hoá rầm rộ, tiến vào trận địa qua làng Lũng Vài. Như một con rắn khổng lồ bằng sắt thép đoàn xe mở tốc lực lao theo hướng Đèo Khách, Thất Khê. Theo giả định thứ tư đã ghi trong kế hoạch, các đơn vị tự động từ các hốc đá khe rừng áp sát lề đường. Từ đài chỉ huy, đã phát lệnh nổ súng cho toàn trận địa: bắn lên trời ba phát pháo hiệu đỏ và một tràng đạn lửa.

Tín hiệu vừa phát lên, tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ rền vang. Tiếp theo là tiếng xung phong vang dội cả một góc rừng.

Một trận đánh thật đáng ghi nhớ. Chúng tôi từ thế bị lộ nhưng nhờ vào sự gan lì và ý thức kỷ luật, sự nhất trí cao từ trung đoàn đến tiểu đoàn, đại đội cho tới chiến sĩ mà chúng tôi đã lại tạo được thế bất ngờ và thắng một trận tuyệt đẹp. Trận đánh có nhiều điểm bất ngờ, nhưng những bất ngờ xảy ra đều đã có trong các giả định

và biện pháp đối phó của kế hoạch đã bàn kỹ trước khi đánh. Ta đã diệt gọn 26 xe, một tiểu đoàn đi hộ tống. Ta thương vong 10 cán bộ, chiến sĩ. Đây là trận chúng tôi thu được nhiều trung liên nhất: 26 khẩu loại đầu bạc còn mới toanh. Thú vị nhất là anh em hò nhau tháo băng được chiếc nòng pháo khẩu Bô-pho, vượt sông vượt rừng mang về triển lãm ở Hội Hoan. Cái nòng pháo Bô-pho ấy là một chứng minh về thế thắng của quân và dân Đường số 4, là sự phơi bày bộ mặt bi thảm của giặc. Trận này đánh xong thì trời tối. Tiểu đoàn trưởng An phát hiện ra một sự lạ. Quái ! Sao xác giặc chết ít thế. Vậy bọn chúng biến đi đâu ? Anh nêu ngay, anh báo với đại đội trưởng trợ chiến Chu Ngọc :

- Chúng nó còn trốn quanh trong rừng, dưới khe hoặc rúc vào cống rãnh dưới đường thôi. Cậu biết tiếng Pháp gọi hàng đi.

Chu Ngọc dẫn hơn chục tay súng vừa theo dọc đường vừa gọi oang oang :

- Chúng tôi biết các anh trốn ở đâu rồi. Lên hàng ngay.

Hễ gọi một lần không nghe động tĩnh gì liền ném luôn lựu đạn và hô tiếp :

- Không hàng sẽ bị tiêu diệt hết !

Theo thường lệ, sau trận đánh, tôi và một số anh em xuống đường thị sát. Đang đi thì, quả nhiên, từ trong khe núi, một tổp địch hai tay cầm súng giơ ngang đầu, kéo ra. Đi trước là tên quan hai Bút-xăng-duy cao kều, theo sau là bốn tên người An-giê-ri, mặt mũi lem luốc, trông vừa thảm hại vừa rất nực cười. Một tên hạ sĩ quan hấp tấp nói: "Chúng tôi biết chính sách của các ông rồi, không giết

tù binh, hành binh. Chính tôi đã bị bắt một lần và đã được phóng thích hôm lễ duyệt binh ở Kéo Coong”.

Việc đầu tiên là nhanh chóng tước vũ khí bọn chúng.

Tôi quay nhìn cạnh đấy thì thấy Phạm Như Lai, Đại đội trưởng Đại đội 186 và Thiện Xạ, Đại đội trưởng Đại đội công binh đang loay hoay bên cạnh khẩu Bô-pho. Tôi liền bảo: “Hãy huy động bọn hàng binh này vào tháo khẩu súng ấy”.

Chúng đã ngoan ngoãn giúp hai anh Như Lai và Thiện Xạ tháo xong khẩu đại bác liên thanh và sau đó khênh vác cái nòng súng lịch sử về đất Hội Hoan. Cùng lúc ấy, ở đoạn trận địa phía Nam, gần làng Bản Vạc. Đại đội trưởng Đại đội 185, Dương Thế Nghiệp, trong lúc đang kêu gọi tàn binh Pháp thì bị một băng đạn từ trong rừng bắn ra. Anh ngã xuống và hy sinh tại chỗ. Chúng tôi vô cùng thương tiếc anh, một đại đội trưởng còn rất trẻ và tài năng của trung đoàn.

Thắng trận Bốt Củng - Lũng Vài lần này nữa coi như chúng tôi đã khai tử con Đường số 4 từ Na Sầm lên Cao Bằng, đoạn quan trọng nhất của cái cuống họng nối từ Lạng Sơn đến chiếc dạ dày Cao Bằng, nơi mà chúng ngốn người, lương thực, thực phẩm, súng ống, khí tài, đạn dược như một cái thùng không đáy. Chúng đành phải dùng đường hàng không để tiếp tế cho Cao Bằng, và chỉ còn dám đi lại bằng đường bộ ở chặng ngắn ngủi từ Na Sầm - Đồng Đăng - Lạng Sơn nữa mà thôi.

Toàn bộ con đường dài 340 km tuy còn ngắc ngoải phía dưới, nhưng coi như Đường số 4 đã chết. Cuộc đọ sức vật lộn giữa ta và địch suốt hai năm trời đã ngã ngũ. Với địch, con đường đẫm máu,

con đường chết chóc, nay đã rõ rệt con đường thất bại chua cay. Nó đã chết hẳn nửa người và đang rầy chết hoàn toàn. Với chúng tôi, Trung đoàn 174 đã có thể hát vang bản hùng ca chiến thắng vì lẽ trung đoàn đã cùng nhân dân Cao - Bắc - Lạng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Bộ Tổng tư lệnh đề ra: "Quyết chặt đứt Đường số 4".



NGHĨA VỤ CAO CẢ

❖ NHƯỜNG CƠM SẺ ÁO GIÚP BẠN BÊN KIA BIÊN GIỚI

Bắt đầu vào cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp, bộ đội ta còn rất non yếu. Thế trận ở Liên khu I nhất là vùng Cao Bằng - Lạng Sơn những năm 1947 -1948 cho đến giữa năm 1949, bộ đội ta chiến đấu giữa hai sức ép. Trong nước là sự tiến công chiếm đóng của bọn xâm lược Pháp. Bên kia biên giới là bọn Tàu Tưởng và lũ phi án ngữ dọc miền giáp ranh, gây nhiều tai hoạ cho bà con dân bản. Ngược lại phía bên kia, lực lượng du kích và dân quân địa phương của giải phóng quân Trung Quốc cũng bị cái thế mạnh của Tàu Tưởng lúc bấy giờ truy cản ; nếu bị đánh bật sang bên biên giới ta, mà rơi vào tay bọn Lê dương chiếm đóng sẽ bị tiêu diệt hoặc giao trả cho đồng minh của chúng ngay.

Vì vậy, vào những năm tháng đó, những người anh em bên kia biên giới, hoặc là cơ sở Đảng, hoặc là quân giải phóng địa phương hễ bị quân đội Tưởng áp mạnh, bị mất đất, phải lưu vong sang địa phận rừng núi bên ta, đều tìm cách gập gối chính quyền và bộ đội ta để tránh khỏi sa vào vùng giặc Pháp kiểm soát. Đơn vị chúng tôi đã được lệnh sẵn sàng giúp đỡ những người bạn lưu vong như vậy.

Năm 1948, khi tôi làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 28 Lạng Sơn, tôi hay được tiếp xúc với một người khách bên nước bạn, người đó có cái tên nôm na Ké Lộc. Về sau tôi mới biết rõ, đây chính là Tư lệnh khu Tả Giang - Long Châu của Trung Quốc, tên thật là Lục Hoa. Ké Lộc nói được tiếng Việt trong giao dịch thông thường, nhưng giọng chưa được sõi. Muốn bàn luận với nhau về những vấn đề sâu rộng, chúng tôi dùng cách bút đàm bằng chữ Hán. Cũng may là hồi

nhỏ tôi có học ít nhiều chữ nho ở quê và trong chương trình phổ thông của nhà trường thời Pháp thuộc. Ngày đó, Ké Lộc làm đại diện giao dịch với ta trong việc Lạng Sơn nuôi dưỡng hai đại đội giải phóng quân, xin tạm trú trong khu rừng thuộc địa phận Diêm He - Thoát Lãng. Hồi đó, chính quyền và nhân dân tỉnh Lạng Sơn lo việc giúp đỡ họ về lương thực, thực phẩm và quân trang, còn chúng tôi giúp đỡ thuốc men, san sẻ với họ từng viên ký ninh chống sốt rét rừng. Sau mấy trận trung đoàn thắng ở Bông Lau - Lũng Phầy hay Bỗ Củng - Lũng Vài, chúng tôi giúp họ cả súng chiến lợi phẩm, nhất là các loại trung liên và súng cối.

Sau một thời gian được nuôi dưỡng, họ củng cố lại đội ngũ, và khi bên kia đã yên những trận càn quét của quân Tưởng, họ trở về làm nhiệm vụ bám dân, mở rộng vùng căn cứ. Hôm chia tay, tình cảm hữu nghị, hữu hảo thật mặn nồng. Những người anh em cứ bá vai, lắc tay chúng tôi, hẹn ngày tái kiến. Hai tiếng "Tạm biệt" chen lẫn với hai tiếng "Chai chen" rộn cả một khu rừng. Ké Lộc thường nói với tôi :

- Cổ xưa có câu "Tứ hải giai huynh đệ" ngày nay chúng ta còn cao hơn cái tình giai huynh đệ vì chúng ta là đồng chí, gắn bó keo sơn trong tình hữu nghị quốc tế vô sản, đánh đổ kẻ thù chung là bọn đế quốc và giai cấp bóc lột.

Hôm từ giã về nước. Ké Lộc rơm rớm nước mắt bảo tôi :

- Ơn sâu nghĩa nặng với Cụ Hồ, với Đảng Việt Nam, nhân dân Việt Nam và bộ đội các đồng chí lắm lắm mà.

Tôi cũng chúc Ké Lộc và đơn vị trở về chân cứng đá mềm, giúp dân cứu nước. Ngày ấy, không riêng gì Lạng Sơn, mà cả Cao Bằng, Tỉnh ủy và nhân dân Trùng Khánh, cũng như tỉnh Quảng Ninh đã giúp đỡ những đơn vị lưu vong của nước bạn như vậy.

... Chính từ mối quan hệ ưu ái ấy là sự biểu hiện tình nghĩa anh em giữa hai dân tộc của hai nước. Biểu tượng tình cảm ấy đã được các nhà văn, nhà thơ biểu hiện bằng biết bao nhiêu nét sâu đậm. Nhạc sĩ Đỗ Nhuận đã có lời ca: “Việt Nam - Trung Hoa, núi liền núi, sông liền sông ...”, và đó cũng là một thực tế địa lí và lịch sử không ai có thể chối cãi được. Đường biên giới Việt Nam ở phía Bắc, có hàng trăm cây số nối liền với đất nước. Trung Hoa - một tiếng chó sủa, một tiếng gà gáy, nhân dân hai vùng đều nghe. Bà con có thói quen lúc đi chợ bên này, lúc sang chợ bên kia, nhiều gia đình của hai bên gả con cho nhau. Nhiều cô gái, chàng trai người Hán đẹp duyên cùng với chú thanh niên, cô thôn nữ Tày Nùng. Hình thành một cách rất tự nhiên, đời này qua đời khác, mối tình thắm thiết giữa hai dân tộc.

Quan hệ tình cảm ấy lại càng thêm sâu đậm khi vùng Hoa Nam hoàn toàn được giải phóng. Sự kiện lịch sử xảy ra đã tạo nên sự thay đổi về thế và lực giữa cách mạng Việt Nam và đế quốc Pháp. Người Việt Nam nào mà không hồ hởi, phấn khởi khi thấy cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Hoa có mối liên hệ chặt chẽ. Chân trời hậu phương của Việt Nam không còn nằm trong hai vòng vây mà đã vượt qua đất nước Liên Xô, đến tận các nước Đông Âu.

Trung đoàn 174 và bản thân tôi được vinh dự đón và hộ tống đoàn của La Quý Ba, vị đại sứ đầu tiên của nước Trung Hoa mới

sang đặt quan hệ ngoại giao với ta ; đón và hộ tống Lê-ô Phi-ghe (Lêo-Phiguère) người đại diện đầu tiên của Đảng cộng sản Pháp sang thăm Việt Nam ; bảo vệ và hộ tống đoàn của Bác Hồ lần đầu tiên vượt biên giới ra nước ngoài ký kết những Hiệp định về hợp tác tương trợ quốc tế quan trọng... và tiếp theo là theo lệnh của Chủ tịch Mao Trạch Đông, những đoàn cố vấn quân sự, chính trị sang giúp Việt Nam, những viện trợ về vũ khí, đạn dược, lương thực, tạo cho quân đội và nhân dân ta những điều kiện mới để mở chiến dịch giải phóng vùng biên giới (1950), tạo nên một bước ngoặt có tính chiến lược trong cuộc chiến tranh giải phóng Tổ quốc.

Sự kiện lịch sử đã xảy ra cách đây gần nửa thế kỉ, nhưng một số người Pháp vẫn chưa hết cơn bàng hoàng, ngỡ vực. Gần đây tôi có dịp được gặp một đoàn phóng viên VTTH Pháp sang Việt Nam để sưu tầm tài liệu về cuộc chiến tranh Đông Dương - Một phóng viên hỏi khế tôi: "Xin lỗi ngài trong trận đánh ở vùng biên giới năm 1950 ngài có thể cho tôi biết có quân đội cộng sản Trung Hoa tham chiến với quân đội Việt Nam của các ngài không ?".

Tôi trả lời: "Tôi có thể khẳng định với ngài là không có quân đội nước ngoài nào cả, mà chỉ có những người lính Cụ Hồ. Tôi cũng thành thực nói với ngài là: "Ngoài những vũ khí đạn dược, quân dụng mà quan năm Công-xtăng, Quân khu trưởng Quân khu Biên Thủy, đã cung cấp cho chúng tôi trong suốt ba năm 1947 - 1950, lúc ấy chúng tôi có nguồn bổ sung mới của những người bạn anh em nước Trung Hoa".

Nhưng có một thời gian xảy ra bất đồng về quan điểm giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc làm tổn thương đến quan hệ hữu nghị

giữa hai nước.

Nhưng nhất định, sẽ có ngày, một trận thần phong thổi bạt mây mù, bầu trời sẽ trở lại trong sáng, truyền thống hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc nhất định sẽ được khôi phục lại ; như lời một nhà thơ.

"Chân lý mặt trời soi sáng mãi

Lỗi lầm âu cũng áng mây qua

Lương tâm rồi sẽ trong như ngọc

Tình nghĩa anh em lại một nhà"

Đầu tháng 4 năm 1948, anh Hoàng Văn Kiếu^[21] Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, báo cho tôi biết có điện của trên Bộ mời về họp. Anh nói :

- Chắc có vấn đề gì đột xuất nên Bộ mới gọi cả những người chủ chốt của Quân, Dân, Chính, Đảng về họp chứ.

Tôi đoán :

- Chắc Bộ sắp mở chiến dịch lớn chẳng ? Trung đoàn 28 chúng tôi lo việc chiến đấu, còn Tỉnh ủy và Ủy ban lo liệu huy động dân công, bảo đảm hậu cần ...

Sở dĩ tôi đoán vậy là vì hồi ấy, sau mấy trận thắng lớn của Trung đoàn 28 trên Đường số 4 địch vận chuyển tiếp tế cho Cao Bằng gặp nhiều khó khăn. Bọn đóng ở đồn bốt án ngữ dọc đường và các nơi hiểm yếu trong vùng chúng kiểm soát không còn hung hăng, tính chuyện càn nống ra như trước nữa.

Hắn là trên muốn đẩy mạnh một bước để giành thế chủ động ở chiến trường Liên khu I.

Anh Kiều gật gù :

- Cũng có thể là như vậy. - Nói xong anh chặc lưỡi: - Thôi cứ lên họp rồi khắc biết. Tôi và anh cùng đi. Còn các anh Minh Tước, Huyền Trang, phải ở nhà vì có nhiều việc phải làm quá. Bọn địch đang muốn bắt lính nhiều để dùng ngụy binh thay bọn Lê dương, thành lập những binh đoàn cơ động ứng chiến.

Hai chúng tôi lên đường ngay. Từ ngày rời Bộ Tổng tham mưu xuống trực tiếp chiến đấu ở Lạng Sơn, thấm thoát đã gần hai năm, nay tôi mới có dịp trở về Bộ. Trước đây, tôi chỉ thường lên họp ở Quân khu. Nay về, tôi tìm vào thăm anh em cũ ở phòng tác chiến, lâu ngày gặp nhau, chuyện trò cả buổi không hết. Anh em bảo :

- Cậu xuống đơn vị làm ăn tốt đấy, đánh được.

Phòng tác chiến có thêm nhiều người mới. Tôi nhận thấy trên Bộ, giờ cũng khác xưa, công việc bận rộn hơn và có nhiều kinh nghiệm hơn, nắm tình hình các chiến trường từ Việt Bắc đến Nam Bộ rất cụ thể, phái viên đi đi về về liên tục.

Vào cuộc họp, tôi mới vỡ lẽ ra rằng mọi dự đoán của tôi đều trật hết. Sau khi cho biết tình hình cách mạng bên Trung Quốc đang phát triển, giải phóng quân thắng lợi lớn, dồn dập đánh đuổi bọn Tà Tưởng hết quân khu này đến quân khu khác, tình hình giải phóng phần đất phía Nam Trung Quốc không xa nữa, có thể trong năm 1949. Anh Văn phổ biến cụ thể: "Tháng 3 vừa rồi, Bộ Tư lệnh quân giải phóng Liên khu Việt Quế cử đại biểu sang đề nghị với Trung ương Đảng ta cử bộ đội sang giúp họ phối hợp mở rộng khu căn cứ, dọc theo biên giới, gồm khu Tả Giang giáp Cao Bằng, Lạng

Sơn và khu Ung Châu - Long Châu giáp Lạng Sơn và khu Khâm Liêm giáp Quảng Ninh. Lực lượng bên bạn còn mỏng, chưa đủ sức mở rộng và xây dựng, củng cố căn cứ, gây cơ sở chờ đại quân Nam hạ.

Bác Hồ, Thường vụ Trung ương đã chấp thuận đề nghị ấy và giao cho Bộ Tổng chỉ huy bàn kế hoạch cụ thể giúp bạn. Dù cuộc kháng chiến của ta còn đang trong thời kỳ khó khăn gian khổ, ta đang cần có nhiều binh lực để giành thế chủ động với kẻ địch, nhưng với tinh thần quốc tế vô sản, ta sẵn sàng gánh vác giúp bạn đẩy nhanh cuộc cách mạng Trung Quốc mau tới thắng lợi hoàn toàn. Vậy quân và dân Liên khu Việt Bắc có hai nhiệm vụ cần phải tiến hành gấp. Việc thứ nhất, tổ chức ngay lực lượng, gồm hai đơn vị, sang giúp bạn giải phóng khu Tả Giang và Thập vạn Đại Sơn. Đơn vị tiến sang Tả Giang do anh Thanh Phong, Quân khu phó quân khu Việt Bắc làm tư lệnh. Hai phó tư lệnh là anh Mân, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 74 của Cao Bằng và anh Long Xuyên Trung đoàn phó Trung đoàn 28 Lạng Sơn chúng tôi. Đội quân này vượt biên ở hướng Bắc, phối hợp với địa phương quân của Trung Quốc, do Ké Lộc làm tư lệnh khu Tả Giang - Long Châu, tiêu diệt số đồn bốt của quân Tưởng đang chiếm đóng, nhằm mở rộng khu căn cứ Tả Giang, xây dựng tổ chức lực lượng sẵn sàng phối hợp với mũi tiến quân Nam hạ của giải phóng quân từ vùng Hồ Nam đánh xuống.

Đơn vị thứ hai, do anh Lê Quảng Ba làm tư lệnh và một cán bộ của bạn là Minh Quang làm Chính ủy, anh Đỗ Trình, sau này anh Hoàng Thế Dũng thay, làm Phó Chính ủy, từ vùng Quảng Ninh vượt sang hoạt động vùng Thập Vạn Đại Sơn, cũng với mục đích giúp bạn mở rộng căn cứ, giành dân, xây dựng lực lượng. Cả hai đơn vị phải

nhANH chóng hình thành tổ chức, trang bị tốt, sẵn sàng lên đường sớm.

Việc thứ hai, cũng khá quan trọng, gấp gáp. Một khi giải phóng quân đánh mạnh xuống vùng Hoa Nam bọn quân Tưởng, trước sức ép mạnh mẽ đó, rất có thể sẽ chạy tràn sang bên ta, tránh bị tiêu diệt. Chúng tràn sang với hy vọng được quân Pháp giúp đỡ và liên kết với nhau xâm nhập vùng căn cứ của ta, sẽ gây nên nhiều tội ác với đồng bào dân bản. Vậy bộ đội có nhiệm vụ phải chặn đánh chúng ở ngay biên giới các cửa khẩu, không cho chúng nhập được với bọn Pháp. Đảng bộ, chính quyền và bộ đội phải lo bảo vệ tài sản và nhân dân. Không cho bọn tàn quân vơ vét của cải sinh sống để kết hợp với bọn Pháp, hoặc tìm đường chạy trốn sang Đài Loan. Rõ ràng, tình hình vùng Cao Bằng - Lạng Sơn sẽ phức tạp hơn, khó khăn hơn. Ta vừa phải chống Pháp, vừa phải chống lũ tàn quân Tưởng cả những bọn phỉ bấy lâu vẫn hoành hành, ẩn núp giữa vùng giáp kề biên giới hai nước.

Sau hội nghị, tôi xin gặp anh Thái, ngỏ ý muốn được theo một mũi sang giúp bạn. Anh cười :

- Ở nước nhà còn khối việc phải làm đấy. Bọn Tàu Tưởng nó tràn sang, chỉ sợ cậu đánh không xuể, còn nhiệm vụ chặt đứt Đường số 4 nữa chứ.

Nói rồi, anh dặn dò :

- Phải triển khai công việc ngay. Bàn với các anh bên Tỉnh ủy và Ủy ban làm sao dân bản thông suốt, tản cư triệt để vào rừng, giấu

kín thóc gạo, tài sản. Bọn Tàu Tưởng nó đông, đi tới đâu phá như giặc châu chấu ấy.

Tôi cảm thấy ngay trách nhiệm nặng về với nhiệm vụ trước mắt, vừa lo phục kích ngăn chặn sự vận chuyển của bọn Pháp, vừa lo có kế hoạch sẵn sàng tiêu diệt tàn quân Tưởng tràn sang bất kỳ lúc nào. Tôi không còn ý nghĩ muốn cùng đi làm nhiệm vụ quốc tế với anh Thanh Phong và anh Mân nữa.

Sau này khi anh Mân về làm Chính ủy Trung đoàn 174 với tôi, có dịp hỏi lại chuyển đi của anh, sang giải phóng vùng Long Châu - Thủy Khẩu, mới hay đây là một cuộc chiến đấu gian nan trên đất bạn. Quả nếu không có thêm lực lượng bộ đội chúng ta, chỉ đơn độc số địa phương quân còn mỏng yếu, bạn khó lòng diệt được hệ thống đồn bốt của Tưởng trên địa phận quân khu Tả Giang - Long Châu. Nguyễn Hữu An, cũng ở trong lực lượng sang Long Châu, kể với tôi :

- Đúng là đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Vào vùng địch hậu bên đó, khác bên ta nhiều lắm. Địa chủ bên đó thường như lãnh chúa cát cứ một vùng, tùy theo số lượng tài sản, ruộng đất mà chúng có. Thường một tên địa chủ giữ luôn chức thôn trưởng, hay hương trưởng, được quyền tuyển mộ tá điền, tổ chức lực lượng vũ trang riêng, nhỏ thì một trung đội, to thì đại đội, lớn hơn nữa là tiểu đoàn do chính một sĩ quan cấp thiếu úy, đại úy quân đội Tưởng chỉ huy ăn lương của địa chủ đó, vì vậy, tên lãnh chúa tha hồ đàn áp, ức hiếp nông dân. Có nơi chúng tuyên bố, nắng trời trên vùng cũng là của hắn, nông dân cũng phải chịu nộp tô, phí. Do bị kìm kẹp lâu ngày, nên người dân đen hể thấy có lực lượng vũ trang nào đến cũng sợ, bởi vì thổ phỉ đến cũng cướp, quân của địa chủ đến cũng

cướp và đại quân Quốc dân Đảng về cũng cướp phá uy hiếp, mà cả du kích đến dân cũng phải nộp lương. Do đó sau khi bộ đội ta vào làng, người dân đều lằm lì, e dè, đóng cửa ngồi trong nhà quan sát, nghi ngại, không hề có cái không khí cởi mở, vui mừng như bà con địch hậu bên ta. Cho nên gọi là tới vùng có cơ sở, nhưng từ lúc mới đến tới khi họ hiểu được bộ đội là cả một quá trình công tác dân vận rất khó khăn, gần giống như bộ đội đến một vùng giáo dân đang bị bọn thầy tu, cha cố phản động uy hiếp, lường gạt, xuyên tạc hồi di cư 1954 vậy.

Đêm 12 tháng 5 sau đó, bộ đội ta vượt qua biên giới tiến công tiêu diệt luôn đồn Thủy Khẩu đối diện với Tà Lùng thuộc huyện Phục Hoà, Cao Bằng. Sau đó, diệt luôn một tiểu đoàn quân Tưởng, đóng tại dọc núi Độc Sơn, đang trên đường hành quân từ La Hối đến Hạ Đồng. Nguyễn Hữu An kể rằng "Trận này ta đón lõng được là nhờ trinh sát ta tóm được một tên Quốc dân đảng người Việt. Bọn này đang bám theo quân Tưởng, lăm le tính chuyện sau này về nước, mưu dựng cơ đồ. Hẳn khai bọn Tưởng đã biết có bộ đội sang giúp du kích đồ nên tung người đi dò la bám theo ta. Hiện còn một tiểu đoàn Bảo an quân ở Độc Sơn sắp hành quân tới bao vây vùng trú quân của ta. Lập tức Nguyễn Hữu An bố trí mai phục, địch bị gạt xuống bờ sông, ta vận động tới tiêu diệt. Tên tiểu đoàn trưởng Hứa Pao Luông cùng một số chạy vào một cái cống ngầm dưới mép sông, ta dùng rơm hun nhu hun chuột, buộc chúng phải lúc nhúc ra hàng.

Sau đó, ta uy hiếp thị trấn Long Châu, một thị trấn sầm uất cách biên giới 30 km. Anh Thanh Phong và anh Mân gửi tới hậu thư bắt

hàng, địch biết ngay nguy cơ liền tháo chạy. Cùng thời gian này, ở bên nước nhà tôi tung hai đại đội Văn Uyên - Thoát Lãng, do Quốc Trung, Nguyễn Bá An, Ngọc Trình chỉ huy, tiến sang vây Mục Nam Quan và Bằng Tường, ta đã đánh tan tác hai tiểu đoàn quân Quốc dân đảng Trung Quốc, thu rất nhiều chiến lợi phẩm và vũ khí, Ngọc Trình, người cán bộ ưu tú của trung đoàn, có tài nắm địch, bắt mối, hạ đồn Chè Cáy năm xưa, đã dũng cảm dẫn đầu bộ đội đuổi đánh địch. Một tràng trung liên bắn trúng giữa ngực, Ngọc Trình đã hy sinh anh dũng vì nghĩa cả. Tấm bia ghi công Ngọc Trình và các đồng chí của ta còn đầy trên đường Mục Nam Quan - Bằng Tường, ở cây số 7. Sau đó chúng hoảng hốt rút chạy, bỏ luôn cả hai vị trí Thượng Thạch, Hà Thạch, Thủy Khẩu xuống Ninh Minh dọc theo Cao Bằng - Lạng Sơn của ta, được giải phóng, giúp cho bạn mở rộng khu căn cứ Tả Giang.

Phía dưới, lực lượng vùng Quảng Ninh của anh Lê Quảng Ba, xuất phát từ khu căn cứ Chi Lăng huyện Lộc Bình, vượt, sang vùng Thập Vạn Đại Sơn. Đây là một vùng núi hiểm trở, điệp trùng xứng với cái tên của nó, núi tiếp núi, cao vờn vờn, sương mù cuốn ngang lưng, ấy vậy mà lại là nơi chứa đầy những lồng gió nóng, làm cây cỏ khô cằn, khe suối cạn hết, thiên nhiên thời tiết khắc nghiệt, khiến bộ đội ta chịu khát, chịu mệt, gian nan cơ cực ngay trong cuộc hành quân chưa giáp địch. Cánh quân này của ta cũng tiến công, bao vây, bức hàng một loạt các đồn bốt, thuộc thị trấn Trúc Sơn - Nà Lường - Đông Hưng, giải phóng một vùng dọc theo chiều dài Nam Lạng Sơn đến Móng Cái. Sau ta lại chuyển hướng tiến quân lên Khâm Châu, tiêu diệt Mào Lãng, tiến đánh các vị trí Đại Quán Đường và Đại Trúc.

Cả một vùng lớn huyện Phòng Thành và huyện Khâm Châu trở thành căn cứ địa cách mạng, đón đợi quân giải phóng Nam hạ. Nhân dân Trung Quốc, suốt dọc miền biên giới giáp Việt Bắc và Đông Bắc nước ta, hân hoan vui sướng được giải phóng khỏi ách thống trị lâu đời của bọn giặc Tưởng, ở đâu cũng có khẩu hiệu bằng cả hai thứ tiếng "Tình hữu nghị Trung - Việt đời đời bền vững", "Việt Nam độc lập muôn năm", "Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm".

Nhân dân trong vùng đã hiểu rõ bộ đội ta là bộ đội Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử sang giúp, đánh đổ bọn Tưởng ác bá. Nhân dân trong hương thôn khao nhau :

"Hãy đà ! Lưỡng sì sám

Ngẫu lấp màu

Tả pháy xiang cóc lịt".

Nghĩa là :

Ôi chà ! do màu nâu

Mủ rọ lông mồm trâu

Đánh phi thường, ác liệt

Ý họ khen bộ đội ta mặc áo màu nâu, đội mũ nom giống cái rọ lông ở mồm trâu, đánh giặc Tưởng giỏi lắm. Họ chỉ chỏ bàn tán, và tay bắt mặt mừng với bộ đội ta, nói lú lô :

- Co pù tui, chân hảo, nghĩa là: Bộ đội này rất tốt.

Chỉ mấy tháng hoạt động, gây cơ sở diệt giặc Tưởng, bộ đội ta đã để lại trong lòng người dân Trung Quốc vùng mới giải phóng,

những ấn tượng đẹp đẽ, cao quý của người chiến sĩ cách mạng. Cán bộ và nhân dân ở đây đã khái quát hình ảnh anh bộ đội ta như sau :

- Việt Nam giải phóng quân, kỷ luật cao, nghiêm, thương dân hết sức, dũng cảm vô song, hy sinh thân mình vì nghĩa vụ quốc tế cao cả.

❖ **ĐÁNH QUÂN TÀU TƯỚNG TRẦN QUA BIÊN GIỚI**

Từ khi thành lập Trung đoàn 174, chúng tôi chưa có dịp nào làm lễ chính thức thành lập để ra mắt nhân dân Cao - Bắc - Lạng. Sau trận Bông Lau - Lũng Phầy lần thứ 3 thắng lợi giòn giã, trung đoàn tiếp tục uy hiếp Đường số 4. Chúng tôi đánh tiếp trận Bố Củng - Lũng Vài lần thứ 4 và trận Bản Nặm lần thứ 3. Với ba trận thắng liên tiếp, chúng tôi đã chặt đứt hẳn Đường số 4, đoạn từ Na Sầm ngược lên Cao Bằng, địch không dám đi nữa mà phải vận chuyển bằng đường hàng không. Trung đoàn hồ hởi, về tập trung ở Nước Hai với ý định tổ chức làm lễ thành lập và mở một đợt rèn cán chỉnh quân, luyện tập kỹ thuật, chiến thuật, nhất là chiến thuật đánh công kiên để nhận nhiệm vụ mới.

Vừa chân ướt chân ráo tập kết các đơn vị, bỗng nhận được tin: Bọn tàn quân Tướng thuộc đạo quân Bạch Sùng Hy ở bên kia bị đánh đuổi mạnh, sẽ tràn sang bên ta, bằng nhiều ngã đường biên giới rất đông.

Tôi trầm nghĩ: Chà ! Bộ Tổng chỉ huy dự đoán thật chính xác, phải chặn ngay cái địch tàn quân này mới được.

Đảng ủy và Ban chỉ huy trung đoàn họp bàn ngay phương án tác chiến. Toàn trung đoàn tổ chức thành hai lực lượng đánh địch, ở hai hướng chủ yếu, do anh Mân và trung đoàn phó Đoàn Trần Phong chỉ huy, gồm Tiểu đoàn 249 và 250 cùng đại đội trợ chiến, đại đội pháo binh, thêm một đại đội địa phương Cao Bằng bố trí chặn định ở vùng cửa khẩu Hà Quảng.

Tôi hành quân gấp xuống vùng Đông Khê với Tiểu đoàn 251, lấy thêm một đại đội địa phương của Phục Hoà và đại đội của Đông Khê. Trên Quân khu chi viện thêm cho một tiểu đoàn, ở hướng này, tôi có hai nhiệm vụ: Bố trí đón lõng tại Bông Lau - Lũng Phầy. Nếu địch tràn vào Hà Quảng, vượt được vào Cao Bằng rồi theo Đường số 4 chạy xuống Đông Khê, tôi sẽ chặn đánh bật lại, không để chúng nối được liên lạc với Pháp, thông đường xuống Lạng Sơn. Nếu một bộ phận nào của chúng vượt sang ta từ cửa khẩu Phục Hoà, để theo Đường số 4, nhập với quân Pháp ở Đông Khê, cũng không thể không qua Bông Lau - Lũng Phầy. Do đó, điểm phục kích ở đây sẽ đón nhận địch ở cả hai ngả đường.

Công việc rất khẩn trương, gấp gáp. Bộ đội hành quân lên đường ngay. Ngày 8 tháng 1 năm 1950, địch tràn vào cửa khẩu Sóc Giang - Nà Giàng thuộc Hà Quảng. Chúng có độ 2 vạn tên của Sư đoàn 18 và 19 thuộc Quân đoàn 17 do tên tướng Mã Hắc Mâu chỉ huy, định nối tiếp bước của đạo quân Bạch Sùng Hy đã bỏ chạy ra biển, vượt sang Đài Loan trước. Bọn còn lại này, toan sang ta dựa vào quân Pháp, xuống vùng Quảng Ninh để ra biển qua quần đảo Đài Loan. Đi theo chúng còn có cả những tên Việt Nam Quốc dân đảng, quân của Nguyễn Hải Thần, lưu vong bấy lâu vẫn nương náu ở vùng Quảng Đông - Quảng Tây, hy vọng có ngày trở về nước phục thù.

Mười ngày ròng rã, anh Mân và anh Phong đã chỉ huy lực lượng ở hướng này đánh chặn địch rất quyết liệt. Cả hai Tiểu đoàn 247 và 250 đánh mạnh ở Nà Giàng - Cốc Sâm, địch không thể vượt nổi để thọc xuống Mỏ Sắt - Nước Hai - Cao Bằng. Từ trên triền núi đá, bộ đội ta nã đạn vào đội hình địch. Dù đông đặc, chúng cũng phải oằn

lại vì chết quá nhiều, bỏ cả hàng trăm lừa ngựa và thầy chết, tại ngang hướng trái phía Nậm Nhũng - Lục Khu để tràn vào Trà Lĩnh. Thế là Tiểu đoàn 5 phải cấp tốc hành quân tới đèo Mã Phục, để chặn chúng trên đoạn Trà Lĩnh về Cao Bằng, còn Tiểu đoàn 9 gấp rút bôn tập đến Quảng Uyên, chặn đánh ở đèo Canh Phác. Cứ như thế, lực lượng của ta đã ít lại phải chia nhiều mũi nhỏ, tổ chức tuyến ngăn chặn trước đường chạy của một đội quân đông đảo, ùn ùn như kiến, đang nháo nhào trốn chạy. Một đội quân kỳ lạ, mất hết nhuệ khí, mang vác, gánh gồng lưng còng, lúc nhúc, dài dặc, cả người lẫn ngựa, lại cả những tên lính hầu mang đủ lệ bộ bàn đèn thuốc phiện cho các ngài sĩ quan hút ro ro mỗi khi chúng dừng chân nấu nướng. Hễ bị đánh chặn lại, chúng vừa chống cự vừa quay quắt lộn ngang, tạt ngựa sang hướng khác, rùng rùng kéo chạy.

Đã vậy mà tới đâu, chúng cũng đàn những tờ bố cáo to tướng dưới có dấu hiệu hằn hoi: “Đại quân Trung Hoa chỉ mượn đường của An-nam dân quốc vượt biển”, “Đại quân không làm hại gì người An-nam. Nếu chống cự cản trở đường tiến của đại quân, sẽ bị trừng trị”. Đúng là bọn tàn quân hổ lốn mà vẫn sĩ diện, mang khẩu khí nặng mùi Đại Hán kẻ cả. Thực tế chúng đã “bố cáo” một đường, làm một nẻo.

Phía dưới Bông Lau - Lũng Phầy, chúng tôi đợi mãi không có địch mà tin chiến sự trên vùng Hà Quảng bay về đồn dập. Tôi nóng lòng quá, rồi lại nghe tin địch chạy lộn về vùng Quảng Uyên. Anh Mân phải lệnh cho hai tiểu đoàn, có trong tay, chia làm hai ngả chặn địch. Địch đông, ta ít, tuy loại giặc này không liều lĩnh, thiện chiến như bọn Lê dương, nhưng chúng đông đặc, nên bộ đội ta đón chặn

rất vất vả. Tôi hội ý với cán bộ tham mưu và tiểu đoàn nhận định tình hình: Bọn chúng không tràn nổi xuống phía dưới này, ta phải mau chóng lên phối hợp với lực lượng anh Mân, diệt chúng ở vùng Quảng Uyên thôi.

Mọi người đồng ý ngay. Cũng vừa lúc ấy tôi nhận được tin, anh Đoàn Trần Phong, Trung đoàn phó, đã hy sinh. Tôi lặng người thương tiếc. Hình ảnh anh, một cán bộ trung đoàn trẻ trung, xốc vác, vào trận là bám sát đơn vị, cứ như đang cười, đang nói trong trí óc tôi. Mới hôm nào, khi chia tay thành hai lực lượng, Đoàn Trần Phong còn nói rất vui :

- Đánh xong bọn Tàu Tưởng, trung đoàn ta làm lễ thành lập càng đẹp. Mở đầu chiến công, có cả đánh Pháp, cả đánh Tàu, thắng tất, mới thú.

Còn tôi hôm đó, tôi tự nghĩ thầm, lực lượng phía trên có anh Mân, chín chắn điềm đạm, với anh Phong, năng nổ xốc vác, cặp đôi nhau rất hay. Nghĩ rồi tôi còn nói đùa với Phong :

- Ông đi có chính ủy, chứ mình đơn phương độc mã, muốn phát ghen với ông đấy.

Ấy thế mà chưa đầy một tháng trời ai hay, buổi chia tay đó lại là lần vĩnh biệt. Suốt mấy năm, chúng tôi vùng vẫy trên Đường số 4, bọn Lê dương sừng sỏ, không làm sút mẻ nổi một cán bộ tiểu đoàn của chúng tôi, vậy mà cái bọn tàn quân, chạy trốn, ô hợp, hỗn mang kia, lại hạ sát mất của chúng tôi một cán bộ trung đoàn đầy triển vọng. Âm hưởng của những câu thơ khóc bạn của Hoàng Lộc, bên Đường số 4 cứ ngân thầm trong trí tôi những lời da diết :

*Hôm qua còn theo Anh,
Đi ra đường quốc lộ
Hôm nay đã chặt cành
Đắp cho người dưới mộ
Đứa nào đã giết Anh ...*

Toàn đơn vị được lệnh, mở cuộc hành quân bôn tập, quay lên vùng Quảng Uyên gấp. Sau này tôi được biết tỉ mỉ sự hy sinh của anh Đoàn Trần Phong, lại càng thương tiếc. Trong trận chặn đánh giặc đầu tiên, khi chúng tràn qua cửa khẩu Nà Giàng, anh Phong đã đứng ngay cùng với khẩu đội của trợ chiến bố trí ở sườn núi, đoạn Nà Giang - Cốc Sầm, địch quá đông, khẩu đội bắn liên tục, hết quả này tới quả khác, rùi thay, trong số đạn, đã bị lẫn một viên đạn "tự sát". Đây là loại đạn của Nhật. Chúng thường dùng để phòng khi đối phương xung phong mạnh, không chống cự nổi, khẩu đội đó sẽ không rút chạy mà chờ khi quân đối phương ào lên, chúng sẽ nạp quả đạn "tự sát" đó, lập tức đạn nổ ngay tại nòng, vừa phá hủy súng, vừa giết luôn cả địch lẫn những pháo thủ của khẩu đội. Bộ đội ta hồi đó thường dùng súng và đạn của cả Pháp lẫn Nhật. Anh em không để ý tới ký hiệu ghi tính năng, tác dụng loại đạn như vậy. Do đó, quả đạn hôm ấy đã nổ ngay trong nòng, anh Phong và một số đồng chí pháo thủ hy sinh. Thật đau lòng, các anh chết trong lúc ta đang ở thế áp đảo, nã vào đội hình chạy dài của địch.

Anh em đã đưa anh Phong về phía sau, y tá Mền và chiến sĩ Huầy xúc động kể lại :

- Chỉ huy Phong chết thật rồi không hy vọng cứu chữa nữa. Chúng em cáng về phía sau, đưa vào bản Pui. Phong tục ở đây không cho người chết vào nhà đâu, sợ con ma làm khổ, không làm ăn gì được, ốm đau cả nhà thôi.

Chúng em phải nói dối: Bộ đội này là chỉ huy, chỉ bị thương thôi mà. Chờ vài ngày có ông bác sĩ đến chữa, khỏi ngay thôi. Thế là chúng em đặt chỉ huy nằm ở giường bông màn. Chúng em nấu cháo, nấu nước, phải giả vờ bụng cháo đưa vào trong màn, phải nói như nói với người ốm đấy. Chỉ huy cố ăn cháo cho ấm bụng, ăn được thì vết thương mau lành vớ. Lúc bụng cháo ra, ông Ké chủ nhà hỏi: ăn được nhiều không ? Em lắc đầu: chỉ huy ăn có chút xíu thôi mà. Ông Ké người Nùng lắc đầu: không nên đâu. Bảo ông chỉ huy cố ăn nhiều mới mau khỏi vớ !

Mãi đến hôm sau, anh Mân chính ủy mới về. Rồi trung đoàn mới làm lễ truy điệu đồng chí Phong. Thương quá. Căm ghét bọn Tàu Tưởng quá. Nó chạy sang gieo cái khổ, cái chết cho ta như thế đấy.

Tôi bùi ngùi xúc động, thầm lấy làm tiếc không được viếng anh Phong vĩnh biệt anh lần cuối.

*

* *

Bỏ điểm phục kích dưới Đông Khê, chúng tôi cấp tốc ngược lên Quảng Uyên rất đúng lúc. Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 9 đang chặn bọn chúng ồ ạt tràn vào Canh Phác. Thế là cả trung đoàn nhập lại thành một lực lượng đánh địch trên một tuyến dài. Tiếng súng nổ

rền. Chúng tôi chiếm lĩnh điểm cao theo triền núi đá, cứ như thế quét chúng dưới dọc rừng, đường đất liên tục suốt ngày.

Địch chết đến hàng ngàn tên. Chúng lại quày quả thụt lại, chuyển hướng ngược lên mạn Hạ Lang, sau đó men dọc biên giới tới Cách Linh tìm cách tràn sang. Lại bị chặn đứng, chúng lại quay lộn xuống Thủy Khẩu đối diện với Tà Lùng, Phục Hoà của ta. Tôi điều luôn Tiểu đoàn 251 bố trí chặn chúng không cho ùn sang ngã Đông Khê.

Cứ như thế, trung đoàn bám chặt địch. Còn địch như một đàn kiến, hễ bị đánh chỗ này quay quả tìm ngã khác để đi. Chúng đông tới mức đầu đoàn quân bị đánh tới tả mà phía sau vẫn không hay biết, cứ gánh gồng, thúc lừa ngựa tiến lên. Tới khi bị chết nhiều quá lại rùng rùng lộn sang hướng khác. Con đường mòn trong rừng chỉ sau khi chúng đi qua đã rộng ngang ra vì cỏ dại, lau rừng bị xéo bẹp như vò nát. Những chỗ giặc tràn qua để lại mùi hôi thối nồng nặc, thứ mùi của phân ngựa lẫn mùi của một đạo quân bỏ chạy lâu ngày không tắm rửa, không quần áo thay, chỉ mặc một bộ quần áo vải bông dày cộm, cáu bắn mồ hôi, đất cát tạo ra thứ mùi rất kỳ lạ đọng lại trên lá cây ngọn cỏ tưởng chừng buồn nôn được, đúng là một bày thú dại đi qua. Tới đâu chúng đào, chúng xới, lấy sẵn non, khoai non, xục sâu vào hai bên rừng tìm lán thóc gạo của đồng bào cất giấu. Nghĩa là những thứ gì ăn sống nuốt tươi được là chúng ngốn tất.

Từ trên triền cao, đêm tối chúng tôi thấy chúng tủa ra cánh đồng hoặc đồi trọc bắc bếp, nấu cơm. Quang cảnh thật kỳ dị: từng đám lửa, đám lửa đỏ lòe, trải rộng, chập chờn khắp cả một vùng.

Trung đoàn chúng tôi đuổi đánh, ngăn chặn bọn này khá vất vả. Chúng hay có lối đánh vu hồi, mỗi khi hai bên tao ngộ, lập tức chúng toả một cánh tìm cách khuỷp vòng sau lưng ta. Nếu sơ hở sẽ bị chúng bọc sườn ém lưng tiêu diệt. Nhưng với một đoàn quân rệu rã đến cực độ, trốn chạy lâu ngày, mọi chiến thuật hay đến mấy cũng trở thành mất hiệu nghiệm. Cuối cùng, chúng phải chạy trước sức mạnh và thế đuổi giặc của chúng tôi, dẫu rằng quân số chúng tôi ít hơn địch rất nhiều lần.

Chúng đông tới mức súng máy của chúng tôi bắn đến đỏ nòng, phải chờ nguội mới bắn tiếp được, chỉ có việc dành quân đuổi theo, rồi vượt tắt đón đường trước chặn ngang mà cũng khổ sở. Bộ đội ta mòn rách hết giày dép. Nhiều người phải xé quần áo buộc vào chân làm giày để vượt núi đá tai mèo mới kịp chặn đường địch. Rất may mắn cho chúng tôi là được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân. Bà con dân bản một mặt chạy người, chạy của vào rừng sâu tránh giặc nhưng mặt khác vẫn tổ chức dân công bám theo bộ đội. Các mẹ, các chị nấu cơm nấu, muối vừng tiếp tế cho chúng tôi. Cứ ngang qua quãng rừng gặp đoàn tiếp tế dân công là mỗi người nhận một nắm cơm, gói thức ăn rồi tiếp tục hành quân đuổi giặc. Lại có nơi nhận được cả quần áo cũ để thay cái đã rách, nhận giày vải, hài sảo^[22] để đi. Quân và dân phối hợp thật là tuyệt diệu, cứ thế bộ đội và nhân dân Cao - Lạng lao vào cuộc săn đuổi bọn tàn quân nhưng nhúc dãi lê thê này.

Cuối cùng, số phận của chúng cũng được định đoạt. Quân giải phóng Trung Quốc tiến xuống Long Châu đã bắt liên lạc với ta. Bên này, chúng tôi đánh hất chúng lộn về Bình Nghi. Bên đó, quân giải

phóng Trung Quốc chặn lại bủa vây tiêu diệt. Chúng buộc phải đầu hàng. Gần 2 vạn tên Tàu Tưởng trên ngực áo in đậm chữ “Cường Quân” đã bị giải giáp. Chín tên gồm Quân đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng bị bắt sống. Súng đạn chất đầy ắp như những đồng củi rừng. Giống như mọi lần sang giúp bạn, ta trao toàn bộ chiến lợi phẩm để họ trang bị cho quân địa phương.

Miền biên giới Cao - Lạng sạch bóng lũ giặc Tàu vàng, Tàu trắng.

Năm tháng qua đi, ghi lại những dòng hồi tưởng về một thời kỳ rất đa dạng trên chiến trường biên giới phía Bắc, tôi muốn nói lên cái trong sáng vô tư, tinh thần quốc tế vô sản của bộ đội ta, một đội quân chẳng những chỉ chiến đấu mãnh liệt, dũng cảm vì độc lập tự do của Tổ quốc mình, nhân dân mình, mà còn vì cả sự nghiệp cách mạng của bạn bè khi họ còn chung số phận thù trong giặc ngoài, chưa giải phóng được đất nước như ta vậy.

Có lẽ cũng là một vùng chiến trường đặc biệt, một chiến trường duy nhất ở nước ta trong những năm kháng chiến chống Pháp, vừa đánh giặc trong nước, vừa sẵn lòng giúp bạn không kể gian khổ và hy sinh xương máu, xứng đáng với danh hiệu “Bộ đội Cụ Hồ”.



II

I

**THAM DỰ CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU ĐÔNG
1950**

❖ CHUẨN BỊ VÀO CUỘC CHIẾN

Sau khi đánh tan hai vạn quân Tàu Tưởng, toàn Trung đoàn 174 chúng tôi tập trung tại Nước Hai. Cũng giống như Thất Khê của Lạng Sơn, Nước Hai là vựa lúa của tỉnh Cao Bằng, cũng là nơi trù phú, đất giàu, người đẹp.

Nước Hai là thị trấn huyện lỵ huyện Hoà An cách thị xã Cao Bằng chừng 16 km, có dãy phố dài là Cao Bình. Tuy là một phố phường của tỉnh miền núi xa xôi nhưng khá đông vui, nhà ngói, tường vôi như dưới xuôi, lổ chỗ một vài cửa hiệu giàu có xây hai tầng hảnh hoi. Chợ liên trong phố ngày nào cũng họp nên càng đông đúc. Từ ngày giặc chiếm Cao Bằng, dân ở thị xã tản cư đến sinh sống khiến Cao Bình - Nước Hai thành điểm hội tụ của nhân dân miền xuôi và dân bản địa. Những người một lòng một dạ đi theo kháng chiến, theo chính phủ Cụ Hồ, thề không cộng tác chung sống với giặc Pháp và chính quyền bù nhìn ngụy tặc. Bộ đội ta sau mỗi lần, mỗi đợt đi chiến đấu trên Đường số 4 hoặc tiến công cứ điểm nào đó, rút về nghỉ ngơi đều thích tạt ngang vào cái thị trấn phù trú này. Vài năm trước, hồi 1948, 1949, địch còn đôi lần tung quân càn quét quanh vùng và đánh nống ra hoặc dùng máy bay tiêm kích bắn phá. Nhưng nhịp điệu kháng chiến mạnh dần, địch có xu hướng co cụm quanh tụ điểm Cao Bằng nên phố Cao Bình và Nước Hai càng đông vui nhộn nhịp hơn. Bà con tản cư đã bắt đầu bàn tán gần ngày trở về nơi ở cũ. Tuy cách địch có trên 12 km, nằm trong tầm pháo lớn của địch, nhưng cuộc sống ở đây diễn ra trong không khí của một vùng tự do, đất thánh kháng chiến.

Trung đoàn chọn một cánh đồng ruộng dưới chân dãy núi đá vùng Lam Sơn. Dãy núi này có nhiều hang động hiểm trở. Các cơ quan Dân, Chính, Đảng tỉnh Cao Bằng sơ tán về làm việc ở đây từ đầu cuộc chiến tranh. Chỉ sau vài ngày, bộ đội đã san thành một bãi đất rộng, dựng khán đài. Cũng đủ cả loa phóng thanh, đèn điện, đèn lồng. Canh giữ máy bay địch đã có đơn vị cao xạ gồm toàn trọng liên 12,7 bố trí trên sườn núi. Trung đoàn 174 chúng tôi chính thức làm lễ thành lập. Nhân dân quanh vùng Nước Hai, Hoà An nô nức đến dự ngày ra mắt đứa con dày dạn chiến đấu của mặt trận Cao - Bắc - Lạng, đến để mừng đứa con đang độ trưởng thành sắp bước vào cuộc chiến quyết liệt. Một cục diện mới đang mở ra bước phát triển mạnh mẽ, đẩy nhanh tốc độ cuộc trường kỳ kháng chiến mau tới đích vinh quang. Ngày lễ thành lập biến thành ngày đoàn kết quân dân. Cùng với các đồng chí lãnh đạo Dân, Chính, Đảng tỉnh Cao Bằng, các đại biểu của hai tỉnh Lạng Sơn, Bắc Cạn (ngày ấy Bắc Cạn chưa sáp nhập với Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái như ngày nay) cũng về dự. Trung đoàn 174 quả xứng đáng là con em của nhân dân Cao - Bắc - Lạng. Không kể thành tích của từng đơn vị trước khi sáp nhập vốn đã có độ dày chiến công ; từ lúc được lệnh tập trung thành trung đoàn giành nhiều thắng lợi mới. Quét sạch hai vạn quân Tưởng khỏi biên giới, chặn đứng âm mưu móc nối giữa chúng với Pháp ; chỉ mấy tháng đầu, trung đoàn đã đánh cho giặc Pháp, những đòn chí tử liên tiếp: Bông Lau -Lũng Phầy, Bó Củng - Lũng Vài, Bản Năm. Mỗi trận là một thắng lợi vang dội và cuối cùng đã chặt đứt con Đường số 4, cắt đứt cái huyết mạch quan trọng của chúng, từ Lạng Sơn đến Cao Bằng đẩy địch vào thảm cảnh phải tính

toán cho số phận Cao Bằng. Cái số phận bỏ thì tiếc, ở không xong, vô cùng lúng túng.

Cùng với lễ thành lập, chúng tôi còn tổ chức triển lãm. Nhân dân nô nức tới xem như ngày hội. Những chàng lính trẻ của trung đoàn sau một tháng trời quần nhau với bọn Tàu Tưởng nom hốc hác, mệt nhọc. Ấy thế mà chỉ ít ngày nghỉ ngơi lại được vui hội mừng công với nhân dân, đều trở lại tươi tỉnh ra dáng. Bước chân điều hành, nét mặt nghiêm trang của họ, khi điếu qua khán đài, đầy vẻ tự hào với khí thế của đoàn quân chiến thắng. Hôm đó, anh Mân và tôi được Trưởng ban quân nhu Hoàng Lương Bình cấp cho mỗi người một bộ cánh bằng vải kaki mới toanh, mặc vào sột soạt cứng đơ đơ. Anh em cứ trêu: “Chỉ huy trung đoàn lên khung oách ghê!”. Có mấy cậu vốn từng là dân ăn diện ở thành phố trước kia, còn vừa làm động tác vừa bảo chúng tôi: “ấy ấy thế này mới đúng dáng”. Từ thuở vào bộ đội tới giờ, chúng tôi cứ tuềnh toàng có gì mặc ấy, đánh nhau hoài, đã bao giờ dự lễ lạt long trọng đâu mà chẳng ngượng nghịu với quần áo mới.

*

* *

Sau lễ thành lập trung đoàn, bộ đội vui liên hoan với nhân dân, xem triển lãm, xem văn công và nghỉ ngơi. Nhiều cậu “bạt” phố Cao Bình, thưởng thức món quà đặc sản của tỉnh nhà như phở xá xíu vịt, bánh áp chảo, họ chao (loại bánh hình quai vạc trong suốt nom rõ cả nhân tôm, chấm với nước chèo), hút thuốc lá Cô-táp, I-gơn, hoặc mua sắm bánh xà phòng Sang-gai, chiếc mùi xoa vừa với túi tiền anh bộ đội Cụ Hồ. Trong lúc đó, anh Mân và tôi cùng Đảng ủy trung

đoàn vui đầu bàn bạc với nhau về nhiệm vụ của trung đoàn trước tình hình mới. Từ lâu nay đánh phục kích, vận động phục kích hoặc chống càn, nghĩa là đánh địch khi chúng thoát ly ngoài công sự, cứ điểm, hầu như là sở trường, điểm mạnh của trung đoàn. Nay tình hình đã biến chuyển, con Đường số 4 hoàn toàn tê liệt, kẻ địch cũng không còn hung hăng dám tổ chức những trận càn, hoặc thọc ra vùng tự do hòng phá hoại ta hay mở rộng phạm vi chiếm đóng nữa. Chúng tôi phải tìm địch mà đánh chứ. Phải làm sao tiêu diệt sinh lực địch chứ. Vậy chỉ có cách đánh vào nơi chúng chiếm cứ. Phải công kiên vào cứ điểm giặc. Vậy chọn cứ điểm nào để thử sức trận đầu. Đã đánh là phải thắng. Một trận phục kích không thành công, bộ đội chỉ việc rút lui vào rừng là an toàn, còn đánh cứ điểm, nơi địch phòng thủ, chúng đã căn sẵn vùng ngoại vi cho pháo của chúng, rồi còn máy bay, rồi còn bọn cơ động ứng chiến từ cứ điểm lớn đến tiếp cứu. Nếu trận đánh dây dưa ắt thương vong, thiệt hại nhiều. Bàn bạc mãi chúng tôi đều nghĩ: Dầu khó cũng phải đánh xem sao. Sinh ra bộ đội là để đánh giặc. Không lẽ giặc không ra khỏi công sự, mình đành thôi sao.

Phải chọn lấy một điểm nào vừa sức, đánh một trận rút kinh nghiệm mới được. Trước mắt, trung đoàn mở một đợt luyện quân ngay tại vùng Cao Bình. Chiến sĩ học kỹ thuật cá nhân chiến đấu thật thuần thục, nhất là kỹ thuật đánh bộc phá, lối đánh lợi hại, thay cho dùng pháo phá rào, mở đột phá khẩu. Còn cán bộ lo nghiên cứu chiến thuật công kiên rồi vấn đề hiệp đồng bộ binh, pháo binh, đánh điểm diệt viện v.v...

Công việc vừa bắt đầu triển khai thì tôi bị một cơn sốt kịch liệt sau một tháng liền đánh bọn Tàu Tưởng, liên miên cơ động, sức khoẻ của tôi bị sút. Anh Mân mấy lần giục phải nghỉ an dưỡng để lấy lại sức, tôi cứ nấn ná từ chối. Sau cơn sốt, lần này anh Mân cương quyết hơn :

- Ông phải nghỉ, phải tĩnh dưỡng một tháng, không có sức khoẻ không đáp ứng được nhiệm vụ Thu Đông năm nay đâu.

- Nhưng trung đoàn đang thời kỳ luyện tập.

- Không nhưng gì cả, việc trung đoàn, bọn mình lo, không sao hết.

Sau đó anh Mân và Đảng uỷ trung đoàn quyết định giao tôi cho đồng chí y tá và đồng chí liên lạc Thành. Nhóm ba người chúng tôi phải về vùng Hoà An cách Nước Hai khoảng 3 km, nơi đó yên tĩnh, cảnh đẹp, khí hậu rất tốt cho người dưỡng bệnh.

Chúng tôi đến bản Thắc Thuý, Đức Long, gia đình đón nhận chúng tôi chính là nhà mẹ Ninh, bà nội anh Bằng Giang đang là Tư lệnh khu 10.

Bà của anh Bằng Giang và vợ anh vốn từng nuôi nấng, chăm lo anh đi làm cách mạng từ hồi bí mật, nên rất hiểu và rất thương cán bộ, bộ đội. Mẹ bảo tôi :

- Trên giao cho mẹ nuôi mày, giúp mày khỏi đau ốm, mày chưa khoẻ, chưa béo tốt, mẹ không cho mày đi đâu vớ !

Sáng ở nhà chị Bằng Giang, bên cạnh liên lạc viên Thành, y tá Đàm, tôi lại nhớ những ngày ở Bình Gia, trong Ban Quân y Trung đoàn 28.

Ban Quân y lúc đó có anh Mậu Trưởng ban, bác sĩ Huy, anh Sĩ Quốc và tôi là Quân y sĩ và một số nam nữ y tá như chị Kim Chi, chị Thanh Diệp, chị Vân, chị Hồng Vi, chị Thiện, anh Mạnh Lục, anh Bội... Ngày ngày làm việc chăm sóc thương bệnh binh, tận tụy, thân vui như trong một gia đình.

Năm ngày có một phiên chợ. Ngày phiên chợ đối với chúng tôi là những ngày hội. Hết giờ là chúng tôi rảo xuống phố. Đồng tiền trong túi ít ỏi nhưng không bao giờ cảm thấy thiếu thốn. Quýt Bình Gia, mía xương gà Đồng Mỏ, bánh bột nếp rán, phở chua thịt vịt ...là những hoa quả và món ăn dân tộc mà chúng tôi rất ưa thích.

Tôi cũng nhớ đến bé Quốc Dường, chú bé tù binh của Đường số 4 trong trận Bông Lau, tháng 10-1947. Sau trận đánh, bé Dường được đưa về hậu phương, Ban Quân y Trung đoàn tình nguyện nuôi cháu. Vài năm sau, Dường được ông bà Lê Duy Để, hồi ấy là Trưởng ty Công chính tỉnh Lạng Sơn, xin về làm con nuôi, đổi tên cho là Lê Quốc Dũng.

Gần đây, đến tìm thăm bác Để ở số nhà 22 đường Quan Thánh Hà Nội. Bác đã trên 80 tuổi, còn Quốc Dũng thì nay đã là một người đứng tuổi, râu quai nón, một vợ hai con. Anh đã là công nhân ở nhà máy Trung quy mô trên 20 năm, nay được nghỉ theo chế độ, mở thêm cửa hàng giải khát để hỗ trợ cho kinh tế gia đình. Bác Để cho tôi biết bố của Dường trước là một kỹ sư mỏ người Bỉ, làm hợp đồng với chính quyền Pháp ở Đông Dương. Trong chuyến ông đi theo đoàn công-voa ở Bông Lau, một viên đạn lạc đã trượt qua gót chân Dũng rồi xuyên vào ngực của bố. Mẹ Dũng là người Việt, hiện chưa biết tung tích. Tôi cảm thấy yên tâm về số phận người tù binh bé

bóng của Đường 4 năm xưa. Mong sao anh Dũng có dịp về thăm quê bố, gặp những bà con ruột thịt mà chưa bao giờ anh được thấy mặt.

Chỉ mới hơn một tuần tôi đã sốt ruột vô cùng. Quả thật ở đây, hàng ngày liên lạc Thành và y tá Đàm ra chợ, vào bản mua thức ăn, lại thêm bà mẹ và chị Bằng Giang hỗ trợ vào việc nấu nướng nên tôi được hưởng những bữa cơm rất ngon miệng, sức khoẻ hồi phục mau chóng. Nhưng đã quen cuộc sống xô bồ, bận rộn với anh em, đơn vị, tôi khó thích ứng với cảnh sống nhàn nhã, ngày ngày dạo xem phong cảnh, ăn cơm, tiêm thuốc, ngủ sớm. Vắng lặng quá, êm đềm quá, ấm cúng quá trong lúc cả trung đoàn đang lao vào tập luyện. Mình nghĩ ngời thế này, gánh nặng đơn vị dồn cả vào anh Dân. Mà công việc của chính ủy đâu có nhẹ nhàng, nào công tác Đảng, công tác chính trị, tổ chức lại các mối liên hệ với dân chính đảng địa phương.

Tôi bảo với y tá Đàm :

- Mình khoẻ rồi, ta về thôi, ở đây buồn có khi ốm lại mất.

Cả y tá Đàm và liên lạc Thành vốn trẻ, hai cậu cũng ngán ngẩm với việc nghỉ ngơi, cũng muốn trở lại đơn vị lắm, nhưng y tá Đàm lắc đầu :

- Cụ Dân kỷ luật em mất. Chính ủy giao cho một tháng mà mới chưa hết 10 ngày.

Tôi dỗ :

- Tội vạ tớ chịu hết. Đừng lo !

Thế là chúng tôi từ giã bà mẹ và chị Bằng Giang. Mẹ giữ mãi không được đành lắc đầu :

- Chúng mày giống nhau quá mà, thằng Cơ (tên cũ của anh Bằng Giang) cũng vậy à ! Về nhà được vài ngày đã lại muốn đi rồi, hây í à ! Bao giờ hết sạch thằng Tây chúng mày mới hết đòi đi à !

Tôi cười :

- Đánh hết Tây con về bản ở ăn hết gạo, hết gà, mẹ đuổi con cũng không đi đâu.

Ba chúng tôi rong ruổi trở về chuyện trò rôm rả suốt dọc đường rừng. Thấy chúng tôi, anh Mân chỉ tủm tỉm cười :

- Mình đã tính chỉ độ mười lăm ngày là ông chuẩn về. Vậy mà lại quá mức, chưa hết 10 ngày, bậy thật !.

Nói xong anh dứ dứ ngón tay với y tá :

- Không làm trọn nhiệm vụ. Ông Việt mà lại ốm, cậu đừng trách tôi nghe.

*

* *

Vào đầu năm 1950 này cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta bước sang năm thứ tư. Đây cũng là buổi mở đầu của bước ngoặt chiến tranh cứu nước. Ta đã bước vào giành thế chủ động, buộc địch lâm vào tình trạng tính toán, rất bị động lúng túng. Cái gọi là quân khu biên thùỵ Cao - Bắc - Lạng của quan năm Công -xtăng rất bấp bênh, chao đảo như con tàu trong bão tố. Con đường số 4 sau trận Bối Cung - Lũng Vài lần thứ 4 của Trung

đoàn 174 chúng tôi hồi tháng 9 năm 1949 đã như con rắn bị nện gãy gãy. Địch chỉ còn dám đi những chuyến nhỏ từ Lạng Sơn đến Na Sầm. Việc tiếp tế cho Cao Bằng hoàn toàn phải dùng đường hàng không, vô cùng tốn kém, trong lúc Chính phủ Pháp phải ngửa tay xin viện trợ Mỹ để duy trì cuộc chiến tranh vô vọng. Suốt giải biên giới, thế liên minh kìm kẹp của Tưởng và Pháp đã tan ra mây khói. Từ sau tháng 10 năm 1949, tình thế đã hoàn toàn đảo ngược. Địch rút Bắc Cạn rồi ; Cao Bằng nằm trong cảnh bấp bênh cũng luôn bị uy hiếp. Các nhà chiến lược của quân đội viễn chinh Pháp chia làm hai phái cãi nhau kịch liệt, mong tìm một giải pháp thoát khỏi nỗi bế tắc mà không xong.

A-léc-xăng-đrơ Tư lệnh Bắc Bộ và Sác-tông Chỉ huy trưởng Cao Bằng vốn là những tên thực dân cáo già, sống lâu năm ở Đông Dương, chủ trương giữ Cao Bằng án ngữ đầu mối giao thông quan trọng, chống sự mở thông biên giới của ta, ngăn chặn sự vận chuyển tiếp tế quy mô cơ giới hoá từ phía Trung Quốc sang.

Ngược lại, Các-păng-chi-ê Tổng chỉ huy Đông Dương và Công-xăng chỉ huy quân khu biên thùy lại muốn rút Cao Bằng để bảo toàn lực lượng nhưng sẽ tiến công chiếm đóng Thái Nguyên tạo ra điểm chốt giữ trước cửa ngõ đồng bằng Bắc Bộ.

Cả hai đều phải đưa hết lý lẽ để chứng minh tài thao lược của mình, nêu rõ chỗ mạnh tối ưu của phương án mình đề ra, và bới móc những điểm yếu của bên đối lập. Khốn nỗi tình thế bị động chiến lược thì phương án nào mà chẳng gặp phải khó khăn, sơ hở, và yếu kém. Chiếm giữ đất thì thiếu quân cơ động, mà ngược lại muốn đẩy mạnh sức cơ động thì lấy quân đâu mà tập trung co cụm

khỏi bị dàn mỏng. Đã không còn đủ sức để chiếm đóng ngăn giữ trên một địa bàn rộng lớn mà phải bàn tính đến cách đóng giữ một điểm mà chặn được nhiều hướng, nhiều cửa ngõ xâm nhập xuống đồng bằng Bắc Bộ thì làm gì có điểm nào đặc địa, lợi thế !

Cao ủy Pi-nhông cũng lúng túng giữa hai ý kiến trái ngược nhau của hai tướng Các-păng-chi-ê và A-léc-xăng-đrê. Cuối cùng con lắc Pi-nhông có phần nghiêng về Các-păng-chi-ê nên viên tướng này dùng đến quyền hành bảo với A-léc-xăng-đrê :

- Tôi là tổng chỉ huy toàn cõi Đông Dương. Anh chỉ có việc tuân lệnh. Hãy thi hành lệnh của tôi.

A-léc-xăng-đrê cứng đầu, cáo ồm xin nghỉ phép về Pháp với ý đồ tìm cách biện bạch với những người có trách nhiệm trong Chính phủ Pháp. Việc không thành, A-léc-xăng-đrê nằm lì, nhưng cuối cùng, theo quân lệnh, vẫn phải mò sang nhận nhiệm vụ chỉ huy Bắc Bộ trong bối cảnh bùng bùng, ảm đạm.

Sau này, khi Sác-tông, Chỉ huy trưởng phân khu Cao Bằng và đồng bọn bị bắt sống, anh Văn cho gọi Sác-tông đến để trực tiếp thẩm vấn. Anh hỏi :

- Anh nghĩ gì việc quân đội Việt Nam có thể tấn công Cao Bằng ?

- Thưa ngài, không bao giờ tôi nghĩ rằng quân của các ngài dám tấn công Cao Bằng, vì đó là pháo đài kiên cố nhất trên toàn cõi Đông Dương. Để lấy Cao Bằng, tôi e chừng ngài phải mất ít nhất một tháng, thua thiệt 10000 quân, tức là toàn bộ lực lượng tinh nhuệ của ngài.

- Vậy tại sao anh rút bỏ Cao Bằng ?

- Đây là mệnh lệnh, thưa ngài, tôi phải tuân lệnh
- Anh nghĩ gì về việc Cao Bằng thất thủ ?

Sac-tông xoè hai bàn tay lông lá đưa lên ngang vai, bức bối và thất vọng :

- Thưa ngài, bỏ Cao Bằng tức là bỏ ngõ biên giới. Ngày nào ngài còn phải chuyên chở lương thực vũ khí trên lưng người, lưng ngựa, ngày đó còn chiến tranh du kích nhỏ. Nhưng một khi những chiếc Mô-lô-tô-va của các ngài chạy được đến cửa ngõ đồng bằng Bắc Bộ thì ôi thôi, lúc đó sẽ là chiến tranh lớn thật sự.

Thất bại của chiến tranh Đông Dương đã bắt đầu hình thành. Dù A-léc-xăng-đri và Sac-tông là những tên chỉ huy cáo già, có bản lĩnh hơn cả trong số bọn tướng tá thực dân hồi bấy giờ, nhất định chúng cũng phải cam chịu thất bại.

Cũng vào đầu năm 1950, kể từ sau chiến thắng Thu Đông 1947, tiếp tới những trận thắng giòn giã trên Đường số 4 và những trận thắng lợi ở phố Ràng, Phủ Thông, Nà Phạc, Đường số 3, Đường số 5 v.v. bộ đội ta đã lớn mạnh nhiều.

Năm 1947, mới chỉ có một số ít trung đoàn tập trung, còn phần lớn là những tiểu đoàn và đại đội độc lập. Bước vào năm 1950, ta đã có Đại đoàn 308 ở Việt Bắc và Đại đoàn 304 ở khu 4. Bộ cũng đang rậm rạp một số đại đoàn tiếp theo nữa. Trung đoàn mặt trận Cao - Bắc - Lạng 174 chúng tôi cũng đã nằm trong dự kiến đội hình Đại đoàn 316.

Để đẩy mạnh cuộc kháng chiến lên một bước mới nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc,

Thường vụ Trung ương Đảng và Bác Hồ quyết định giao cho Bộ Tổng Tư lệnh mở chiến dịch tiến công biên giới vào mùa khô Thu Đông 1950.

Ngày 25 tháng 7, Ban thường vụ Trung ương ra nghị quyết thành lập Đảng ủy mặt trận biên giới gồm các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thái, Lê Liêm, Bùi Quang Tạo do đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bí thư. Đạo ấy, Trung đoàn 174 chúng tôi đang luyện tập kỹ thuật, chiến thuật ở vùng Trùng Khánh (Cao Bằng) với khí thế sẵn sàng tham dự chiến dịch Thu Đông. Tuy chưa biết ở hướng chiến trường nào nhưng cán bộ và chiến sĩ đều mang chung một ý nghĩ: Thu Đông này ta sẽ đánh lớn.

Ngày 30 tháng 7, tôi được lệnh triệu tập đến sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng Tham mưu họp. Địa điểm này ở dưới chân dãy núi đá vùng Quảng Uyên. Trên chọn chỗ này thật quả là đắc địa. Từ đây có đường ra Cao Bằng, có lối xuống Đông Khê.

Lui về hậu phương có đường qua Nước Hai, về Bắc Cạn ; đi ngả Trùng Khánh đến Phục Hoà thông được sang bên kia biên giới.

Đến nơi họp, ngoài các đồng chí trên Bộ, tôi được gặp lại nhiều đồng chí quen biết qua những lần phối hợp chiến đấu trên trục Đường số 4 năm ngoái. Anh Vương Thừa Vũ và các anh Thái Dũng, Vũ Yên, Vũ Lăng, Hồng Sơn của Đại đoàn 308. Anh Lê Trọng Tấn Trung đoàn độc lập 209, anh Doãn Tuế ở pháo binh ...

Anh Hoàng Văn Thái phổ biến mục đích của chiến dịch tiến công biên giới Thu Đông năm này nhằm :

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- Giải phóng một phần biên giới, mở đường giao thông với các nước xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

Sau đó, anh đưa dự kiến kế hoạch tác chiến sẽ lấy Cao Bằng làm mục tiêu số 1, thứ đến Đông Khê rồi Thất Khê. Giải phóng được Cao Bằng, ta mở thông đường với toàn phe xã hội chủ nghĩa, tạo, ra nhiều thuận lợi cho công cuộc kháng chiến. Khi mọi người nắm được sơ đồ, vị trí và tình hình địch rồi, anh Thái giao nhiệm vụ để các cán bộ về tổ chức, trinh sát nghiên cứu chiến trường, báo cáo về Bộ. Lúc đó sẽ quyết định cuối cùng về kế hoạch phương án tác chiến cụ thể cho từng đơn vị.

Trước lúc ra về, anh Thái nói với tôi :

- Nếu đánh Cao Bằng, trung đoàn của cậu sẽ là mũi chủ công đấy.

Tôi về kể lại mọi chuyện với anh Mân, anh gật gù :

- Trên đã tin tưởng, là làm cho tốt. - Anh lại nói thêm: - Ông Việt này, giá trên cho ta đánh cái Đông Khê, ngon ăn hơn.

Tôi rất hợp ý với chính ủy vì hồi tháng 5 vừa qua, trung đoàn chúng tôi đã tiêu diệt nhanh gọn Đông Khê, giết tên đồn trưởng Ca-ga-nô-va ngay từ loạt đạn pháo đầu tiên. Đây cũng là lần đầu tiên Trung đoàn 174 chúng tôi đánh công kiên vào một cụm cứ điểm tương đối rắn, do toàn bọn Lê dương (3e REI) chiếm giữ. Đạo ấy sau khi tôi an dưỡng ở bản Thắc Thủy về, huấn luyện xong bộ đội, chúng tôi thực hiện nghị quyết của Đảng ủy: "Tìm địch mà đánh. Nó đóng trong đồn thì ta công kiên một trận rút kinh nghiệm".

Anh Mân bàn với tôi :

- Ta nghiên cứu tình hình cái Đông Khê coi !

Chúng tôi bàn với các cán bộ tham mưu và tiểu đoàn. Anh em hăng hái hưởng ứng. Thế là tôi tổ chức đi trinh sát thực địa, nghiên cứu cách đánh. Chúng tôi tập kết ở xã Vân Trình, nhà cụ Việt An, cách Đông Khê 10 km.

Cụ Việt An sau này là Chủ tịch Ủy ban huyện Đông Khê, có con là Nguyễn Văn Khoa, hiện nay là Bí thư huyện ủy Đông Khê.

Ngày ấy có bộ phận tiền phương của Bộ Tổng tham mưu ở gần kề với trung đoàn do anh Phan Phác, quyền Tổng tham mưu phó phụ trách. Tôi gặp anh đề xuất ý kiến và xin được đánh Đông Khê sau khi đã trinh sát nghiên cứu kỹ. Anh Phan Phác đồng ý và bảo sẽ báo cáo về Bộ. Thế là chúng tôi đánh.

Nhớ lại trận đó, hôm trung đoàn chiếm lĩnh trận địa, trời đổ mưa to, suối ngập đầy, bộ đội hành quân rất khó khăn, anh Mân với tôi phải leo lên một mỏm núi đá. Chúng tôi đặt sở chỉ huy trên đó, trước cả trận địa pháo 75, cách phố Đông Khê chừng 300 m. Mưa như xối, vách đá dựng đứng lại rất trơn, chỉ vô ý một chút là lăn xuống chân núi như chơi. Từ trên đỉnh núi, chúng tôi quan sát được toàn cảnh thị trấn Đông Khê, nhìn rõ cả pháo đài, sở chỉ huy địch. Bọn Lê dương nhốn nháo đi lại, đưa chặt cây, đưa bổ củi, hò hét nhau nhặng xị.

Đúng 5 giờ sáng ngày 25 tháng 5, tôi hạ lệnh công kích. Hai khẩu pháo bố trí ở dãy núi Yên Ngựa bắn vào Cạm Phầy. Theo kế hoạch, chúng tôi định áp đảo ngay từ phút đầu tiên, chiếm lấy Cạm

Phầy vì đồn này ở trên núi cao, chiếm được nó không khác gì chúng ta ngồi lên đầu cả phân khu Đông Khê. Thế nhưng, đây là lần đầu tiên, trung đoàn đánh hiệp đồng bộ pháo, mà pháo ngày đó bắn còn kém. Đạn pháo cứ nổ lừng chừng núi, không phát nào trúng đồn cả. Trong khi đó, địch phản pháo dữ dội, tiểu đoàn trưởng Kha và một số pháo thủ của ta hy sinh sau một loạt đại bác 75 ly bắn thẳng của địch ; xung kích của Tiểu đoàn 257 không sao tiếp cận được, đã hết nửa cơ số đạn mà đột phá khẩu chưa mở được. Tôi và anh Mân bàn tính: "Tình hình này không ổn, địch có thể còn gọi phi cơ yểm trợ nếu chúng tổ chức phản xung phong thì sao. Cần phải dừng lại, củng cố đã".

Chúng tôi cho lệnh tạm ngừng. Các đơn vị giấu quân, đảm bảo an toàn, chống phi pháo địch. Vận chuyển tiếp tế gấp cho trận địa pháo 100 viên nữa. Tối nay đánh tiếp. Cả ngày hôm ấy chúng tôi bị máy bay địch từ Hà nội lên liên tiếp thả bom và bắn phá. Từ sở chỉ huy nhìn lên các mỏm núi đá phía Bắc và Đông Bắc, trước đây xanh rì nay phờ phạc trắng xoá, như những quả núi vôi. Nhưng tất cả bộ đội đều thoải mái nghỉ ngơi trong các hang sâu. Trong đồn chính của giặc có nhiều tiếng cửa xẻ và đóng đinh. Địch cũng không dám đánh ra, chỉ dùng phi pháo nã liên hồi, hết đợt này tới đợt khác. Sau này, khi đã chiến thắng, chúng tôi mới vỡ lẽ: tên quan ba Ca-ga-nô-va chỉ huy trưởng đã bị giết ngay từ phát đầu của ta. Tiếng đóng đinh, chính là chúng làm quan tài cho tên chỉ huy xấu số. Đây cũng là sự bối rối của chúng suốt ngày hôm đó. Buổi chiều, đúng lúc sẩm tối, khi bốn chiếc Hen-cát cuối cùng chỉ còn là những chấm đen ở chân trời hướng về Hà Nội, tôi hạ lệnh nổ súng. Qua một ngày bàn

bạc tính toán, pháo ta bắn rất tốt. Chúng tôi chiếm Cạm Phầy và như từ trên nóc nhà đánh thọc xuống chiếm khu pháo đài, trung tâm chỉ huy thông tin và hỏa lực của địch và như thế chẻ tre, toả xuống phố chiếm đồn, khu nhà thương Phủ Thiện, giành thắng lợi ngay trong đêm ấy. Sáng sớm ngày 27 tháng 5, tôi và anh Mân ung dung từ sở chỉ huy trên núi xuống, vào thăm thị trấn Đông Khê còn ngổn ngang kho tàng để xác địch.

Trận ấy trung đoàn chúng tôi có một khuyết điểm là không có kế hoạch đánh bọn viện binh nhảy dù đến chiếm lại đồn, và lại cũng nghĩ: "Nó có chiếm lại cũng phải dăm bữa nửa tháng". Ai dè đối với địch, Đông Khê là một tiểu khu quan trọng, lá chắn của Cao Bằng, nên chúng vội vàng cho quân nhảy dù chiếm lại ngay ngày hôm sau. Còn chúng tôi thì đã cho đơn vị rút, chỉ còn lại một bộ phận nhỏ cùng dân công thu dọn chiến trường. Khi địch nhảy dù chiếm lại, các tiểu đoàn của chúng tôi đang trên đường hành quân về hậu cứ khó tính chuyện quay lại. Cả trung đoàn cứ tiếc mãi. Nhưng có lẽ sự ấu trĩ của chúng tôi đã tạo ra cho địch thói chủ quan. Chúng lầm tưởng thất thủ Đông Khê lần đó là do sự rủi ro đem lại cái chết của tên Ca-ga-nô-va, chỉ huy cụm cứ điểm nên ảnh hưởng tới cục diện chiến đấu ; ta đánh xong, vội rút bỏ, hẳn là cũng bị tổn thất nặng. Mọi suy luận đó đã dẫn tới việc giặc tuy có tăng cường bố phòng Đông Khê mạnh hơn, nhưng vẫn chủ quan và không hề biết gì tới số phận của nó là mục tiêu lựa chọn của ta trong chiến dịch Biên giới sắp tới.

Hôm đó, đồn Đông Khê ngổn ngang xác giặc, nhà cửa, công sự đổ nát tan tành. Hoạ sĩ của trung đoàn, anh "Sĩ Tốt" đặt giá vẽ trên pháo đài, đang say sưa ghi lại vài nét làm lưu niệm chiến thắng.

Bỗng có tiếng máy bay, bom đạn đổ như xối, quân dù nhảy xuống pháo đài. Một tên rơi cạnh ngay giá vẽ. Tên giặc đang loay hoay gỡ giày dù, "Sĩ Tốt" một tay cầm bút lông, một tay vớ thanh củi xông tới đánh vào đầu nó. Rồi cướp luôn khẩu tiểu liên, lia một băng, tên giặc chết liền. Sau đó, anh lúi xuống chân pháo đài và thoát khỏi vòng vây của địch.

Bên cạnh những hành động anh hùng của các dũng sĩ trong trung đoàn cũng xảy ra một vài vi phạm kỷ luật chiến trường: anh chàng T.S. khi vào sâu trong hầm của pháo đài, trước cảnh rượu vang, sâm banh ngổn ngang trên một cái bàn, không tự kiềm chế được, anh nốc liền mấy chai, say đến mức khi địch nhảy dù lên đầu, anh đã mềm như bún, nên bị bắt làm tù binh. Mãi đến 1954, anh mới được trao trả.

Tôi còn nhớ sau hôm thắng trận Đông Khê, tôi được lệnh về ngay Bộ để báo cáo cụ thể trận đánh. Đến nơi tôi được trực tiếp gặp anh Văn. Anh hỏi rất tỉ mỉ về sử dụng binh lực, bố trí các mũi và quá trình diễn biến trận đánh. Hỏi xong, anh cười cười khen :

- Cậu đánh tốt đấy ! Chiến thuật khá, thương vong ít. Nói xong anh dặn thêm: "Từ nay đánh đâu phải xin ý kiến cụ thể của Bộ đấy ; nhớ đấy !"

Đến bây giờ tôi mới hiểu. Thì ra trên đã có ý đồ về một chiến dịch lớn mùa khô năm ấy, cũng đã nhắm đến hướng của chiến trường chính sẽ là Cao - Bắc - Lạng. Việc đánh Đông Khê của trung đoàn tôi tuy thắng lợi giòn giã nhưng cũng tạo cho địch sự đề phòng, củng cố hệ thống đồn bốt chúng rắn chắc hơn. Hoặc có thể

khiến địch phán đoán được ý đồ của ta chăng ? Một trận công kiên tập dượt chăng ?

Hôm ấy tôi được anh Hoàng Văn Thái tiếp. Anh rất vui bảo tôi :

- Từ ngày cậu rời phòng tác chiến xuống Đường số 4 làm ăn khá. Nhân hôm nay về, sang nhà ăn cơm với mình.

Nhà anh là một căn nhà tre, mái cọ ở khoảng đồi gần ngay chỗ làm việc của Bộ Tổng tham mưu. Chị Loan thịt một con gà, anh chịu nuôi tăng gia. Rau có sẵn ở vườn. Bữa cơm thân mật này tôi nhớ mãi. Anh hỏi tôi về tình hình đơn vị và nói cho tôi rõ tình hình chung của bộ đội ta ở các chiến trường từ Bắc vào Nam. Tôi nhớ mãi câu anh nói :

- Cuộc kháng chiến ngày càng có nhiều triển vọng. Ta lớn dần và địch yếu rõ rệt, Pháp thua thôi, phải thua thôi !

Đức tin và niềm vui của hai anh đã truyền sang tôi một sức mạnh kỳ lạ. Tôi trở về đơn vị với một tinh thần phấn chấn, lòng lự nhủ lòng: “Cố gắng đánh mấy trận thật đậm, Trung đoàn 174 phải góp hết sức mình vào cuộc chiến tranh đang trên đà thắng lợi !”.

*

* *

Hôm đi trinh sát Cao Bằng, tôi tổ chức một bộ phận gọn nhẹ tới một mỏm đồi hướng Bắc. Ở đây có thể quan sát toàn cảnh địa thế của thị xã mà đầu năm 1948, tên Cao ủy Bô-la đến thị sát đã từng thốt lên :

- Ôi ! không khi nào và không bao giờ người Pháp chúng ta rời bỏ cái thành phố xinh đẹp này.

Thị xã Cao Bằng có 3000 dân, nó là nơi đặt sở chỉ huy của trung đoàn Lê dương thứ 3 và sở chỉ huy của tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri và tiểu đoàn ngự.

Sông Hiến và sông Bằng vây bọc lấy thị xã khiến nó như một bán đảo nhỏ. Muốn vào thị xã phải qua hai chiếc cầu, địch đặt bốt gác kiểm soát gắt gao. Pháo đài Cao Bằng nhô cao trên đồi biển thành một điểm quan trọng, quan sát cả thị xã. Một pháo đài được xây dựng kiên cố ngay từ thời Pháp thuộc, giờ địch củng cố thêm, xây dựng hầm sâu dưới mặt đất 7 m. Dưới đó chúng có kho đạn, kho lương thực, trạm xá, phòng ăn, phòng ngủ, theo kiểu chiến lũy Ma-gi-nô thu nhỏ có thể độc lập chống bao vây hàng tháng không cần tiếp tế. Vòng quanh chân thành là một đường đá rộng xe tăng và xe thiết giáp có thể chạy lòng sục không cho đối phương tiếp cận hoặc bắc thang leo lên pháo đài.

Quanh Cao Bằng là đồi trọc cỏ gianh lúp súp, tạo thuận lợi cho pháo binh, không quân yểm trợ ; ta tiếp cận được phải rất khó khăn. Cao Bằng có một sân bay ở hướng Nam. Chúng bố trí một vòng đai bảo vệ gồm 15 vị trí. Từ trên cao nhìn xuống thấy rõ đây là một cụm cứ điểm khá vững chắc và lợi hại. Sác - tông cho Cao Bằng là một pháo đài kiên cố bậc nhất toàn Đông Dương hồi bấy giờ. Khi đoàn nghiên cứu chiến trường của 174 chúng tôi về sở chỉ huy tiền phương của Bộ báo cáo, thì các đoàn khác cũng lục tục kéo về. Sau này gặp lại anh Cao Pha vốn là Trưởng phòng của Bộ ngày ấy, tôi mới biết đích thân anh Văn đã cùng anh Cao Pha, Lâm Kính, Hiếu Kính^[23] cũng tổ chức một mũi đi khảo sát thực địa Cao Bằng. Nói

chung ai cũng thấy đây là một điểm cứng. Cứng vì sự bố phòng của địch và sự trắc trở của hai con sông.

Trước một quyết định quan trọng, liên quan đến sinh mệnh hàng vạn con người và đến vận mệnh quốc gia, đồng chí Tổng tư lệnh, kiêm Tổng chỉ huy chiến dịch, trực tiếp thị sát chiến trường. Anh ngồi rất lâu trên một mỏm đồi gianh phía Đông Bắc thị xã, rồi ổng nhòm quan sát địa hình và các công trình bố phòng của địch. Anh quay lại nói với các cán bộ tùy tùng :

- Cao Bằng khó đánh, phải xem lại chủ trương, phải xin quyết định mới của Bác.

Vài hôm sau, một cuộc họp lịch sử đã diễn ra ở sở Chỉ huy tiền phương. Cuộc họp có Bác Hồ, anh Văn và đồng chí T.C. là cố vấn do Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc cử sang giúp ta sau khi lục địa Trung Hoa được hoàn toàn giải phóng.

Bác Hồ chủ trì cuộc họp dịch cho đồng chí T.C. nghe những lời trình bày của anh Văn. Bác và đồng chí T.C. tán thành phương án mới do anh Văn đề ra. Mấy hôm sau, chúng tôi nhận được quyết định cuối cùng của Bộ Tổng tư lệnh. Anh Thái phổ biến kế hoạch cụ thể cho tôi.

- Điểm của chiến dịch là Đông Khê, đánh Đông Khê có nhiều lợi thế hơn đánh Cao Bằng vì Cao Bằng điểm cứng, khó giải quyết được nhanh, đột phá dây dưa, bộ đội ta dễ bị hứng đạn của phi pháo địch, dù có giải quyết được, thương vong cũng sẽ lớn.

Đông Khê cũng là một cụm cứ điểm nhưng không to rộng và cứng như Cao Bằng. Địa hình bao quanh là rừng rậm, núi cao, giúp

ta dẫn quân tiến nhập trận địa dễ hơn. Đông Khê là cái yết hầu bảo đảm cho Cao Bằng.

Đánh vào Đông Khê buộc địch phải cứu viện, sẽ tạo cho ta thời cơ tiêu diệt bọn viện binh. Đánh địch trong lúc đang vận động ngoài công sự, dễ dàng, thuận lợi hơn. Một khi viện binh bị tiêu diệt, sẽ gây ra nỗi kinh hoàng cho bọn cố thủ trong cứ điểm. Chắc chắn ta dễ thắng to.

Anh Thái bảo trên sẽ điều cho Trung đoàn 174 chúng tôi thêm Tiểu đoàn 246 (Liên khu Việt Bắc), Tiểu đoàn 11 của Đại đoàn 308, sáu khẩu sơn pháo 75, bốn khẩu ĐKZ57. Chúng tôi có nhiệm vụ làm chủ công tiến công vào Đông Khê ở hướng Bắc và Đông Bắc. Ở hướng Tây Nam và Tây, Trung đoàn 209 của anh Lê Trọng Tấn có tiểu đoàn pháo 178 phối thuộc, đánh thốc lên. Trung đoàn pháo binh bố trí 14 khẩu ở trận địa phía Đông do tiểu đoàn trưởng Doãn Tuế trực tiếp chỉ huy.

Đại đoàn 308 vừa là tổng dự bị cho Đông Khê vừa có nhiệm vụ diệt viện theo kế hoạch đánh điểm diệt viện. Anh Thái sẽ là chỉ huy trưởng mặt trận Đông Khê. Anh Lê Trọng Tấn là chỉ huy phó. Tôi vội vã tổ chức trinh sát Đông Khê rồi quay về trung đoàn cùng anh Mân bàn bạc kế hoạch tác chiến. Anh Mân nói vui :

- Té ra chúng mình cầu được ước thấy thật.

Tôi kể lại cụ thể tình hình Đông Khê. Chúng đã có một số thay đổi ở chỗ pháo đài trung tâm chỉ huy, trên quả đồi hình quả táo ở hướng Bắc, chúng cho chặt trụi cây cối không để ta có chỗ ẩn nấp mà tiến sát bám đầu cầu, chúng còn đánh bậc tam cấp để hạn chế

tốc độ vượt quãng trống của bộ đội ta. Rõ ràng lần trước bị tiến công từ hướng này nên chúng đề phòng kỹ lưỡng lắm.

Tôi tâm sự :

- Ta làm chủ công đánh Đông Khê là ngon ăn hơn Cao Bằng rồi, giá trên cho ta đánh từ hướng Nam lên chắc dễ ăn hơn. Vì mở đường chính ở đây, địch dễ bị bất ngờ. Chúng dồn sức vào hướng Bắc cả, ta chuyển từ phía Nam lên diệt Pò Đình, Pò Hầu xong sẽ đột phá thẳng vào pháo đài rồi từ phía sau lưng này ta đánh thẳng tới, chắc chắn phát triển được xuống thị trấn.

Anh Mân gật gù, điềm đạm bảo tôi :

- Dù sao trung đoàn ta đã một lần đánh Đông Khê hướng Bắc khó nhưng ta vẫn quen hơn đơn vị bạn. Hơn nữa ở hướng Bắc, ta cũng có cái lợi về địa thế, một khi chiếm được Cạm Phầy là ta đánh từ trên cao xuống, lại dễ bố trí pháo yểm trợ. Phía Nam tạo được thế bất ngờ nhưng phải qua khu phố đảo ngược lên, cũng có cái khó trong quá trình vận động chiến đấu dưới tầm pháo địch. Tính toán sao thì cũng chỉ có hai hướng. Ta khó đã có 209 phát triển thọc lưng ắt địch không đương nổi từ hai phía đâu. Các anh ở trên chắc cũng đã tính toán kỹ theo từng sở trường của từng đơn vị rồi.

❖ TIÊU DIỆT CỤM CỨ ĐIỂM ĐÔNG KHÊ

Chúng tôi đặt sở chỉ huy trung đoàn trên mỏm núi đá phía Đông Bắc thị trấn Đông Khê vùng Pắc Xiêng. Dưới chân núi là bản Nà Gianh. Tôi phân công Tiểu đoàn 251 do Nguyễn Hữu An chỉ huy ở hướng chính diện đánh thẳng lên pháo đài. Tiểu đoàn 249 của Lê Hoàn đánh chiếm đồi yên ngựa Cạm Phầy - Phìa Khoá thốc xuống nhà thương dưới phố. Tôi để Tiểu đoàn 250 của Khai Tâm làm dự bị. Hai Tiểu đoàn 11 và 426 phối thuộc được bố trí ở vùng Nà Cốc phía Bắc Đông Khê, chuẩn bị đánh quân nhảy dù tiếp cứu và khống chế đồn Nà Cúm.

Bố trí xong khoảng 5 giờ sáng ngày 16 tháng 9, trên sở chỉ huy tiền phương anh Thái gọi điện hỏi tôi :

- Sẵn sàng được chưa ?

Tôi đáp gọn ghẽ :

- Báo cáo "Đầu vào đây cả rồi ạ".

Đúng 6 giờ sáng, trên phát lệnh nổ súng tiến công. Các cỡ pháo nhất loạt nã giòn giã vào mục tiêu. Xung kích đánh bộc phá thông cửa mở đường chiếm lĩnh đầu cầu rất tốt.

Đến 9 giờ, chiếm được Yên Ngựa, 10 giờ 30, chiếm Phìa Khoá.

Địch khôn ngoan không tổ chức phản kích, cứ cố thủ và gọi phi pháo bắn mãnh liệt. Sáu chiếc Hen-cát liên tục quần đảo yểm trợ cho bọn trong pháo đài kiên cố.

Hướng Tây Nam, trung đoàn bạn do có bộ phận hành quân lạc, bố trí trận địa chậm nên chiều tối khoảng 18 giờ, mới nổ súng công

kích. Đến 21 giờ, hướng đó diệt được đồn Pò Đình. Đang cố hạ nốt Pò Hầu, đồn này chúng đã thay bằng bọn Lê dương thiện chiến và ngoan cố. Bọn chúng đã từng hát những lời ca ngổ ngáo và tục tĩu :

Với lính Lê dương

Đồng lương mua cái chết

Cái thú của Lê dương

Là chém giết

Cái vui là phá phách và gái điếm.

Đợt tiến công thứ hai đêm ấy mãi đến 4 giờ sáng chúng tôi mới chiếm được Cạm Phầy. Từ cái thế trên cao nhòm xuống pháo đài, tôi điều pháo to lên nã xuống để yểm hộ cho xung kích tiến vào pháo đài.

Lúc này, Trung đoàn 209 lợi dụng địch phải tập trung đối phó giữ pháo đài, đã phát triển rất nhanh, đánh chiếm toàn bộ phía Nam gồm Phủ Thiện, Nha cũ, Trường học.

Nói chung kể từ sau lần bị Trung đoàn 174 chúng tôi đánh chiếm hồi tháng 5, mới cách có 4 tháng mà địch đã tăng cường một hệ thống dây thép gai dày đặc, hầm ngầm, lô cốt vững chãi, có tác dụng phòng ngự và chi viện nhau rất lợi hại. Chúng tính toán sẵn cự ly, toạ độ cho cối 120 ly, 81 ly cứ nhè các điểm ta xuất phát xung phong vào pháo đài mà bắn tới tấp. Khi ta vào được trung tâm thì

các hoả điểm ngầm của chúng mới bất ngờ xuất hiện. Cùng lúc từ các góc ngách đường hào, bọn Lê dương tổ chức phản kích sau khi hoả lực vòng cầu của chúng sát thương bộ đội ta đánh bám ở đầu cầu. Cuộc chiến đấu giằng co quyết liệt vô cùng dữ dội. Ta bị thương vong khá, ba lần đột phá pháo đài đều bị bật ra.

Sau đêm 16 tháng 9, tuy đã chiếm được Cạm Phầy - Phìa Khoá, vòng vây khép lại quanh thị trấn và pháo đài đồn to nhưng không phát triển được nữa. Bên Trung đoàn 209 cũng chững lại và một mũi bị địch phản kích phải bật ra. Sau khi báo cáo tình hình với trên, tôi được lệnh của anh Thái từ sở chỉ huy cho biết: "Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm dù khó khăn đến đâu cũng tiêu diệt bằng được Đông Khê. Bảo đảm thắng trận đầu mở màn chiến dịch". Anh Thái lệnh cho cả 174 và 209: Tích cực làm công sự, kiên quyết bám giữ cho được Cạm Phầy, Phìa Khoá, Pò Hầu, chuẩn bị để đêm 17 tháng 9 tiếp tục công kích diệt Đông Khê.

Cả ngày 17 tháng 9, bộ đội ráo riết chuẩn bị cho trận tiến công dứt điểm đêm nay. Đội ngũ được chấn chỉnh lại. Cán bộ bàn bạc rút kinh nghiệm khắc phục những thiếu sót về kỹ thuật, chiến thuật, quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa các mũi xung kích, giữa bộ binh và pháo binh.

Những tấm gương dũng cảm chiến đấu được phổ biến kịp thời để các chiến sĩ mạn đàm học tập. *Huấn thị về chiến dịch Cao Bắc Lạng* của Bác Hồ được gửi xuống từng phân đội nhỏ. Lời Bác dạy được truyền lan khắp mặt trận, có sức cổ vũ mạnh mẽ :

Hỡi các chiến sĩ yêu quý !

Vệ quốc đoàn

Bộ đội địa phương

Dân quân du kích

Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng rất quan trọng

Chúng ta quyết đánh thắng trận này

Để thắng trận này các chiến sĩ ở mặt trận

Phải kiên quyết, dũng cảm trăm phần trăm.

Anh em kháo nhau :

- Đêm nay dứt khoát hạ đồn Đông Khê để Bác vui lòng.
- Đánh thắng rồi được gặp Bác, thì sướng vô cùng.

Tôi và anh Mân tính toán lại thực lực trung đoàn và bàn nhau đêm nay sẽ chuyển hướng đột phá qua phía Đông của pháo đài. Bỏ hướng Bắc vì địch dồn sức vào đấy và chuẩn bị đối phó kỹ càng. Chúng tôi đề nghị bên 209 nên cho một mũi phối hợp đánh thốc từ phía Nam lên, một mũi đột phá vào sau lưng pháo đài. Tôi báo cáo dự kiến trên với chỉ huy trưởng mặt trận. Anh Thái đồng ý ngay, thăm hỏi về tình hình sức khoẻ, tinh thần của cán bộ chiến sĩ của trung đoàn và dặn thêm :

- Cho trung đoàn đột phá hướng Đông Bắc. Đêm nay tập trung lực lượng tiêu diệt cho kỳ được đồn to có pháo đài. Các vị trí khác

kiềm chế diệt sau. Chú trọng phát huy tác dụng của bộ - pháo. Đánh tốt sẽ dập nhanh các hỏa điểm kiên cố của chúng, đỡ thương vong.

Mới hơn sáu giờ chiều mà cả vùng núi đồi Đông Khê đã tối sẫm vì sương mù dăng dãi. Đúng 18 giờ 30 phút anh Thái ra lệnh tổng công kích. Sau đợt pháo áp đảo dữ dội, các mũi tiến công của trung đoàn mở đợt phá khẩu. Quả đúng như dự định, Tiểu đoàn 251 đột kích phía Đông pháo đài đã bám được đầu cầu. Chiến sĩ La Văn Cầu^[24] đánh quả bộc phá anh dũng tuyệt vời.

Tinh thần quả cảm của anh đã đập tan lô cốt địch. Anh để lại một cánh tay tại trận địa, nhưng tinh thần anh dũng đó đã tạo điều kiện cho xung kích bật lên xông vào trung tâm như bão lũ. Anh La Văn Cầu, hồi ấy là chiến sĩ tân binh, ở Trùng Khánh, thuộc Tiểu đoàn 251 (174), có nhiệm vụ đánh bộc phá lô cốt phía Đông Bắc pháo đài Đông Khê. Đạn bắn như mưa, anh bị nát một cánh tay phải, tuột xuống chân đồi, anh nhờ đồng đội chặt đứt cánh tay còn lủng lẳng - với tay trái còn lại, anh xông lên dí bộc phá vào miệng lỗ châu mai - dùng răng giật kíp nổ, chưa kịp ra xa, bộc phá đã nổ, anh bị tung lên lăn xuống chân dốc. Đồng đội ôm lấy anh và đưa anh về hậu tuyến, ở hướng Bắc, Tiểu đoàn 249 cũng chiếm được đồn Nhà thương, thọc sâu vào phố, đến lô cốt số 7 thì gặp anh em bên 209 từ phía Nam lên. Cả hai hợp điểm và cùng chọc một mũi vào sau lưng lên pháo đài. Thế là từ mấy hướng phối hợp nhíp nhàng ập tới, địch lâm vào cái thế phải tan rã.

Đến 4 giờ 30 ngày 18 tháng 9, ta thọc sâu vào sở chỉ huy địch. Tên đại úy đồn trưởng A-li-úc cùng mấy tên sĩ quan tham mưu,

trong tay chỉ còn những băng đạn cuối, định vọt qua hàng rào phía Đông Nam chạy trốn, nhưng không thoát.

Xung kích giải quyết nốt mấy đồn tiền tiêu Khâu Áng - Nà Cúm. Bọn ở đây tháo chạy về Thất Khê. Toàn bộ cụm cứ điểm con nhím Đông Khê bị tiêu diệt vào lúc 10 giờ ngày 18 tháng 9. Thay vào tiếng súng là tiếng reo hò chiến thắng của bộ đội ta. Trước lúc rời núi đá để xuống thị trấn, tôi báo cáo về sở chỉ huy mặt trận một câu rất gọn :

- Báo cáo anh xong rồi ạ !

Anh Thái hỏi thêm :

- Hoàn toàn chứ !

- Dạ xong hoàn toàn.

Hôm ấy, khi xuống phố ngắm quanh cảnh Đông Khê, tôi gặp Nghiêm Xuân Hiếu, cán bộ trinh sát của Bộ. Vốn quen thân Hiếu từ hồi tôi còn ở Ban nghiên cứu, Phòng tác chiến, tôi hỏi đùa :

- Sao cậu đã mò xuống đây nhanh thế ?

Xuân Hiếu cười :

- Tôi ở chỗ anh Thái từ đầu chiến dịch, vừa nghe các anh báo đã xong Đông Khê, “cụ” giục tôi: Cậu xuống ngay rồi về báo cáo tình hình cụ thể, xuống tận nơi đấy”.

Nói xong Hiếu khoát tay :

- Trận này thắng to thật ! Trận mở màn chiến dịch đẹp tuyệt.

❖ **BÁC HỒ CÙNG RA TRẬN**

BÁC CŨNG CÙNG CHÚNG CHÁU HÀNH QUÂN

Sau trận mở đầu, chiến dịch bước vào giai đoạn khẩn trương quyết liệt. Thắng lợi giòn giã Đông Khê khiến tinh thần chiến đấu của bộ đội lên cao, dân công cũng hồ hởi. Cả vùng chiến trường Cao Bắc Lạng rầm rộ tiến vào giai đoạn 2 của chiến dịch, ở đâu có bộ đội là ở đấy có ngay đội dân công tải thương, tiếp vận. Có thể nói cả ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng cùng ra tiền tuyến. Bộ đội đuổi giặc, dân công đuổi theo bộ đội để tiếp tế cơm nước, đạn dược.

Và ở quân đội thì cả Bộ Tổng đều ra trận bám sát tình hình. Anh Cao Pha người đã từng là một cán bộ quân báo theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp từ lúc khảo sát trận địa tới lúc kết thúc chiến dịch, kể với tôi: lúc chiến dịch đang chuyển sang bước 2 rồi bước 3, dọc đường đoàn thường gặp bà con dân tộc đi dân công tiếp tế. Có nhiều cô gái người Dao đỏ đã biết anh Văn từ hồi ở chiến khu thời còn bí mật. Họ vừa quấy gạo vừa gọi: “Đồng chí Văn ! Đồng chí Văn !” Anh Văn xuống xe “Đốt xít” (Dodge 6). Xe ô-tô nhưng đi rất chậm vì đường hẹp, dân công quá đông. Anh vui vẻ hỏi chuyện. Các cô cười rất vui và bảo: “Chúc đồng chí Văn khỏe. Đánh trận nhiều vào cho hết Tây đi thôi lỗ !”

Nhưng có lẽ cái đẹp, cái hùng vĩ nhất mà chỉ có chiến dịch Biên giới mới có. Ấy là Bác Hồ cũng ra mặt trận. Bác đi sát và trực tiếp chỉ đạo từng nước đi, cách bước của các đợt chiến dịch. Bác lên núi đứng trên đài quan sát dõi theo dõi diễn biến trận Đông Khê. Anh Cao Pha kể :

- Sau hôm đi khảo sát trận địa về, anh Văn bảo tôi: "Hai chúng ta đến thăm Bác và báo cáo tình hình cụ thể để xin ý kiến Bác". Bác ở trong một cái hang dưới chân núi. Đến nơi tôi ngồi ở dưới cái lều và anh Văn lên gặp Bác. Độ một giờ sau, anh Văn quay xuống. Anh rất vui vẻ bảo: "Mình báo cáo xong. Bác rất đồng ý phương án đánh Đông Khê". Bỗng nhiên anh bảo: "Này ! Bác bảo cậu lên gặp Bác đây !" Tôi sướng quá cứ quỳnh cả lên. Anh Văn bảo: "Không được hỏi chuyện Bác nhiều đấy ! Bác còn bận nhiều việc lắm đấy. Đi nhanh lên, mình ở dưới này chờ !".

Tôi lên đến hang thấy Bác ngồi trên một cái sạp tre kê cao sát vách nom ung dung như một ông tiên trong động núi. Tôi cuống lên vì cảm động và sung sướng nói chẳng ra đâu vào đâu: "Báo cáo Bác, cháu chào Bác ạ !". Bác cười bảo tôi lại gần :

- Chú là Trưởng ban trinh sát ở Tham mưu à ?

- Dạ vâng ạ ! Tên cháu là Cao Pha.

Bác gật đầu vẫy tôi đến sát nói nhỏ :

- Này ! Chú xem có chỗ nào Bác đến gần mặt trận được không ?

- Dạ ... Tôi lưỡng lự vì lo đến sức khoẻ và sự an toàn của Bác nên vừa lắc đầu vừa thưa :

- Báo cáo với Bác gay lắm ạ !

Bác cười :

- Chú là trinh sát mà. Cứ tích cực tìm đi. Bác phải ra mặt trận đấy.

Tôi sợ quá đành thưa :

- Dạ ! Cháu xin tích cực ạ !

Lúc xuống dưới chân núi gặp anh Văn ở lều, anh hỏi ngay :

- Bác có hỏi gì cậu không ?

Tôi nhún nhó :

- Gay lắm anh ạ ! Bác đòi ra mặt trận. Bác muốn tìm một địa điểm quan sát mặt trận. Nguy hiểm cho Bác lắm anh ơi !

Sau đó, chúng tôi bàn bạc với cả anh Hoàng Văn Thái và bố trí đưa Bác lên đài quan sát của một tổ trinh sát tiền tiêu, bảo đảm xa tầm pháo giặc nếu chúng bắn ra vùng ngoại vi Đông Khê.

Mấy hôm sau đó tôi đến đón Bác để đưa đi. Trong đoàn có cả nhà nhiếp ảnh Nguyễn Năng An. Lên đến gần đỉnh núi, phần vì biết Bác tới đâu cũng tìm hiểu nơi ăn chốn ở của bộ đội, phần vì sợ Bác leo núi mệt, lại lo Bác mất nhiều thì giờ, nên tôi đứng chặn chỗ leo vào phía sau lều của anh em và thưa: "Xin Bác đi thẳng lên đài, chỗ sau này không leo được ạ !".

Bác lên thẳng trên đài ở đỉnh núi. Tôi đứng lại và lên sau. Ai dè cái giây phút lịch sử ấy khi Bác ngồi trên đỉnh núi quan sát trận địa, nhà nhiếp ảnh Nguyễn Năng An đã chụp được bức ảnh kỳ diệu mãi mãi bất tử trong kho tàng truyền thống của lịch sử kháng chiến chống Pháp. Một bức ảnh mà bất kỳ chiến dịch nào kể cả Điện Biên Phủ và chiến thắng lịch sử 1975, cũng không thể có được. Bởi một lẽ duy nhất: chiến dịch Biên giới này, Bác Hồ cũng cùng hành quân ra mặt trận, Bác cũng ra mặt trận với chúng ta. Niềm cổ vũ lớn lao nhất, vinh dự nhất với những ai đã tham dự chiến dịch lịch sử này.

Vừa mới gặp lại anh Trần Minh Tước người Chủ tịch năm xưa của tỉnh Lạng Sơn, nay đã 73 tuổi, nhưng anh vẫn giữ nguyên cái phong cách mà tôi còn nhớ mãi hồi cùng nhau duyệt binh mừng chiến thắng, làm lễ phóng thích tù binh ở bản Dao, vùng Kéo Coong - Bình Gia. Anh vẫn có cách nói hùng biện rắn rỏi, điểm nét hóm hỉnh yêu đời của người lão thành cách mạng. “Hồi chiến dịch Biên giới 1950, mình không còn là Chủ tịch Lạng Sơn, mà là ủy viên khu, sung vào Ban chỉ huy cung cấp bên cạnh Bộ chỉ huy chiến dịch. Sau đợt một, hàng vạn dân công, bộ đội cứ bí mật nằm rừng trong các hang đá. Vấn đề gạo, muối trở nên vô cùng căng thẳng. Ban chỉ huy cung cấp chúng mình do anh Trần Đăng Ninh, anh Bùi Quang Tạo làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch, lo tím ruột, tím gan. Thế mà tướng Giáp vẫn bình tĩnh, kiên trì đến ghê sợ. Anh Lê Hoàng cũng là ủy viên như chúng mình (vốn tính nóng như lửa nên anh em thường gọi anh là Hoàng lửa) phát câu, lớn tiếng kêu lên: “Chiến thuật, chiến lược gì mà cứ án binh bất động nửa tháng rồi, lấy gì mà nuôi quân bây giờ, đến chết đói mà rút lui như Nã Phá Luân đệ nhất thôi”.

Thế rồi, một hôm, từ phòng 2, anh Cao Pha điện báo cáo “Cánh quân Lơ-pa-giơ đang tiến từ Thất Khê lên Đông Khê. Sác-tông cùng toàn bộ lực lượng chiếm đóng Cao Bằng rút lui theo Đường số 4, hẹn hội tụ ở cây số 22”. Thời cơ như ngàn năm có một đã đến. Anh Văn đứng dậy, mỉm cười chỉ tấm bản đồ nói :

“Lệnh cho các đơn vị bắt sống bằng được hai tên Lơ-pa-giơ và Sác-tông, không được bắn chết”.

Trong nháy mắt, quyết tâm của đồng chí chỉ huy tối cao, theo làn sóng điện truyền xuống tận các đơn vị, đến các chiến sĩ, khẩu lệnh

động viên đã biến thành một sức mạnh thần kỳ của hàng ngàn vạn cán bộ chiến sĩ: “Bắt sống cho kỳ được Lơ-pa-giơ và Sác-tông”.

Anh Minh Tước nói tiếp :

- Mình có cái vui và vinh dự được chứng kiến cuộc gặp gỡ của Bác Hồ với hai tên này. Ta cho giữ chúng ở hai cái hang đá cách nhau một khoảng ruộng ở vùng Quảng Uyên đất Cao Bằng. Cái thói quen của nhà văn nhà báo cũ đã đưa mình đến hang Lơ-pa-giơ bị giam ở lưng chừng một ngọn núi đá cùng với một tên quan tư thầy thuốc, định phỏng vấn một cú. Bỗng có người báo có khách sắp đến. Nhìn ra cửa hang, mình thấy Bác Hồ đang chống gậy tiến vào, đi theo có anh Phan Phác, phái viên mặt trận, Bác đội mũ cứng, đi dép cao su, mặc bộ quần áo ka-ki màu xám. Chiếc khăn mặt trên quai mũ che kín bộ râu. Tay Bác băng bó như người bị thương có lốm đốm vết màu thuốc đỏ mec-quya-crôm, mình vội chào Bác, kéo chiếc ghế mời Bác ngồi. Hai tên thấy thái độ của mình như vậy, tự nhiên chúng cũng đứng dậy rất lễ phép. Bác bắt tay chúng với thái độ lịch sự. Bác nói tiếng Pháp rất chuẩn :

- Ta làm quen với nhau đi. Tôi là cố vấn chính trị của mặt trận.

Bác lấy thuốc lá mời chúng hút, Bác nói tiếp :

- Các anh tuyên truyền cho cuộc chiến tranh Đông Dương coi là một cuộc chiến tranh về lý tưởng (guerre idéologique). Nhưng thực tế là một cuộc chiến tranh xâm lược, chiến tranh ăn cướp ...

- Thưa ông chúng tôi chỉ là người lính.

- Không phải, các anh là chỉ huy cấp cao qua bao trường lớp, các anh không phải là người lính bình thường, các anh rất hiểu là các

anh đang làm gì ở đất nước Việt Nam này.

Hai tên quan nằm lúng túng, im lặng.

Bác hỏi đến gia đình, vợ con và Bác hỏi tiếp :

- Các anh có nguyện vọng gì ?

- Thưa ông, chúng tôi muốn về với vợ con, về với nước Pháp.

- Hoà bình lập lại, tôi có thể nói chắc chắn nếu không có gì là trở ngại do chính các anh gây nên, hoặc do người của phía các anh gây nên, các anh sẽ đạt được nguyện vọng. Vậy trước mắt các anh cần gì ?

- Thưa ông, chúng tôi muốn được đi tắm.

Bác cười, quay lại bảo anh Phan Phác, "lệnh cho bộ phận bảo vệ: cho chúng đi dạo một vòng, và cho ra suối".

Bác bắt tay, tặng cho hai bao thuốc lá. Hai tên cảm ơn rất trân trọng. Không biết chúng có phỏng đoán ông già người dân tộc nói tiếng Pháp thạo như người Pháp, ở trước mặt chúng là ai không.

Trời xế chiều, nhưng Bác lại bảo :

- Chúng ta qua gặp Sác-tông đi.

Thế rồi Bác chống gậy rào bước. Anh Phan Phác vội tiến lên trước đầu đường. Đến hang thấy Sác-tông đang nằm co trên chiếc chõng tre. Thấy đoàn đến, hấn vội đứng dậy. Nó mặc áo hở bụng đang bị băng bó vì vết thương, râu ria xồm xoàm, bốn năm ngày không được cạo.

Bác ngồi ở chiếc ghế cạnh hang. Thái độ của Bác cũng giống như lúc gặp Lơ-pa-giơ. Nhưng tên này cộc cằn, lỗ mãng, lộ nguyên hình

một tên Lê dương thuộc địa. Nó nói ngay :

- Tôi đã ngã rồi, định đưa tay hàng, thế mà lính của ông vẫn đâm tôi lưng bụng.

Bác bình tĩnh cười hỏi :

- Ông bị thương ở bụng phải không ? Vậy cái băng kia nói lên cái gì ? Nếu không có bộ đội Việt Nam băng bó cho ông, liệu ông có còn sống hay không ? Tôi chỉ cần nói chừng ấy. Trong chiến trận, nhiều hoàn cảnh phức tạp, không thể nào lường hết được các diễn biến.

Tên Sác-tông lại ta thán :

- Các ông giam tôi vào cái hang đá ẩm thấp, cực khổ thế này, các ông không có trại tù binh à ?

Bác nói luôn :

- Chỉ là tạm thời. Đang đánh nhau mà, chiến sự đang diễn biến kia mà !

Bác hỏi thăm hoàn cảnh gia đình Sác-tông. Bác nói :

- Chúng tôi có quyết tâm lấy lại nước. Trong chiến trận có quyết tâm bắt sống tên chỉ huy cao nhất. Rõ ràng chiến sĩ của chúng tôi lần này đã bắt sống được quan năm và sau này còn bắt sống nhiều tên nữa. Các anh nghĩ gì về người chiến sĩ của chúng tôi ?

Lời nói của Bác đã trở thành định mệnh cho bao tướng tá của quân đội viễn chinh Pháp sau này trên cánh đồng Mường Thanh (Điện Biên Phủ).

Tên quan năm Sác-tông hạ giọng - hình như nó cảm thấy đang đứng trước một đối tượng không bình thường - thốt lên :

- Thưa ngài, quả thực những người lính của các ngài là những con người kỳ cục (phénomène). Họ không bị đập khuôn theo một cuốn sách nào cả.

- Chẳng có gì là lạ. Họ chỉ là những người yêu nước muốn giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc mình.

Trước khi về, Bác mời nó hút thuốc, và tặng cho một bao Phi-líp.

Ra khỏi hang, Bác quay lại hỏi mình và Phan Phác :

- Các chú thấy thằng nào đáng ghét hơn trong hai thằng này ?

Anh Phan Phác nhanh miệng nói :

- Thưa Bác, thằng Sác-tông nó chửi ta luôn mồm, thật đáng ghét.

Bác bảo ngay :

- Chính Lơ-pa-giơ mới là thằng nguy hiểm hơn. Sác-tông phổi bò là tên dễ chinh phục.

Trong chiến dịch, Bác thường chống gậy đi bộ lẫn cùng đoàn dân công, bộ đội. Dạo đó Bác hay cải trang thành một ông Ké người Nùng. Bác đội nón, chiếc khăn tay buộc vào quai nón che kín bộ râu nom như một ông già người dân tộc đi theo dân công, bộ đội. Tới lúc Bác đi khỏi rồi bà con mới biết. Thế là cả mặt trận xôn xao, vui sướng: "Bác Hồ cũng ra mặt trận với chúng ta nè ! Chúc sức khỏe Bác Hồ !".

Bộ đội, dân công bảo nhau: "Cố gắng lên. Thế nào chiến thắng rồi cũng được gặp Bác, Bác khen thưởng à !

Đúng là một chiến dịch lịch sử. Một đặc thù riêng của chiến dịch, Bác Hồ cũng ra trận ! Rất bình dị là Bác và cũng rất cao cả lớn lao biết bao nhiêu, Bác Hồ của chúng ta !”.

❖ QUÂN VÀ DÂN ĐƯỜNG SỐ 4 THỪA THẮNG XỐC TÓI

Tiên diệt xong cụm cứ điểm Đông Khê, đợt hai của chiến dịch chính thức tiến hành từ ngày 21 tháng 9. Ta và địch bắt đầu cuộc đấu trí, đấu lực cực kỳ căng thẳng quyết liệt. Mất Đông Khê, địch bị một đòn quá bất ngờ, choáng váng như con rắn bị nện một cú trời giáng giữa đoạn xương sống. Chúng vội vã tăng cường lực lượng phòng thủ cho Thất Khê và Cao Bằng ; ném 2 trung đội dù người Tày, Nùng cho Thất Khê và gấp rút tổ chức binh đoàn Bay-a do Lơ-pa-giơ chỉ huy gồm 4 tiểu đoàn tinh nhuệ cơ động tiểu đoàn dù Lê dương, tiểu đoàn Ta-bo, tiểu đoàn 11 Ta-bo và tiểu đoàn Ma-rốc của trung đoàn 8 chuyển sang, từ Na Sầm tiến lên Thất Khê với âm mưu giành lại Đông Khê và tiếp cứu Cao Bằng. Còn ở Cao Bằng chúng dùng đường hàng không chở tiểu đoàn 3 Ta-bo lên tăng cường cho cái cụm cứ điểm mà địch vẫn tự hào là một chiến lũy Ma-gi-nô thu nhỏ lại.

Phía ta, Bộ chỉ huy chiến dịch kiên trì chủ trương đánh viện. Một khi tiêu diệt được sinh lực địch, đánh tan bọn viện binh, sẽ tạo thời cơ phát triển chiến dịch thắng lợi. Chọn khu vực quyết chiến điểm ở đoạn Đông Khê - Lũng Phầy trên trục đường số 3. Bộ dùng lực lượng chủ yếu là Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209. Còn Trung đoàn 174 chúng tôi được lệnh cùng Tiểu đoàn 426 có thêm 4 khẩu pháo phối thuộc, cơ động gấp xuống Nam Thất Khê. Ở đây, dưới sự chỉ huy của đồng chí Thanh Phong, Phó tư lệnh quân khu Việt Bắc, quét một số đồn bốt nhỏ trên quãng Thất Khê - Na Sầm ; ngăn chặn quân tiếp viện trên trục đường này, bao vây uy hiếp Na Sầm. Nếu có điều kiện chắc thắng, tiêu diệt luôn.

Nhận lệnh, cả trung đoàn chúng tôi nhanh chóng rời khỏi Đông Khê đang từng bừng không khí chiến thắng, bôn tập xuống phía Thất Khê. Trên suốt đường hành quân, tôi càng đi càng cảm phục tinh thần hết lòng chi viện cho mặt trận của đồng bào hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Suốt dọc bìa rừng, khe suối, trên khắp lối mòn, bộ đội chúng tôi đều gặp dân công kịu kịt trên vai những chiếc sọt tre ăm ắp nào gạo, nào đạn. Các chị dân công Tày, Nùng vác trên vai những quả đạn to nặng, hoặc khiêng vác thương binh trên cáng. Áo ạt hồi hả, tấp nập. Một nhọc đấy, mà trên nét mặt, khoé mắt ai cũng rạng rỡ, hồ hởi mỗi khi bắt gặp đoàn bộ đội hành quân ngược chiều. Các chị hát và chúc mừng bộ đội ;

- Bộ đội à ! Đánh Tây khoẻ lố ! Đánh Tây khoẻ lố !

- Thương bộ đội nhiều lắm vớ !

Gần đây, gặp lại anh Dương Công Hoạt, lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, nay đã cao tuổi và nghỉ hưu. Ôn lại chuyện cũ, anh còn nhớ rành rọt như mới ngày hôm trước :

- Việt ơi, cậu có nhớ không ? Cái lần Bộ gọi cậu và mình về báo cáo tình hình chuẩn bị cho chiến dịch Biên giới, chúng mình cưỡi ngựa sắt, trên đường về Bắc Cạn, qua đèo Ben-le (Bellair). Lên dốc đã mệt, xuống đèo làm sao bây giờ ? Nếu cứ dắt xe đi bộ, tối giữa đường, sẽ bị cọp rừng ăn thịt mất. Cậu đã có sáng kiến, chặt hai cành đào to tướng buộc kéo sau xe. Nhờ cái phanh thiên nhiên ấy mà chúng mình lao xuống dốc từ từ êm ro.

Hồi đó, mình là Bí thư, kiêm Trưởng ban huy động dân công của chiến dịch. Mình cần nói với cậu một điều là quần chúng hậu

phương góp phần rất tích cực vào thắng lợi của bộ đội ở tiền tuyến. Hồi chiến dịch Biên giới, đi dân công không chỉ có những đồng bào ở vùng thấp như Tày, Nùng, mà có cả những dân tộc ở vùng cao hẻo lánh như Dao Tiền, Dao Đỏ, H'mông, những đồng bào này hồi Pháp thuộc không bao giờ chịu nộp thuế, đi phu cho Pháp. Còn một chuyện thú vị nữa. Mình được nhiệm vụ chuyển hai sợi giây cáp từ mỏ Tĩnh Túc về Phục Hoà, xa 80 km. Mỗi sợi dài 1200 m, nặng 5-7 tấn, các chuyên gia giao thông đang ở thế bí. Không thể chuyển bằng xe hơi vì không có đường, còn xe trâu, xe bò thì chuyển sao nổi. Nhân có cuộc họp dân công, tôi đem vấn đề hỏi các cụ bô lão. Một kẻ người vùng cao Nguyên Bình, cụ Kim Dao, hiến kế :

- Không khó đâu vớ, người cán bộ cứ làm như dân bản chuyển cây trúc, cây mai, cây lim từ rừng sâu về làng bản.

Rồi cụ bảo dài hai sợi cáp nằm dài xuống đất. Huy động 500 dân công bố trí dọc theo đường dây, mỗi người cách nhau 5 - 6m. Theo lệnh thống nhất, mọi người cho cáp lên vai, cùng chuyển động. Con rồng sắt dài hơn hai cây số, uốn lượn theo các nẻo đường, qua rừng, qua suối, từ Nguyên Bình xuống Nước Hai, vượt Mã Phục, Quảng Uyên, đèo Khâu Chi đến Phục Hoà. Đồng bào Dao Nguyên Bình làm nên chiến công lớn. Hai sợi cáp dài, nặng thế, trót lọt về đến Phục Hoà, đảm bảo cho công binh ta bắc cầu phao vượt sông Bằng Giang để vận chuyển tiếp tế cho mặt trận. Đúng như lời truyền tụng trong nhân dân :

"Để trăm lần không dân cũng chịu

Khó vạn lần dân liệu cũng xong".

Màu xanh chàm, sắc áo của các anh chị Tày, Nùng quện với màu lá rừng đang độ cuối thu, tạo nên một bức tranh đậm đà phong vị riêng biệt của quê hương xứ Lạng, hoà chen cùng nước non Cao Bằng. Thêm vẻ sắc sỡ của các chị Dao Tiền, vòng bạc óng ánh, chấm phá sinh động giữa nền xanh lam đậm ấm. Lại những người H'mông từ trên núi cao thăm thẳm cũng xuống, hoà vào dòng thác dân công. Tất cả ồn ào nườm nượp đông vui, như nói lên, hát lên, bộc bạch tấm lòng với Bác Hồ, với Đảng, với bộ đội: Nhân dân đồng bào Cao - Bắc - Lạng sẵn sàng, quyết tâm cùng bộ đội đánh thắng, quét sạch giặc Tây khỏi miền biên giới ! Đánh thắng trận thu đông này để Già Hồ vui lòng ! Thời gian đã qua, thấm thoát đã trên ba chục năm, vậy mà cứ mỗi lần đến Viện Bảo tàng quân đội ngắm nhìn bức ảnh chị Triệu Thị Soi ; chiếc thắt lưng từng buộc chéo người để cống thương binh của chị Đinh Thị Dậu, là cảnh sắc, tình người ở đất Cao - Lạng lại hiển hiện thật rõ nét, thật đậm đà trong tâm trí tôi. Một rừng dân công ồn ào, náo nhiệt, người quảy gạo, người vác đạn, lại có chỗ tấp nập chặt tre, đan sọt, làm cáng. Tôi nhớ có một lần, bên cạnh dãy lán rừng ven bờ suối, tôi gặp các chị đang cùng mấy ông Ké làm những cái cáng tre để chắt đồng dưới gốc lim. Tôi hỏi đùa một chị người Tày :

- Làm cáng nhiều thế. Bộ đội chúng tôi đánh lần này không bị thương nữa đâu.

- A lúi ! Dân công mình không muốn làm nhiều cáng đâu mà. Không muốn bộ đội có nhiều thương binh đâu vớ. Buồn lắm vớ ! Chỉ muốn làm nhiều cái sọt đựng gạo, đựng muối cho bộ đội ăn no cái bụng, khoẻ cái chân đi đánh giặc thôi.

- Thế sao không đan sọt ?

- Ủ ! Trên phân công mà ! đội khác mới được làm sọt.

Loáng cái, các chị dân công đã xúm quanh chúng tôi, chị này chưa nói xong, chị khác đã nói :

- Húi dà ! Cán bộ nó bảo làm cáng nhiều để vừa cáng thương binh bộ đội, vừa để bọn Tây đen, Tây trắng bị thương cáng nhau à ! Mình thắc mắc lắm ! Cáng bọn giặc Tây thì không nên đâu. Nó ác ! Nó đóng đồn, đốt phá dân bản, cướp nước mình mà. Mặc cho nó chết thôi vớ !

Tôi hỏi :

- Thế cán bộ bảo với các chị thế nào ?

- Ôi ! Nó giải thích là cái chính sách Cự Hồ dạy rồi. Mình đánh giặc Tây thôi. Lúc nó thua nó hàng, nó bị thương thì cứu cho nó sống. Trả nó về nước. Nó ớn Việt Nam mình, nó bảo nhau không làm tay sai vác súng đi đánh Việt Nam nữa, không theo bọn đế quốc thực dân nữa. Mình cũng hiểu tí chút thôi. Mong sao những cáng này không phải cáng anh bộ đội nào nữa à ! Để thằng Tây nó cáng nhau về nước à ! Vui lắm vớ !

Các chị cười và tôi cũng cười, cũng vui lây niềm vui hồ hởi hăng say phục vụ mặt trận của các chị. Cái dáng chị Triệu Thị Soi ở bức ảnh nom thật tiêu biểu của cả một thế hệ người con gái Tày, Nùng thời kháng chiến chống Pháp, chắc, khoẻ, vui tươi. Người con gái hiền dịu trong thôn bản, ở nhà nom thấy người ta cắt tiết gà cũng sợ, thấy máu là quay mặt đi, ấy vậy mà khi đi dân công, chị Soi, chị Dậu đã cống vác thương binh, băng bó vết thương cho các anh bộ

đội, ngồi đút từng miếng cơm, thìa cháo cho các đồng chí bị thương nặng. Ngày đó, sau trận thắng Đông Khê, chúng tôi yên tâm về việc thương binh. Tất cả giao lại cho đội điều trị phía sau và các chị, các mẹ chăm lo, săn sóc, người khỏe tiếp tục lên đường truy kích giặc. Gần đây, gặp lại chị Đinh Thị Dậu ở cơ quan huyện ủy Đông Khê, chị đã trở thành bà mẹ có đủ cháu nội, cháu ngoại.

Nhân chuyện nhắc lại sự tích chiến thắng Biên giới, anh nhà báo đi với tôi hỏi vui chị :

- Sao ngày đó bác hăng thế ! Tháo cả thắt lưng để buộc thương binh vào người mà chịu. Tôi tưởng phụ nữ miền núi cả thẹn lắm chứ !

Chị Dậu cười rất hiền :

- Úi dà ! Ngượng lắm đấy ! Thẹn lắm đấy ! Cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi, làm thế có nên không ! Nhưng mà thương bộ đội lắm. Bị thương khổ lắm ! Đau lắm ! Chỉ muốn đưa nhanh thương binh về phía sau cứu chữa mà ! Nên hết cả ngượng ! Phải buộc thương binh vào người mình cho nó khỏi ngã chứ. Bị thương mà lại ngã xuống suối thì nguy lắm à ! Phải thế chứ.

Năm nay, lên Lạng Sơn dự lễ kỷ niệm 35 năm giải phóng biên giới Cao - Lạng, tôi gặp lại chị Đường Thị Kim. Chị đã về hưu, cao tuổi nhưng còn rất nhanh nhẹn, nhớ rất nhiều kỷ niệm về một thời sôi nổi của chị thuở kháng chiến chống Pháp ở quê hương xứ Lạng của chị. Một cán bộ phụ nữ hoạt bát, năng nổ, làm tất cả mọi việc để góp phần chi viện cho tiền tuyến đánh thắng. Nhiều lần, trung đoàn chúng tôi phục kích ở Đường số 4 đều có chị tham gia vào việc

tổ chức động viên đội ngũ dân công tiếp tế đạn dược, cơm nắm muối vừng trong lúc chờ giặc. Tôi còn nhớ trận Bồ Củng - Lũng Vài lần thứ 4 năm 1949, chờ đã hai ngày, giặc không đi, lương thực cạn, huyện đội trưởng Kim Sơn ở Thoát Lãng và chị Đường Thị Kim đã vất vả lo việc vận chuyển lương thực, vũ khí cho trung đoàn. Chưa kể khi trung đoàn vượt sông chiếm lĩnh trận địa cũng chính chị và Kim Sơn thức trắng đêm tổ chức dẫn công kết bè, mảng cho trung đoàn vượt sông ra Đường số 4 thắng lợi. Chị Kim kể lại :

- Ngày ấy làm việc chẳng biết mệt. Mình đói mà chỉ lo bộ đội thiếu cơm nhạt muối. Úi ! có lần chị em chúng tôi gánh thóc, gánh muối tập trung vào kho. Đi nhiều đói lắm, mệt lắm, trong túi chỉ còn mấy đồng bạc Cự Hồ không đủ mua chiếc bánh chưng con con mà ăn đâu vớ ! Chỉ uống bát nước thôi. Vậy mà vẫn vui chẳng có đòi hỏi gì, tiêu chuẩn gì vớ ! làm việc cách mạng mà, giúp bộ đội đánh thắng Tây giải phóng quê mình, ai cũng nghĩ: nước được độc lập là vui rồi.

Theo lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, Trung đoàn 174 chúng tôi hành quân gấp xuống phía Nam Thất Khê. Anh Mân và tôi bàn bạc kế hoạch chiến đấu ngay. Toàn đội hình trung đoàn bố trí ở vùng Đèo Khách khống chế các đồi cao nhằm vào các đồn Đèo Khách - Khuổi Lếch - Bản Bẻ. Ở đây, chúng tôi vừa có thể chặn bọn viện binh từ dưới Na Sầm lên vừa sẵn sàng diệt những đồn bốt quanh Thất Khê. Các tiểu đoàn bố trí trận địa xong thì có tin của trinh sát ở đài quan sát phía Nam báo gấp về :

- Trong đồn Khuổi Lếch, địch đốt gì mà khói trắng bay lên nhiều quá ! Chúng tôi đang theo dõi kỹ.

Tôi và anh Mân lên đài chỉ huy trung đoàn, dõi ống nhòm về phía đồn, lá cờ tam tài vẫn vẫy vèo theo luồng gió. Trong làn khói có cả tàn tro bay lên. Anh Mân bảo :

- Không khéo chúng nó đốt tài liệu giấy tờ để rút chạy đó.
- Chắc thế thật ! - Tôi gạt đầu và vội vã bảo tham mưu cho ngay tiểu đoàn 251 áp sát vây chặt, nếu cần tiến công luôn.

Tiểu đoàn trưởng An điều ngay một đại đội vòng phía sau đồn quả nhiên gặp địch ngay. Thì ra bọn chúng đốt tài liệu, để nguyên cờ và súng nặng, lẳng lẽ chuồn ra phía sau đồn, định theo lối mòn chạy về Na Sầm. Ta nổ súng, chúng bỏ chạy tán loạn, số đông vút súng xin hàng. Đèo Khách, Bản Bẻ cũng chịu chung số phận như Khuổi Lếch khi trung đoàn tổ chức tiến công.

Ngày 4 tháng 10, tôi được điện ở trên báo cho biết địch rút Cao Bằng từ hôm trước theo Đường số 4, Binh đoàn Bay-a của Lơ-pa-giơ gồm 4 tiểu đoàn lên đón đã từ Thất Khê lên tới Đông Khê. Đại đoàn 308 và Trung đoàn 209 đang chặn đánh quyết liệt. Chúng tôi được lệnh :

- 174 chuyển gấp lên phía Bắc Thất Khê, bố trí ở dọc sông Bắc Khê chặn đường rút của bọn tàn quân thuộc hai cánh quân trên, không cho chúng lọt về Thất Khê.

Cả trung đoàn chuyển quân gấp ngược lên phía Bắc. Tiếp luôn lệnh thứ hai :

- 174 điều gấp phát triển tiểu đoàn lên vùng Cốc Xá tăng cường cho lực lượng đang vây Lơ-pa-giơ không cho cánh quân này hợp điểm với Sác-tông.

Tôi cử luôn Tiểu đoàn 249 vượt lên trước đi ngay. Tiểu đoàn phó Lê Hoàn hỏi tôi :

- Chúng tôi đi phối thuộc với 308 hay là bộ phận đi trước của đội hình trung đoàn ?

Tôi phát tay giục :

- Lên đó bắt liên lạc với các anh ấy. Gặp địch đánh luôn, kiểu này chắc chúng vỡ đội hình chạy tủa nhiều ngả. Trung đoàn phải chốt chặt dưới này. Cũng có thể lên tiếp, bôn cho kịp.

Quả tình lúc đó tôi nhận lệnh qua điện rất vắn gọn cảm thấy tình hình rất khẩn trương. Còn lại hai tiểu đoàn, chúng tôi bố trí giăng lưới dọc bờ sông Bắc Khê.

*

* *

Sau này tôi mới rõ đây là những ngày rất sôi động, quyết liệt giữa ta và địch. Một bên vây ráp, đánh chặn. Một bên rút chạy và cố sức bảo toàn lực lượng để rút cuộc dẫn tới sự đổ vỡ, bi đát, thảm của hai binh đoàn Lơ-pa-giơ và Sác-tông, trên dọc Đường số 4 vùng Nà Chi - Cốc Xá. Âm mưu rút chạy an toàn của địch bị thất bại thảm hại. Thì ra chính Các-păng-chi-ê ký "lệnh đặc biệt" ngày 16 tháng 9 buộc Sác-tông rút Cao Bằng và rút cả Đông Khê để tăng cường sức phòng thủ Bắc Hà Nội. Cùng với lệnh rút, lại tăng thêm cho Cao Bằng 2 tiểu đoàn bằng hàng không để bảo đảm đủ sức mạnh rút lui an toàn. Ai ngờ chính ngày đó cũng là ngày ta nổ súng đánh Đông Khê, mở đầu chiến dịch Biên Giới. Mất Đông Khê, kế hoạch chủ động rút bỏ Cao Bằng biến thành kế hoạch phải rút chạy

khỏi Cao Bằng. Trước kia, các nhà chiến lược Pháp cãi nhau về chuyện nên rút Cao Bằng hay cứ trấn ải lại thì nay quay sang bàn cãi xem nên chạy khỏi Cao Bằng sao cho an toàn. Điều an toàn nhất là chạy bằng đường trời, có nghĩa là dùng cầu hàng không. Khốn thay, biện pháp này khá tốn kém không kham nổi. Cách thứ hai là rút theo Đường số 3. Khó ăn lắm vì đường dài vòng vèo lại phải có lực lượng tiến lên Thái Nguyên đón. Chỉ còn cách thứ ba, rút chạy theo Đường số 4 vừa gần, vừa có hệ thống đồn bốt. Cách này khiến Sác-tông giãy nảy lên: rút theo “con đường chết chóc” này, không khác gì đưa mồi vào miệng sói. Con đường nổi tiếng bị giăng bẫy, tướng Giáp đang cho phục sẵn 20 tiểu đoàn để nghiền nát các cánh quân của quân đội Pháp. Nhưng cuối cùng, tướng Tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê vẫn quyết định với mệnh lệnh: “Rút theo Đường số 4”. Để yên lòng những kẻ thuộc quyền phải thực hiện, Các-păng-chi-ê vạch ra một kế hoạch phối hợp rất sát sao đầy đủ sự an toàn với cái tên “Kế hoạch Tê-re-dơ” (Thérèse, tên một vị thánh).

Ba bước phối hợp của kế hoạch rất cụ thể :

Binh đoàn mang tên hiệp sĩ Bay-a của Lơ-pa-giơ với cuộc hành binh Ti-đơ-nít từ Thất Khê lên chiếm lại Đông Khê. Chiếm xong, đưa quân lên đón Sác-tông từ Cao Bằng rút về gặp nhau tại kilômét 22.

Sác-tông sau khi phá hủy vũ khí nặng, kho tàng ở Cao Bằng sẽ mở cuộc hành binh O-ra-giơ rút về đến kilômét 22 sẽ hội quân và dưới quyền của Lơ-pa-giơ rồi yểm trợ nhau rút về Thất Khê.

Cùng lúc đó một cuộc hành binh mang tên Phô-cơ từ Hà nội theo Đường số 3 đánh lên Thái Nguyên gồm những lực lượng thuộc dự bị chiến lược cuối cùng ở Bắc Bộ. Dùng đến 6 tiểu đoàn của binh đoàn

GM.N.A với dụng ý thu hút lực lượng đối phương tạo sự dễ dàng cho 2 binh đoàn Lơ-pa-giơ Sác-tông trên Đường số 4.

Kế hoạch Phô-cơ chính thức hiện vào ngày 30 tháng 9 khi binh đoàn Lơ-pa-giơ xuất quân. Trước hôm đó, cuộc tiến công đồn nghi binh tiến chiếm Thái Nguyên đã được thực hiện. Nhưng kẻ địch không buộc nổi ta sa vào ý định của chúng với cái kế hoạch lúng túng bị động đó. Bộ chỉ huy chiến dịch vẫn nắm quyền chủ động, dồn sức kiên trì đánh chúng tại Đường số 4 theo kế hoạch đã định từ lúc mở đầu chiến dịch Biên giới, ở vùng Thái Nguyên, lực lượng tại chỗ gồm một trung đoàn địa phương và dân quân du kích cũng loại khỏi vòng chiến đấu 500 tên địch. Địch tiến công lên rồi ngày 10 tháng 10, lại hấp tấp kéo về, lo chuyển tăng sức phòng ngự, chặn ta thừa thế tiến công về đồng bằng Bắc Bộ. Một cuộc tiến công rơi vào chỗ trống vô tích sự như Mác-san đã buồn bã thú nhận sau này.

Còn cuộc hành binh "hiệp sĩ" của binh đoàn Lơ-pa-giơ vài ngày đầu đã gây sự mừng hụt cho cả tướng Các-păng-chi-ê lẫn cao ủy Pi-nhông khi Lơ-pa-giơ báo cho tướng chỉ huy trưởng quân khu biên thủy Công-xtăng là đã lọt qua cả Bông Lau rồi Lũng Phầy mà vẫn chưa hề gặp địch. Công-xtăng vui sướng báo về Hà Nội "điềm tốt lành đó". Ôi ! qua hai cửa tử ghê gớm nhất trên Đường số 4 mà vẫn yên lành ! Niềm vui đã khiến Các-păng-chi-ê và Pi-nhông chạm cốc trong sự chúc mừng rộn rã của tướng, tá tùy tùng tại Tổng hành dinh.

Đúng là Lơ-pa-giơ có qua được Bông Lau - Lũng Phầy và có tới được Đông Khê đến nỗi chính hãn cũng từ nghi ngại tới ngạc nhiên khó hiểu. Sự thật lại rất đơn giản. Đây chính là vùng Đại đoàn 308

ém quân sẵn sàng chờ đón viện binh địch. Nhưng mai phục suốt từ hôm 16 tháng 9 với cả đội hình 3 trung đoàn bố trí suốt một dọc từ núi Khâu Luông đến núi Chóc Ngà kéo dài đến vùng đèo Lũng Phầy, địch vẫn im hơi lặng tiếng. Chờ đến sốt ruột và hết cả gạo ăn. Trong một chiến dịch lớn, gạo quả là một yếu tố quan trọng. Tối đúng ngày địch thò ra cũng là lúc phần đông bộ đội ta phải đi lấy gạo ở tận kho Thủy Khẩu sát vùng biên giới Việt Trung. Đa số cán bộ lại đang đi trình sát chuẩn bị đánh vào Thất Khê với ý định buộc địch phải viện binh. Số còn lại rút vào phía sâu trong rừng. Nói chung bộ đội thiếu quân số, lại không ở tư thế sẵn sàng xuất kích chiến đấu. Khi có tin viện binh địch, lập tức đại đoàn vừa dùng điện vừa dùng liên lạc phi ngựa tới các kho trạm đồn quân nhanh chóng trở về khu vực chiến đấu. Đây cũng là lúc bắt đầu những lời lẽ không vui của Lơ-pa-giơ báo cáo về với nhịp điệu hốt hoảng và thừa thốt dần cho tới khi im bật. Binh đoàn "hiệp sĩ" bị đánh ở khắp các điểm cao như Nà Mọc - Chóc Ngà và dữ dội nhất là trận Khâu Luông. Phía trên Cao Bằng - Sác-tông bắt đầu rút vào mờ sáng ngày 3 tháng 10. Đến Nậm Nàng, chúng phải phá hủy xe cộ, súng nặng, rẽ theo đường mòn. Trung đoàn 209 của anh Lê Trọng Tấn đánh chặn ngay. Lúc Trung đoàn 174 chúng tôi được lệnh đưa nhanh một tiểu đoàn lên tham dự trận tiêu diệt 2 binh đoàn Lơ-pa-giơ - Sác-tông là lúc địch đang bị dồn vào vùng Cốc Xá, đồi 477. Còn lại toàn trung đoàn bố trí ở bìa rừng dọc sông Bắc Khê. Mùa nước cạn, con sông teo lại như một dòng suối. Bên này là bìa rừng, bên kia là mảnh đồng, bắc bậc thang men đồi. Ở đây chúng tôi không phải chặn đánh quyết liệt một đoàn quân rút lui trong tư thế tiền hô hậu ủng, mà là một loại tàn quân lần rừng trốn chạy. Cứ từ dưới dọc khe, hoặc trong rừng

rậm ló ra từng tốp năm bảy tên. Có khi cả chục đứa. Chỉ vừa thấy bộ đội với tiếng hô bằng giọng Tây mới học thuộc vền vện mấy chữ “Hô-lê-manh”^[25] là chúng đã quăng súng xin hàng ngay, rất ngoan ngoãn. Tên nào tên ấy râu ria xồm xoàm, mặt mày hốc hác, dáng điệu phờ phạc. Chẳng kể là Lê dương hay Ta-bo, tất cả rất giống nhau ở cử chỉ chìa tay xin cơm. Chúng đói ! Đói thảm hại ! Nhưng chúng tôi cũng không phải là giàu có gì. Chiến đấu dài ngày, gạo vác vai, quần quanh lưng, trút nấu dần cũng với cạn nhiều. Hàng binh cứ từ hàng chục lên hàng trăm, rồi năm bảy trăm, khó lòng nuôi xuể. Lúc đầu bộ đội ta cứ vác cơm năm đi gọi hàng. Khi chúng chạy ra, ta cho mỗi đứa một nắm. Sau phải bẻ đôi mỗi tên một nửa, rồi bẻ ba gọi là ấm bụng rồi theo tay chỉ dẫn của bộ đội, chúng tự động thất thểu theo đường mòn về hướng trại tù binh. Dọc đường gặp các chị dân công chúng chắp hai tay vào ngực rồi chìa tay xin ăn rất tử tế. Hàng binh từ các ngả rừng ra hàng tới mức các chị em dân công Tày, Nùng cũng rủ nhau mang cơm đi nhử. Trung đoàn chúng tôi như một cái lưới vét cuối dòng, tóm bắt tất cả những tên giặc chạy thoát khỏi vùng Cốc Xá, điểm cao 477. Lúc này Lơ-pa-giơ đã bị đại đoàn 308 bắt sống, tôi lại nhận được thông báo của Bộ chỉ huy chiến dịch qua điện đài: Có một cách quân khoảng 4 đại đội do Đơ-la-bô-mơ chỉ huy từ Thất Khê lên Lũng Phầy với ý định tiếp sức đón bọn Lơ-pa-giơ - Sác-tông. Trên ra lệnh cho 174 điều ngay một tiểu đoàn đánh bọn này ở dãy núi Khâu Pia.

Tôi thầm nghĩ “Đây là sự cứu vãn theo kiểu còn nước còn tát của địch đây”. Giữ lại Tiểu đoàn 250 và đơn vị trực thuộc, tôi điều Tiểu đoàn 251 của Nguyễn Hữu An lên hướng Khâu Pia ngay sau lúc

nhận lệnh mừng 7 tháng 10. Ngay hôm sau, trên lại lệnh cho trung đoàn chúng tôi về đánh chiếm Thất Khê gấp. Mặc dù quân số còn ít, Tiểu đoàn 245 đang trên Cốc Xá, Tiểu đoàn 251 đi đánh bọn Đơ-la-bô-mơ ở Khâu Pia, còn Thất Khê, công sự rắn chắc vì là một tiểu khu trung chuyển giữa Lạng Sơn và Cao Bằng, nhưng chắc chắn địch đang ở cảnh hoang mang muốn rút chạy, không còn ý chí chiến đấu ; do đó, khi biết được ý định của trên: thừa thắng dẫn tới, anh Mân và tôi quyết định điều toàn bộ lực lượng còn lại hành quân thẳng xuống Thất Khê, vừa bền nhanh vừa cùng tham mưu trưởng và các cán bộ bàn kế hoạch tiến công, đồng thời cho liên lạc báo với Nguyễn Hữu An: “Đánh xong Đơ-la-bô-mơ ở Khâu Pia, đuổi theo trung đoàn xuống Thất Khê ngay”.

◆ LIÊN TỤC TRUY KÍCH

Từ hôm tiếng súng mở đầu chiến dịch của ta, biết bao nhiêu tin dữ bay về Thất Khê: nào Đông Khê thất thủ, nào binh đoàn Sác-tông bỏ chạy khỏi Cao Bằng bị chặn đánh tơi tả. Binh đoàn Bay-a lên đón cũng bị tan tành. Cả Lơ-pa-giơ lẫn Sác-tông đều bị bắt sống. Bọn đóng quân ở Bản Trại thấy mất hết các vị trí xung quanh đều hốt hoảng bỏ đồn chạy dồn về Thất Khê. Và hàng ngày, từng tốp tàn binh chạy thoát về Thất Khê với dáng điệu đói mệt, tiêu tụy, râu tóc rậm rạp, mặt mũi phờ phạc, hốc hác toàn những Lê dương da trắng từng khét tiếng sừng sỏ, thiện chiến nổi danh từ Đại chiến thứ hai, những tên Ta-bo người Phi tinh nhuệ chuyên đánh rừng núi, rồi hỗn hợp cơ động Âu Phi, tất cả giờ đều giống nhau ở cảnh thân tàn ma dại, tay không, chui lủi rừng chạy thoát về đây. Mà đã là kẻ bị thua đều dồn thối rất mạnh, rất lớn về sức mạnh của đối phương để chứng tỏ mình chẳng phải hèn. “Chỉ vì Việt Minh đã quá lớn mạnh, thiện chiến vô cùng”. Mỗi tên tàn quân đã trở thành một quả tạc đạn nổ bùng vào tinh thần ý chí của bọn sĩ quan và binh lính đóng tại Thất Khê, khiến từ đồn trưởng đến tên ngụ nhãi nhép đều chỉ tính tới việc lo cách chạy nhanh cho thoát chết. Ba mươi sáu chước, chước chuồn sớm là hay nhất. Rồi còn nạn đập phá, cướp bóc của lũ tàn quân ở trong phố nữa. Qua cơn thoát chết, chúng phải ăn, phải hút, phải uống, phải phá cho bỏ lúc cay cực vừa qua. Vì vậy cả cái tiểu khu Thất Khê từ đồn chính đến phố xá, công sở đều náo động, hoảng hốt như trong cảnh đón đợi trời sập. Thế là chúng đã mau chân rút khỏi Thất Khê trước khi trung đoàn chúng tôi kịp truy kích tới. Cầu Bản Trại ta đã phá, không thể đưa cơ giới và pháo nặng qua

sông được. Trước lúc rút, chúng đã dùng xe kéo pháo lặn tùm xuống sông Kỳ Cùng. Thật nực cười: khi trung đoàn chúng tôi đã tiến vào thị trấn Thất Khê làm chủ tình hình cả vùng tiểu khu, vậy mà còn rải rác bọn tàn binh lâm tướng Thất Khê chưa rút, đã chạy xộc thẳng vào thị trấn, đinh ninh đã trở về với đất thánh, bơ sữa, rượu vang, thịt bò đang chờ chúng, tưởng sẽ được đón tiếp như những vị “anh hùng” không ngờ lại bị bộ đội “Việt Minh” chĩa súng vào ngực bắt hàng, có tên đã gục xuống ngất xỉu đi vì quá buồn thảm cho số phận mình. Thật uổng công chui lủi hàng tuần trong rừng sâu, chịu cực đói khát để cuối cùng rồi cũng chẳng thoát khỏi “mệnh trời”, có tên ôm mặt khóc tu tu như một kẻ điên dại, có đứa còn vùng chạy.

Ban chỉ huy chúng tôi họp trong gian nhà ở căn cứ, chốc chốc lại nghe tiếng súng và tiếng thét của bộ đội hô đuổi bọn tàn binh nhào chạy quàng xiên tuyệt vọng.

Tiểu đoàn 251 đánh xong bọn Đơ-la-bôm-mơ ở dãy núi Khâu Pia cũng đã kịp trở lại đội hình. Tôi hỏi Nguyễn Hữu An :

- Chạm địch có khó khăn không ?

Tiểu đoàn trưởng An cười :

- Báo cáo anh đánh đuổi chúng dọc theo các mỏm núi đá cũng khá găng. Chúng chiếm trước điểm cao mà.

- Thế Đơ-la-bôm-mơ đâu ? - Tôi hỏi đùa.

An lắc đầu :

- Hơi tiếc ! nó chạy thoát mất ! nhưng nhiệm vụ đánh bật chúng lộn lại không cho tên tiếp cứu Lơ-pa-giơ - Sác-tông thì tiểu đoàn

hoàn thành.

Anh Mân lúc lắc đầu, anh nói với tôi :

- Đúng là tiếc ! phía trên các anh ở 308 và 209 tóm cổ cả Lơ-pa-giơ với Sác-tông, giá dưới này ta cũng với được Đơ-la-bôm-mơ thì hay tuyệt ! Ngừng giây lát, anh chặc lưỡi: Lực lượng mình ít, bị xé lẻ điều đánh nhiều nơi. Cũng khó thật.

Lại có lệnh gấp của Bộ chỉ huy: năm thời cơ, 174 tiến nhanh xuống giải phóng Na Sầm, tranh thủ tiêu diệt sinh lực định, không cho chúng rút chạy an toàn.

Thế là ban chỉ huy trung đoàn chúng tôi giao Thất Khê lại cho các đồng chí ở huyện và tổ chức hành quân truy kích gấp. Cầu Bản Trại bị phá sập làm trở ngại việc rút Thất Khê của địch. Giờ ngược lại, chúng tôi lại gặp khó khăn trong việc vượt sông. Mặc ! trung đoàn dùng mọi cánh qua sông gấp: thuyền mảng, bơi lội ... đơn vị nào sang được trước, bơi gấp. Vượt sông rồi cứ thế thẳng Đường số 4 mà đuổi địch. Tôi rất ngạc nhiên khi qua đoạn Pò Ke - Bản Nhàn, thấy rất nhiều xác giặc chết trên đường, Tây trắng, Tây đen. ngụy binh đủ cả, có đưa xác trướng lên to phềnh, mùi hôi thối nồng nặc. Đơn vị cứ phải bịt mũi nhắm mắt vượt nhanh cho quãng đường trên một ki lô mét này.

Quái lạ ! Không biết đơn vị nào đã phục trúng bọn nó ở quãng đường này ? Tôi tự nghĩ thầm như vậy và phỏng đoán có thể anh Thanh Phong, Phó tư lệnh quân khu đặc trách phần Nam Thất Khê đến Na Sầm đã kịp thời dùng lực lượng địa phương của Lạng Sơn chặn đánh được bọn Thất Khê rút lui này. Cũng có thể Bộ điều được

thêm lực lượng chặn lại và tiêu diệt chúng chẳng ? Chúng chết nhiều như thế này thì bọn sống sót chạy về sẽ thúc đẩy sự khiếp đảm của bọn đóng ở Na Sầm - Đồng Đăng, chúng sẽ rút tuột mất. Quả nhiên khi chúng tôi đến nơi, cả Na Sầm và Đồng Đăng đều chỉ là đồn hoang, đúng như người xưa từng nói: "binh thua như núi lở" một khi đã thua chạy thì chỉ đạp nhau, xéo nhau mà chết. Cứ thế đồn nọ nối đồn kia từ Thất Khê đến Na Sầm rồi Đồng Đăng chúng rút chạy theo lối cuốn chiếu về Lạng Sơn tất.

Mãi sau này khi chiến dịch đã kết thúc, tôi gặp lại các anh Quốc Trung, Siêu Hải ở thị xã Lạng Sơn, mới vỡ lẽ vì sao địch chết ở Pò Ke, Bản Nhàn nhiều vậy.

Anh Thanh Phong, phó Tư lệnh Quân khu I, được phân công chỉ huy đoạn Đường số 4 từ Thất Khê đổ xuống. Anh đã bố trí Đại đội 183 tân binh của Quốc Trung cùng hai Tiểu đoàn 426 - 428 dọc theo đoạn đường Pò Ke, Bản Nhàn này. Ngày 9-10, máy bay "bà già" lượn từ Lạng Sơn lên Thất Khê mấy lần, rồi lại quay về.

Sáng 10 - 10, địch cho một tiểu đoàn trinh sát vừa đi vừa dò la tình hình từ Bản Năm - Đèo Khách xuống đoạn đường mà ta đã phá hoại, xong rút về Bản Năm ... Trinh sát của ta báo cáo :

Phía Na Sầm: yên tĩnh.

Phía cầu Bản Trại - Bản Năm: địch tập trung rất đông ở bên kia đầu cầu đã bị phá sập, đang tìm mọi cách vượt sông. Chúng cho một số xe cơ giới, thiết giáp lao xuống sông để đỡ công phá hoại. Triệu chứng rõ ràng là địch bỏ Thất Khê, tìm đường tháo chạy về phía Na Sầm - Lạng Sơn.

Khoảng 3 giờ chiều ngày 10 - 10, địch kéo đi đông nghịt như kiến, không thành hàng ngũ, lính lẫn với dân, ùn ùn đi dọc theo đường cái. Thời cơ ngàn năm có một đã đến quân ta từ các sườn núi nổ súng: đạn súng các loại, các cỡ xả như trời rung, đất chuyển vào đầu giặc. Chúng ngã gục, kinh hoàng, la hét rồi rùng rùng quay lại Bản Năm, bố trí chiếm các cao điểm, bất động. Trời tối dần, chúng cũng không dám mò ra nhặt xác đồng đội.

Ngày hôm sau, địch cho máy bay lên oanh tạc xối xả vào những nơi ta bố trí, cả vào những khe suối mà chúng nghi có dân công hay bộ đội ta tập kết. Cuộc chiến đấu trở nên vô cùng căng thẳng, gay go, quyết liệt. Địch không vượt được đoạn đường đã bị khoá chặt, còn ta cũng không áp sát được địch vì lưới lửa dày đặc. Địch và ta quần nhau đến tối mịt.

Sở chỉ huy tiền phương ở gần Phiêng Chuông bị một loạt bom. Anh Thanh Phong bị thương gãy ống chân, phải đưa về hậu cứ, 24 nữ dân công bị hy sinh trong trận bom này.

Tin thắng lợi của quân ta ở mặt trận phía trên đã làm nức lòng và củng cố quyết tâm của cán bộ chiến sĩ mặt trận Pò Ke - Bản Nhàn. Đêm hôm ấy, các đơn vị đều được lệnh chuẩn bị sẵn sàng để sáng hôm sau mở đợt tấn công cuối cùng vào đạo quân rút lui đang hoang mang cực độ, để trả thù cho các đồng bào bị hy sinh.

Mới sớm tinh mơ, bỗng có tiếng reo to của bộ phận tiền tiêu. "Chúng nó xin hàng". "Chúng nó xin hàng".

Anh Châu dõng ống nhòm về phía địch :

- Nó hàng thật, anh em ơi !

Qua ống nhòm, thấy địch đang xếp hàng chờ ta đến tiếp nhận súng ống đeo lên vai, đưa buộc khăn trắng vào đầu, đưa cầm mùi xoa trắng vẩy ...

Từ tư thế chuẩn bị tiến công, bộ đội ta đã chuyển sang tư thế đón nhận đầu hàng. Từng tốp lính địch ném súng xuống chân bộ đội ta, trật tự nối nhau vượt sông Kỳ Cùng về trại tập trung.

Pò Ke - Bản Nhàn, hai bản nhỏ bên lề Đường số 4, không ngờ lại là nơi đã diễn ra một trận đánh lớn, diệt và bắt sống hầu hết số quân của phân khu Thất Khê, đám tàn binh của Lơ-pa-giơ, Sác-tông, Đờ-la-bô-mơ.

Mấy năm trước, mỗi lần đi nghiên cứu Đường số 4, tôi thường đến đỉnh đèo Kéo Lầm. Ở đây nhìn xuống vùng Thất Khê - Bản Trại rất rõ. Muốn vượt sang bên kia Đường số 4, hướng Đông Bắc, chúng tôi đều phải dừng chân ở Kéo Lầm khi đi và lúc về. Tôi thường vào nghỉ nhờ nhà cụ giáo Quỳnh. Trước cụ ở Bản Chu nhưng nay tản cư ở vùng này với dân bản. Cô con gái cụ tên là Nặng. Một cô gái Tày đẹp nhất vùng Tràng Định - Thất Khê, từng nổi tiếng là hoa khôi. Quả là cô Nặng đẹp thật. Tóc dài đen nhánh, khuôn mặt trái xoan với nét thanh tú ở cặp mắt, đôi môi. Tôi thường nói chuyện với cụ giáo, cô gái ý tứ ra vào nhẹ nhàng như một cái bóng. Tôi để ý nét mặt đẹp đó luôn phảng phất một nỗi buồn. Qua ít lần đi lại thân tình. Một hôm cô Nặng hỏi tôi :

- Chỉ huy ơi ! Bao giờ bộ đội ta đánh vào Thất Khê.

Tôi vui vẻ trả lời :

- Sau này nhất định phải giải phóng Thất Khê chứ. Còn bây giờ chưa thể được. Địch ở đây còn mạnh lắm. Cả một tiểu khu bao gồm cụm cứ điểm từ đồn chính tới chốt phụ. Phải có thời gian cô ạ.

Nét mặt cô gái càng buồn, cô nói mà nước mắt ứa ra :

- Chẳng biết Nặng còn sống đến ngày bộ đội giải phóng Thất Khê bắt thằng Hai Nặng không. - Nói xong cô Nặng khóc.

Tôi hỏi gặng mãi, cô chỉ cán môi ăm ực :

- Em thù nó lắm. Nó là con rắn độc đấy.

Sau đó cụ giáo mới kể lại cho tôi biết: tên Hai Nặng thấy Nặng đẹp, đòi cưới làm vợ hai. Gia đình không đồng ý. Doạ dẫm không được, nó liền gọi cô lên đồn rồi hiếp cô, sau đó đến nhà nói thẳng với ông cụ giáo: "Coi như cô Nặng đã sống với tôi rồi. Cụ nên cho cưới đi !".

Uất ức quá, cụ giáo Quỳnh tìm cách cùng con gái trốn khỏi Thất Khê rồi tản cư lên tới đèo Kéo Lằm sinh sống trong tình thương yêu đùm bọc của bà con trong bản.

Đầu năm sau, khi trung đoàn đang tập trung huấn luyện ở vùng Nước Hai, tôi được tin cô Nặng đã chết sau một trận ốm nặng.

Chao ôi ! Nếu không vì giặc giã, vì sự ức hiếp bất công đầy tội lỗi của tên tay sai ngụy binh Hai Nặng, có lẽ chẳng thể nào cô Nặng chết được. Một người con gái xinh đẹp dịu hiền như cô sống trong cảnh đất nước độc lập thanh bình ắt phải được hưởng niềm hạnh phúc êm ấm. Cứ nhớ lại cảnh tối trăng rừng, cô gái thả tóc dài mượt ngời ở mảnh sân nhà sàn, lặng nhìn về phía cánh đồng Thất Khê khuất sau dãy núi, như một bức tranh tố nữ huyền ảo, tôi càng tiếc

thương cô gái chân thật, hiền thảo ấy vô cùng. Tôi thương cả cụ giáo Quỳnh, chẳng rõ rồi cụ có vượt qua khỏi nỗi cô đơn, đau khổ này không.

Trên đường dồn dập từng bừng đuổi địch để giải phóng toàn bộ quê hương Lạng Sơn, nhớ đến gia đình cụ giáo Quỳnh, tôi lại nhớ tới cả cụ Huấn ở Bình Gia, cụ Pèn ở Bản Tồn - Đông Bắc Tràng Định. Mỗi lần đi đánh giặc ghé vào nhà các cụ trú chân hoặc khi chiến thắng về gặp lại, các cụ đều dặn dò "Đánh mau lên, đánh nhiều vào vớ, để mau mà giải phóng đất Lạng Sơn kéo ké già rồi, ké không được thấy nước độc lập à ! Bao giờ đại thắng giết hết lũ giặc Tây, chỉ huy Việt về bản ăn cơm, uống chén rượu Tày với ké cho thật say nhé". Riêng tôi, sau trận Bình Liêu, lại tiếp tục theo đơn vị, rong ruổi khắp các chiến trường. Lời hẹn hội ngộ cho đến nay vẫn chưa thành hiện thực. Nhiều cụ đã khuất bóng, mỗi lần nhớ đến các cụ, lòng tôi rạo rực, bồn khoăn, luyến tiếc.

Nhắc đến tên Hai Nặng, tâm trạng tôi dội lên niềm tiếc nhớ cô Nặng. Chẳng biết cụ giáo Quỳnh có còn ở Kéo Lầm nữa không ?

Biết tin này hẳn cụ thả hương khấn vong linh con gái để con mình mãi nguyện ở nơi xa.

Gia đình cụ giáo Quỳnh chỉ là một trong hàng trăm ngàn nạn nhân của tên Hai Nặng. Sau này giải phóng, thể theo nguyện vọng của nhân dân cả vùng Tràng Định - Thoát Lãng. Ủy ban quân quản Lạng Sơn đã lập phiên toà xử tội tên Việt gian Hai Nặng khét tiếng độc ác, phản động đó tại giữa thị xã. Tôi được cử ngồi ghế chánh án.

Nhân dân đã đến dự rất đông. Hần đã bị đèn tội đích đáng: tử hình.

Khi trung đoàn ập đến Na Sầm, địch đã rút chạy trước một ngày.

Chúng tôi tiến xuôi xuống. Đồn Đồng Đăng cũng im lìm không một bóng giặc, ngổn ngang đồ đạc chúng vội vã bỏ lại. Trên một mảng tường của căn nhà trại lính, tôi đọc hàng chữ Pháp viết nguệch ngoạc vội vã của một tên Lê dương nào đó: "Liệu hồn ! Chúng mày chưa nốc cạn cốc rượu mừng thắng lợi thì chúng tao đã quay trở lại đây!"

Dòng chữ đã nói lên tâm trạng của bọn lính viễn chinh chuyên nghề đi xâm lược chiếm đóng nước người. Đã thua chạy hoảng loạn lo chuyện rút nhanh thoát chết lại mà còn cay cú giở trò dọa dẫm ngớ ngẩn, đúng như câu tục ngữ: cà cuống chết đến đít còn cay.

Chẳng cứ gì bọn binh lính Lê dương tép nhem đồn trú ở nơi biên giới xa xôi này hoảng loạn, mà ở tận Hà Nội, các tướng lĩnh chớp bu Pháp cũng thất đảm lúng túng. Chúng đã nghĩ tới việc lui về tận miền Trung Trung Bộ cố thủ, đã cho chở tài liệu giấy tờ quan trọng và cả của cải xuống Hải Phòng chuẩn bị cho xuống tàu thủy chở vào Sài Gòn. Lúc ra lệnh rút nhanh Lạng Sơn, lúc lại ra lệnh đình chỉ, tạm hoãn. Tất cả chúng tỏ sự bối rối, lúng túng, rất bị động từ Cao ủy Pi-nhông, đến Tổng chỉ huy Các-păng-chi-ê và cả A-léc-xăng-đri. Còn Công-xtăng, chỉ huy trưởng quân khu biên thủy đặt bản doanh trại tại Lạng Sơn thì từ đầu tháng 10 luôn luôn khẩn thiết đề nghị với A-léc-xăng-đri xin rút ngay khỏi Lạng Sơn để bảo toàn lực lượng. Đến ngày 17 tháng 10, bất chấp cả lệnh hoãn rút Lạng Sơn của Các-

păng-chi-ê, Công-xtăng đã để nguyên vẹn thành phố Lạng Sơn lại, âm thầm tổ chức một cuộc rút quân trong đêm tối mà y mệnh danh là cuộc rút lui “trong trật tự ! rất khôn ngoan”. Chúng rút theo đường Lạng Sơn Đình Lập, Đường số 13, bí mật xuyên qua màn đêm để về Bắc Giang. Vừa thấy mặt Công-xtăng, Các-păng-chi-ê đã quát lên :

- Đồ hèn ! Quay lại Lạng Sơn ngay !

Công-xtăng đâu phải tay vừa, y thừa biết cái tâm trạng “lòng và cũng như lòng sung” của cấp trên trong cơn bối rối này, nên từ tốn thưa lại :

- Tôi đã tổ chức rút lui có trật tự, âm thầm. Tôi chẳng cho phá phách ầm ĩ như Sác-tông đã làm ở Cao Bằng. Đối phương đã không biết gì, không đuổi đánh và gây tổn thất được tôi.

Cuối cùng là một cuộc lễ long trọng ở Hà Nội gắn mẽ đay danh dự cho quân sĩ quân khu biên thủy để trấn an tinh thần bọn bại binh và bưng bít dư luận ở Đông Dương và cả chính quốc Pháp. Công-xtăng vụng chèo khéo chống ! Thua phải chạy mà không bị đánh tới bời. Thế là thắng rồi !

Mãi sau này dịch mới rút ra một bài học lớn trong thảm bại biên giới là trong nhiều vấn đề sai lầm, có sai lầm đáng nhớ nhất, ấy là rút khỏi Cao Bằng quá chậm mà rút khỏi Lạng Sơn lại quá hấp tấp.

Từ Đồng Đăng đến Lạng Sơn có 14 kilômét. Dọc đường hoang vắng không một bóng người. Trên đường cái chỉ ngổn ngang bừa bãi những hòm đạn, đồ hộp, thùng, chai lọ dịch không tha nổi trên đường rút chạy vứt bỏ lại. Vừa mới đến Đồng Đăng được một hôm,

Trung đoàn chúng tôi đã được lệnh “Địch có hiện tượng rút bỏ Lạng Sơn. 174 bám gấp”. Dù biết Lạng Sơn vốn là sở chỉ huy quân khu biên thủy, lại là cái túi chứa đựng hết thảy bọn tàn quân từ Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng chạy về, nhưng với ý chí thừa thắng xông lên, trung đoàn cứ ào ạt tiến về. Vừa bôn vừa nghe ngóng tình hình địch, vừa lên phương án tác chiến. Dân công không vận chuyển lương thực kịp, nhưng bộ đội đã dùng đồ hộp, gạo sấy của địch trong lúc chúng ở thế thua, bỏ chạy, ta một cũng thắng mười. Anh Mân vừa động viên bộ đội như vậy, anh lại thủ thiển dặn cán bộ “hãy cẩn thận. Nơi chiến trường ác liệt không sao, nhưng lại dễ đổ ngã vì viên đạn bọc đường” ở nơi thành thị ấy !

Còn tôi lo nắm vững đường dây với trinh sát của ta từ phía trước báo về để nắm chắc tình hình địch.

Mọi lo lắng bằng thừa. Khi Trung đoàn tiến vào Lạng Sơn thì địch đã lạng lẽ chuồn xa. Lạng Sơn như một cái kho lớn đầy ắp đạn dược, súng ống, lương thực, quân trang quân dụng mà Công-xtăng đã “ngoan ngoãn” để lại để đổi lấy sự rút lui bí mật, êm ả ; an toàn, “ngoan” tới mức địch không hề có ý nghĩ gài mìn và lựu đạn ở kho nữa. Cả hai cái pháo đài Đèo Giang, Văn Vĩ, nổi tiếng vào loại kiên cố nhất nhì Đông Dương, còn nguyên vẹn các loại lô cốt, hầm ngầm, với cả súng lớn, súng bé, trên hai quả núi cao vờn vờn ôm lấy cả bầu trời của thị xã Lạng Sơn. Nếu địch cố thủ mà ta húc vào ắt là hao binh tổn tướng. Quân đội Pháp có truyền thống xây nhiều pháo đài, chiến lũy, để ra oai lúc thời bình, để rút lui bỏ chạy lúc thời chiến, như chiến lũy Ma-gi-nô ở Pháp trong Đại chiến thứ hai, thì nay pháo đài Cao Bằng, pháo đài Đèo Giang, Văn Vĩ cũng nguyên số phận.

Công binh của trung đoàn đã rất cẩn thận dò mìn, mọi chỗ đều an toàn, chỉ việc hoan hỉ mở đồ hộp ra chén. Sau khi báo cáo lên trên là địch đã rút khỏi Lạng Sơn, chúng tôi được lệnh “tiếp quản ngay toàn bộ thị xã, đón chờ các đồng chí bên dân, chính, đảng về” !

Sau khi cho đại đội trinh sát và Tiểu đoàn 255 vào xục xạo kiểm tra tình hình thị xã rồi án ngữ ở hướng Lộc Bình, chúng tôi bố trí Tiểu đoàn 249 chiếm các pháo đài Đèo Giang, Văn Vĩ, bảo vệ thị xã.

Trung đoàn bộ chúng tôi đóng ở phía Bắc ngoại thị cùng với Tiểu đoàn 251. Các điểm cao có bố trí cao xạ phòng không. Có lẽ địch quá tiếc rẻ nên hôm sau cho hai Hen-cát đến thả một loạt bom để phá kho. Cao xạ của trung đoàn đánh trả mạnh, không quân địch loáng nhoáng coi như làm xong nhiệm vụ rồi chuồn. Có lẽ chúng báo cáo bừa là đã hủy được kho tàng, nhưng mấy quả bom đã rơi trượt hết. Sau này sách báo địch đã rền rĩ những lời tiếc của: “Lạng Sơn để lại 11300 tấn súng đạn, lương thực, dụng cụ chiến tranh, thuốc men, quân trang, quân dụng đủ để đổi phương trang bị cho tám trung đoàn mạnh !”

Mà quả thật là nhiều. Tôi và anh Mân khi vào thị xã xem đến kho nào cũng thấy đầy ắp, đủ các loại súng, các cỡ đạn. Nghĩ lại những ngày ở rừng chia nhau từng viên đạn, từng khẩu trung liên, nhìn cảnh tượng trước mắt, tôi nói với anh Mân :

- Hồi bên Đường số 4, giá có năm mơ cũng không mơ thấy nhiều như thế này.

Anh Mân bàn với tôi :

- Phải đề nghị trên cho lực lượng chuyển gấp, giải tán kho nhanh mới được. Nhất là loại đạn pháo, súng nặng và thuốc quân y.

Hai chúng tôi đang vừa đi vừa bàn chuyện, bỗng một người nom nhanh nhẹn hoạt bát, tay cầm máy ảnh, lưng buộc toòng ten những cuộn giấy, bìa, nói vui vẻ :

- Xin hai cấp chỉ huy một “pô”. Thế ! Mời các đồng chí đứng cạnh cái xe “Giép” này.

Cứ thế anh bắt chúng tôi đứng để anh nháy mấy kiểu liền. Anh bảo rất cần cho công tác thông tin của tỉnh rồi anh mời chúng tôi vài hôm nữa xem triển lãm “chiến thắng biên giới” ở giữa trung tâm thị xã.

- Năm ! Lơ xơ-mơ^[26] ! Công tác thông tin tỉnh.

Vừa chỉ tay vào ngực anh vừa vui vẻ phấn chấn tự giới thiệu, rồi lại vội vã bắt tay tạm biệt nói rất nhanh: “Vội quá ! Chiến thắng rồi, các nhà quân sự 174 có thể tạm được nghỉ, nhưng cánh thông tin tuyên truyền chúng tôi bây giờ mới thở hơi tai đây. Cơ mà vui ! ô-rơ-voa ! mê vích-toa ! xăng xoá-xăng cát-tơ^[27] . Chả là anh thích nói tiếng Tây cho vui.

Đây là anh Trần Năm, con người nổi tiếng vui, hăng hái, yêu đời của thị xã Lạng Sơn xưa kia và trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Anh vốn là người dưới xuôi, nhưng ở đất Lạng Sơn từ thời thuộc Pháp. Cái biệt hiệu La xơ-mơ người thị xã cùng thời gán cho anh là vì anh vốn là một cầu thủ bóng đá, một tay bắt “gôn” của đội bóng. La xơ-mơ đã từng nhiều lần vào Nam ra Bắc tham dự những trận bóng đá nảy lửa thời bấy giờ, cầu thủ cùng thời với Trương Tấn Bửu,

Tý Bồ, Hội, Ba Goòng. Kháng chiến bùng nổ, cũng như những chàng trai nổi tiếng của xứ Lạng: Phạm Ôn, Sơn Hải, Đinh Như Thành, Tiêu Sơn Tráng Sĩ (tên Tráng Sĩ nên họ ghép thêm biệt hiệu Tiêu Sơn cho vui) ... hăng hái nhập cuộc kháng chiến chống Pháp, cứu nước với cả nhiệt tình hăng say. Đinh Như Thành, Tiêu Sơn Tráng Sĩ thì vào bộ đội, Phạm Ôn tham gia công tác tỉnh đội, còn anh Trần Năm làm ban kinh tế, rồi ban thông tin tuyên truyền. Họ cùng cơ quan tỉnh sơ tán lên các vùng Hội Hoan - Kéo Coong - Bình Gia hoạt động công tác, kéo cả gia đình tản cư theo. Lạng Sơn giải phóng, chúng tôi mừng một thì những người như Trần Năm, Phạm Ôn mừng gấp mười. Họ được trở về với mảnh đất ruột thịt đã từng gắn bó nhiều kỷ niệm thân thương từ tấm bé tới lúc trưởng thành.

Năm 1985, nhân dịp lên dự 35 năm ngày giải phóng Lạng Sơn và chiến dịch Biên giới thắng lợi, tôi gặp lại các anh. Bây giờ người quanh phố gọi là "Cụ Năm", "Bác Phạm Ôn", "Bác Thành", "Bác Sơn Hải". Anh Thành tham gia bộ đội pháo binh đã từng đánh Đông Khê - Bình Liêu với tôi, nay đã về hưu nhưng dáng vóc vẫn đầy đà to lớn. Phạm Ôn hiện đang giúp Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ghi lại lịch sử của tỉnh nhà. Lại có cả bác Sơn Hải, con người nổi tiếng về lo toan cơm áo gạo tiền của Trung đoàn 174, một cán bộ hậu cần mà thời kỳ đó còn dùng danh từ "cấp dưỡng". Nay bác Sơn Hải là ủy viên phường Chi Lăng ở thị xã, vẫn to cao, vui vẻ, dù tuổi đã nhiều. Cụ Năm tuổi gần 80, đã phải chống ba-toong, chiếc ba-toong của một tên đại úy Pháp thua trận Bông Lau, cụ vẫn còn giữ được. Già nhưng cụ vẫn vui và nhắc lại nhiều chuyện sinh động thời chống Pháp và rất cảm động, chính cụ Trần Năm đã tặng lại tôi và anh Mân

tấm ảnh chụp bên chiếc xe “Giép” khi vào tiếp quản Lạng Sơn, nước ảnh hơi ngả vàng, nhưng sự giữ gìn tư liệu của cụ là một tấm lòng vàng. Một con người biết trân trọng quá khứ !

Trở lại với chiến thắng của trung đoàn vào Lạng Sơn. Cũng ngày hôm đó, các anh Hoàng Văn Kiêu - Bí thư và anh Minh Tước - Ủy viên Khu, anh Huyền Trang, lúc ấy là Chủ tịch tỉnh cùng các cán bộ chính quyền, đoàn thể đã về. Chúng tôi sung sướng được bàn giao Lạng Sơn cho các anh, cùng các anh bàn tính tới bao nhiêu là công việc. Nào là tổ chức lễ chiến thắng ! Nào là quản lý thị xã, quản lý tiền tệ. Nào là vấn đề người tản cư muốn trở về thị xã dọn dẹp. Nào là bọn Việt gian, mật vụ địch cài lại, và cuộc sống của người dân vùng tạm chiếm nay ở lại thị xã. Vậy tổ chức cho họ tản cư ra sao để tránh sự oanh tạc của máy bay địch. Cuộc chiến tranh còn tiếp diễn kia mà. Đây chỉ mới là thắng lợi chặng đầu trên con đường trường kỳ kháng chiến.

❖ QUẢ ĐẦM CUỐI CÙNG VÀO TIỂU KHU DUYÊN HẢI - TRẬN BÌNH LIÊU

Quả nhiên chỉ một tháng sau, trung đoàn chúng tôi được lệnh tham gia hướng mặt trận Đông Bắc của chiến dịch Trung du. Vẫn trên trục Đường số 4, chúng tôi tiến công giải phóng Bình Liêu, một căn cứ mạnh lại thêm bọn ở Hoàn Mô hoảng sợ rút về đây nên số quân lên tới 300 tên. Trong cứ điểm này còn có cả bọn sĩ quan Tưởng Giới Thạch từ đám tàn quân Bạch Sùng Hy trốn thoát, được Pháp cứu trợ cho ẩn náu tại đây.

Vào thời gian này, đã là tháng 12 năm 1950. Bọn Pháp đã hoàn hồn sau đòn trời giáng của chiến dịch Biên giới. Chính phủ Pháp cử tên Đại tướng Đờ Lát - đờ Tát - xi - nhi (sau này được phong Thống chế), vốn được mệnh danh là tướng tài của Pháp thời bấy giờ, sang làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, để cố bày xếp lại thế bố trí cứ điểm và quân cơ động với hy vọng tạo thế, giành lại quyền chủ động chiến lược trên toàn cõi Đông Dương.

Trung đoàn 174 được lệnh giải phóng đoạn Đường số 4 còn lại cùng với Trung đoàn 176 của Lạng Sơn và Trung đoàn 98 với ý đồ của trên, buộc địch không đoán ra chiến trường chính của chiến dịch mới của ta ở đâu. Đông Bắc hay Trung du ? Khi được lệnh phối hợp với chiến dịch Trung du, anh Mân và tôi ngồi bàn, anh phát biểu :

- Địch rút khỏi Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập sau trở lại chiếm Đình Lập, Tiên Yên, củng cố Đường số 13, chúng tính uy hiếp Đường số 1, và muốn trở lại xứ Lạng này. Nay có lệnh mới, anh Việt nghiên cứu cách đánh thế nào cho bung nốt cái phân khu Duyên Hải

còn lại của Đường số 4 đi, nhà quân sự kiêm quân y, tìm đúng huyết mà điểm, địch phải ngã quy mà ...

Quả thật vậy, tuy không được làm nghề y, nhưng 3 năm trường thuốc đã tự nhiên tạo cho tôi những ý thức là luôn quan tâm đến sức khoẻ của bộ đội từ ăn, mặc, ở, đến chữa, phòng bệnh, dùng thuốc tây, thuốc ta phối hợp, còn trong từng trận đánh thì làm thế nào tiết kiệm được nhiều xương máu nhất, giảm bớt đau thương. Phương châm của chúng tôi là "chuẩn bị thật chu đáo, đánh nhanh giải quyết nhanh, đánh chắc, thắng chắc, đánh là tiêu diệt gọn". Có lẽ đây cũng là bài thuốc chống bệnh đánh liều lĩnh, thắng bằng bất cứ giá nào ...

Còn mục điểm huyết, thì mỗi lần đánh là phải tìm nơi nào gõ vào là địch lẩn quay. Rõ ràng Bộ chỉ huy chiến dịch Biên giới đã sáng suốt chọn điểm Đông Khê, nên mới tạo thời cơ cho thắng lớn. Trước đây, Trung đoàn 174 đã chọn điểm chiến thuật đánh vào Cạm Phầy ở Đông Khê, mở toang cửa nhảy vào pháo đài làm địch trở tay không kịp, phải đầu hàng trước thế mạnh của quân ta.

Bây giờ ta tiếp tục đánh vào phân khu Duyên Hải còn lại của cái quân khu Biên Thuỵ. Rải rộng tấm bản đồ, các cán bộ tham mưu và tôi nghiền ngẫm: phân khu Duyên Hải nằm như thế rẻ quạt, lấy Tiên Yên làm trung tâm, chia ra 3 nhánh: một nhánh là Tiên Yên - Đầm Hà - Hà Cối - Móng Cái. Theo nguyện vọng của Tỉnh ủy Hải Ninh, chúng tôi thống nhất chọn Bình Liêu làm điểm của chiến dịch nhỏ này. Trung đoàn 174 tập trung tiêu diệt Bình Liêu, nếu Hoành Mô rút về, tiêu diệt luôn và để Trung đoàn 98 chặn viện từ Tiên Yên lên. Tiểu đoàn 888 của Trung đoàn 176 phối thuộc và có thêm hai đại

đội bộ đội địa phương Đình Lập và Hải Chi bố trí giữa Đình Lập - Khe Tù, chặn đánh quân ở Đình Lập rút chạy.

Họp ban chỉ huy ở bản Đục, nhà anh Nông Quang Trung sau này là Bí thư huyện ủy Đình Lập, tôi báo cáo phương án tác chiến. Tham dự cuộc họp có anh Mân và hai đồng chí khách quý, phái viên của Bộ Tổng tham mưu. Đó là anh Trần Quý Hai và anh Trần Công Khanh. Chính ủy khu Bình Trị Thiên và Quân khu trưởng Quân khu V từ mảnh đất Thuận Hoá Bình Định xa xôi ra tham quan chiến trường miền Bắc. Tham dự còn có đồng chí Hoàng Minh Huân, Tỉnh ủy viên và đồng chí Hoàng Thanh tức Nhị Quý Bí thư Tỉnh ủy Hải Ninh.

Từ địa bàn quen thuộc của đất Lạng Sơn, trung đoàn tiến vào vùng đất lạ bị địch chiếm đóng lâu ngày. Toàn người dân tộc Ngái và Hán. Ở quanh đồn giặc, cơ sở cách mạng của ta non yếu nên hễ có bóng người lạ xuất hiện là lập tức đồn bắt được báo động. Chúng chia quân đi phục các nẻo đường ban đêm, các thôn bản, cứ nửa tiếng lại gõ mõ cầm canh, canh gác, chúng phát cả súng để bắn lại ta.

Trên đoạn đường Đình Lập - Khe Tù tạo thế bất ngờ đánh phục kích không phải là dễ dàng. Thế mà anh Thái Dũng đã cùng tiểu đoàn Lũng Vài (Tiểu đoàn 29 đã chiến thắng trận Bối Củng - Lũng Vài năm 1947), từ căn cứ Biển Động, Mai Xiu, xuyên qua bao rừng núi trùng điệp, tiêu diệt đồn Đồng Khuy rồi áp sát Đường số 4, đánh trận phục kích Châu Sơn oanh liệt, diệt hai xe tăng, tám tên địch, trong đó có tên chỉ huy đồn Đình Lập (16 - 10 - 1948). Tiếp theo là trận Điền Xá (4-8-1949) cách Tiên Yên 17km, các anh Nam Long, Mạnh Hùng đã đánh một trận nổi tiếng, diệt 20 xe chở toàn bọn sĩ

quan Pháp đi tập huấn từ Lạng Sơn về, diệt 150 Pháp, bắt sống 25 tên.

Địa không lợi, nhân không hoà thì việc tìm được người am hiểu thông thổ là một vấn đề có tính quyết định. May thay Tỉnh ủy Hải Ninh đã cử đến cho chúng tôi đồng chí Nguyễn Văn Thắng, quê ở Châu Sơn, là Đại đội trưởng Hải Ninh lúc đó.

Vớ được “ông thổ công” Văn Thắng, tôi vui mừng chẳng kém gì lúc gặp Đình Giang và Hùng Quốc ở huyện Tràng Định và Thoát Lãng trước đây. Văn Thắng thông thuộc địa hình, dân tình không chỉ của huyện Đình Lập mà cả của đất Bình Liêu nữa. Suốt thời gian hoạt động trên mảnh đất này, Văn Thắng luôn ở cạnh chúng tôi.

Việc tổ chức trinh sát địa hình tiến hành rất gian nan, nguy hiểm. Chúng tôi phải vòng theo đất biên giới Trung Quốc đến gần đồn Hoàn Mô rồi xuyên rừng tiến sát đồn Bình Liêu để nghiên cứu địa thế và tình hình địch. Địch phục, chúng tôi tránh, tránh cả dân. Bọn phi từ trong rừng rậm thỉnh thoảng lại bắn ra làm cho cuộc hành trình đã khó khăn lại càng thêm căng thẳng.

Đánh trận vận động công kiên chiến này, chúng tôi dùng hình thức bôn tập. Trung đoàn từ Lạng Sơn tập kết quân ở Lộc Bình, cấp tốc hành quân một mạch từ Lộc Bình qua đèo Ngàn Chi, thẳng về phía cánh đồng Bình Liêu. Cán bộ đi trinh sát xong - được nhiệm vụ về đón bộ đội, lập sa bàn ngay dọc đường để phổ biến kế hoạch tác chiến.

Đơn vị pháo cho đan sẵn những sọt tre chứa đầy đất cát, chất thành công sự để không gây một tiếng động nhỏ vì ta phải bố trí

pháo rất gần địch. Đại đội công binh chuẩn bị sẵn đòn tre và mặt sà để bắc 5 chiếc cầu, lấy chiến sĩ ngâm mình trong dòng suối giá lạnh làm trụ để cho cả trung đoàn hành quân, áp sát đồn.

Đại đội trinh sát được chia thành từng tổ nhỏ xuống từng đơn vị, làm hoa tiêu dẫn đường các mũi tiến vào vị trí tập kết, triển khai quanh đồn trong đêm tối mịt mù.

Kế hoạch tỉ mỉ công phu, chu đáo, có nhiều khó khăn, nhưng trung đoàn đã được Tỉnh ủy, chính quyền và nhân dân Lạng Sơn, Quảng Ninh giúp đỡ hết lòng có thể nói cả huyện Lộc Bình cùng ra trận với chúng tôi. Huyện Lộc Bình vốn nổi tiếng có chiến khu Chi Lăng, Nà Thuộc, kiên cường suốt mấy năm liền chống đỡ với gần hai mươi chín lần tiến công càn quét của giặc Pháp. Gần hai tháng trước ngày giải phóng, lần thứ ba mươi, giặc Pháp mới lọt được vào khu Chi Lăng, Nà Thuộc. Sống trong lòng địch nhưng bà con vẫn gửi con em ra vùng tự do tham gia chiến đấu. Đồng chí Ngô Văn Tiếp, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến huyện, nói với tôi: "Suốt thời kì địch chiếm đóng, chỉ có hai thôn là tôi không xây dựng được cơ sở, còn hầu hết có tổ chức của chính quyền cách mạng. Nay được tin bộ đội mở cuộc tiến công, bà con tham gia tiếp tế, vận chuyển, dân công rất đông. Ủy ban kí giấy vay dân trong các bản mỗi nhà ba mươi cân gạo, năm nhà một đầu lợn để kịp có lương thực, thực phẩm nuôi quân. Cùng với bà con Tày, Nùng huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn, còn có cả đồng bào vùng địch ở Đình Lập, Hải Chi, Ba Chẽ, Đầm Hà, Hà Cối tỉnh Quảng Ninh (lúc bấy giờ gọi là Hải Ninh) cũng tham gia lực lượng dân công tiếp tế".

Trận đánh diễn ra khá gay go, quyết liệt không kém gì lúc đánh Đông Khê. Ngay từ những phút đầu khi Ban chỉ huy trung đoàn vào sở chỉ huy thì đồng chí Đài, Đại đội phó trinh sát dẫn đầu một tổp đi trước lên đỉnh đồi, đặt đài quan sát. Máy bằng tiểu liên nổ liên, đồng chí Đài bị trúng đạn ngã lăn ra và mấy phút sau đã hy sinh trong tay đồng đội.

Đúng vào đêm Nôn (24-12-1950) vào lúc 22 giờ, khi mọi việc chuẩn bị đã xong, trung đoàn ra lệnh nổ súng. Bốn khẩu 75 ly thi nhau nhả đạn nhằm vào các lô cốt. Sau hơn 40 phút công phá, các hỏa điểm của địch vẫn bắn ra rất mạnh. Quân ta không thể nào mở được đột phá khẩu. Cơ số đạn pháo chỉ còn một nửa. Anh Mân và tôi hội ý chớp nhoáng, nếu cứ tiếp tục bắn thì trong vòng ba mươi phút, đạn pháo sẽ hết nhẵn. Chúng tôi thống nhất đình chỉ việc pháo kích, cho bộ đội tạm rút ra chỗ khuất nghỉ ngơi.

Sáng 25 tháng 12, lúc sương sớm vừa tan dần ; mục tiêu lộ rõ. Qua ống nhòm, đồn xuất hiện gần như không sút mẻ. Té ra trong đêm tối, pháo của ta ước lượng cự ly sai nên bắn trượt hết ra ngoài. Theo lệnh của trung đoàn, cuộc tiến công lại tiếp tục. Tiểu đoàn 249 cho Đại đội 315 và 316 mở được cửa vào đồn nhưng không phát triển được. Địch chống trả rất ngoan cố. Mũi thứ ba, Tiểu đoàn 251 vẫn nằm ngoài rào, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu An đề nghị trung đoàn cho diệt hỏa điểm số 1. Tiểu đoàn trưởng pháo báo cáo đạn pháo chỉ còn 3 viên, trong ấy một viên bị móp vỏ, bắn sẽ nguy hiểm. Cuộc chiến đấu trở nên quyết liệt, vô cùng căng thẳng. Thắng hay bại gần như treo trên đầu sợi tóc. Tôi suy nghĩ rất lung, chợt nảy ra ý nghĩ phải đưa pháo vào gần hơn nữa, bắn thật chính xác, may ra

mới chuyển bại thành thắng, đồng chí Sáu Nhật hưởng ứng ngay ý kiến và đề nghị cho tự mình xuống sát đồn, tìm vị trí. Một lúc sau, Sáu Nhật báo cáo, có thể lợi dụng dãy nhà trại con gái (vợ lính) phá thông tường, tiến sát lô cốt chính cách đồn 30m, chỉ cần khoét một lỗ ở mảng tường con kiến, nhằm thẳng vào lỗ châu mai của lô cốt số 1 mà bắn. Quả nhiên, chỉ một phát đạn chúng tôi đã đánh gục địch, xung kích xông lên, phối hợp hai mũi 51 và 249 diệt gọn đồn trong sự bàng hoàng kinh sợ của bọn giặc. Trong khi Tiểu đoàn 249 và Tiểu đoàn 251 đánh đồn Bình Liêu phố, thì Tiểu đoàn 255 trong đêm 25 tháng 12 đã diệt gọn đồn Bình Liêu (nơi mà quân của đồn Hoàn Mô rút về) nằm trên một mỏm cao án ngữ cả cánh đồng và khu phố huyện. Khi vào chiếm đồn Bình Liêu phố, giữa cảnh tan hoang đổ nát, còn thấy nguyên một bàn tiệc bày sẵn để đón mừng Nô-en: những ngọn nến cháy đỏ, cảnh thông trang trí rực rỡ, rượu mạnh, bánh kẹo, lợn sữa, gà quay ... Bọn địch không ngờ ở nơi kiên cố, hẻo lánh, gần như bất khả xâm phạm này, chúng nó phải đón đêm Nô-en khủng khiếp này.

Vào khoảng 15 giờ ngày 25 tháng 12 năm 1950, ta hoàn toàn làm chủ chiến trường, bắt sống tên quan ba Clen-sơ chỉ huy Bình Liêu, tên quan hai Cốt-man chỉ huy Hoàn Mô, thu toàn bộ vũ khí trong đó có một khẩu cối 120 ly. Hai máy bay Hen-cát từ Hà nội đến, bị cao xạ của trung đoàn bắn đuổi, một Đa-cô-ta đến thả 20 dù tiếp tế đều rơi vào tay quân ta.

Ở mặt trận phụ, quân chiếm đóng Đình Lập hoảng sợ, rút chạy, bị tiểu đoàn 888 địa phương Lạng Sơn và đại đội địa phương Hải Chi, Đình Lập của tỉnh Hải Ninh do Minh Tuấn và Hùng Cường chỉ

huy phục kích trên Đường số 4, giữa Đình Lập và Tiên Yên đánh cho tơi tả.

Sau một đêm, một ngày chiến đấu căng thẳng, mặc dù mệt mỏi, nhưng nhiệm vụ chưa cho phép xả hơi. Tiểu đoàn 249 giữ đồn và khu phố. Tiểu đoàn 251 chuyển sang phục kích trên đường Bình Liêu - Tiên Yên cách phố 1 km, phối hợp với Trung đoàn 98 đợi đánh quân viện. Quả như đã dự kiến, vào khoảng 15 giờ, một tiểu đoàn địch xuất hiện. Chúng hành quân theo đội hình chiến đấu, tiến từng bước rất thận trọng. Tốp đầu của chúng vừa lọt vào phố Bình Liêu, Tiểu đoàn 249 được lệnh nổ súng chặn đầu, Tiểu đoàn 251 được lệnh xuất kích. Địch như ong vỡ tổ, chống cự rất yếu ớt, vứt súng đạn, quân dụng đầy đường, mạnh dứa nào đưa ấy tẩu thoát vào rừng, một số lớn đều tội hoặc đầu hàng. Trung đoàn 98 chặn hậu vì xuất kích chậm nên không tóm gọn hết toán viện binh.

Một trận đánh đã diễn ra đẹp về chiến dịch và chiến thuật. Nhìn lại, chúng tôi đã điểm đúng huyết. Quân Hoành Mô rút về để củng cố cho Bình Liêu, cả hai đều bị diệt gọn, bắt sống cả hai đồn trưởng. Điểm đúng huyết Bình Liêu đã gây một chấn động, tạo điều kiện cho ta đánh tan tác quân rút lui của Đình Lập, cũng như viện binh từ Tiên Yên lên.

Một số đồn bốt nhỏ, nổi tiếng là ngoan cố gian ác và khó đánh như Phong Dụ, Đồng Và thuộc Tiên Yên, Chúc Bái Sơn ở Bắc Hà Cối, Pò Hèn, Thán Phún ở Bắc Móng Cái đều rút chạy.

Tỉnh Hải Ninh trước đây gần như bị chiếm đóng toàn bộ, nay đã có một vùng giải phóng rộng lớn. Đồng chí Nguyễn Xuân Trúc, Chủ tịch tỉnh, đồng chí Dương Tường lúc ấy là Phó bí thư huyện ủy Bình

Liêu, nói với tôi: “Đồn Bình Liêu rất kiên cố, thế mà các đồng chí đã tiêu diệt gọn. Nhân dân huyện Bình Liêu và tỉnh Hải Ninh chúng tôi vô cùng phấn khởi. Các cơ quan của tỉnh lâu nay phải ở nhờ đất bạn - (Na Dương, Đông Hưng) nay tỉnh đã có địa bàn rộng lớn không còn phải sống lưu vong vất vả nữa ... Cám ơn các đồng chí lắm lắm ...”

Đồng chí Dương Tường là cán bộ người Cao Bằng, lúc đó được phái xuống tăng cường cho huyện ủy Bình Liêu. Nay đồng chí là Trung ương ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.

Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn, trước cảm xúc của những ngày chiến thắng huy hoàng, đã ghi lại lời ca :

"Bình Liêu, đồn giặc đây ...

Giờ còn đâu lũ giặc hung tàn

Bình Liêu ... vang tiếng quân ca ...

Trung đoàn chuẩn bị xuôi xuống sát vùng biển thì có tin địch ở Tiên Yên, Đầm Hà, Hà Cối rục rịch, chuẩn bị rút chạy ra biển. Cái khu tự trị Nùng mà bọn thực dân Pháp dày công xây dựng với Trung đoàn Vàng A Xáng gần như tan ra mây khói. Mọi việc đang tiến hành, thì Trung đoàn nhận được lệnh của Bộ Tổng chỉ huy: 174 rời Đường số 4, chuyển qua Đường số 18, phối hợp tác chiến trên một chiến trường mới.

Vậy là sau 3 năm, kể từ cuối năm 1947 đến cuối năm 1950, con Đường số 4, từ Tiên Yên, Khe Tù lên Cao Bằng đã sạch bóng quân thù. Đường số 13 từ Đình Lập đến Lục Nam cũng không còn một tên giặc. Cùng với các đơn vị bạn, với nhân dân tỉnh Cao Bằng, Lạng

Sơn, Hải Ninh, chúng tôi đã cơ bản làm tròn nhiệm vụ chặt đứt Đường số 4 mà Bộ Tổng Tư Lệnh đề ra từ chiến dịch Thu Đông 1947 cái tên “Đường thuộc địa số 4 (RC4)”^[28] mà bọn thực dân Pháp ngạo nghễ đặt ra thì nay đã trở thành Đường số 4 vĩnh viễn là của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

CẢM NGHĨ THEO DÒNG HỒI TƯỞNG THAY LỜI KẾT LUẬN

Ba mươi nhăm năm qua, đất nước ta đã điểm tô nhiều trang sử vẻ vang trong những dấu son tươi thắm. Từ chiến dịch Biên giới 1950 đến Điện Biên 1954 và chiến thắng trọn vẹn 30 tháng 4 năm 1975.

Riêng tôi, cứ mỗi lần nhớ đến chiến thắng lịch sử của mùa chiến dịch tiến công Biên giới, tâm hồn tôi lại dâng trào niềm xúc động mạnh mẽ, với hình ảnh rộn rã, tưng bừng của cả một vùng rộng lớn núi rừng, thôn bản miền Cao - Bắc - Lạng.

Hễ mỗi lần có dịp đi công tác trên Biên giới, dọc theo con Đường số 4 lịch sử, tôi lại cảm hoài nhớ đến những cán bộ và chiến sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp cao cả, giải phóng đất nước, bản làng khỏi tay bọn xâm lược. Tôi thường rất vui mừng gặp lại các cán bộ cũ của trung đoàn. Có đồng chí cao tuổi được nghỉ hưu ở quê nhà. Có nhiều đồng chí vẫn làm việc với các cương vị khác nhau, người ở quân đội, người đã chuyển ngành và hầu hết đã thành đạt. Có đồng chí là cấp tướng, là quân đoàn trưởng, có đồng chí giữ cương vị cao trên Bộ Tổng tham mưu, có đồng chí là sư đoàn trưởng và đang trấn ải trên vùng Biên giới. Thật rất xúc động khi nắm tay các đồng chí ôn lại một thời trai trẻ đã qua. Đây là Nguyễn Hữu An, là Trần Sơn, Nguyễn Châu, Đoàn Độ, Nông Ngọc Cận, Hải Bằng, La Văn Cầu ... Những con người rắn rỏi kiên trinh phục vụ quân đội, những người đã cùng chúng tôi, người lính 174 "bát cơm xẻ nửa, chăn xui đắp cùng".

Từ năm 1953, tôi rời Mặt trận rồi đến năm 1960, tôi chuyển ngành nhận nhiệm vụ khác, không ở quân đội nữa. Năm 1975, qua đài, báo tôi theo dõi chiến dịch lịch sử đại thắng mùa xuân từ lúc mở đầu chiến dịch Buôn Mê Thuật cho tới ngày 30 tháng 4, giải phóng Sài Gòn. Nhớ lại thuở trai trẻ ở biên giới Cao - Lạng, bỗng nhiên tôi có cảm giác thật kỳ lạ, cứ như là lịch sử lặp lại vậy. Chiến dịch Biên giới, đòn đánh mở đầu ở Đông Khê đã điểm trúng vào đại huyệt của địch, khiến chúng vỡ bung thế trận, hoang mang, lúng túng rơi vào tình trạng suy sụp, rơi từ sai lầm này đến sai lầm khác, để rồi gánh chịu cái kết quả bi thảm là bỏ tuột một vùng lớn đất đai, rút chạy từ Cao Bằng xuống đến Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, Tiên Yên, cả chiều ngang từ Đình Lập đến Lục Nam. Vẫn chưa yên cơn choáng váng, chiến dịch kết thúc rồi mà vẫn hoảng hốt, chúng vội rút cả Hoà Bình, Lao Cai, mở cho ta cái hành lang xuyên suốt từ Việt Bắc thông vào cửa ngõ Khu 3, tuột vào Khu 4, nối với chiến trường Trung Bộ.

Cũng giống như thế ! Năm 1975, chỉ một đòn tiến công Buôn Mê Thuật, đòn điểm trúng huyệt khiến địch hoảng sợ, tan vỡ, vội vã tùy nghi di tản. Sự hoảng loạn của cái "tùy nghi di tản" vô tổ chức này, đã như một phản ứng dây chuyền, nghiền nát luôn cái ý định co cụm và cứ thế lùi dần, rơi vào tuyệt vọng.

Ở chiến dịch Biên Giới, sau Đông Khê, chúng tôi được lệnh chớp thời cơ, nỗ lực tiến công lần tới. Năm 1975, khi địch tan vỡ ở Huế, Đà Nẵng, những lời giục giã của trên "Thần tốc ! Thần tốc !" đã đẩy bước chân của bộ đội ta thần tốc tiến nhanh, tiến mạnh tới toàn thắng.

Có khác chăng là ở quy mô chiến trận và lực lượng ta đã hùng hậu, đủ sức thực hiện nhiệm vụ khi thời cơ xuất hiện hồi năm 1975.

Năm 1950 xưa, giá như ngày đó ta chỉ cần có thêm vài sư đoàn, hẳn sức lấn tới chắc còn có hiệu quả lớn lao hơn, chiến dịch Biên giới sẽ thắng to hơn. Bản thân bọn Pháp đã phải nghĩ đến một kế hoạch phòng ngự từ miền Trung vào kia mà.

Biết bao nhiêu quyển sách của chính người Pháp, từ tướng tá đến nhà văn, nhà báo, khi nói đến thất bại Biên giới trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của họ đều chung một ý: “Thất bại ở chiến dịch Biên giới là tiền đề dẫn tới thảm bại Điện Biên Phủ”. Tôi nghĩ rằng người Mỹ, kẻ theo chân Pháp đến Việt Nam và cũng bỏ chạy như Pháp hẳn sẽ nghĩ tiếp và cũng từ thảm bại Điện Biên Phủ dẫn tới Sài Gòn sụp đổ 30 tháng 4 năm 1975.

Thêm một sự trùng hợp thật kỳ lạ. Hồi đánh Đông Khê, 35 năm trước kia, Trung đoàn 174 chúng tôi đã được trên giao trách nhiệm là đơn vị chủ công đánh vào hướng chính của trận mở màn chiến dịch. Thế rồi năm 1975, lại chính Trung đoàn 174 trong đội hình của Sư đoàn 316, đã vinh dự là một mũi quan trọng đột phá vào Buôn Mê Thuột ngày 10 tháng 3 năm 1975 mở màn cho chiến thắng lịch sử chiến dịch Hồ Chí Minh, đánh cho ngụy nhào, giải phóng trọn vẹn đất nước sau 30 năm dài bị chia cắt.

Gần đây, lên Lạng Sơn, ngồi ngắm phong cảnh vườn hoa Đắc Lắc, tôi lại thêm một cảm nghĩ: năm 1950, quả đấm quyết định cho bước chuyển biến mạnh của cuộc kháng chiến chống Pháp là ở địa điểm Đông Khê, vùng núi rừng Biên giới. Năm 1975, lại chính là

Buôn Mê Thuột, cũng là một vùng rừng núi Trường Sơn. Người Ba Na, Ê Đê, Mơ Nông của núi rừng Tây Nguyên cũng cùng một ý chí kiên trung theo cách mạng, một tấm lòng trung thành với Bác Hồ như người Tày, người Nùng, người Dao, người H'Mông của núi rừng Việt Bắc. Hai tình kết nghĩa thật rất thú vị !

Còn tôi, tuy không sinh ra ở Cao - Bắc - Lạng, nhưng cuộc đời chiến đấu của tôi gắn bó với Cao - Bắc - Lạng, với con Đường số 4 từ tuổi thanh niên, vào lúc khởi đầu cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp, đã khiến tôi cảm nhận niềm vinh dự được coi mình cũng là người con thân thương của miền Cao - Bắc - Lạng.

Bởi lẽ, chiến trường mặt trận Đường số 4, từ cuộc sống khăng khít của Trung đoàn 174 chúng tôi, với mảnh đất hùng vĩ thân yêu Biên giới, với sự chăm sóc, dìu dắt, chăm lo của tỉnh ủy, chính quyền, đoàn thể và hết thầy bà con dân bản, mà Trung đoàn 174 đã từng bước trưởng thành từ cái nôi vô vàn ân nghĩa đó.

Viết những trang hồi ký Đường số 4 - con đường lửa này, những mong bộc bạch, thổ lộ mối tình cảm sâu nặng nhất, những kỷ niệm đẹp đẽ nhất trong cuộc đời chiến đấu của người cán bộ trong đội hình Trung đoàn 174, đưa con đầu lòng của lực lượng vũ trang Cao - Bắc - Lạng thời chống Pháp.

Với tôi, xứ Lạng và nước non Cao Bằng cũng như chiến khu Việt Bắc khắc vào tim tôi nhiều kỷ niệm đẹp, mãi mãi không quên. Mãi mãi cảnh sắc, tình người Cao - Bắc - Lạng rất xứng đáng là miền đất địa đầu, kiên trinh, son sắt và cũng rất kỳ diệu của Tổ Quốc Việt Nam chúng ta.

LƯỢC TRÍCH MỘT SỐ Ý KIẾN CỦA ĐỘC GIẢ VỀ “ĐƯỜNG SỐ 4 RỰC LỬA”

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - Giám đốc Học viện quân sự cao cấp - Viện trưởng Viện chiến lược quân đội nhân dân Việt Nam

Hồi ký viết tốt... Nêu nhiều sự kiện và nhân vật tốt... Mỗi quan hệ quân dân, đồng đội, nhất là đối với đồng bào thiếu số, nói về nghệ thuật đánh giao thông, công kiên tốt ... Tính văn học tốt, không khô khan, hấp dẫn... Nói lên được nhiều vấn đề về quân sự, về chính trị, về văn học... Sách có tác dụng giáo dục thế hệ trẻ noi theo và phát triển truyền thống tốt đẹp của ông cha... là một bạn chiến đấu cũ của anh Đặng Văn Việt, tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn hồi ký quan trọng này.

Trung tướng Doãn Tuế - Nguyên tư lệnh binh chủng pháo binh - tổng tham mưu phó

Tôi đã vinh dự được phối thuộc, dưới sự chỉ huy của đồng chí Đặng Văn Việt trong nhiều trận... tôi có ấn tượng sâu sắc là trên một đoạn đường địch bị đánh đi đánh lại nhiều lần, tìm trăm phương nghìn kế để phòng tránh, nhưng vẫn bị đánh thua, càng về sau càng thua đậm... Do đấy, thắng bại, chủ yếu là chí thông minh, lòng dũng cảm của quân dân ta, của người chỉ huy, quyết định. Tôi xin giới thiệu cuốn sách với lòng trân trọng.

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện - nguyên Giám đốc Nhà xuất bản ngoại văn

... Một trận đánh quan trọng có tính quyết định chiến lược thời chống Pháp ... chính xác về quân sự. Hấp dẫn về văn học... Anh cựu sinh viên y khoa đã thực hiện nhiệm vụ một cách xuất sắc. Không gì vui bằng ôn lại những trận đánh oanh liệt trên mặt trận đường số 4, mà chính người chỉ huy chiến trường thuật lại ... Anh nắm rất chắc chiến lược, chiến thuật, tình tiết từng trận đánh... Anh là trung đoàn trưởng xuất sắc trong 5 trung đoàn trưởng chủ lực đầu tiên của quân đội ta... lời văn gọn, mạch lạc, không thừa không lên gân.

Phan Huy Lê - Giáo sư sử học Đại học tổng hợp - Chủ tịch Hội sử học

Tôi đã đọc hứng thú một mạch, hai đêm liền cuốn hồi ký của anh Đặng Văn Việt, người xem bị lôi cuốn từ đầu đến cuối. Là một trí thức yêu nước, sôi nổi, sớm giác ngộ, xếp bút nghiên... trở thành người cán bộ nghiên cứu của Bộ tổng tham mưu, một người trung đoàn trưởng, một chỉ huy quân sự nổi tiếng với danh hiệu "vua đường số 4" - "Hùm Xám đường số 4".

Dương Công Hoạt - nguyên Bí thư tỉnh ủy Cao Bằng, nguyên phó Ban dân vận trung ương

Tôi nghĩ tài liệu này không những có giá trị góp phần vào kho tàng lịch sử chiến đấu của dân tộc Việt Nam mà còn góp phần bổ ích cho bất cứ dân tộc nào trên trái đất, hiện đang phải chiến đấu để tự giải phóng mình, để mưu cầu độc lập tự do...

Vũ Song - Thứ trưởng - nguyên Đại sứ Việt Nam ở Argentina, Tiệp Khắc - Đã làm công tác ngoại giao ở 42 nước

Sách viết dưới dạng hồi ký, cho phép tác giả tái tạo lịch sử dưới dạng văn học sử...qua 35 năm, Anh nói lên sự việc như mới ngày hôm qua. Tuổi anh đã nhiều nhưng tâm hồn lại rất trẻ...trí nhớ anh thật là tốt... Nội dung hấp dẫn, sôi nổi, sâu sắc...Việc anh làm trên đường số 4 đã lớn nhưng việc anh viết lại giai đoạn lịch sử này còn giá trị lớn hơn... Trên thế giới hiện nay có 180 nước vào Liên hợp quốc. Từ nghị quyết của Liên hợp quốc về xoá bỏ chế độ thực dân cũ, nhiều nước được độc lập, nhưng thực tế chỉ có chừng 40 nước có độc lập thực sự, trên 100 nước bị rơi vào chế độ thực dân mới, họ bị đô hộ qua tay sai, họ còn phải đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế yếu đánh mạnh. Đấu tranh nghị trường, đấu tranh ngoại giao, không ăn thua, họ phải đấu tranh vũ trang. Những kinh nghiệm của Việt Nam trong đấu tranh chống Pháp, chống Mỹ, còn mới nguyên đối với họ. Sách này đáp lại một số yêu cầu ấy, có qua châu Phi, châu Mỹ mới thấy vấn đề sôi sục lắm, sách in ra là trúng. Phạm vi phục vụ của nó sẽ lớn, sách đưa ra quốc tế sẽ là một đóng góp lớn.

Tôi nghĩ và cho rằng đây là một thành công, một việc rất có ý nghĩa.

Tôn Thất Hoàng - một bạn thân từ hồi còn tấm bé

Cám ơn Việt đã làm sống lại trong bạn bè, những tình cảm, những kỷ niệm thời trai trẻ cách đây 40 năm. Phương châm mà bạn đã dùng: "Chuẩn bị thật chu đáo, đánh nhanh giải quyết nhanh, đánh chắc, thắng chắc, đánh là tiêu diệt gọn". Có lẽ đây cũng là bài thuốc chống bệnh đánh liều, thắng bằng bất cứ giá nào.

Nhiều người có tiếng tăm khen hồi ký này. Tôi cũng có lời khen, hơi khác họ chủ yếu là về tình người: Quý đồng đội, quý người dân Cao - Bắc - Lạng, quý trọng xương máu đồng đội, quý trọng đất nước, sâu đậm qua việc làm và suy nghĩ thấu đáo. Nửa cái hay do điều đó. Nửa cái kia là hay về quân sự.

Tuổi chúng mình bây giờ cái gì quý nhất ? Vẫn là tình người, tiếc thay không phải ai cũng hiểu điều này. Tất cả mọi sự vất vả của ngày nay cũng chính vì mất tình người, mong hồi ký của bạn làm sáng tỏ vấn đề này.

Thanh Tịnh - một nhà thơ lớn

Chiến công vang dội đỏ rừng xanh

Bản động ê a trẻ học hành

Danh hiệu đại vương đường số 4

Lòng dân biên giới tặng công anh

Bốn chục năm sau nay mới gặp

Đầu vườn khóm trúc gió đung đưa

Với giọng bồi hồi anh kể lại

Bao người bao cảnh chiến trường xưa.

Rằm trung thu 87

Nguyễn Ngọc Trâm

ÂM THANH

*Xin thở than với anh đôi lần
Xem ra anh viết có tài
Vừa tài quân sự vừa tài nhớ dai
suốt đường số 4 chạy dài
non nửa thế kỷ nhớ hoài không quên
Nhớ từng chiến dịch, từng tên
Nhớ từng đồng chí, nhớ luôn cả thù
Đạt dào tình cảm chiến khu
Cao Bắc Hải Lạng ngàn thu nhớ hoài
Địch thua sút trán mé tai
Quan to quan nhỏ chạy dài thua đau
Phục kích đột trước phủ đầu
Địch chạy thực mạng đột sau nặng đòn
Quân dân thắng lợi hoàn toàn
Cao Bắc Hải Lạng sử vàng nêu danh
Chắc rằng không thiếu tên anh
Thấm tình nghĩa nặng trưởng thành nơi đây.*

7- 4-1987

Nghiêm Đa Văn

Hồi kí quân sự, hồi kí chiến tranh là một thể loại văn học đặc biệt, một thể loại lịch sử đặc biệt, được sự quan tâm sâu sắc và rộng rãi của nhiều tầng lớp độc giả, có tác dụng sâu rộng trong sự nghiệp giáo dục truyền thống.

Các tướng lĩnh của quân đội nhân dân Việt Nam có một đặc điểm là rất ít viết hồi kí vì nhiều lí do khác nhau, vì thế cuốn hồi kí của trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt cho đến nay là một cuốn hồi kí quý giá và hiếm hoi của tủ sách hồi kí chiến tranh Việt Nam. Bằng một bút pháp chân thật, mộc mạc, trung thực đến từng chi tiết nhỏ nhất, tác giả đã làm sống lại cuộc chiến đấu khốc liệt, hào hùng suốt một nghìn ngày đêm trên con đường rực lửa. Dưới ngòi bút ấy từng trận đánh được mô tả xác thực, chuẩn mực như những đường ngắm cơ bản trên đầu súng.

Tác giả đã làm được một công việc phi thường là giải thích rành rẽ đầy sức thuyết phục một vấn đề mà trong nhiều thập kỉ rất nhiều người không hiểu được. Vấn đề đó là tại sao, và bằng cách nào, một đạo quân cách mạng còn non trẻ, thiếu kiến thức quân sự, thiếu trang bị kĩ thuật, thiếu vũ khí đạn dược, thậm chí thiếu cả lương thực để tồn tại ... lại thắng được một đạo quân viễn chinh nhà nghề đông đảo được trang bị đến tận chân răng, trình độ thiện chiến đạt đến mức siêu đẳng, trang bị vũ khí hiện đại, tối tân, đạn dược đầy đủ, hậu cần vô tận ...

Nhìn lại con đường lửa của cuộc chiến một nửa thế kỉ qua bằng thái độ nghiêm túc và độ lượng, chính là mở ra con đường mới đi đến một nền hòa bình hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau, tin cậy nhau ...

TRÍCH THƯ CỦA MỘT SĨ CỰU CHIẾN BINH PHÁP GỬI CHO TÁC GIẢ ĐẶNG VĂN VIỆT

Jean Cornauoult - quan tư - trung uý cũ của 1^{er} BEP.

1. Je me réjouis, qu'après d'un demi siècle, nous puissions entrer en contact et parler en amis. En effet, les liens qui unissent nos deux peuples sont forts, et toutes les occasions de les concrétiser sont bonnes.

2. Je dois vous dire que je n'ai jamais oublié ce jeune officier, et notre conversation cordiale pendant le repas. S'il est encore en vie, et qu'il se souvienne du jeune lieutenant du 1^{er} BEP, blessé à la cuisse, qu'il a capturé c'est avec beau coup de plaisir qu'à mon tour, je l'inviterai à dîner.

3. Je dois vous dire que j'ai toujours eu de la sympathie pour le VN et les Vietnamiens, Comme tous les français en général, je vous précise que dans nos réunions d'officiers anciens du VN, je n'ai jamais entendu de paroles déplaisantes au sujet de votre armée - et réunir les anciens combattants des deux cotés ne poserait pas de problèmes.

4. J'ai beaucoup apprécié votre livre qui m'a beaucoup appris sur les conditions difficiles que vous avez connues Ce qui ne fait qu'augmenter votre mérite.

5. Pendant notre séjour au VN, nous avons vraiment apprécié partout la chaleur de l'accueil et la possibilité qui nous a été

données de circuler partout sans aucune surveillance policière et en tout liberté.

DỊCH RA TIẾNG VIỆT

1. Tôi lấy làm vui mừng là sau 1/2 thế kỉ chúng ta có thể gặp nhau và nói chuyện như những người bạn. Có thể nói những mối dây nối liền hai dân tộc chúng ta là rất vững chắc, bởi vậy những cơ hội để nối lại cụ thể những mối liên hệ ấy đều là rất tốt.

2. Tôi có thể nói là tôi không bao giờ quên được người sĩ quan trẻ ấy, và những phút nói chuyện thân mật trong bữa ăn - nếu ông ấy còn sống, và còn nhớ đến - người trung úy trẻ của tiểu đoàn dù (1er BEP) bị thương ở đùi mà ông đã bắt được, tôi sẽ hết sức vui lòng đến lượt tôi, được mời ông ấy một bữa cơm.

3. Tôi muốn nói với ngài, là tôi luôn có cảm tình với nước Việt Nam và người Việt Nam. Cũng như hầu hết những người Pháp, tôi cũng có thể nói với ngài là trong những cuộc họp cựu chiến binh ở Việt Nam về không bao giờ tôi được nghe những lời phàn nàn về quân đội của các ngài do đó việc nối lại quan hệ giữa CCB của 2 nước không có gì là khó khăn.

4. Tôi đánh giá rất cao cuốn sách của ngài - Nó cho tôi biết những điều kiện khó khăn mà ngài đã phải gặp - những điều ấy chỉ làm tăng thêm giá trị của ngài.

5. Trong thời gian ở Việt Nam, chúng tôi ở đâu cũng nhận được sự đón tiếp nồng hậu, ở đâu chúng tôi cũng được tạo những điều kiện dễ dàng trong việc đi lại rất thoải mái tự do, không bị công an kiểm soát.

Đại tá L. Stein (CCB trên ĐS4)

1. L'histoire a tourné les pages - Il est temps que les anciens combattants des deux côtes adverses, ceux qui ont observé honnêtement les lois internationales sur les blessés et les prisonniers de guerre, ceux là peuvent maintenant, après un demi siècle de paix, se rencontrer, s'entretenir sans haine et sans rancune.

2. Nous, combattants français, nous vous situons bien parfaitement. Nous nous accordons tous à dire que, vous étiez un combattant loyal et chevaleresque, mais, mais terriblement rusé et astucieux.

DỊCH RA TIẾNG VIỆT

1. Lịch sử đã sang trang, đã đến lúc những cựu chiến binh của đôi bên đối địch, những người đã tuân thủ thi hành, luật quốc tế đối với thương binh và tù binh chiến tranh, những người ấy, sau 1/2 thế kỉ chiến tranh đã trôi qua, có thể gặp nhau, nói chuyện với nhau, không mặc cảm không hận thù.

2. Chúng tôi, những CCB Pháp, chúng tôi đánh giá ngài rất đúng đắn, tất cả chúng tôi đều thống nhất nhận định rằng ngài là một CCB thẳng thắn, đầy tính trượng phu, nhưng khôn ngoan, chịu khó và mưu trí một cách khủng khiếp.

Đại tướng Albert Charles Mayer, Phó chủ tịch liên hiệp Hội CCB châu Âu gửi CCB Việt Nam qua Đại tá Đặng Văn Việt.

1. Pour nous tous, français et Vietnamiens, qui nous sommes affrontés loyalement, voici près de 50 ans, en combats fratricides.

- *Le Vietnam pour son indépendance*
- *La France pour la sauvegarde des valeurs souvent partagées dont elle est toujours porteuse.*

Le temps est de repenser nos relations de tous ordres et dans toutes les domaines.

2. La France, elle n'a jamais été saisie du trouble d'un quelconque "syndrome Vietnamien".

La France a toujours su qu'avec le VN, elle vivait un simple hiatus de l'histoire.

C'est à dire qu'il n'y a pas d'antinomie à ce que nos rapports soient fondés sur une complémentarité, une communauté d'intérêt à la hauteur des affinités profondes, mystérieuses et séculaires, dont sont prénétés nos deux peuples.

A nous, ensemble d'approfondir et de développer ces potentialités ...

DỊCH RA TIẾNG VIỆT

1. Tất cả chúng ta, người Pháp và người Việt Nam, cách đây 50 năm, đã chạm trán nhau, trong 1 cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

- *Nước Việt Nam chiến đấu cho nền độc lập của mình.*
- *Nước Pháp để cứu vãn những quyền lợi cùng chung hưởng, mà một thời đã được chia sẻ ...*

Giờ đây, đã đến lúc chúng ta hãy nhớ lại những quan hệ về mọi mặt và mọi lĩnh vực.

2. Nước Pháp chưa bao giờ phải chịu một "hội chứng về Việt Nam". Bởi lẽ, nước Pháp coi cuộc chiến tranh Việt Nam chỉ là một gián đoạn ngắn trong lịch sử giữa 2 nước.

Có nghĩa là không có sự .. đối với các quan hệ của chúng ta, những quan hệ này dựa trên sự cộng đồng bổ sung cho nhau, sự chung hướng về quyền lợi ở ngang tầm tế nhị, sâu sắc, có khi cả bí hiểm, qua cả thế kỷ mà cả hai dân tộc chúng ta đã từng trải qua.

Đã đến lúc chúng ta hãy khai thác và phát triển những tiềm năng ấy.

"Đệ tứ quốc lộ đại vương" là tên dùng để gọi Trung đoàn trưởng Đặng Văn Việt. Vị "đại vương" lúc đó mới hơn hai mươi tuổi, vốn là sinh viên y khoa trở thành người chỉ huy quân sự.

Vì sao trung đoàn có thể, đánh nhiều trận trên một đoạn đường mà trận nào cũng thắng ? Trận sau thắng lớn hơn trận trước ? Định thua đau hơn trận trước ?...

Lần đầu tiên chúng ta được biết những điều bí mật của người chỉ huy trên Đường số 4. Có những chuyện chưa một lần công bố trên báo chí. Đó là những trận đánh quân Tàu Tưởng ở đất Trung Quốc theo yêu cầu của những người Cộng sản Trung Hoa. Đó là những trận tiêu diệt hàng vạn tàn quân của tướng Bạch Sùng Hy. Đó là Bác Hồ của chúng ta ra trận, cuộc tiếp xúc của Bác Hồ với các tù binh sĩ quan Pháp. Đó là bức ảnh lịch sử có một không hai khi Bác ở đài quan sát trận Đông Khê trong chiến dịch Biên giới 1950. Tất cả đã diễn ra như thế nào? ĐƯỜNG SỐ 4 RỰC LỬA của Đặng Văn Việt sẽ

đưa chúng ta trở lại cuộc sống sôi động, gian khổ, quyết liệt ở một mảnh đất hào hùng và thơ mộng của thời chống Pháp.

[1] Anh Văn là bí danh của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Đại tướng Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

[2] Anh Đào Văn Trường lúc ấy làm Trưởng phòng tác chiến của Bộ tổng tham mưu - chưa có Cục Tác chiến. Sau này có lúc làm Tổng tham mưu phó.

[3] Nguyễn Thế Lương tức Cao Pha, lúc ấy là Trưởng ban II, Bộ Tổng tham mưu. Sau này là thiếu tướng, Cục phó cục II, Viện phó Viện Lịch sử quân sự.

[4] Trần Sơn sau là Thiếu tướng Cục trưởng Cục quản lí kĩ thuật, Bộ Tổng tham mưu.

[5] Cần thận mìn.

[6] Súng Mút-cơ-tông, không đáng sợ.

[7] Anh Hà Kế Tấn lúc ấy là Khu uỷ viên Khu 1. Sau kháng chiến chống Pháp, có lúc làm Bộ trưởng Bộ Thủy lợi.

[8] Intendant: Hậu cần

[9] Prisonnier militaire du Tonkin (tù binh Bắc Kỳ).

[10] Anh Lê Hiến Mai tên thực là Dương Quốc Chính, hồi ấy là chính uỷ Quân khu I. Sau hoà bình, có lúc là Bộ trưởng Bộ Thương binh xã hội. Anh có hàm răng vẩu nổi tiếng nên anh em đặt tên cho là Lê Mái Hiên. Anh xin đổi là Lê Hiến Mai.

[11] Nay là Giáo sư. Thiếu tướng. Phó Chủ nhiệm Tổng cục hậu cần.

[12] Bác sĩ Nguyễn Thúc Mậu, lúc ấy làm Trưởng ban Quân y Trung đoàn 28 Lạng sơn. Sau kháng chiến chống Pháp là Thiếu tướng. Hiệu trưởng Trường Đại học Quân Y.

[13] Les Việt prennent absolument les initiatives des opérations sur la RC4 - (3) Dangereux

[14] Anh Chu Huy Mân hồi hoạt động bí mật ở Quảng Ngãi phải giả danh là người bán kẹo lạc, nên cũng lấy bí danh là Lạc. Trong chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ có nhiều cống hiến được phong Đại tướng. Ủy viên Bộ Chính trị. Chủ nhiệm Tổng cục chính trị. Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

[15] Tháng 5 - 1990 nhân dịp sang công tác Việt Nam, xét công lao và sự cống hiến trong chiến tranh, cũng như 30 năm trong hoà bình Nhà nước Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tặng thưởng anh Iwai hai huân chương: Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng hai.

[16] Anh Lê Hoàn, hồi ấy là đại đội trưởng, sau là tiểu đoàn trưởng, rồi trung đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, quân khu phó. Anh là một cán bộ kiên cường, dày dạn, liên tục chiến đấu trên các chiến trường Bắc, Nam, Lào, Cam-pu-chia.

[17] Anh Nguyễn Hữu An lúc ấy là quyền tiểu đoàn trưởng sau này làm trung đoàn trưởng trung đoàn 174 thay tôi, đã phát huy được truyền thống chiến đấu của trung đoàn, lập được nhiều chiến

công. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, làm quân đoàn trưởng quân đoàn 2, một mũi đánh vào Sài Gòn, nay là Thượng tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, có lúc làm Phó tổng thanh tra quân đội, có lúc là Tư lệnh quân khu 2. Hiệu trưởng Học viện quân sự Đà Lạt.

[18] Sécurité absolue - route est ouverte - ordre du départ

[19] Mosuqueton, pas peur: súng trường, không sợ

[20] Đường đã mở.

[21] Anh Hoàng Văn Kiêu cùng quê với anh Hoàng Văn Thụ ở Thoát Lãng, lúc này là Bí thư Lạng Sơn, sau này làm Bí thư Khu ủy Tây Bắc, có lúc làm Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp.

[22] Dép bện bằng rơm, cỏ.

[23] Anh Hiếu Kính tức Nguyễn Văn Hiếu

[24] Anh La Văn Cầu: Tân binh, quê ở Trùng Khánh, Cao Bằng. Sau chiến công ở Đông Khê 2 anh được phong Anh hùng lá cờ đầu của quân đội nhân dân Việt Nam.

[25] Haut les mains: giơ tay lên.

[26] La xơ-mơ (La semeuse) là tên một đội bóng đá thời thuộc Pháp.

[27] Au revoir, "mê" victoire 174 (tạm biệt, mê thắng lợi của 174).

[28] RC4: Route coloniale no4